

CÔNG TY CỔ PHẦN  
BCG ENERGY  
BCG ENERGY JSC



Số/No.: 15/2024/CBTT-BGE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom – Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2024  
Ho Chi Minh City, July 24, 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/Tơ: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*

Tên tổ chức/*Organization name*: Công ty Cổ phần BCG Energy/ BCG Energy JSC

Mã chứng khoán/*Securities Symbol*: BGE

Địa chỉ trụ sở chính/*Address*: 27C Quốc Hương, P.Thảo Điền, TP.Thủ Đức, TP.HCM 127C  
Quoc Huong, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

Điện thoại/*Tel*: (84 28) 62 680 680

Fax: (84 28) 62 9911 88

Người thực hiện công bố thông tin/*Submitted by*: Ông (Mr.) Nguyễn Giang Nam

Chức vụ/*Position*: Phó Tổng Giám đốc/*Deputy General Director*

Loại thông tin công bố:  định kỳ  24h  bất thường  theo yêu cầu

*Information disclosure type*:  Periodic  24 hours  Irregular  On demand

Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure*:

Công ty Cổ phần BCG Energy công bố thông tin về “Bản Công bố thông tin về Tổ chức đăng ký giao dịch” ngày 17 tháng 07 năm 2024 và các Phụ lục liên quan.

*BCG Energy Joint Stock Company announces The Information Disclosure of Institutions Registering for Trading dated July 17, 2024 and relevant Appendices.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại website/*This information published on the Company website at <https://bcgenenergy.com.vn/>.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*



*Nơi nhận/ Recipients:*  
- Như trên/ As above;  
- Lưu: P. HTKD/P.  
QHĐT  
Archive BSD, IRD.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/  
INFORMATION DISCLOSURE

REPRESENTATIVE

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/

DEPUTY GENERAL DIRECTOR



NGUYEN GIANG NAM



# BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY



*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 06 năm 2017, thay đổi lần thứ 17 ngày 10 Tháng 04 năm 2024)*

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**  
Địa chỉ trụ sở chính : 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : 028 6268 0680 Fax: 028 6299 1188  
Website : <http://www.bcgenergy.com.vn>  
Vốn điều lệ đã góp : 7.300.000.000.000 đồng  
tại ngày 05/01/2024 *(Bằng chữ: Bảy nghìn ba trăm tỷ đồng)*

## **Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên : Ông Phạm Minh Tuấn  
Chức vụ : Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật  
Số điện thoại : 028 6268 0680

## MỤC LỤC

I.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT .....	7
II.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG .....	9
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty .....	9
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty .....	28
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....	28
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	39
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng .	40
6.	Hoạt động kinh doanh.....	45
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất .....	58
8.	Vị thế của công ty trong ngành.....	66
9.	Chính sách đối với người lao động.....	68
10.	Chính sách cổ tức.....	70
11.	Tình hình tài chính .....	71
12.	Tài sản thuộc sở hữu của Công ty .....	123
13.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2024 .....	125
14.	Báo cáo về kết quả xử lý, khắc phục đối với các dự án Điện mặt trời của BCG Energy theo kết luận Thanh tra Chính phủ tại Thông báo số 3116/TB-TTCP .....	128
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng .....	132
16.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	138
17.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty .....	139
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	140
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	140
2.	Ban kiểm soát.....	154
3.	Ban Tổng Giám đốc.....	163
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	174
5.	Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	174
6.	Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định.....	174
IV.	PHỤ LỤC.....	175
1.	Phụ lục I: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ; .....	175
2.	Phụ lục II: Danh sách đất đai thuộc sở hữu hợp nhất của Công ty;.....	175
3.	Phụ lục III: Danh sách các tài sản lớn thuộc sở hữu hợp nhất của Công ty.....	175

4. Phụ lục IV: Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan; ..... 175
5. Phụ lục V: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; ..... 175
6. Phụ lục VI: Điều lệ của CTCP BCG Energy; ..... 175
7. Phụ lục VII: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán và hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I năm 2024 của CTCP BCG Energy; ..... 175

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Những cột mốc phát triển quan trọng của Công ty.....	10
Bảng 2. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty .....	13
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/06/2024.....	39
Bảng 4. Danh sách các Công ty con của Công ty .....	41
Bảng 5. Tỷ lệ sở hữu của BCG Energy tại các Công ty con và các Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 31/03/2024 .....	44
Bảng 6. Tình hình triển khai các dự án điện mặt trời .....	47
Bảng 7. Tình hình triển khai các dự án điện mặt trời áp mái.....	48
Bảng 8. Tình hình triển khai các dự án điện gió.....	50
Bảng 9. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng.....	52
Bảng 10. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất.....	53
Bảng 11. Cơ cấu chi phí của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng.....	54
Bảng 12. Cơ cấu chi phí của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất.....	56
Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng .....	57
Bảng 14. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất.....	57
Bảng 15. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo BCTC riêng.....	58
Bảng 16. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo BCTC hợp nhất.....	60
Bảng 17. Số lượng người lao động trong Công ty theo BCTC hợp nhất.....	68
Bảng 18. Mức lương bình quân của Cán bộ công nhân viên trong Công ty.....	70
Bảng 19. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty.....	70
Bảng 20. Vốn kinh doanh của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng .....	71
Bảng 21. Vốn kinh doanh của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất .....	71
Bảng 22. Tình hình công nợ của Công ty .....	73
Bảng 23. Các khoản phải thu của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng.....	73
Bảng 24. Các khoản phải thu của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất .....	78
Bảng 25. Các khoản phải trả của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng lẻ.....	90
Bảng 26. Các khoản phải trả của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất .....	96
Bảng 27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo Báo cáo tài chính riêng.....	112
Bảng 28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo Báo cáo tài chính hợp nhất.....	112

Bảng 29. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng lẻ .....	113
Bảng 30. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất .....	118
Bảng 31. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng .....	121
Bảng 32. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất.....	121
Bảng 33. Tài sản cố định của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng .....	123
Bảng 34. Tài sản cố định của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất.....	124
Bảng 35. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo Báo cáo tài chính riêng.....	125
Bảng 36. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo Báo cáo tài chính hợp nhất.....	125
Bảng 37. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất của BCG Energy năm 2024.....	125
Bảng 38. Các cam kết ngoại bảng.....	132

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

001 - H 1 - 0

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty tại thời điểm 31/03/2024 .....	28
Hình 2. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....	28

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*



**I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT**

<b>TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>
Công ty, Công ty đại chúng, BCG Energy	Công ty Cổ phần BCG Energy
Bản công bố thông tin về Công ty đại chúng	Bản công bố thông tin về Công ty đại chúng bao gồm thông tin tóm tắt về mô hình tổ chức bộ máy, hoạt động kinh doanh, bộ máy quản lý, cơ cấu cổ đông, tài sản, tình hình tài chính và các thông tin khác
BCTC	Báo cáo tài chính
CCCD	Căn cước công dân
CMND	Chứng minh nhân dân
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
Cổ phiếu	Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
DTT	Doanh thu thuần
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
Giá FIT	Giá điện hỗ trợ
GTGT	Giá trị gia tăng
KCX	Khu chế xuất
M&A	Hoạt động mua bán và sáp nhập
HDQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
MTV	Một thành viên



<b>TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>
NMĐ	Nhà máy điện
Sembcorp Industries	Là tập đoàn phát triển đô thị và năng lượng hàng đầu Singapore
Singapore Power Group	Là tập đoàn năng lượng Singapore
Tập Đoàn Bamboo Capital/BCG/Công ty mẹ	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
CTCP	Công ty cổ phần
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (là tổ chức quốc gia tập hợp và đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, chủ lao động và các hiệp hội doanh nghiệp ở Việt Nam)
VND/Đồng/Đồng Việt Nam	Tiền Đồng Việt Nam
MWp	Là đơn vị đo lường công suất đầu ra tối đa của hệ thống điện mặt trời trong điều kiện lý tưởng.
MW	Là đơn vị đo lường công suất đầu ra thực tế của hệ thống điện mặt trời, điện gió và điện rác.


*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*



## II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

#### 1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty	:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY</b>
Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài	:	BCG ENERGY JOINT STOCK COMPANY
Tên Công ty viết tắt	:	BCG ENERGY
Mã chứng khoán	:	BGE
Trụ sở chính	:	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	028 6268 0680
Fax	:	028 6299 1188
Website	:	<a href="http://www.bcgenergy.com.vn">http://www.bcgenergy.com.vn</a>
Logo	:	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 06 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10 tháng 04 năm 2024
Vốn điều lệ hiện tại	:	7.300.000.000.000 VND ( <i>Bằng chữ: Bảy nghìn ba trăm tỷ đồng</i> )
Người đại diện pháp luật	:	Ông Ng Wee Siong, Leonard – Chủ tịch hội đồng quản trị Ông Phạm Minh Tuấn – Tổng Giám đốc
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất điện. Mã ngành số: 3511 Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật; trưởng chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam). Mã ngành số: 7020

#### 1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG Energy
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: BGE
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 730.000.000 cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TĐDKGD (nếu có): 0 cổ phiếu (chiếm 0% cổ phiếu đăng ký).
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại BCG Energy theo quy định pháp luật: 50% (căn cứ văn bản số 4417/UBCK-PTTT ngày 16/7/2024 của UBCKNN).

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại BCG Energy theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định tại Điều lệ: Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại BCG Energy tính đến thời điểm 17/07/2024: 0%.

### **1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

Công ty Cổ phần BCG Energy là công ty thành viên hiện đang triển khai các dự án năng lượng tái tạo của Công ty cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital (Mã chứng khoán: BCG) – được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Công ty được thành lập vào tháng 06/2017 với vai trò là điểm nhấn then chốt trong chiến lược phát triển dài hạn của Tập Đoàn Bamboo Capital.

Đón đầu định hướng của Chính phủ về năng lượng tái tạo, BCG Energy hiện tập trung vào phát triển và vận hành các dự án cánh đồng năng lượng mặt trời, năng lượng mặt trời áp mái và năng lượng gió tại Việt Nam. Nằm trong chiến lược phát triển với mục tiêu tổng công suất đạt 2 GW vào năm 2026, BCG Energy hướng đến đa dạng hóa danh mục năng lượng của mình với kế hoạch đầu tư nhiều hơn vào năng lượng gió và điện rác.

**Bảng 1. Những cột mốc phát triển quan trọng của Công ty**

<b>Thời gian</b>	<b>Những cột mốc phát triển</b>
<b>2017</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- BCG Energy được thành lập vào tháng 06/2017 với vốn điều lệ đăng ký là 230.000.000.000 đồng và danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký góp vốn là 03 cổ đông với mục tiêu tập trung vào mảng năng lượng tái tạo.</li></ul>
<b>2018</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ngày 16/09/2018, tại xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, lễ động thổ dự án Nhà máy điện mặt trời BCG Băng Dương thuộc CTCP Năng lượng BCG – Băng Dương (công ty con gián tiếp của BCG Energy) với công suất là 40,6 MWp và được xây dựng trên diện tích đất là 50,2 ha.</li><li>- Ngày 29/10/2018, CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương đã ký hợp đồng mua bán điện với Công ty Mua bán điện (EPTC) thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).</li></ul>
<b>2019</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Động thổ dự án Nhà máy điện mặt trời GAIA thuộc CTCP Năng lượng Hanwha BCG Băng Dương (công ty con gián tiếp của BCG Energy) tại huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An với công suất 100,5 MWp.</li><li>- Ngày 11/04/2019, CTCP Năng lượng Hanwha – BCG Băng Dương đã ký hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).</li><li>- Ngày 23/06/2019, khánh thành và đấu nối lưới điện Dự án Nhà máy điện mặt trời BCG Băng Dương (40,6 MWp). Phát hành thành công 115,75 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi cho nhà đầu tư tổ chức là Hanwha Energy Corporation để đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo mới của BCG Energy.</li><li>- Ngày 25/09/2019, CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch đã ký hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).</li></ul>
<b>2020</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ngày 29/05/2020, khởi công xây dựng Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1, Phù Mỹ 2 và Phù Mỹ 3 thuộc CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch (công</li></ul>

Thời gian	Những cột mốc phát triển
	<p>ty con gián tiếp của BCG Energy) với tổng công suất 330 MWp tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 17/09/2020, khánh thành dự án Nhà máy điện mặt trời GAIA thuộc CTCP Năng lượng Hanwha BCG Bằng Dương (công ty con gián tiếp của BCG Energy) (100,5 MWp).</li> <li>- Ngày 25/10/2020, dự án Nhà máy điện mặt trời GAIA được vinh danh tại giải thưởng “<i>Dự án năng lượng tái tạo tiêu biểu năm 2020</i>” được Tạp chí Diễn đàn VCCI bình chọn.</li> <li>- Ngày 05/12/2020, CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch – một công ty con của BCG Energy - gọi vốn thành công hơn 1.004,5 tỷ đồng từ Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd. - một công ty năng lượng có trụ sở chính tại Singapore. cho dự án điện mặt trời Phù Mỹ 1, 2 và 3 với tổng công suất 330 MWp.</li> <li>- Ngày 07/10/2020 khởi công dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long thuộc CTCP BCG Vĩnh Long (công ty con trực tiếp của BCG Energy) với công suất 49,3 MWp trên diện tích 49,7 ha ở huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.</li> <li>- Ngày 29/12/2020, Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long (sau này đổi tên là CTCP BCG Vĩnh Long) ký kết hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).</li> <li>- Ngày 30/12/2020, lễ khánh thành Dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO – Vĩnh Long.</li> <li>- Ngày 23/12/2020, BCG Energy đạt “<i>Top 5 Doanh nghiệp dẫn đầu Năng Lượng Sạch Việt Nam năm 2020</i>” do Văn phòng Ban chỉ đạo Quốc gia về Phát triển Điện lực, Hội đồng Khoa học Tạp chí Năng lượng Việt Nam tổ chức.</li> <li>- Ngày 24/12/2020, Dự án Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 3 – Giai đoạn 1 được công nhận ngày vận hành thương mại với công suất 68,881 MWp/100 MWp.</li> <li>- Ngày 30/12/2020, Dự án Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1 – Giai đoạn 1 và Phù Mỹ 2 được công nhận ngày vận hành thương mại với công suất lần lượt là 36,92458 MWp/120 MWp và 110 MWp/110 MWp.</li> <li>- Lắp đặt thành công và vận hành 41 MWp công suất các dự án điện mặt trời áp mái tại các khu công nghiệp thuộc các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng...</li> </ul>

<b>Thời gian</b>	<b>Những cột mốc phát triển</b>
<b>2021</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ngày 09/04/2021, khánh thành 03 Dự án Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1, Phù Mỹ 2 và Phù Mỹ 3</li><li>- Ngày 30/07/2021, BCG Energy và Singapore Power Group - công ty vận hành lưới điện quốc gia của Singapore, một công ty điện lực hàng đầu ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương liên doanh đầu tư vào lĩnh vực điện mặt trời áp mái tại Việt Nam với mục tiêu đạt được tổng công suất 500 MWp vào năm 2025.</li><li>- Ngày 09/12/2021, BCG Energy và Sembcorp Industries - tập đoàn phát triển đô thị và năng lượng hàng đầu Singapore ký kết hợp đồng hợp tác phát triển các dự án năng lượng tái tạo lên đến 1,5 GW tại Việt Nam.</li><li>- Lắp đặt thành công và vận hành 52 MWp công suất các dự án điện mặt trời áp mái tại các khu công nghiệp thuộc các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng, Quảng Ngãi...</li></ul>
<b>2022</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Lắp đặt thành công và vận hành 72 MWp công suất các dự án điện mặt trời áp mái tại các khu công nghiệp thuộc các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Lâm Đồng, Quảng Ngãi...</li></ul>
<b>2023</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ngày 29/03/2023, CTCP BCG – SP Solar 1 là công ty con thuộc sở hữu của liên doanh BCG - SP Greensky - một công ty liên doanh giữa công ty SPI Energy Investments Pte Ltd (Singapore) - thuộc tập đoàn SP Group, một công ty vận hành lưới điện quốc gia của Singapore và CTCP Skylar - một công ty con của BCG Energy nhận được khoản vay hợp vốn 31,550 triệu USD từ 3 ngân hàng Singapore là DBS Bank Ltd. (DBS), Oversea-Chinese Banking Corporation Limited (OCBC) và United Overseas Bank Limited (UOB).</li><li>- Dự án Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1 – Giai đoạn 2 và Phù Mỹ 3 – Giai đoạn 2 với tổng công suất 114 MWp được công nhận ngày vận hành thương mại vào ngày 30/5/2023.</li><li>- Ngày 06/06/2023, CTCP BCG GAIA – một công ty liên doanh giữa Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte Ltd một công ty thuộc Sembcorp Industries và BCG Energy – đã nhận được khoản vay 77,5 triệu USD từ DBS Bank Limited (DBS) của Singapore.</li></ul>
<b>2024</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ngày 31/01/2024, BCG Energy đã ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cổ phần của CTCP Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa đánh dấu việc BCG Energy chính thức bước chân vào mảng điện rác.</li></ul>

Thời gian	Những cột mốc phát triển
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự kiến sẽ hoàn tất thủ tục công nhận ngày vận hành thương mại cho dự án điện mặt trời Krông Pa 2 phần công suất 21 MWp/49MWp tại tỉnh Gia Lai.</li> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 7.300 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</li> </ul>

#### 1.4. Quá trình góp vốn, tăng vốn của Công ty

CTCP BCG Energy được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào tháng 06/2017 với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 230.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ đồng*) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 08/06/2017. Kể từ thời điểm thành lập Công ty đến nay, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ 08 (tám) lần. Cụ thể Công ty đã trải qua các đợt tăng vốn điều lệ như sau:

**Bảng 2. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty**

STT	Ngày cấp GCNĐKDN	Vốn điều lệ trước tăng vốn (tỷ đồng)	Vốn điều lệ thay đổi (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (tỷ đồng)	Lý do thay đổi	Đơn vị cấp GCNĐKDN
0	08/06/2017	-	-	230	Các cổ đông sáng lập góp vốn thành lập Công ty	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
1	13/03/2018	230	570	800	Tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
2	27/03/2020	800	400	1.200	Tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Ngày cấp GCNĐKDN	Vốn điều lệ trước tăng vốn (tỷ đồng)	Vốn điều lệ thay đổi (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (tỷ đồng)	Lý do thay đổi	Đơn vị cấp GCNĐKDN
3	26/04/2021	1.200	420	1.620	Tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
4	12/08/2021	1.620	555	2.175	Tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
5	25/04/2022	2.175	800	2.975	Tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
6	17/05/2022	2.975	1.025	4.000	Tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
7	27/12/2022	4.000	500	4.500	Tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
8	05/01/2024	4.500	2.800	7.300	Tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

(Nguồn: BCG Energy)



**❖ Chi tiết các đợt tăng vốn:**

Các đợt tăng vốn và sử dụng vốn của Công ty được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam kiểm toán tại Báo cáo tình hình phát hành tăng vốn và sử dụng vốn góp chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 08/06/2017 đến ngày 29/12/2023 của CTCP BCG Energy ngày 06/02/2024.

**➤ Đợt tăng vốn lần 1: Tăng vốn từ 230 tỷ lên 800 tỷ đồng****- Căn cứ pháp lý:****+ Căn cứ pháp lý để thay đổi đăng ký kinh doanh:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0228/18/QĐ ngày 28/02/2018 về việc tăng vốn điều lệ.

**+ Cơ sở pháp lý khác:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2B/2018/NQ-ĐHĐCĐ-BCG.ENERGY ngày 30/03/2018 về việc thông qua mục đích tăng vốn điều lệ;
  - Nghị quyết HĐQT số 1B/2018/NQ-HĐQT-BCGE ngày 27/02/2018 về việc đề xuất tăng vốn điều lệ Công ty;
  - Nghị quyết HĐQT số 1C/2018/NQ-HĐQT-BCGE ngày 30/03/2018 về việc ghi nhận cụ thể quá trình tăng vốn.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/03/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 57.000.000 cổ phiếu
  - Số vốn góp thêm: 570.000.000.000 đồng
  - Vốn điều lệ sau khi tăng: 800.000.000.000 đồng
  - Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
  - Số lượng cổ đông góp vốn: 03 nhà đầu tư (trong đó 03 nhà đầu tư này là cổ đông hiện hữu)
  - Hình thức góp vốn: Bằng tiền
  - Mục đích và phương án sử dụng vốn: Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các mục đích đầu tư, mua cổ phần/ phần vốn góp để sở hữu các công ty liên quan đến dự án, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.
  - Ngày hoàn thành việc góp vốn: 21/03/2019
  - Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chuyển Tiền Góp Vốn CTCP BCG Wind Sóc Trăng	90.000.000.000	Số tiền đã được sử dụng hết
2	Chuyển Tiền Góp Vốn CTCP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	96.806.000.000	
3	Thanh Toán Tiền Mua Cổ Phần - CTCP Năng lượng	100.000.000.000	

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	Hanwha - BCG Băng Dương		
4	Chuyển Tiền Góp Vốn Vào CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	101.000.000.000	
5	Chuyển Tiền Góp Vốn CTCP Năng lượng Mặt Trời Tân Thành 1	131.600.000.000	
6	Chuyển Tiền Góp Vốn Công Ty TNHH Skylight Power	718.000.000	
7	Chuyển Tiền Thanh Toán Tiền Mua Cổ Phần - CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	49.876.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>570.000.000.000</b>	

➤ **Đợt tăng vốn lần 2: Tăng vốn từ 800 tỷ lên 1.200 tỷ đồng**

## - Căn cứ pháp lý:

+ *Căn cứ pháp lý để thay đổi đăng ký kinh doanh:*

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/QĐ ngày 25/03/2020 về việc tăng vốn điều lệ.

+ *Cơ sở pháp lý khác:*

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 2A/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCG.ENERGY ngày 26/03/2020 về việc thông qua mục đích tăng vốn điều lệ;
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27/03/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp;
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 40.000.000 cổ phiếu
  - Số vốn góp thêm: 400.000.000.000 đồng
  - Vốn điều lệ sau khi tăng: 1.200.000.000.000 đồng
  - Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
  - Số lượng cổ đông góp vốn: 03 nhà đầu tư (trong đó 03 nhà đầu tư này là cổ đông hiện hữu)
  - Hình thức góp vốn: Bằng tiền
  - Mục đích và phương án sử dụng vốn: Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các mục đích đầu tư, mua cổ phần/ phần vốn góp để sở hữu các công ty liên quan đến dự án, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.
  - Ngày hoàn thành việc góp vốn: 04/06/2020
  - Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chuyển Tiền Góp Vốn CTCP Skylar	177.500.000.000	Số tiền đã



STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
2	Chuyển Tiền Góp Vốn CTCP Aurai Wind Energy	222.500.000.000	được sử dụng hết
	<b>Tổng cộng</b>	<b>400.000.000.000</b>	

➤ **Đợt tăng vốn lần 3: Tăng vốn từ 1.200 tỷ lên 1.620 tỷ đồng**

- Căn cứ pháp lý:

+ *Căn cứ pháp lý để thay đổi đăng ký kinh doanh:*

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/2021/QĐ ngày 09/04/2021 thông qua phương án cụ thể tăng vốn điều lệ.

+ *Cơ sở pháp lý khác:*

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường tháng 9/2020 số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 29/09/2020 về việc tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết HĐQT số 26/2020/NQ-HĐQT-BCGE ngày 21/12/2020 về việc triển khai chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ;
- Tờ trình số 2003/2021/TTĐH-HĐQT-BCGE ngày 20/03/2021 về tình hình thực hiện chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 10B/2021/ĐHĐCĐ ngày 09/04/2021 tổng kết việc thực hiện quyền đăng ký mua cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ và tình hình triển khai chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 42.000.000 cổ phiếu
- Số vốn góp thêm: 420.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 1.620.000.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng cổ đông góp vốn: 01 nhà đầu tư (trong đó nhà đầu tư này là cổ đông hiện hữu)
- Hình thức góp vốn: Bằng tiền
- Mục đích và phương án sử dụng vốn: Góp vốn bổ sung vào CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch 270 tỷ đồng để thực hiện Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Phù Mỹ 1; và góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long 150 tỷ đồng để thực hiện Dự án Nhà máy Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long.
- Ngày hoàn thành việc góp vốn: 24/06/2021



## - Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chuyển tiền góp vốn CTCP Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	270.000.000.000	Số tiền đã được sử dụng hết
2	Chuyển Trả Theo Hợp Đồng hợp tác (i)	60.000.000.000	
3	Chuyển Trả Theo Hợp Đồng hợp tác (i)	40.000.000.000	
4	Chuyển Trả Theo Hợp Đồng hợp tác (i)	50.000.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>420.000.000.000</b>	

(i): "Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tháng 09/2020 số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 29/09/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư vào Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long (gọi tắt là ""Công ty VNECO - Vĩnh Long""), Công ty sẽ góp vốn vào Công ty VNECO - Vĩnh Long là 150 tỷ đồng. Tuy nhiên, do tình hình thực tế Ban điều hành công ty đã huy động nguồn tiền từ các Hợp đồng hợp tác đầu tư với các bên thứ ba để thực hiện việc đầu tư góp vốn vào Công ty VNECO - Vĩnh Long. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2021/NQ-HĐQT-BCGE ngày 18/03/2021 về việc thực hiện hoàn trả các khoản nợ vay góp vốn vào Công ty VNECO - Vĩnh Long, Công ty đã sử dụng tiền từ đợt phát hành 42.000.000 cổ phần để hoàn trả cho các bên thứ ba nêu trên."

➤ **Đợt tăng vốn lần 4: Tăng vốn từ 1.620 tỷ lên 2.175 tỷ đồng**

## - Căn cứ pháp lý:

+ *Căn cứ pháp lý để thay đổi đăng ký kinh doanh:*

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường tháng 7/2021 số 11/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 08/07/2021 về việc thông qua phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ.

+ *Cơ sở pháp lý khác:*

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/08/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 55.500.000 cổ phiếu
- Số vốn góp thêm: 555.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 2.175.000.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Chào bán cổ phần riêng lẻ
- Số lượng cổ đông góp vốn: 01 nhà đầu tư
- Hình thức góp vốn: Bằng tiền
- Mục đích và phương án sử dụng vốn: Cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty và/hoặc bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ngày hoàn thành việc góp vốn: 29/10/2021



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### - Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chuyển Trả Theo Hợp Đồng hợp tác đầu tư (ii)	201.153.900.000	Số tiền đã được sử dụng hết
2	Chuyển Trả Theo Hợp Đồng hợp tác đầu tư (ii)	183.935.000.000	
3	Chuyển Trả Theo Hợp Đồng hợp tác đầu tư (ii)	101.065.000.000	
4	Chuyển Trả Theo Hợp Đồng hợp tác đầu tư (ii)	4.560.000.000	
5	Chuyển Trả Theo Hợp Đồng hợp tác đầu tư (ii)	39.060.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>555.000.000.000</b>	

(ii): Đây là các hợp đồng hợp tác kinh doanh trước đây huy động để bổ sung cho hoạt động kinh doanh của công ty, cụ thể đầu tư/hợp tác vào dự án điện mà Công ty sở hữu trực tiếp/gián tiếp.

### ➤ Đợt tăng vốn lần 5: Tăng vốn từ 2.175 tỷ lên 2.975 tỷ đồng

#### - Căn cứ pháp lý:

##### + Căn cứ pháp lý để thay đổi đăng ký kinh doanh:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường tháng 03/2022 số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 23/03/2022 thông qua phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ.

##### + Cơ sở pháp lý khác:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 31/08/2021 thông qua việc phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ;
- Tờ trình số 1612/2021/TT-HĐQT-BCGE ngày 16/12/2021 của HĐQT về việc báo cáo tình hình thực hiện chào bán cổ phần theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 31/08/2021;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 17/12/2021 thông qua kiến nghị của HĐQT tại Tờ trình số 1612/2021/TT-HĐQT-BCGE ngày 16/12/2021;
- Nghị quyết HĐQT số 06/2022/NQ-HĐQT-BCGE ngày 12/04/2022 về việc triển khai thực hiện tăng vốn điều lệ giai đoạn 1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 23/03/2022;
- Nghị quyết HĐQT số 07/2022/NQ-HĐQT-BCGE ngày 14/04/2022 về việc triển khai thực hiện tăng vốn điều lệ giai đoạn 2 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 23/03/2022.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 80.000.000 cổ phiếu
- Số vốn góp thêm: 800.000.000.000 đồng



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Vốn điều lệ sau khi tăng: 2.975.000.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Chào bán cổ phần riêng lẻ
- Số lượng cổ đông góp vốn: 01 nhà đầu tư (trong đó nhà đầu tư này là cổ đông hiện hữu)
- Hình thức góp vốn: Bằng tiền
- Mục đích và phương án sử dụng vốn: Thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 là 350 tỷ đồng để thực hiện dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1; góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 là 450 tỷ đồng để thực hiện dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2.
- Ngày hoàn thành việc góp vốn: 22/04/2022
- Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chuyển tiền góp vốn Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	350.000.000.000	Số tiền đã được
2	Chuyển tiền góp vốn Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	450.000.000.000	sử dụng hết
	<b>Tổng cộng</b>	<b>800.000.000.000</b>	

### ➤ Đợt tăng vốn lần 6: Tăng vốn từ 2.975 tỷ lên 4.000 tỷ đồng

- Căn cứ pháp lý:
  - + *Căn cứ pháp lý để thay đổi đăng ký kinh doanh:*
    - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường tháng 04/2022 số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 26/04/2022 về việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ.
  - + *Cơ sở pháp lý khác:*
    - Nghị quyết HĐQT số 11/2022/NQ-HĐQT-BCGE ngày 28/04/2022 về việc triển khai thực hiện tăng vốn điều lệ giai đoạn 1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 26/04/2022;
    - Nghị quyết HĐQT số 26/2022/NQ-HĐQT-BCGE ngày 16/08/2022 về việc triển khai thực hiện tăng vốn điều lệ đợt 2 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 26/04/2022.
    - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/05/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 102.500.000 cổ phiếu
- Số vốn góp thêm: 1.025.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 4.000.000.000.000 đồng



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Đối tượng phát hành: Chào bán cổ phần riêng lẻ
- Số lượng cổ đông góp vốn: 01 nhà đầu tư (trong đó nhà đầu tư này là cổ đông hiện hữu)
- Hình thức góp vốn: Bằng tiền
- Mục đích và phương án sử dụng vốn: Bổ sung quy mô vốn hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn các mục đích: bổ sung vốn lưu động, thanh toán các khoản nợ của Công ty.
- Ngày hoàn thành việc góp vốn: 28/04/2022.
- Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chuyển tiền hoàn trả tiền gốc HTKD (iii)	207.537.000.000	Số tiền đã được sử dụng hết
2	Chuyển tiền cho CTCP Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch vay	244.980.000.000	
3	Chuyển tiền hoàn trả tiền gốc HTKD (iii)	80.989.200.000	
4	Chuyển tiền hoàn trả tiền gốc HTKD (iii)	107.200.000.000	
5	Chuyển tiền hoàn trả tiền gốc HTKD (iii)	79.750.000.000	
6	Chuyển tiền hoàn trả tiền gốc HTKD (iii)	73.230.000.000	
7	Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Năng Lượng Sạch	35.000.000.000	
8	Chuyển tiền cho CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương vay	20.900.000.000	
9	Thanh toán lương nhân viên	10.757.420.296	
10	Chuyển tiền cho vay CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương	5.340.204.166	
11	Thanh toán công nợ	49.488.610.960	
12	Chuyển tiền hoàn trả tiền gốc HTKD (iii)	109.827.564.578	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.025.000.000.000</b>	

(iii) Đây là các hợp đồng hợp tác kinh doanh trước đây huy động để bổ sung cho hoạt động kinh doanh của công ty, cụ thể đầu tư/hợp tác vào dự án điện mà Công ty sở hữu trực tiếp/gián tiếp.

➤ **Đợt tăng vốn lần 7: Tăng vốn từ 4.000 tỷ lên 4.500 tỷ đồng**

- Căn cứ pháp lý:

+ Căn cứ pháp lý để thay đổi đăng ký kinh doanh:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường tháng 11/2022 số 10/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 30/11/2022 về việc phát hành thêm cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết HĐQT số 36/2022/NQ-HĐQT-BCGE ngày 08/12/2022 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phần.

+ Cơ sở pháp lý khác:



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/12/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 50.000.000 cổ phiếu
- Số vốn góp thêm: 500.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 4.500.000.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Chào bán cổ phần riêng lẻ
- Số lượng cổ đông góp vốn: 01 nhà đầu tư (trong đó nhà đầu tư này là cổ đông hiện hữu)
- Hình thức góp vốn: Bằng tiền
- Mục đích và phương án sử dụng vốn: Bổ sung quy mô vốn hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung vốn lưu động, thanh toán các khoản nợ, bổ sung tiền để đầu tư vào các công ty thực hiện dự án thông qua hình thức góp vốn và/hoặc hợp tác đầu tư của Công ty.
- Ngày hoàn thành việc góp vốn: 08/12/2022
- Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chuyển tiền hoàn trả tiền gốc HTKD (iii)	233.060.000.000	Số tiền đã được sử dụng hết
2	Trả khoản vay cho công ty artemis	156.940.000.000	
3	Chuyển tiền góp vốn vào CTCP E Power 1	49.900.000.000	
4	Chuyển tiền mua cổ phần CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	59.367.000.000	
5	Chuyển tiền cho CTCP Aurai Wind Energy vay	733.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>500.000.000.000</b>	

(iii) Đây là các hợp đồng hợp tác kinh doanh trước đây huy động để bổ sung cho hoạt động kinh doanh của công ty, cụ thể đầu tư/hợp tác vào dự án điện mà Công ty sở hữu trực tiếp/gián tiếp.

### ➤ **Đợt tăng vốn lần 8: Tăng vốn từ 4.500 tỷ lên 7.300 tỷ đồng**

- Căn cứ pháp lý:
  - + *Căn cứ pháp lý để thay đổi đăng ký kinh doanh:*
    - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường tháng 12/2023 số 11/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 29/12/2023 thông qua kết quả việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ.
  - + *Cơ sở pháp lý khác:*
    - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường tháng 11/2023 số 07/2023/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 25/11/2023 về việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ Công ty thành 7.300.000.000.000 đồng;





## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Nghị quyết HĐQT số 23/2023/NQ-HĐQT-BCGE ngày 16/12/2023 về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phần phổ thông để đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi bổ sung điều lệ của Công ty;
  - Nghị quyết HĐQT số 27/2023/NQ-HĐQT-BCGE ngày 30/12/2023 về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phần phổ thông để đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi bổ sung điều lệ của Công ty.
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 05/01/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 280.000.000 cổ phiếu
  - Số vốn góp thêm: 2.800.000.000.000 đồng
  - Vốn điều lệ sau khi tăng: 7.300.000.000.000 đồng
  - Đối tượng phát hành: Chào bán cổ phần riêng lẻ
  - Số lượng cổ đông góp vốn: 95 nhà đầu tư (trong đó có 11 nhà đầu tư là cổ đông hiện hữu)
  - Hình thức góp vốn: Bằng tiền
  - Mục đích và phương án sử dụng vốn: Bổ sung quy mô vốn hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn các mục đích: (i) Cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty; (ii) Gia tăng quy mô và mở rộng hoạt động của Công ty trong lĩnh vực năng lượng tái tạo bằng việc hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư với công ty con/ công ty liên kết/ công ty khác nhằm phát triển các dự án năng lượng tái tạo; (iii) Cho các công ty con/ công ty liên kết vay vốn để thực hiện triển khai các dự án năng lượng tái tạo; và (iv) Bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty.
  - Ngày hoàn thành việc góp vốn: 29/12/2023.
  - Tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chuyển tiền cho đại lý thanh toán để mua lại trước hạn/trả lãi trái phiếu kỳ 5/lãi phạt trái phiếu EBCCH2124002 (phát hành ngày 26/04/2021) và EBCCH2124003 (phát hành ngày 24/05/2021)	2.702.468.057.774	Số tiền đã được sử dụng hết
2	Chuyển tiền hoàn trả tiền gốc HTKD (iv)	97.531.942.226	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.800.000.000.000</b>	

(iv) Đây là các hợp đồng hợp tác kinh doanh trước đây huy động để bổ sung cho hoạt động kinh doanh của công ty, cụ thể đầu tư/hợp tác vào dự án điện mà Công ty sở hữu trực tiếp/gián tiếp.

- ❖ **Rà soát tính tuân thủ quy định pháp luật trong việc thành lập và tăng vốn điều lệ:**  
Trong quá trình rà soát lại toàn bộ quá trình thực hiện các thủ tục đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của BCG Energy, Ban Điều hành phát hiện một số vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính trong quá trình góp vốn, tăng vốn và đã phối hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hồ Chí



Minh để hoàn thiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, cụ thể như sau:

**Quá trình góp vốn thành lập:**

Vào ngày 08/06/2017, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) lần đầu với vốn điều lệ đăng ký là 230.000.000.000 đồng. Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký góp vốn là 03 cổ đông.

Kể từ ngày 08/06/2017 đến ngày 08/09/2017 (90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập lần đầu), các cổ đông sáng lập có nghĩa vụ góp đủ số vốn điều lệ đăng ký nói trên theo quy định tại khoản 1 Điều 112 Luật doanh nghiệp 2014.

Sau khi hết thời hạn góp vốn theo quy định của pháp luật, các cổ đông sáng lập chưa thể thanh toán đủ tiền mua số cổ phần đã đăng ký và có nghĩa vụ phải đăng ký giám vốn theo đúng số vốn thực góp. Tuy nhiên, do đang trong giai đoạn mới thành lập với nhiều công việc liên quan đến kiện toàn lại nhân sự cũng như xác định lại định hướng chiến lược của Công ty cùng với việc không được tư vấn để hiểu rõ các quy định của pháp luật nên Công ty đã sơ suất và không thực hiện các thủ tục giám vốn.

Vào ngày 07/10/2017, do xác định các cổ phần chưa được góp đủ là các cổ phần chưa bán, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành chào bán toàn bộ số cổ phần chưa thanh toán, tương ứng 22.999.422 cổ phần, cho các cá nhân, tổ chức khác.

Trong giai đoạn từ ngày 15/12/2017 đến ngày 30/3/2018, các cổ đông được chào bán đã thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần với tổng mệnh giá cổ phần tương ứng là 229.994.220.000 đồng và vốn điều lệ Công Ty đạt 230 tỷ đồng.

**Tăng vốn từ 230 tỷ lên 2.175 tỷ đồng**

Trong thời gian từ 13/03/2018 đến ngày 12/08/2021, Công ty đã đăng ký tăng vốn điều lệ 4 lần (từ 230 tỷ đồng lên 800 tỷ đồng vào ngày 13/03/2018, từ 800 tỷ đồng lên 1200 tỷ đồng vào ngày 27/03/2020, từ 1200 tỷ đồng lên 1620 tỷ đồng vào ngày 26/04/2021, từ 1620 tỷ đồng lên 2175 tỷ đồng vào ngày 12/08/2021).

Tại thời điểm thực hiện việc đăng ký tăng vốn, các bộ phận liên quan của Công ty đã có nhầm lẫn khi xác định rằng việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ trên GCNĐKDN phải được thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 và Khoản 2 Điều 31 Luật Doanh nghiệp 2014. Do đó, sau khi Đại hội đồng cổ đông của Công ty ban hành nghị quyết thông qua việc tăng vốn Điều lệ, chúng tôi đã cố gắng nộp hồ sơ đăng ký thay đổi GCNĐKDN trong thời gian sớm nhất có thể để đảm bảo việc



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

đăng ký này không chậm hơn thời hạn 10 ngày theo quy định. Đồng thời, sau khi đăng ký tăng vốn, các cổ đông cũng đã thanh toán đầy đủ toàn bộ giá trị cổ phần đăng ký mua, phù hợp với giá trị vốn điều lệ tương ứng tại mỗi lần đăng ký thay đổi.

Ngày cấp giấy và thời gian góp kết thúc góp vốn của cổ đông cụ thể như sau:

Lần tăng vốn	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	Số vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (tỷ đồng)	Ngày Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi do tăng vốn	Thời điểm cổ đông hoàn tất góp vốn/thanh toán cổ phần đăng ký mua	Lưu ý
1	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3	570	800	13/03/2018	21/3/2019	Chưa hoàn tất việc góp vốn nhưng đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4	400	1.200	27/03/2020	04/06/2020	Chưa hoàn tất việc góp vốn nhưng đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
3	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5	420	1.620	26/04/2021	24/06/2021	Chưa hoàn tất việc góp vốn nhưng đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
4	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7	555	2.175	12/08/2021	29/10/2021	Chưa hoàn tất việc góp vốn nhưng đã đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

### Quá trình tăng vốn điều lệ từ 2.175 tỷ đồng lên 4.500 tỷ đồng

Trong thời gian từ 25/04/2022 đến ngày 27/12/2022, Công ty đã đăng ký tăng vốn điều lệ 03 lần (từ 2.175 tỷ đồng lên 2.975 tỷ đồng vào ngày 25/04/2022, từ 2.975 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng vào ngày 17/05/2022 và từ 4.000 tỷ đồng lên 4.500 tỷ đồng vào ngày 27/12/2022).

Căn cứ khoản 2 Điều 30 Luật Doanh nghiệp 2020 và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chủ trương chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ, Hội đồng quản trị của Công ty – theo sự phân công của Đại hội đồng cổ đông, đã thực hiện chào bán số cổ phần được quyền chào bán. Sau khi hoàn thành việc chào bán, Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết thông qua việc triển khai chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ. Ngoài ra, tại thời điểm thực hiện hai đợt tăng vốn nêu trên, chúng tôi được tư vấn thêm thông tin rằng việc thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn phải thực hiện sau khi các cổ đông hoàn tất thanh toán các cổ phần đăng ký mua. Do đó, chúng tôi đã thực hiện thủ tục tăng vốn ngay sau khi các cổ đông hoàn tất thanh toán các cổ phần được chào bán.

Tuy nhiên, do có sự nhầm lẫn về thông tin mà tại đợt tăng vốn từ 2.175 tỷ đồng lên 2.975 tỷ đồng, Hội đồng quản trị đã ghi nhận chưa chính xác thời điểm hoàn tất đợt tăng vốn trên biên bản họp và nghị quyết thông qua việc triển khai chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ (ghi nhận nhầm ngày hoàn tất là ngày 12/4/2022, trong khi ngày hoàn tất chính xác là ngày 22/4/2022).

Lần tăng vốn	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	Số vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (tỷ đồng)	Ngày Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi do tăng vốn	Thời điểm cổ đông hoàn tất góp vốn/thanh toán cổ phần đăng ký mua	Lưu ý
5	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9	800	2.975	25/04/2022	22/04/2022	Sơ suất ghi nhận ngày hoàn tất góp vốn khác với ngày hoàn tất trong thực tế

Ở đợt tăng vốn tiếp theo (từ 2.975 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng và từ 4.000 tỷ đồng lên 4.500 tỷ đồng), Công ty đã thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn trong vòng 10 ngày kể từ ngày các cổ đông hoàn tất thanh toán các cổ phần được chào bán.

Có thể thấy Công ty đã thực hiện việc góp vốn/tăng vốn đầy đủ như nội dung đã đăng ký. Tuy nhiên, do sơ suất và chưa hiểu rõ các quy định của Luật doanh nghiệp nên Công ty đã thực hiện việc đăng ký tăng vốn trước khi hoàn thành việc góp vốn.

Ý thức được các sai sót trên, công ty đã chủ động nộp đơn giải trình với Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh (“Sở KH&ĐT”) cho sai phạm của các lần tăng vốn. Sau khi phối hợp giải trình với Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh, đến ngày 07/12/2023, Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 190/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính của BCG

**1.5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng**

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng: 29/12/2023.
- Cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng bao gồm:
  - + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 154 cổ đông.
  - + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 360.200.000 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 49,342%).

**2. Cơ cấu tổ chức của Công ty**

Cơ cấu CTCP BCG Energy và các công ty con/công ty liên kết được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (“Luật Doanh Nghiệp”). Các hoạt động của Công ty và các công ty trong hệ thống tuân thủ Luật Doanh Nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

**Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty tại thời điểm 31/03/2024**


(Nguồn: BCG Energy)

**3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**
**Hình 2. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Energy, do kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên.

Theo đó, Công ty thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp nhằm thể hiện đúng quá trình góp, tăng vốn cũng như tuân thủ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 69 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp (trước đây quy định tương ứng tại Điều 4 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp):

*“b) Trường hợp cấp đăng ký thành lập doanh nghiệp không đúng hồ sơ theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp không đúng hồ sơ theo quy định là không có hiệu lực, yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể nộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới;”*

**Cụ thể:**

Ngày 21/12/2023 Sở KH&ĐT phát hành Thông báo số 10197/ĐKKD-T4 về việc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp không có hiệu lực, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 (vốn điều lệ 230.000.000.000 đồng).

Lý do: *Doanh nghiệp kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại các lần thay đổi doanh nghiệp nêu trên.*

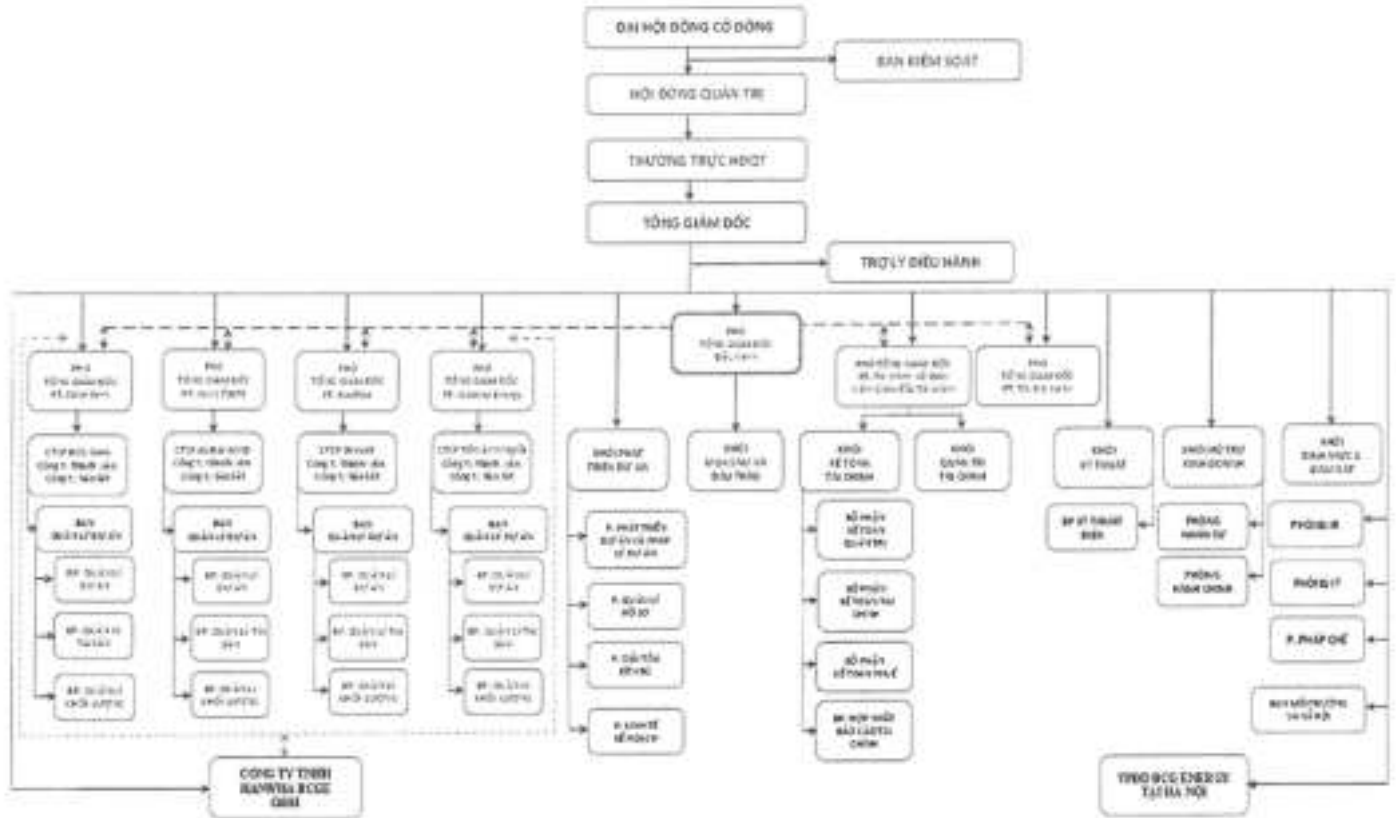
Ngày 27/12/2023 Sở KH&ĐT cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ghi nhận đúng số vốn góp tại thời điểm thành lập doanh nghiệp (vốn điều lệ 5.780.000 đồng).

Lý do: *Điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ trong thời hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp 2014 (nay quy định tại Khoản 3 Điều 113 Luật Doanh nghiệp 2020)*

Ngày 29/12/2023 Sở KH&ĐT cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ghi nhận đúng số vốn góp tại thời điểm 8/12/2022 (vốn điều lệ 4.500.000.000.000 đồng).

Lý do: *Công ty cập nhật lại thông tin về thời điểm hoàn thành việc chào bán cổ phần để tăng vốn lên 4.500.000.000.000 theo thông tin đúng với thực tế góp vốn (ngày 08/12/2022).*

Như vậy đến thời điểm 29/12/2023 và đến nay, BCG Energy đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ có liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ đúng, đủ quy định pháp luật hiện hành trong hoạt động đăng ký doanh nghiệp.



(Nguồn: BCG Energy)

### 3.1. Đại hội đồng Cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần và phải họp trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề chính sau:

- ✓ Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- ✓ Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- ✓ Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- ✓ Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- ✓ Báo cáo của Tổng Giám đốc;
- ✓ Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này



không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại ĐHĐCĐ;

- ✓ Số lượng thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát;
- ✓ Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- ✓ Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- ✓ Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- ✓ Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát;
- ✓ Phê chuẩn chính sách chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- ✓ Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- ✓ Thông qua ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- ✓ Quyết định thay đổi Vốn Điều lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Vốn điều lệ;
- ✓ Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của Công ty và Pháp Luật.

### **3.2. Hội đồng Quản trị**

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty, theo quy định của pháp luật và Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty. HĐQT của Công ty bao gồm 07 (bảy) thành viên: Chủ tịch HĐQT, 02 (hai) Phó Chủ tịch HĐQT điều hành, 01 (một) Phó Chủ tịch HĐQT và 03 (ba) Thành viên HĐQT trong đó có 01 (một) thành viên HĐQT độc lập.

### **3.3. Thường trực Hội đồng Quản trị**

Thường trực Hội đồng Quản trị là cơ quan thường trực của HĐQT, được thành lập trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương thành lập, gồm một số thành viên do HĐQT cử ra và nhận sự ủy quyền của các thành viên HĐQT còn lại để thay mặt HĐQT giải quyết và phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Thường trực HĐQT gồm Chủ tịch HĐQT và một số thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên HĐQT của Chủ tịch HĐQT trong từng thời kỳ. Thành viên thường trực HĐQT chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT, HĐQT và pháp luật về các mảng nhiệm vụ trọng tâm được phân công phụ trách.

### **3.4. Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát (BKS) CTCP BCG Energy do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện chức năng chính như sau:





- ✓ BKS thực hiện giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật của HĐQT, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- ✓ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- ✓ Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;
- ✓ Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- ✓ Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;
- ✓ Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của ĐHĐCĐ.

### **3.5. Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là người đồng đại diện pháp luật của Công ty, là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

### **3.6. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

Là người thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, ủy nhiệm cụ thể của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

### **3.7. Chức năng của các Khối, Phòng ban**

#### **Khối Phát triển Dự án:**

Khối Phát triển Dự án chịu sự điều phối, giám sát, quản lý trực tiếp từ Giám đốc Khối Phát triển dự án và sự chỉ đạo thống nhất từ Tổng Giám đốc. Khối Phát triển Dự án được tổ chức thành 4 phòng gồm Phòng Phát triển Dự án và Pháp lý Dự án, Phòng Quản lý Hồ sơ, Phòng Giải tỏa Đền bù và Phòng Kinh tế Kế hoạch, có các chức năng sau:



• **Chức năng của Phòng Phát triển Dự án và Pháp lý Dự án:**

Phòng Phát triển Dự án và Pháp lý Dự án chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp từ Giám đốc Khối Phát triển dự án, có chức năng sau:

- ✓ Tìm kiếm các cơ hội đầu tư có tiềm năng để tham mưu cho HĐQT và Ban điều hành Công ty trong các hoạt động đầu tư và phát triển dự án năng lượng;
- ✓ Tham mưu cho HĐQT và Ban điều hành các giải pháp pháp lý nhằm quản lý rủi ro, đảm bảo việc triển khai các dự án năng lượng an toàn và đúng pháp luật.

• **Chức năng của Phòng Quản lý Hồ sơ:**

Phòng Quản lý Hồ sơ chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp từ Giám đốc Khối Phát triển Dự án, có chức năng sau:

Tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban điều hành thực hiện xây dựng hồ sơ theo quy định của các thủ tục pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư và phát triển dự án phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

• **Chức năng của Phòng Giải tòa Đền bù:**

Phòng Giải tòa Đền bù chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp từ Giám đốc Khối Phát triển Dự án có chức năng sau:

Tham mưu cho Ban điều hành Công ty về kế hoạch, các giải pháp, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng phục vụ việc xây dựng các dự án năng lượng của Công ty.

• **Chức năng của Phòng Kinh tế Kế hoạch:**

Phòng Kinh tế Kế hoạch chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp từ Giám đốc Khối Phát triển Dự án, có chức năng sau:

Tham mưu, giúp việc cho Ban điều hành Công ty trong về xây dựng dự án, lập báo cáo khả thi và thẩm định tính khả thi dự án; công tác tổng kê tổng hợp; công tác lập dự toán, quản lý hợp đồng kinh tế và thanh quyết toán hợp đồng kinh tế; công tác mua sắm và đấu thầu; công tác theo dõi, quản lý, kiểm tra và giám sát tiến độ và chất lượng xây dựng dự án.

**Khối Kế toán Tài chính:**

Khối Kế toán Tài chính chịu sự điều phối, giám sát, quản lý trực tiếp từ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán, chỉ đạo và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các phòng và bộ phận sau:

- Phòng Kế toán Quản trị;
- Bộ phận Kế toán Thuế;



- Bộ phận Kế toán Tài chính; và
- Bộ phận Hợp nhất Báo cáo Tài chính.

• **Chức năng của Phòng Kế toán Quản trị:**

Phòng Kế toán Quản trị chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp từ Kế toán trưởng và sự điều hành thống nhất từ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán, có các chức năng sau:

- ✓ Cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu tài chính, kế toán của Công ty mang tính dự báo phản ánh xu hướng biến động của tài chính cụ thể là các báo cáo quản trị, các kế hoạch, chiến lược tài chính quản trị cho HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán để Ban Điều hành có cơ sở quyết định trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh các kế hoạch đầu tư kinh doanh khác của Công ty;
- ✓ Tham mưu và cung cấp thông tin cho HĐQT, Ban điều hành về cổ đông (số lượng cổ đông, số lượng cổ phiếu và giá trị cổ phiếu xu hướng biến động giá cổ phiếu mà họ đang nắm giữ) để Công ty có thể đưa ra những quyết định dài hạn đối với chiến lược cổ phiếu của Công ty;
- ✓ Thiết lập và kiểm soát việc thực hiện công tác kế toán thống nhất tại Công ty và các công ty thành viên, công ty liên kết.

• **Chức năng của Bộ phận Kế toán tài chính:**

- ✓ Phản ánh hiện trạng và sự biến động về vốn, tài sản của doanh nghiệp dưới dạng báo cáo tài chính cụ thể về sự biến động các tài sản, và dòng tiền tệ trong các giao dịch đầu tư kinh doanh tại các thời điểm;
- ✓ Kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán, thống kê, quản lý tài sản, quản lý dòng tiền theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty;
- ✓ Thiết lập và kiểm soát việc thực hiện công tác kế toán tài chính thống nhất giữa Công ty và các Công ty thành viên, Công ty liên kết.

• **Chức năng của Bộ phận Kế toán Thuế:**

- ✓ Thiết lập và kiểm soát việc thực hiện công tác Kế toán thuế của Công ty và Công ty thành viên, Công ty liên kết đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước được tính đúng tính đủ không trùng lặp.

• **Chức năng của Bộ phận Hợp nhất Báo cáo Tài chính:**

Bộ phận Hợp nhất Báo cáo Tài chính chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp từ Kế toán trưởng và sự điều hành thống nhất từ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán, có các chức năng sau:



- ✓ Tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán của Công ty và các Công ty thành viên, công ty liên kết như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các pháp nhân riêng biệt của các công ty trong hệ thống quản lý của CTCP BCG Energy;
- ✓ Tham mưu và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính giúp HĐQT và Ban Điều hành nắm được tình hình sức khỏe tài chính, hiệu quả kinh doanh, nhận diện được những rủi ro tiềm ẩn để tránh và nắm bắt những cơ hội đầu tư mang lại lợi nhuận cao cho Công ty khi ra kế hoạch tài chính cho năm tài chính kế tiếp;
- ✓ Cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất cho các nhà đầu tư, tổ chức tài chính, cơ quan quản lý lâm cơ sở cho việc ra quyết định về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư vào Công ty của các nhà đầu tư.

**Khối Quản trị Tài chính:**

Khối Quản trị Tài chính chịu sự điều phối, giám sát, quản lý trực tiếp từ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán, có các chức năng sau:

- ✓ Tham mưu và giúp việc cho HĐQT, Ban điều hành Công ty trong công tác lập kế hoạch tài chính, đưa ra quyết định tài chính, tổ chức, chỉ đạo và kiểm soát các hoạt động nhằm tối đa hóa giá trị mà doanh nghiệp, tối đa hóa lợi nhuận và kinh doanh hiệu quả nhất của Công ty;
- ✓ Phối hợp với Khối Kế toán Tài chính, Khối Huy động vốn và Đánh giá hiệu quả đầu tư đảm bảo được nguồn vốn cung cấp cho hoạt động kinh doanh của Công ty, các công ty thành viên công ty liên kết diễn ra một cách thường xuyên và liên tục đúng kế hoạch;
- ✓ Chủ trì công tác xây dựng mô hình và chiến lược huy động vốn quốc tế nhằm tối ưu hóa chi phí vốn và đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phát triển của Công ty;
- ✓ Là đầu mối phối hợp thực hiện các công tác Thẩm định doanh nghiệp (DD), ký Điều khoản thương mại (TS), Thư dự định (LOI), Thỏa thuận mua bán (SPA), ... với các nhà đầu tư;
- ✓ Là đầu mối thực hiện các báo cáo hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả đầu tư định kỳ hoặc đột xuất cho HĐQT, Ban Điều hành Công ty và các nhà đầu tư chiến lược theo cam kết của hợp đồng đầu tư.

**Khối Mua sắm & Đấu thầu:**

Khối Mua sắm và Đấu thầu chịu sự điều phối, giám sát, quản lý trực tiếp từ Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty.

Khối Mua sắm và Đấu thầu có các chức năng sau:



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- ✓ Lập kế hoạch mua sắm, tiếp nhận, vận chuyển cung ứng kịp thời các loại vật tư thiết bị cho các giai đoạn tiến độ của dự án;
- ✓ Tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp vật tư thiết bị, ký kết hợp đồng mua sắm vật tư, thiết bị, hàng hóa;
- ✓ Khiếu nại và tiến hành các thủ tục yêu cầu bồi thường trong trường hợp sản phẩm không đạt các tiêu chí như cam kết trong hợp đồng cung cấp;
- ✓ Tham mưu cho Tổng Giám đốc, trong công tác tổ chức thực hiện đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị, đấu thầu chọn nhà thầu xây dựng, theo các hình thức được Bộ xây dựng và Luật Đấu thầu quy định.

### **Khối Kỹ thuật:**

Khối Kỹ thuật chịu sự điều phối, giám sát, quản lý trực tiếp từ Tổng Giám đốc, có chức năng sau:

- ✓ Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc chuyên trách trong lĩnh vực về kỹ thuật xây dựng công trình, kỹ thuật cơ khí; kỹ thuật điện, công tác quản lý chất lượng, định mức kinh tế kỹ thuật; công tác khoa học công nghệ và thiết bị;
- ✓ Tham mưu cho Tổng Giám đốc xây dựng các quy trình, tài liệu cho công tác thiết kế, nghiệm thu các hạng mục hoặc toàn dự án.

### **Khối Hỗ trợ Kinh doanh:**

Khối Hỗ trợ Kinh doanh chịu sự điều phối, giám sát, quản lý trực tiếp từ Giám đốc Hỗ trợ Kinh doanh, được tổ chức thành 2 phòng: gồm Phòng Nhân sự và Phòng Hành chính có các chức năng sau:

#### • Chức năng của Phòng Nhân sự:

- ✓ Tham mưu cho HĐQT và Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch tuyển dụng, đào tạo hàng năm;
- ✓ Chủ trì công tác tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, công tác chế độ chính sách cho người lao động, tiền lương, chăm sóc sức khỏe cho người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty.

#### • Chức năng của Phòng Hành chính:

- ✓ Chủ trì tổ chức thực hiện công tác hành chính của Công ty, đáp ứng các yêu cầu của các bộ phận, phòng, ban các công ty thành viên, công ty liên kết đảm bảo các hoạt động hàng ngày của Công ty được diễn ra liên tục, bình thường và hiệu quả.

**Khối Định mức và Giám sát:**

Khối Định mức và Giám sát chịu sự chỉ đạo điều hành, kiểm tra giám sát trực tiếp của Tổng Giám đốc có chức năng và nhiệm vụ chính sau:

- ✓ Tham mưu cho Ban Điều hành và Hội đồng quản trị trong công tác thẩm định định mức dự toán, thẩm định các phương án tài chính, xác định hiệu quả đầu tư các dự án;
- ✓ Xây dựng các quy trình phục vụ công tác Thẩm định các thiết kế, thẩm định kế hoạch tiến độ và công tác tổ chức giám sát tiến độ và chất lượng thi công dự án;

**Công ty thành viên lõi chuyên ngành:**

Các Công ty thành viên lõi chuyên ngành là hệ thống các công ty thành viên và công ty liên kết của CTCP BCG Energy, gồm các Công ty: CTCP Skylar, CTCP BCG Gaia, CTCP Aurai Wind Energy, Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M. Trong đó:

- ✓ **CTCP Skylar:** là công ty lõi thuộc nhóm các Công ty thành viên, Công ty liên kết triển khai dự án, vận hành kinh doanh mảng điện mặt trời áp mái (solar rooftop), trực tiếp chịu sự điều hành, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng dự án điện mặt trời áp mái kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Skylar.
- ✓ **CTCP BCG Gaia:** là công ty lõi thuộc nhóm các Công ty thành viên, Công ty liên kết triển khai dự án, vận hành kinh doanh mảng trang trại điện mặt trời (solar farm), trực tiếp chịu sự điều hành, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng dự án trang trại điện mặt trời kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần BCG Gaia.
- ✓ **CTCP Aurai Wind Energy:** là công ty lõi thuộc nhóm các Công ty thành viên, Công ty liên kết triển khai dự án, vận hành kinh doanh mảng trang trại điện gió, trực tiếp chịu sự điều hành, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng dự án trang trại điện gió kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Aurai Wind Energy.
- ✓ **CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa:** là công ty lõi thuộc nhóm các Công ty thành viên, Công ty liên kết triển khai dự án, vận hành kinh doanh mảng điện rác, trực tiếp chịu sự điều hành, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng dự án điện rác kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa.
- ✓ **Công ty TNHH Hanwha BCGE – O&M (CT TNHH HBOM):** là công ty lõi thuộc nhóm các Công ty thành viên, Công ty liên kết chịu trách nhiệm vận hành và bảo trì hoạt động cho các nhà máy sau khi xây dựng và bắt đầu giai đoạn vận hành và bảo trì các nhà máy/dự án, trực tiếp chịu sự điều hành, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc phụ trách các dự án tương ứng kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hanwha BCGE – O&M và Khối Kỹ thuật.



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các Công ty thành viên, Công ty liên kết lỗi chịu sự điều phối, giám sát, quản lý trực tiếp từ các Phó Tổng Giám đốc chuyên trách kiêm Tổng Giám đốc các Công ty thành viên, Công ty liên kết. Các Công ty thành viên, Công ty liên kết lỗi trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động đầu tư kinh doanh của hệ thống các Công ty thành viên, Công ty liên kết thuộc lĩnh vực phụ trách.

### **Ban Quản lý Dự án tại các Công ty thành viên, Công ty liên kết lỗi:**

Ban Quản lý Dự án chịu sự điều phối, giám sát, quản lý trực tiếp từ các Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm là Tổng Giám đốc các Công ty thành viên, Công ty liên kết lỗi, chuyên trách theo mảng hoạt động tương ứng (gọi tắt là Tổng Giám đốc các Công ty Dự án).

Ban Quản lý Dự án được tổ chức thành 3 bộ phận gồm: Bộ phận Quản lý Dự án, Bộ phận Quản lý Tài sản và Bộ phận Quản lý Khối lượng. Ban Quản lý Dự án có chức năng sau:

#### • Chức năng của Bộ phận Quản lý Dự án

- ✓ Tham mưu cho Tổng Giám đốc các Công ty dự án trong công tác quản lý dự án của Công ty.

#### • Chức năng của Bộ phận Quản lý Tài sản

- ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc phụ trách dự án trong công tác quản lý tài sản của Công ty dự án;
- ✓ Lập kế hoạch đảm bảo sản lượng bán điện, phương án bảo vệ, bảo quản tài sản, vật tư thiết bị nhà máy.

#### • Chức năng của Bộ phận Quản lý Khối lượng (Định giá xây dựng - QS)

- ✓ Tham mưu cho Phó Tổng Giám đốc phụ trách dự án về khối lượng các hạng mục, cập nhật và điều chỉnh kịp thời khối lượng của các hạng mục phát sinh vào hồ sơ dự toán;
- ✓ Cung cấp các chủng loại thiết bị vật tư, các đầu mục khối lượng dự toán;
- ✓ Quản lý đơn giá và tổng giá trị có liên quan đến dự án của Công ty.

### **Ban Môi trường và Xã hội:**

Tham mưu cho Ban điều hành và chịu quản lý trực tiếp của Tổng Giám Đốc Công ty về các giải pháp quản trị về tác động đến môi trường và xã hội phù hợp khuôn khổ và thông lệ Quốc tế, có tính đến các chi tiết cụ thể về vị trí dự án, quy mô dự án công ty triển khai đầu tư.

### **Phòng Pháp chế:**

Phòng Pháp chế chịu sự chỉ đạo, kiểm tra giám sát trực tiếp từ Tổng Giám đốc Công ty, có các chức năng sau:



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- ✓ Tham mưu cho Ban điều hành, Tổng Giám đốc các giải pháp pháp lý liên quan các hợp đồng mua bán, giao dịch, hợp tác, đầu tư, vay vốn, cho vay ..., kiểm tra tính chính xác của các thông tin, đảm bảo các hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành, không rơi vào tình huống vô hiệu;
- ✓ Đại diện Công ty trong hoạt động tố tụng (khi có phát sinh);
- ✓ Phối hợp với Pháp chế Tập Đoàn Bamboo Capital trong các hoạt động tư vấn, đại diện cho Công ty, Công ty thành viên, Công ty liên kết có liên quan.

### **Phòng Công nghệ Thông tin (IT):**

Phòng Công nghệ Thông tin chịu sự điều phối, giám sát, quản lý trực tiếp từ Tổng Giám đốc và chi đạo chuyên môn từ Phòng Công nghệ Thông tin của Công ty mẹ (CTCP Tập đoàn Bamboo Capital), có các chức năng sau:

- ✓ Tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc công tác xây dựng kế hoạch chiến lược, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty và các Công ty thành viên;
- ✓ Tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng, lựa chọn đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hiệu quả, đổi mới, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty và các Công ty thành viên, Công ty liên kết;
- ✓ Tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và vận hành hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu của Công ty và các Công ty thành viên, Công ty liên kết.

### **Phòng Quan hệ Nhà đầu tư (IR):**

Phòng Quan hệ Nhà đầu tư chịu sự điều phối, giám sát, quản lý trực tiếp từ Tổng Giám đốc, có các chức năng sau:

- ✓ Tham mưu và giúp việc cho Ban điều hành trong việc tổ chức thực hiện, quản lý các hoạt động truyền thông quan hệ đầu tư đối với các cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng trong nước và ngoài nước;
- ✓ Chủ trì công tác quản lý và tổ chức thực hiện ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, các sự kiện đối thoại của Công ty ra bên ngoài công chúng;
- ✓ Trực tiếp chủ trì công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- ✓ Giải quyết các thắc mắc từ cổ đông và nhà đầu tư, những người có quan tâm đến cổ phiếu, tình hình tài chính và hoạt động của Công ty.





4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/06/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước, nước ngoài</b>			
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>381</b>	<b>730.000.000</b>	<b>100</b>
1.1	Nhà nước	0	0	0
1.2	Tổ chức	03	365.800.000	50,1096
1.3	Cá nhân	378	364.200.000	49,8904
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>381</b>	<b>730.000.000</b>	<b>100</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông lớn, cổ đông khác</b>			
1	Cổ đông lớn	01	348.300.000	47,7123
2	Cổ đông khác	380	381.700.000	52,2876
	<b>Tổng cộng</b>	<b>381</b>	<b>730.000.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 11/06/2024 để nộp đăng ký lưu ký lên VSDC của BCG Energy)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 11/06/2024 như sau:

STT	Cổ đông	Giấy chứng nhận ĐKKD số	Địa chỉ trụ sở chính	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	0311315789	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	348.300.000	47,7123
<b>Tổng</b>				<b>348.300.000</b>	<b>47,7123</b>

(Nguồn: BCG Energy)

#### 4.3. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh Nghiệp: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó”. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

CTCP BCG Energy được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 08/06/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, do vậy đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng**

**5.1. Danh sách công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng**

❖ Công ty có 01 công ty mẹ, cụ thể:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
- Địa chỉ: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 5.334.676.220.000 đồng
- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0311315789 do sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

đầu ngày 07/11/2011 đăng ký thay đổi bổ sung từng thời điểm.

- Ngày thành lập: 07/11/2011
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý
- Tỷ lệ sở hữu tại BCG Energy: 47,7123%
- Tỷ lệ kiểm soát tại BCG Energy: 47,7123%
- Tỷ lệ biểu quyết tại BCG Energy: 51,41% (bao gồm cả cổ phiếu ủy quyền biểu quyết từ các cổ đông khác của BCG Energy).

❖ Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối khác đối với Công ty: Không có.

### 5.2. Danh sách công ty con, những công ty mà Công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Đến thời điểm 31/03/2024, Danh sách công ty con mà BCG Energy đã và đang nắm giữ như sau:

**Bảng 4. Danh sách các Công ty con của Công ty**

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại BCG Energy
<b>Công ty con kiểm soát trực tiếp</b>						
1	CTCP Năng lượng BCG Thanh Hóa	05/03/2018	1101876437	120	Sản xuất đồ điện dân dụng	0% - 0%
2	CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	08/07/2016	4101468169	1.835	Sản xuất điện	0% - 0%
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyễn	04/12/2015	5901023749	240	Sản xuất điện	0% - 0%
4	CTCP BCG Vĩnh Long	05/02/2018	1501079965	350	Sản xuất điện	0% - 0%
5	CTCP Skylar	21/11/2019	0316031692	500	Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	0% - 0%

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại BCG Energy
6	CTCP BCG GAIA	28/04/2021	0316831917	970	Hoạt động tư vấn quản lý	0% - 0%
7	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	02/02/2018	2200743415	600	Sản xuất điện	0% - 0%
8	Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	03/11/2020	2100661818	633	Sản xuất điện	0% - 0%
9	Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	03/11/2020	2100661825	875	Sản xuất điện	0% - 0%
10	CTCP Aurai Wind Energy	02/07/2020	0316363987	750	Sản xuất điện	0% - 0%
<b>Công ty con kiểm soát gián tiếp (*)</b>						
1	CTCP Phát triển Điện Gia Huy	26/02/2020	0109102803	30	Sản xuất điện	0% - 0%
2	CTCP Greensky Infinitive (**)	18/05/2020	0316278516	2,1	Sản xuất điện, lắp đặt hệ thống điện	0% - 0%
3	CTCP Herb Solar	16/09/2021	0316958952	7,8	Sản xuất điện	0% - 0%
4	CTCP Orchid Solar	15/09/2021	0316958430	7,8	Sản xuất điện	0% - 0%
5	CTCP Violet Solar	16/09/2021	0316957998	3	Sản xuất điện	0% - 0%
6	CTCP Năng Lượng Hanwha-BCG Băng Dương	08/04/2017	0314337438	785	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	0% - 0%



Bảng 5. Tỷ lệ sở hữu của BCG Energy tại các Công ty con và các Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 31/03/2024

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
<b>Công ty con kiểm soát trực tiếp</b>			
1	CTCP Năng lượng BCG Thanh Hóa	91,84	91,84
2	CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	41,28	51
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	51	51
4	CTCP BCG Vĩnh Long	50,50	50,50
5	CTCP Skylar	99	99
6	CTCP BCG GAIA	50,23	50,97
7	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	90	90
8	Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	90,16	100
9	Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	92,71	100
10	CTCP Aurai Wind Energy	99	99
<b>Công ty con kiểm soát gián tiếp (*)</b>			
1	CTCP Greensky Infnitive	0	99,80
2	CTCP Herb Solar	0	69
3	CTCP Orchid Solar	0	69
4	CTCP Violet Solar	0	69
5	CTCP Phát Triển Điện Gia Huy	0	99,8
6	CTCP Năng Lượng Hanwha-BCG Băng Dương	0,1	99,9
7	CTCP Năng Lượng BCG-Băng Dương	0,1	99,9
<b>Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp</b>			

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại BCG Energy
7	CTCP Năng Lượng BCG-Băng Dương	18/08/2016	0313970937	360	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	0% - 0%
<b>Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp</b>						
1	Công ty TNHH Skylight Power	30/07/2018	0315194609	50	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện năng lượng mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)	0% - 0%
2	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	19/06/2020	0316338966	4,5	Truyền tải và phân phối điện	0% - 0%
<b>Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con</b>						
<b>Công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Skylar</b>						
1	CTCP BCG-SP Greensky	05/07/2021	0316928919	546,224	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và sản xuất điện	0% - 0%

Nguồn: BCG Energy

(\*) Ngày 20/02/2024 CTCP Cosmos Solar đã giải thể theo thông báo của Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty chỉ còn 07 công ty con gián tiếp.

(\*\*) CTCP Greensky Infnitive do tình hình nhu cầu sử dụng vốn kinh doanh thực tế nên cổ đông đã thông qua việc điều chỉnh đã giảm vốn từ 116 tỷ xuống 2,1 tỷ và đã điều chỉnh thay đổi đăng ký doanh nghiệp.

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Skylight Power	50	50
2	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	49	49
<b>Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua công ty con</b>			
1	CTCP BCG-SP Greensky	0	50

Nguồn: BCG Energy

(\*) Ngày 20/02/2024 CTCP Cosmos Solar đã giải thể theo thông báo của Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty chỉ còn 07 công ty con gián tiếp.

Tính đến thời điểm 11/06/2024, Công ty có thành lập thêm một số công ty con với tỷ lệ sở hữu cụ thể như sau:

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Giấy chứng nhận ĐKDN số	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của BCG Energy tại công ty con (%)
1	CTCP BCG điện gió Điện Biên Đông	24/04/2024	5600345862	30	Sản xuất điện	99,98-99,98
2	CTCP Aton	03/06/2024	0318486286	5	Truyền tải và phân phối điện	85-85

Nguồn: BCG Energy

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

BCG Energy được thành lập vào tháng 06/2017 và hoạt động như một công ty nắm giữ vốn (holding company) theo hình thức đầu tư vào các công ty con để phát triển mảng năng lượng tái tạo của CTCP Tập Đoàn Bamboo Capital.

Năng lượng tái tạo đang được coi là một phần không thể thiếu để đáp ứng nhu cầu điện của Việt Nam với mục tiêu 12 GW năng lượng mặt trời mới trong giai đoạn 2017-2030. Do đó, BCG Energy

hiện đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo bao gồm: điện mặt trời, điện mặt trời áp mái, điện gió và điện rác...trên nhiều tỉnh thành. Để phù hợp với đặc thù và tăng cường quản lý điều hành, mỗi dự án cánh đồng năng lượng mặt trời, điện gió đều được trực tiếp quản lý, triển khai, và phát triển bởi các công ty thành viên là doanh nghiệp dự án do BCG Energy sở hữu (trực tiếp hoặc gián tiếp) tại địa bàn. Riêng các dự án điện mặt trời mái nhà được phát triển và vận hành bởi một nhóm các doanh nghiệp do BCG Energy sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Mảng điện mặt trời và điện áp mái của BCG Energy có doanh thu chủ yếu đến từ bán điện. Đối với điện mặt trời, khách hàng của các công ty dự án là các công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); đối với các dự án điện áp mái, khách hàng của các công ty dự án gồm các công ty mua bán điện thuộc EVN và các doanh nghiệp có nhà máy tiêu thụ trực tiếp điện do các công ty dự án kinh doanh điện áp mái sản xuất. Tài sản chính của công ty dự án gồm tấm pin, inverter, khung giá đỡ, v.v phục vụ cho hoạt động sản xuất điện.

Tương tự mảng điện mặt trời, đối với mảng điện gió, mô hình kinh doanh của công ty dự án là đầu tư trang thiết bị máy móc, turbine phục vụ hoạt động sản xuất điện. Nguồn doanh thu chính của các công ty dự án điện gió được dự kiến là doanh thu từ bán điện cho các công ty mua bán điện thuộc EVN. Hiện nay, các dự án điện gió của BCG Energy đang trong quá trình phát triển, xây dựng và chưa đi vào vận hành.

Đối với mảng đốt rác phát điện, lĩnh vực mới nhất mà BCG Energy vừa tham gia, các công ty dự án thuộc mảng này sẽ có hai nguồn doanh thu chính: doanh thu từ xử lý rác và doanh thu dự kiến từ bán điện. Đơn giá cho doanh thu xử lý rác khác nhau tùy vào từng địa phương (hiện đơn giá xử lý rác tại thành phố Hồ Chí Minh đang cao nhất), đơn giá bán điện dự kiến áp dụng chung cho các dự án và không phụ thuộc vào địa điểm dự án.

Tính đến hiện tại, BCG Energy đã vận hành thành công 594,4 MWp các dự án nhà máy điện mặt trời và điện mặt trời áp mái, bao gồm: Nhà máy điện mặt trời BCG Băng Dương (40,6 MWp), Nhà máy điện mặt trời GAIA (100,5 MWp), Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ (330 MWp), Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long (49,3 MWp) và các dự án điện mặt trời áp mái (74 MWp). BCG Energy đang triển khai danh mục các Dự án với tổng công suất 229 MW và các Dự án trong kế hoạch triển khai trong tương lai lên đến 670 MW. Mục tiêu của BCG Energy đến năm 2026 đạt tổng công suất 2 GW và đa dạng hóa danh mục đầu tư năng lượng tái tạo với chỉ phí đầu tư thấp và tỷ lệ IRR các dự án cao, trung bình khoảng 10% - 14%.

Tính đến 15/06/2024, tình hình hoạt động tại từng lĩnh vực của BCG Energy như sau:

#### **+ Điện mặt trời:**

Từ cuối năm 2020 đến nay, BCG Energy đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong mảng điện mặt trời khi ghi nhận dòng tiền từ hoạt động bán điện, với tổng công suất phát điện lên đến 520,4 MWp.

Đặc biệt, trong năm 2023, giai đoạn 2 dự án Phú Mỹ 1 và Phú Mỹ 3 với tổng công suất 114 MWp đã được công nhận vận hành thương mại vào ngày 30/05/2023, đây là dự án điện mặt trời chuyển tiếp đầu tiên được kết nối vào lưới điện. Điều này không chỉ đánh dấu sự hoàn thành một cách thành công của dự án mà còn là bước tiến quan trọng trong việc mở rộng quy mô hoạt động của Công ty trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.



Ngoài ra, trong năm 2023, BCG Energy cũng đã hoàn tất chương trình chạy thử nghiệm đối với phần công suất 21 MWp của dự án NĐMT Krông Pa 2 tại Gia Lai.

Trước những khó khăn làm ảnh hưởng đến dòng tiền đầu tư, BCG Energy đã tích cực thúc đẩy các hoạt động củng cố cơ cấu tài chính dự án nhằm giảm thiểu chi phí tài chính cho Công ty, như một cách tiếp cận linh hoạt trong việc đối phó với những thách thức và tạo ra môi trường ổn định cho các dự án năng lượng tái tạo của mình.

**Bảng 6. Tình hình triển khai các dự án điện mặt trời**

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Dự án/ Lĩnh vực kinh doanh	Vị trí	Tiến độ dự án
<b>Dự án đã đưa vào vận hành</b>					
1	CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	1.835	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1, công suất 120 MWp, trong đó:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giai đoạn 1: 36,92458 MWp;</li> <li>+ Giai đoạn 2: 83,07542 MWp.</li> </ul> </li> <li>- Dự án Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 2, công suất 110 MWp</li> <li>- Dự án Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 3, công suất 100 MWp, trong đó:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giai đoạn 1: 68,881 MWp;</li> <li>+ Giai đoạn 2: 31,119 MWp.</li> </ul> </li> </ul>	Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định	Với tổng công suất 330 MWp, nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1,2 và 3 là nhà máy điện mặt trời lớn nhất tỉnh Bình Định, được đưa vào vận hành từ năm 2020 phần công suất 216 MWp và ghi nhận sản lượng và dòng doanh thu ổn định qua các năm. Năm 2023, BCG Energy đã ghi nhận thêm phần doanh thu từ phần công suất 114 MWp của giai đoạn 2 của dự án Phù Mỹ 1 và Phù Mỹ 3 nhờ việc hoàn tất đàm phán giá điện chuyển tiếp tạm thời với EVN trong tháng 5/2023.
2	CTCP BCG Vĩnh Long	350	Dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long 49,3 MWp	Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	Được đưa vào vận hành từ năm 2020 và ghi nhận dòng doanh thu ổn định qua các năm.
3	CTCP Năng Lượng BCG-Băng Dương	360	Dự án Nhà máy điện mặt trời BCG Băng Dương 40,6 MWp	Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An	Dự án được đưa vào vận hành năm 2019 và ghi nhận dòng doanh thu ổn định qua các năm.

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Dự án/ Lĩnh vực kinh doanh	Vị trí	Tiến độ dự án
4	CTCP Năng lượng Hanwha – BCG Băng Dương	785	Dự án Nhà máy điện mặt trời GAIA 100,5 MWp	Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An	Dự án được đưa vào vận hành năm 2020 và ghi nhận dòng doanh thu ổn định qua các năm.
<b>Dự án đang triển khai</b>					
5	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	240	Dự án điện mặt trời Krông Pa 2 49 MWp	Huyện Krông Pa, Tỉnh Gia Lai	Đã hoàn thành xây dựng và chạy thử phần công suất 21Mwp/49 MWp của dự án. Dự kiến sẽ hoàn tất thủ tục công nhận ngày vận hành thương mại vào quý IV/2024

**+ Điện mặt trời áp mái:**

Dù đối mặt với nhiều thách thức trong việc triển khai dự án, đặc biệt là từ các quy định pháp lý về Giấy phép xây dựng, PCCC, Giấy phép môi trường và chính sách mua bán điện. Nhưng tính đến 15/06/2023, BCG Energy đã thành công COD được 44 dự án điện áp mái, đạt tổng công suất 74,07 MWp và đang triển khai thêm 23 dự án (15,9 MWp). Đây là nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ, người lao động tại Công ty trong việc thực hiện triển khai các dự án và tối ưu hóa hiệu suất sản xuất năng lượng mặt trời.

**Bảng 7. Tình hình triển khai các dự án điện mặt trời áp mái**

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Dự án/ Lĩnh vực kinh doanh	Vị trí	Tiến độ dự án
<b>Dự án đã đưa vào vận hành</b>					
1	36 doanh nghiệp thực hiện dự án điện mặt trời mái nhà do CTCP Skylar nắm giữ đa số một cách trực		Triển khai các dự án điện mặt trời trên mái nhà, cung ứng năng lượng điện cho chủ mái, trong đó có một số dự án đang cung ứng trực tiếp vào lưới điện quốc gia EVN.		- 44 dự án điện mặt trời áp mái đã đi vào vận hành với tổng công suất là 74 MWp. - Trong năm 2022 - 2023, Công ty đã đưa vào hoạt động thêm 22 MWp điện mặt trời áp mái, trong đó có 16 MWp tự phát triển và 6 MWp thông qua hoạt động M&A.

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Dự án/ Lĩnh vực kinh doanh	Vị trí	Tiến độ dự án
	tiếp hoặc gián tiếp qua các công ty con và công ty liên doanh				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm 2024 có thêm dự án đang thi công bán điện cho khách hàng doanh nghiệp/ Chủ mái: 10MWp</li> <li>- Kế hoạch trung hạn mở rộng bán điện cho khách hàng doanh nghiệp/ Chủ mái: 30MWp</li> <li>- Mục tiêu tới cuối năm tăng sản lượng điện mặt trời từ 67MWp lên 167MWp.</li> </ul>
<b>Dự án đang triển khai</b>					
2	Các doanh nghiệp thực hiện dự án điện mặt trời áp mái do CTCP Skylar nắm giữ đa số một cách trực tiếp hoặc gián tiếp qua các công ty con và công ty liên doanh		Các dự án điện mặt trời mái nhà		23 dự án điện mặt trời mái nhà đang trong quá trình xây dựng với tổng công suất lắp đặt dự kiến là 15,9 MWp.

**+ Điện gió:**

Trong năm 2023, BCG Energy đã triển khai 180 MW điện gió gần bờ, phối hợp chặt chẽ với tiến trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và chính sách giá điện mới của Chính phủ. Cụ thể, bao gồm Dự án NMDG Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 (phần kỳ 1 công suất 40 MW, phần kỳ 2 công suất 60 MW) và một phần của dự án Nhà máy điện gió Đông Thành

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

1 (80 MW). Tới thời điểm tháng 12/2023, cả hai dự án này đã hoàn thành các công tác ký kết hợp đồng EPC, các công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn.

**Bảng 8. Tình hình triển khai các dự án điện gió**

TT	Tên Công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Dự án/ Lĩnh vực kinh doanh	Vị trí	Tiến độ dự án
<b>Dự án đang triển khai</b>					
1	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	600	- Dự án Nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1 - Loại hình: điện gió trên bờ - Công suất: 50 MW	Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng	Đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý. Dự kiến sẽ hoàn thành xây dựng và đi vào vận hành năm 2025.
2	Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	633	- Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1 - Loại hình: điện gió gần bờ - Công suất: 80 MW	Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	Đã hoàn thành các công tác ký kết hợp đồng tổng thầu (EPC), các công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn. Dự kiến sẽ hoàn thành xây dựng và đi vào vận hành năm 2025.
3	Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	875	Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1 - Loại hình: điện gió gần bờ - Công suất: 120 MW	Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	Đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục pháp lý. Dự kiến sẽ hoàn thành xây dựng và đi vào vận hành năm 2025.

**+ Hoạt động hợp tác đầu tư:**

BCG Energy hoạt động theo hình thức công ty holding (công ty nắm giữ vốn), đầu tư vào các công ty con có hoạt động phát triển các dự án năng lượng điện mặt trời, điện gió và điện rác thông qua một số các dự án cụ thể như sau:

Stt	Tên dự án	Thông tin dự án
<b>Các dự án điện gió</b>		
1	Nhà máy điện gió khu du lịch Khai Long – Cà Mau (giai đoạn 1)	- Dự án do CTCP Điện gió BCG Khai Long 1 là chủ đầu tư với công suất 100 MW; - Tổng mức đầu tư: 6.320,1 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình xây dựng, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2025.

2	Nhà máy điện gió Khai Long (giai đoạn 2)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án do CTCP Điện gió BCG Khai Long 2 là chủ đầu tư với công suất dự kiến 100 MW;</li> <li>- Tổng mức đầu tư dự kiến: 5.752,6 tỷ đồng</li> <li>- Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2025</li> </ul>
3	Dự án Nhà máy Điện gió BCG Điện Biên 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án có công suất 175 MW;</li> <li>- Tổng mức đầu tư dự kiến: 5.087,2 tỷ đồng</li> <li>- Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2027.</li> </ul>
4	Dự án Nhà máy Điện gió BCG Điện Biên 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án có công suất dự kiến 175 MW;</li> <li>- Tổng mức đầu tư dự kiến: 5.294,8 tỷ đồng</li> <li>- Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2027.</li> </ul>
<b>Các dự án điện mặt trời</b>		
5	Dự án Nhà máy điện mặt trời năng lượng Hoa hướng dương (Dự án Sunflower)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án do CTCP Năng lượng BCG Thanh Hoá là chủ đầu tư với công suất dự kiến 50 MWp;</li> <li>- Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.130 tỷ đồng</li> <li>- Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành sau năm 2030.</li> </ul>
6	Nhà máy Điện mặt trời Đức Huệ VNT3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án có công suất dự kiến 50 MWp;</li> <li>- Tổng mức đầu tư dự kiến: 967,9 tỷ đồng</li> <li>- Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành sau năm 2030.</li> </ul>
7	Nhà máy Điện mặt trời Đức Huệ VNT1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án có công suất dự kiến 50 MWp;</li> <li>- Tổng mức đầu tư dự kiến: 1062,9 tỷ đồng</li> <li>- Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành sau năm 2030.</li> </ul>
8	Nhà máy Điện mặt trời Đức Huệ VNT2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án có công suất dự kiến 50 MWp;</li> <li>- Tổng mức đầu tư dự kiến: 878,4 tỷ đồng</li> <li>- Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành sau năm 2030.</li> </ul>
9	Nhà máy Điện mặt trời Đức Huệ VNT4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án có công suất dự kiến 50 MWp;</li> <li>- Tổng mức đầu tư dự kiến: 967,5 tỷ đồng</li> <li>- Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành sau năm 2030.</li> </ul>
<b>Các dự án Đốt rác phát điện</b>		
10	Nhà máy Đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án có công suất phát điện dự kiến 40 MW; (công suất xử lý đốt rác 2.000 tấn/ngày đêm)</li> </ul>

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

		- Tổng mức đầu tư: 4.966,6 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2026.
11	Nhà máy Đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa - Long An	- Dự án có công suất dự kiến 10 MW; (công suất xử lý đốt rác 500 tấn/ngày đêm) - Tổng mức đầu tư: 1.586 tỷ đồng - Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2026.
12	Nhà máy điện rác Hòn Đất	- Dự án có công suất dự kiến 10 MW; (công suất xử lý đốt rác 500 tấn/ngày đêm) - Dự án đang trong quá trình phát triển, dự kiến đi vào vận hành vào năm 2026.

*(Nguồn: BCG Energy)***6.2. Cơ cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận các hoạt động chính của Công ty****6.2.1. Cơ cấu doanh thu của Công ty****Bảng 9. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng***Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chi tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng/ giảm 2023/2022	Quý I/2024	
		Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT		Giá trị	%TDT
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>67.391,80</b>	<b>11,41%</b>	<b>48.042,52</b>	<b>7,31%</b>	<b>-28,71%</b>	<b>7.967,87</b>	<b>8,14%</b>
1	Doanh thu cung cấp hàng hóa, thành phẩm	1.212,41	0,21%	0	0,00%	-100,00%	0	0,00%
-	<i>Doanh thu điện mặt trời</i>	1.212,41	0,21%	0	0,00%	-100,00%	0	0,00%
-	<i>Doanh thu điện gió</i>	0	0,00%	0	0,00%	N/A	0	0,00%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	62.371,25	10,56%	48.042,52	7,31%	-22,97%	7.967,87	8,14%
3	Doanh thu khác	3.808,15	0,64%	0	0	-100,00%	0	0,00%
	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>523.146,44</b>	<b>88,57%</b>	<b>603.758,33</b>	<b>91,86%</b>	<b>15,41%</b>	<b>89.868,68</b>	<b>91,86%</b>
	<b>Thu nhập khác</b>	<b>87,38</b>	<b>0,01%</b>	<b>5.456,15</b>	<b>0,83%</b>	<b>6.144,16%</b>	<b>0,001</b>	<b>0,00%</b>



STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng/ giảm 2023/2022	Quý I/2024	
		Giá trị	%TDT	Giá trị	%TDT		Giá trị	%TDT
	<b>Tổng doanh thu (TDT)</b>	<b>590.625,63</b>	<b>100,00%</b>	<b>657.257,00</b>	<b>100,00%</b>	<b>11,28%</b>	<b>97.836,55</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG Energy)

**Bảng 10. Cơ cấu doanh thu của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất**

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng/ giảm 2023/2022	Quý I/2024	
		Giá trị	%TDT	Giá trị	% TDT		Giá trị	% TDT
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.063.783,61</b>	<b>49,42%</b>	<b>1.125.647,32</b>	<b>58,66%</b>	<b>5,82%</b>	<b>320.454,42</b>	<b>60,70%</b>
1	Doanh thu cung cấp hàng hoá, thành phẩm	1.003.126,56	46,60%	1.084.075,18	56,50%	8,07%	315.888,36	59,84%
-	Doanh thu điện mặt trời	1.003.126,56	46,60%	1.084.075,18	56,50%	8,07%	315.888,36	59,84%
-	Doanh thu điện gió	0	0,00%	0	0,00%	N/A	0	0,00%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.444,65	2,76%	41.572,14	2,17%	-30,07%	4.566,06	0,86%
3	Doanh thu khác	1.212,41	0,06%	0	0,00%	-100,00%	0	0,00%
	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>948.149,07</b>	<b>44,05%</b>	<b>744.073,57</b>	<b>38,78%</b>	<b>-21,52%</b>	<b>137.887,27</b>	<b>26,12%</b>
	<b>Thu nhập khác</b>	<b>140.553,68</b>	<b>6,53%</b>	<b>49.116,68</b>	<b>2,56%</b>	<b>-65,05%</b>	<b>69.589,84</b>	<b>13,18%</b>
	<b>Tổng doanh thu (TDT)</b>	<b>2.152.486,37</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.918.837,56</b>	<b>100,00%</b>	<b>-10,85%</b>	<b>527.931,53</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, năm 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)

Năm 2023, Tổng Doanh thu của Công ty đạt 1.918.837,56 triệu đồng, giảm 233.648,81 triệu đồng, tương ứng với giảm 10,85% so với năm 2022. Nguyên nhân là do Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác giảm lần lượt là 21,52% và 65,05% so với năm 2022.



- Đối với doanh thu thuần hợp nhất của Công ty trong năm 2023 đã đạt được 1.125.647,32 triệu đồng, tăng 61.863,71 triệu đồng, tương ứng với tăng 5,82% so với năm 2022. Trong đó, doanh thu từ điện mặt trời chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu qua từng năm, năm 2022 chiếm 46,6% trong khi năm 2023 chiếm 56,50% trong tổng doanh thu. Doanh thu điện mặt trời có sự tăng trưởng 8,07% so với năm 2022 do đóng góp từ sản lượng điện của Nhà máy Phù Mỹ Giai đoạn 2 với công suất 114MW từ tháng 6 năm 2023. Doanh thu cung cấp dịch vụ và Doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của năm 2022 và năm 2023, hoạt động này chủ yếu bao gồm dịch vụ tư vấn đầu tư và tư vấn quản lý cho các dự án mà BCG Energy và các công ty con của BCG Energy đang đầu tư. Cụ thể, doanh thu từ cung cấp dịch vụ trong năm 2023 đạt 41.572,14 triệu đồng, giảm 17.872,51 triệu đồng, tương ứng với mức giảm 30,07% so với năm 2022. Nguyên nhân là do năm 2023 phát sinh các khoản hợp đồng tư vấn có tính chất chỉ thực hiện một lần ít hơn năm 2022.
- Đối với doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2023 của Công ty đạt 744.073,57 triệu đồng, giảm 21,52% so với năm 2022 đạt 948.149,07 triệu đồng. Doanh thu hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng 44,05% năm 2022 và giảm 21,52% xuống còn 38,78% trong tổng doanh thu của năm 2023. Doanh thu này chủ yếu gồm thu nhập đến từ các khoản tiền gửi, tiền tiết kiệm và thu nhập từ các khoản Hợp tác kinh doanh về các Dự án điện gió, điện mặt trời. Trong năm 2023, doanh thu hoạt động tài chính giảm là do năm 2022 BCG Energy phát sinh Doanh thu tài chính từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư ở công ty con và đánh giá lại khoản đầu tư theo giá trị hợp lý với tổng số tiền 300 tỷ đồng; trong khi đó lợi nhuận từ chuyển nhượng khoản đầu tư năm 2023 của Công ty chỉ ghi nhận ở mức 773 triệu đồng.
- Đối với Thu nhập khác đạt 49.116,68 triệu đồng, giảm 65,05% so với năm 2022. Tuy nhiên, đây là khoản thu nhập chiếm tỷ trọng nhỏ trong Tổng Doanh thu của Công ty, cụ thể chiếm 2,56% trong tổng doanh thu chủ yếu do đóng góp từ hoạt động mua bán chứng chỉ carbon. Trong khi đó, năm 2022 thu nhập khác phần lớn đến từ lợi nhuận do chuyển nhượng các dự án điện mặt trời áp mái.

Tổng Doanh thu trong Quý I năm 2024 của Công ty đạt 527.931,53 triệu đồng, tăng 99.605,93 triệu đồng, tương ứng với mức tăng trưởng 23,25% so với cùng kỳ năm 2023 (Tổng doanh thu của Quý I/2023 đạt 428.325,60 triệu đồng). Trong đó, chủ yếu là sự tăng trưởng từ doanh thu thuần của Công ty trong Quý I/2024 đạt 320.454,42 triệu đồng, tăng 75.763,76 triệu đồng, tương ứng với mức tăng 30,96% so với cùng kỳ năm 2022 (Quý I năm 2023 doanh thu thuần đạt 244.690,66 triệu đồng). Nguyên nhân đóng góp từ sản lượng điện của Nhà máy Phù Mỹ Giai đoạn 2 với công suất 114MW đi vào vận hành thương mại từ tháng 6 năm 2023.

#### 6.2.2. Cơ cấu chi phí của Công ty

**Bảng 11. Cơ cấu chi phí của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng**





Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng/ giảm 2023/2022	Quý I/2024	
		Giá trị	%TCP	Giá trị	%TCP		Giá trị	% TDT
1	Giá vốn hàng bán	34.186,39	6,42%	25.293,50	4,72%	-26,01%	6.415,73	12,03%
-	Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	1.188,63	0,22%	0	0,00%	-100,00%	0	0,00%
+	Giá vốn điện mặt trời	1.188,63	0,22%	0	0,00%	-100,00%	0	0,00%
+	Giá vốn điện gió	0	0,00%	0	0,00%	N/A	0	0,00%
-	Giá vốn cung cấp dịch vụ	29.186,65	5,47%	25.293,50	4,72%	-13,34%	6.415,73	12,03%
-	Giá vốn khác	3.811,10	0,71%	0	0,00%	-100,00%	0	0,00%
2	Chi phí tài chính	463.190,28	86,82%	475.598,25	88,82%	2,68%	40.619,55	76,15%
3	Chi phí bán hàng	0	0,00%	0	0,00%	N/A	0	0,00%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.419,28	6,45%	34.103,04	6,37%	-0,92%	6.294,93	11,80%
5	Chi phí khác	548,06	0,10%	483,07	0,09%	-11,86%	8,38	0,02%
<b>Tổng chi phí (TCP)</b>		<b>532.344,00</b>	<b>100,00%</b>	<b>535.477,87</b>	<b>100,00%</b>	<b>0,59%</b>	<b>53.338,59</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, năm 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG Energy)



**Bảng 12. Cơ cấu chi phí của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất**
*Đơn vị tính: triệu đồng*

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng/ giảm 2023/2022	Quý I/2024	
		Giá trị	%TCP	Giá trị	%TCP		Giá trị	%TCP
1	Giá vốn hàng bán	546.957,30	29,68%	590.598,77	29,29%	7,98%	168.439,91	36,26%
-	Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	496.317,18	26,93%	549.820,71	27,27%	10,78%	0	0,00%
+	Giá vốn điện mặt trời	496.317,18	26,93%	549.820,71	27,27%	10,78%	158.097,41	34,04%
+	Giá vốn điện gió	0	0,00%	0	0,00%	N/A	0	0,00%
-	Giá vốn cung cấp dịch vụ	49.451,48	2,68%	40.778,06	2,02%	-17,54%	10.342,50	2,22%
-	Giá vốn khác	1.188,63	0,06%	0	0	-100,00%	0	0,00%
2	Chi phí tài chính	1.196.483,61	64,92%	1.345.278,22	66,72%	12,44%	250.274,51	53,88%
3	Chi phí bán hàng	6.118,93	0,33%	19,72	0,00%	-99,68%	3,28	0,00%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	81.538,38	4,42%	70.352,39	3,49%	-13,72%	14.890,99	3,21%
5	Chi phí khác	11.875,15	0,64%	9.904,72	0,49%	-16,59%	30.893,21	6,65%
	<b>Tổng chi phí (TCP)</b>	<b>1.842.973,37</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.016.153,83</b>	<b>100,00%</b>	<b>9,40%</b>	<b>464.501,90</b>	<b>100,00%</b>

*(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, năm 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)*

Tổng Chi phí của Công ty có xu hướng biến động trong giai đoạn năm 2021 đến Quý I/2024. Trong đó, Chi phí tài chính có giá trị và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty, cụ thể: Chi phí tài chính trong năm 2023 đạt 1.345.278,22 triệu đồng, tăng 148.794,61 triệu đồng so với năm 2022, tương ứng tăng 12,44%. Yếu tố làm tăng chi phí tài chính phần lớn chủ yếu đến từ chi phí lãi vay và lỗ do đánh giá lại tỷ giá các khoản mục ngoại tệ. Điều này là hoàn toàn hợp lý đối với tình hình hoạt động của BCG Energy thị trường kinh tế năm 2023 với sự gia tăng trong lãi suất của các khoản vay ngân hàng kết hợp sự biến động tăng của tỷ giá ngoại tệ tại thời điểm cuối năm 2023.

Giá vốn hàng bán năm 2023 đạt 590.598,77 triệu đồng, tăng 43.641,47 triệu đồng, tương ứng với tăng 7,98% so với năm 2022, đây là chi phí chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu tổng chi phí của Công ty.



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trong đó, giá vốn điện mặt trời chiếm tỷ trọng chủ yếu, chiếm tỷ trọng lần lượt là 26,93% và 27,27% tổng chi phí trong năm 2022 và năm 2023. Nguyên nhân là do Nhà máy Phú Mỹ Giai đoạn 2 với công suất 114MW đi vào vận hành thương mại từ tháng 6 năm 2023 dẫn đến sự gia tăng trong chi phí khấu hao dự án và các chi phí liên quan. Giá vốn cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng cơ cấu chi phí, đây là khoản giá vốn đến từ chi phí lương, các dịch vụ mua ngoài để phục vụ cho hoạt động tư vấn đầu tư và tư vấn quản lý cho các dự án mà BCG Energy và các công ty con của BCG Energy đang đầu tư.

Cơ cấu Tổng chi phí của Công ty tính đến hết Quý I/2024 đạt 464.501,90 triệu đồng, giảm 17.260,04 triệu đồng, tương ứng với mức giảm 3,58% so với cùng kỳ năm 2023 (Tổng chi phí của Quý I/2023 đạt 481.761,95 triệu đồng). Mặc dù giá vốn hàng bán Quý I/2024 tăng thêm 38.906,13 triệu đồng, tương ứng mức tăng 30,04% so với cùng kỳ năm trước (Giá vốn hàng bán Quý I/2023 là 129.533,78 triệu đồng) nhưng chi phí tài chính của Công ty có sự giảm rõ rệt đạt 250.274,51 triệu đồng trong Quý I/2024, giảm 25,19% so với cùng kỳ năm ngoái (Chi phí tài chính Quý I/2023 đạt 334.565,45 triệu đồng). Nguyên nhân chính do tại thời điểm cuối năm 2023, Công ty đã tắt toán khoản trái phiếu phát hành riêng lẻ do CTCP Chứng Khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành với tổng giá trị 2.500 tỷ đồng. Tổng chi phí giảm trong khi tổng doanh thu tăng so với cùng kỳ năm 2023, điều này cho thấy sự phục hồi của Công ty sau những biến động của nền kinh tế và kỳ vọng tăng trưởng của Công ty trong thời gian sắp tới.

### 6.2.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

**Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Sản phẩm	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm 2023/2022	Quý I/2024
Lợi nhuận từ cung cấp hàng hóa, thành phẩm	23,77	0	-100%	0
+ Lợi nhuận từ điện mặt trời	23,77	0	-100%	0
+ Lợi nhuận từ điện gió	0	0	N/A	0
Lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ	33.184,59	22.749,02	-31,45%	1.552,14
Lợi nhuận khác	(2,95)	0	-100,00%	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.205,42</b>	<b>22.749,02</b>	<b>-31,49%</b>	<b>1.552,14</b>

*(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG Energy)*

**Bảng 14. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất**

*Đơn vị tính: triệu đồng*



Sản phẩm	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm 2023/2022	Quý I/2024
Lợi nhuận từ cung cấp hàng hóa, thành phẩm	506.809,37	534.254,47	5,42%	157.790,95
+ Lợi nhuận từ điện mặt trời	506.809,37	534.254,47	5,42%	157.790,95
+ Lợi nhuận từ điện gió	0	0	N/A	0
Lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ	9.993,17	794,08	-92,05%	-5.776,44
Lợi nhuận khác	23,77	0	-100,00%	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>516.826,31</b>	<b>535.048,55</b>	<b>3,53%</b>	<b>152.014,51</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, năm 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)

#### 7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất

Những biến động của tình hình thế giới ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam, vì vậy cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh doanh của BCG Energy. Tuy nhiên, bằng nỗ lực Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên, BCG Energy đã cố gắng hoàn thành được kế hoạch đề ra như hoàn thành xây dựng được giai đoạn 1 của dự án Krôngpa 2 (21 MWp) nhằm kịp đưa dự án vào danh sách các dự án chuyển tiếp của Bộ Công thương và một số dự án điện gió vào danh sách triển khai của Kế hoạch thực hiện Điện 8 của Thủ tướng chính phủ,...

Ngoài ra, Ban lãnh đạo luôn tuân thủ các chủ trương chính sách của HĐQT, linh hoạt trong việc triển khai các chiến lược kinh doanh, và phối hợp chặt chẽ với CBNV nhằm tận dụng các cơ hội phát triển tiềm năng trên thị trường, giảm thiểu rủi ro từ biến động vĩ mô để hoàn thành các mục tiêu kinh doanh mà Công ty đã đề ra.

Hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 và Quý I năm 2024 như sau:

**Bảng 15. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo BCTC riêng**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm 2023/2022	Quý I/2024
Tổng giá trị tài sản	9.021.170,99	8.540.591,28	(5,33%)	9.244.422,09
Vốn chủ sở hữu	4.438.848,82	7.360.624,36	65,82%	7.405.122,32
Doanh thu thuần	67.391,80	48.042,52	(28,71%)	7.967,87
Giá vốn hàng bán	34.186,39	25.293,50	-26,01%	6.415,73



Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm 2023/2022	Quý I/2024
Chi phí tài chính	463.190,28	475.598,25	2,68%	40.619,55
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	58.742,31	116.806,06	98,84%	44.506,34
Lợi nhuận khác	(460,67)	4.973,08	1.179,52%	(8,38)
Lợi nhuận trước thuế	58.281,63	121.779,13	108,95%	44.497,96
Lợi nhuận sau thuế	58.281,63	121.775,53	108,94%	44.497,96
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	//	//	//	//
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	//	//	//	//
Tỷ lệ LNST trên VCSH	1,31%	1,65%	//	0,60%
Giá trị sổ sách của một cổ phiếu	9.864,11	10.083,05	2,22%	10.144,00
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(61.151,18)	60.624,36	(199,14%)	105.122,32

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG Energy)

Theo kết quả BCTC riêng lẻ kiểm toán 2023, Tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 8.540.591,28 triệu đồng, giảm 480.579,71 triệu đồng, tương ứng với giảm 5,33% so với năm 2022. Trong khi đó, Vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2023 đạt 7.360.624,36 triệu đồng, tăng 65,82% so với năm 2022. Nguyên nhân chính của giảm tài sản là do năm 2023, Công ty thu hồi một số công nợ phải thu (công nợ các khoản phải thu giảm khoảng 430 tỷ so với năm 2022). Nguyên nhân tăng vốn chủ sở hữu đến từ việc thành công phát hành thêm 280.000.000 cổ phiếu tương ứng 2.800 tỷ đồng để tất toán các khoản nợ phải trả trước hạn và đến hạn, trong đó phần lớn là khoản trái phiếu phát hành riêng lẻ do CTCP Chứng Khoán bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành với tổng giá trị 2.500 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong năm 2023, BCG Energy ghi nhận doanh thu thuần đạt 48.042,52 triệu đồng, giảm 28,71% so với năm 2022. Giá vốn hàng bán năm 2023 ghi nhận ở mức 25.293,5 triệu đồng, giảm 26,01%. Nguyên nhân chính do năm 2023 Công ty thực hiện các hoạt động dịch vụ tư vấn quản lý ít hơn so với năm 2022. Trong khi đó, chi phí tài chính tăng nhẹ 2,68% đạt 475.598,25 triệu đồng vào năm 2023 chủ yếu do sự gia tăng lãi suất từ các khoản vay hiện hữu.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 ghi nhận 121.775,53 triệu đồng, tăng trưởng 108,9% so với năm trước. Sự tăng trưởng này phần lớn do sự đóng góp từ các hoạt động đầu tư tài chính có hiệu quả, đem lại lợi nhuận tài chính lớn cho BCG Energy.



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Cơ cấu tổng tài sản của Công ty tại thời điểm Quý I/2024 đạt 9.244.422,09 triệu đồng, tăng 703.830,81 triệu đồng, tương ứng 8,24% so với năm 2023. Nguyên nhân tăng chủ yếu đến từ việc Công ty đang tiến hành thương vụ đầu tư mua lại cổ phần tại CTCP Đầu tư – Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (ghi nhận tăng tài sản 612.500 triệu đồng). Doanh thu thuần của Công ty tại Quý I/2024 đạt 6.415,73 triệu đồng, giảm 19,4% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2024, Công ty tập trung chính trong hoạt động tư vấn quản lý cho các dự án mà BCG Energy và các công ty con của BCG Energy đang đầu tư mà không phát sinh các hoạt động tư vấn đầu tư khác. Ngoài ra, Chi phí tài chính tính đến Quý I/2024 đạt 40.619,55 triệu đồng, giảm 57,5% so với cùng kỳ năm trước. Sự sụt giảm này chủ yếu do Công ty đã tắt toàn khoản trái phiếu 2.500 tỷ vào cuối năm 2023. Kết hợp các yếu tố trên, lợi nhuận sau thuế của Công ty đến hết Quý I/2024 đạt 44.497,96, tăng 86,4% so với cùng kỳ năm trước.

**Bảng 16. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo BCTC hợp nhất**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm 2023/2022	Quý I/2024
Tổng giá trị tài sản	20.848.837,32	19.036.554,20	-8,69%	19.624.426,08
Vốn chủ sở hữu	7.177.078,44	9.736.101,997	35,66%	9.798.936,21
Doanh thu thuần	1.063.783,61	1.125.647,32	5,82%	320.454,42
Giá vốn hàng bán	546.957,30	590.598,77	7,98%	168.439,91
Chi phí tài chính	1.196.483,61	1.345.278,22	12,44%	250.274,51
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	204.407,55	(186.707,49)	(191,34%)	27.465,73
Lợi nhuận khác	128.678,54	39.211,95	(69,53%)	38.696,62
Lợi nhuận trước thuế	333.086,08	(147.495,54)	(144,28%)	66.162,36
Lợi nhuận sau thuế	295.532,38	(152.720,43)	(151,68%)	65.467,24
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	//	//	//	//
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	//	//	//	//
Tỷ lệ LNST trên VCSH	4,12%	//	//	0,67%
Giá trị sổ sách của một cổ phiếu	10.551,54	10.255,68	(2,80%)	10.334,66
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	248.194,18	186.649,40	(24,80%)	244.301,25

*(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)*

Nhìn chung, tính đến thời điểm 31/12/2023, quy mô tổng tài sản hợp nhất của BCG Energy đạt 19.036.554,20 triệu đồng, giảm nhẹ 8,7% so với thời điểm đầu năm do do sự gia tăng của khấu hao lũy kế các tài sản cố định trong kỳ của Công ty, cùng với việc tái cơ cấu lại danh mục đầu tư của Công ty dẫn đến sự sụt giảm trong các khoản mục phải thu, phải trả. Trong khi đó, Vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2023 đạt 9.736.101,997 triệu đồng, tăng 35,66% so với năm 2022. Nguyên nhân là do thành công phát hành thêm 280.000.000 cổ phiếu tương ứng 2.800 tỷ đồng trong năm 2023.

Năm 2023, doanh thu thuần đạt 1.125.647,32 triệu đồng (tăng 5,82% so với cùng kỳ năm 2022), lợi nhuận sau thuế là âm 152.720,43 triệu đồng (giảm 151,68% so với cùng kỳ năm 2022) chủ yếu do đánh giá lỗ chênh lệch tỷ giá đối với một số khoản vay bằng USD với tổng dư nợ khoảng 140 triệu USD, và các chi phí tài chính liên quan đến khoản vay nước ngoài như chi phí tư vấn thu xếp vốn và chi phí thẩm định. Liên quan đến các khoản vay như: khoản vay dài hạn nước ngoài theo Hợp đồng vay ngày 09/05/2023 giữa Công ty BCG Gaia và DBS Bank LTD (DBS Singapore), Giá trị khoản vay 77,5 triệu USD được giải ngân toàn bộ vào 06/06/2023; Khoản vay theo hợp đồng vay ngày 29/07/2022 và phụ lục sửa đổi 09/02/2023 giữa CTCP BCG-SP Solar 1 và DBS Bank Limited. Giá trị khoản vay 31,55 triệu USD được giải ngân toàn bộ vào ngày 29/03/2023; Khoản vay theo hợp đồng vay ngày 10/01/2022 giữa CTCP Aurai Wind Energy và Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd. giá trị khoản vay tại 31.12.2023 là 27 triệu USD; Khoản vay theo hợp đồng số 300822 ngày 30/08/2022 giữa CTCP phát triển tầm nhìn Năng Lượng Sạch và Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd. Giá trị khoản vay là 4,74 triệu USD.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của BCG Energy trong năm 2023 âm 152.720,43 triệu đồng, giảm 151,68% so với năm 2022. Ngược lại, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ theo BCTC riêng lẻ năm 2023 đạt 121.775,53 triệu đồng, tăng 108,94% so với năm 2022. Nguyên nhân sự đối lập của chỉ tiêu này trong BCTC riêng lẻ và hợp nhất là do BCTC riêng lẻ phản ánh hoạt động tư vấn quản lý cùng với các hoạt động đầu tư tài chính riêng của Công ty, trong đó sự tăng trưởng trong doanh thu tài chính đóng góp phần lớn trong lợi nhuận sau thuế. Doanh thu tài chính từ BCTC riêng lẻ của Công ty chủ yếu bao gồm lợi nhuận từ các hợp đồng Hợp tác kinh doanh, Cổ tức từ công ty con và lãi tiền cho vay, tiền gửi. Trong khi đó, đối với BCTC hợp nhất ghi nhận lợi nhuận sau thuế âm 152.720,43 triệu đồng phần lớn do sự gia tăng trong chi phí tài chính tại các Công ty con đối với các khoản vay với các tổ chức trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại thời điểm 31/12/2023 là 186.649,40 triệu đồng. Sự tăng trưởng về doanh thu của mảng năng lượng tái tạo so với năm 2022 là nhờ vào việc các nhà máy điện mặt trời đã đi vào hoạt động từ năm 2022 đạt được hiệu suất cao, trong đó những tháng cuối năm 2023 một số nhà máy ghi nhận mức công suất vượt mức 100% so với dự phóng. Bên cạnh đó, danh mục điện mặt trời áp mái cũng có sự mở rộng nhất định, đóng góp 1 phần vào doanh thu của năm 2023.

Tính đến hết Quý I năm 2024, doanh thu thuần của Công ty đạt 320.454,42 triệu đồng (tăng 30,96% so với cùng kỳ năm 2023); lợi nhuận sau thuế đạt 65.467,24 triệu đồng (tăng 189% so với cùng kỳ năm 2023 là âm 73.538,06 triệu đồng).

❖ **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023**

Ý kiến tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 số hiệu HCM14505 ngày 29 tháng 02 năm 2024 do Công ty TNHH PwC (Việt Nam) phát hành:

*“ Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.*

**Các vấn đề cần nhấn mạnh:**

*Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:*

*Như trình bày tại Thuyết minh 5 của báo cáo tài chính hợp nhất, mô tả công ty con của Tập đoàn đã ghi nhận khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 54.407.098.920 Đồng liên quan đến doanh thu của sản lượng điện bán cho Công ty Mua Bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) được sản xuất từ phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 được ước tính theo đơn giá trần quy định tại Quyết định 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023. Đơn giá này được ước tính là hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tập đoàn vẫn đang trong quá trình đàm phán và thống nhất với EVN về giá bán điện chính thức tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

*Như trình bày tại Thuyết minh 7, Thuyết minh 10(a)(i) và Thuyết minh 10(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với CTCP E. Power 1 trị giá 107.234.483.975 Đồng và khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) có giá trị vốn góp và lãi từ vốn góp lần lượt là 3.417.494.000.000 Đồng và 256.396.933.083 Đồng giữa Tập đoàn và các đối tác để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn, các đối tác BCC và chủ đầu tư các Dự án điện gió, điện mặt trời đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiếp tục phát triển các Dự án điện gió, điện mặt trời nêu trên. Do đó, khả năng thu hồi khoản phải thu*



về cho vay ngắn hạn và các khoản BCC bao gồm vốn góp và lãi này tùy thuộc vào tình khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai.

Như trình bày tại Thuyết minh 11(a) của báo cáo tài chính, ngày 25 tháng 12 năm 2023 Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại tỉnh Long An, trong đó có đề cập đến các dự án điện mặt trời của hai CTCP Năng lượng BCG - Bàng Dương và CTCP Năng lượng Hamwha - BCG Bàng Dương."

**Đánh giá ảnh hưởng của các nội dung nhấn mạnh tại báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất năm 2023 của Công ty đến các chỉ tiêu của vốn chủ sở hữu tại BCTC hợp nhất 2023 đã kiểm toán của Công ty:**

Công ty đánh giá các nội dung nhấn mạnh tại báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2023 của Công ty không ảnh hưởng của đến các chỉ tiêu của vốn chủ sở hữu tại BCTC hợp nhất 2023 đã kiểm toán của Công ty. Ý kiến nhấn mạnh mục đích là để lưu ý đến người đọc các thuyết minh liên quan trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các thuyết minh này nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn các nội dung về chính sách, pháp lý đặc thù của ngành năng lượng tái tạo vẫn đang được hoàn thiện và chờ ban hành tại thời điểm lập và phát hành BCTC kiểm toán năm 2023. Cụ thể:

*-Về ý kiến liên quan đến việc đã ghi nhận khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 liên quan đến doanh thu của sản lượng điện bán cho Công ty Mua Bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").*

Theo đánh giá của Công ty thì đây là ước tính kế toán tốt nhất để thể hiện đơn giá điện ghi nhận của Công ty tại ngày lập BCTC năm 2023.

Theo quyết định số 21/QĐ-BCT ("Quyết định 21") ngày 07/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành khung giá phát điện cho nhà máy điện mặt trời và điện gió chuyển tiếp, mức giá trần cho các dự án điện mặt trời mặt đất chuyển tiếp là 1.184,90 đồng/kWh. Trên cơ sở rà soát hồ sơ pháp lý, thực tế triển khai, phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 ("phần công suất chuyển tiếp của dự án Phù Mỹ") đã được xác định là đối tượng chuyển tiếp theo quy định. Tuy nhiên, do các hướng dẫn có liên quan về phương pháp xác định giá bán điện cho loại hình năng lượng tái tạo chưa đầy đủ, nên phần công suất chuyển tiếp của dự án Phù Mỹ được chủ đầu tư và EVN thống nhất giá tạm (bằng 50% mức giá trần theo Quyết định 21). Sau khi ký phụ lục bổ sung Hợp đồng mua bán điện, hoàn thiện các quy trình thử nghiệm, phần công suất chuyển tiếp của dự án Phù Mỹ đã được công nhận Ngày vận hành thương mại (COD) vào 31/05/2023.

Theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại Thông báo số 182/TB-VPCP ngày 17/5/2023 và Văn bản số 3184/BCT-ĐTĐL ngày 24/5/2023 của Bộ Công Thương, giá điện tạm sẽ được áp dụng cho đến khi đàm phán, thống nhất giá chính thức, dự án sẽ được thanh quyết toán theo giá chính thức kể từ ngày COD.

Sau khi COD, Công ty đã thúc đẩy công tác đàm phán giá bán điện chính thức và đến thời điểm lập BCTC, quá trình triển khai đã có một số bước tiến nhất định: thống nhất về nguyên tắc triển khai, phương pháp áp dụng và đã rà soát các thông số đầu vào phục vụ tính toán. Với các kết quả khả quan, Công ty tin tưởng rằng việc đàm phán giá điện sẽ thống nhất với EVN với mức giá điện tương đương với mức giá trần ban hành tại Quyết định 21 và dự kiến hoàn tất trong Q2/2024. Theo đó, Công ty tin tưởng rằng phần chênh lệch (nếu có) giữa giá điện thực tế đàm phán thành công và giá điện ước tính là không đáng kể và không trọng yếu đến các chỉ tiêu liên quan trình bày tại BCTC hợp nhất 2023. Công ty sẽ hạch toán phần doanh thu chênh lệch nói trên (nếu có) sau khi vào năm tài chính 2024 theo quy định kế toán hiện hành.

Trên cơ sở đó, Công ty có ghi nhận một khoản dự thu 54,4 tỷ đồng tương đương với 50% mức giá trần theo Quyết định 21 cho phần công suất chuyển tiếp của dự án Phù Mỹ từ ngày vận hành thương mại cho tới 31/12/2023.

*-Về ý kiến liên quan đến khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với CTCP E Power 1 và khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") giữa Tập đoàn và các đối tác để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời và khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản BCC tùy thuộc vào tình khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai.*

Liên quan đến việc ghi nhận các khoản phải thu bao gồm gốc và lãi Công ty đã tuân thủ quy định và hạch toán đảm bảo quy định của pháp luật kế toán.

Liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản BCC bao gồm vốn góp và lãi để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời Công ty đánh giá rủi ro là thấp, không đáng kể và không trọng yếu đến các chỉ tiêu liên quan trình bày tại BCTC hợp nhất 2023. Đồng thời, Công ty tin rằng với định hướng rõ ràng và tầm nhìn của Chính phủ hướng tới mục tiêu Net Zero vào năm 2050, cũng như những cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại COP 28 thì Các chính sách phát triển, chính sách giá cũng như các khung pháp lý liên quan đến các dự án năng lượng tái tạo nói chung và các dự án điện gió, điện mặt trời nói riêng sẽ sớm được ban hành tạo tiền đề để nguồn lực tài chính Công ty đầu tư vào các dự án này sẽ sớm phát huy hiệu quả, và đem lại lợi nhuận xứng đáng. Cụ thể:

✓ Ngày 29 tháng 3 năm 2024, Văn phòng Chính phủ đã ban hành thông báo số 123/TB-VPCP về Kết luận của Thường trực Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Thường trực Chính phủ đã thống nhất

chủ trương việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII theo đề nghị của Bộ Công Thương tại Tờ trình số 1345/TTr-BCT ngày 1 tháng 3 năm 2024 và Báo cáo số 55/BC-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2024.

✓ Ngày 01 tháng 04 năm 2024 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 262/QĐ-TTg về Kế hoạch Thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, một số dự án mà BCG Energy hợp tác theo BCC đã được phê duyệt trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg, bao gồm 7 dự án: Dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1, Dự án nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, Dự án nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 3, Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1, Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1, Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 2, Dự án Nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1. Các dự án còn lại BCG Energy đang hợp tác theo các BCC đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của địa phương để gửi Bộ Công Thương thẩm định, trình Chính phủ phê duyệt tại Kế hoạch thực hiện tiếp theo. Hiện Bộ Công Thương đã có hướng dẫn các địa phương thực hiện tại Văn bản số 2152/BCT-ĐL ngày 02/4/2024 về việc phối hợp cung cấp số liệu bổ sung để hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

✓ Bên cạnh đó, theo Quyết định số 262/QĐ-TTg, Chính phủ yêu cầu Bộ Công Thương xây dựng, hoàn thiện các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền xem xét và ban hành các cơ chế, chính sách mua bán điện trực tiếp, các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái, điện khí, điện gió, điện sinh khối, điện sản xuất từ rác thải ... Đồng thời xác định các giải pháp thu hút đầu tư phát triển điện lực theo Quy hoạch điện VIII trong thời kỳ quy hoạch; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch điện VIII. Việc Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được ban hành sẽ giúp Công ty có căn cứ triển khai các dự án tiềm năng trong danh mục đầu tư của Công ty.

Vi vậy về mặt pháp lý, Công ty đánh giá rủi ro ảnh hưởng đến khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản phải thu từ hợp đồng BCC là thấp.

*-Về ý kiến Thông báo số 3116/TB-TTCTP kết luận thanh tra để cập đến vấn đề tại các dự án điện mặt trời của hai CTCP Năng lượng BCG - Bàng Dương và CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương thuộc Công ty.*

Như đã trình bày tại Báo cáo về việc kết quả xử lý, khắc phục đối với các dự án Điện mặt trời của BCG Energy theo kết luận của Thanh tra Chính phủ tại Thông báo số 3116/TB-TTCTP ngày 29/02/2024 đã gửi đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đã thực hiện đầy đủ các trình tự và thủ tục cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý cho chủ đầu tư khi thực hiện hai dự án đề cập trên. Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện tất cả những khắc phục cần thiết thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư như làm công văn đề nghị hoàn trả phần điện tích đất vượt quy định, hoàn thiện công



tác nghiệm thu dự án,... Như vậy trên khía cạnh trách nhiệm và các nghĩa vụ pháp lý đã được doanh nghiệp/chủ đầu tư các dự án cơ bản hoàn thành theo quy định, hiện Công ty cũng đang nỗ lực thúc đẩy các cơ quan quản lý sớm thực hiện xử lý các vấn đề theo thẩm quyền.

Do đó, Công ty đánh giá các nội dung nhấn mạnh tại báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2023 của Công ty không ảnh hưởng của đến các chỉ tiêu của vốn chủ sở hữu tại BCTC hợp nhất 2023 đã kiểm toán của Công ty.

## 8. Vị thế của công ty trong ngành

### 8.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

#### Vị thế của Công ty trong cùng ngành

CTCP Tập đoàn Bamboo Capital – công ty mẹ của BCG Energy hoạt động đầu tư kinh doanh thông qua hình thức quản lý, liên kết đầu tư vào các công ty con trực tiếp và gián tiếp với các mảng hoạt động chính như năng lượng tái tạo, xây dựng và đầu tư hạ tầng, bất động sản, dịch vụ tài chính, sản xuất và thương mại, dịch vụ vận hành và phân phối bất động sản, dược phẩm. Tập Đoàn Bamboo Capital đã tạo dựng được hình ảnh và sự tin nhiệm với các cổ đông, đối tác trong và ngoài nước. Thừa hưởng sự uy tín và hình ảnh của Tập Đoàn Bamboo Capital, cùng với sự hợp tác đầu tư với các đối tác lớn trong và ngoài nước, BCG Energy đã và đang có uy tín thương hiệu trên thị trường năng lượng tái tạo Việt Nam. Đến nay BCG Energy đã phát triển và đưa vào hoạt động danh mục dự án điện mặt trời và điện áp mái với tổng công suất phát điện lên tới 594,4 MWp. Ngoài ra, Công ty đang triển khai các dự án điện gió với tổng công suất 550 MW, dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động trong năm 2025 - 2026.

Nhìn chung có thể nhận định vị thế và lợi thế cạnh tranh của BCG Energy trong ngành năng lượng tái tạo được thể hiện ở các yếu tố sau:

**Năng lực tài chính:** tính đến thời điểm 31/03/2024, quy mô tổng tài sản BCG Energy đạt mức hơn 19.624,43 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt hơn 9.798,94 tỷ đồng (trong đó 2.254,63 tỷ đồng là lợi ích cổ đông không kiểm soát). Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu cải thiện đáng kể qua từng năm với tỷ lệ 2,77 tại 31/12/2021; 1,90 tại 31/12/2022 và 0,96 tại 31/12/2023. Lợi thế về năng lực tài chính cho phép Công ty giảm thiểu tối đa các rủi ro dưới tác động của nền kinh tế và thị trường, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu vốn cho các hoạt động M&A để mở rộng danh mục dự án.

**Năng lực phát triển và thực thi các dự án:** với danh mục các dự án lớn, BCG Energy luôn chú trọng việc phân bổ nguồn lực, tối ưu hoá quy trình để đảm bảo nhiều công việc được thực hiện song song và đúng theo quy định của cơ quan quản lý, đảm bảo tiến độ thi công và đưa vào vận hành thương mại ngay khi chính sách giá mới có hiệu lực.

**Huy động vốn:** khả năng huy động vốn linh hoạt từ cả nguồn vốn trong nước và ngoài nước để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn trong giai đoạn đầu triển khai dự án, cũng như tái tài trợ với chi phí hợp lý khi dự án đi vào vận hành.

**Mạng lưới đối tác chiến lược:** Bên cạnh xây dựng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng như Vietcombank, Vietinbank, BIDV, TPBank (Việt Nam), DBS, UOB, OCBC (Singapore), BCG Energy còn chú trọng phát triển quan hệ đối tác mang tính chiến lược đối với các đơn vị uy tín trong nước cũng như nhà đầu tư lớn trong mảng năng lượng đến từ nước ngoài. Việc hợp tác với các đối tác như Vinamilk, khu công nghiệp Linh Trung là một lợi thế cạnh tranh lớn của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành. Về hợp tác với các đối tác nước ngoài, các dự án hợp tác tiêu biểu phải kể tới như: hợp tác với Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd. tại dự án điện mặt trời Phù Mỹ - dự án quy mô lớn nhất của BCG Energy ở thời điểm hiện tại; hợp tác với Singapore Power Group (SP) trong mảng điện mặt trời áp mái; hợp tác với Sembcorp Industries để cùng xây dựng danh mục các dự án điện gió và năng lượng mặt trời với công suất lên tới 1,5 GW tại Việt Nam.

*Những yếu tố trên cho thấy BCG Energy có vị thế và lợi thế cạnh tranh trong ngành, có kế hoạch chiến lược rõ ràng nhằm tiếp tục đẩy mạnh phát triển danh mục dự án cũng như tối ưu hoá nguồn lợi nhuận dành cho các cổ đông. BCG Energy đặt mục tiêu trở thành đơn vị phát triển dự án năng lượng tái tạo hàng đầu Việt Nam.*

## 8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là một trong những nước phát triển năng lượng tái tạo sôi động nhất tại Đông Nam Á. Sự phát triển mạnh mẽ của ngành năng lượng tái tạo thay thế dần cho năng lượng sử dụng hóa thạch cho thấy rõ hơn tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế phải gắn liền với việc phát triển năng lượng bền vững, an toàn. Thị trường năng lượng tái tạo tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng lớn nhờ vào nguồn tài nguyên rộng lớn, tốc độ công nghiệp hóa và tăng trưởng dân số nhanh; đặc biệt, tác động của các chính sách khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và chương trình phát triển điện lực quốc gia.

Nhu cầu tiêu thụ điện năng dự báo tăng trưởng tích cực: Trong bối cảnh thời tiết khắc nghiệt, mức tiêu thụ điện trên cả nước tăng vọt trong năm 2023. Theo EVN, nhu cầu tiêu thụ điện dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 8,5%/năm trong 5 năm tới. Nhu cầu sử dụng điện của nước ta là rất lớn với các nhân tố thúc đẩy như: (1) sự gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa nhanh chóng (2) Vốn đầu tư nước ngoài chảy vào Việt Nam đặc biệt là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (Thâm dụng năng lượng) giúp gia tăng nhu cầu điện của nhóm khách hàng công nghiệp (3) khả năng thiếu hụt nguồn điện do nhu cầu sản xuất công nghiệp trên khắp cả nước phát triển mạnh mẽ. Và với tốc độ tăng trưởng sản lượng điện hàng năm luôn trên 10% và sự gia tăng sản lượng thủy điện và nhiệt điện là khó.

Do đó cả trong ngắn và dài hạn, các nguồn năng lượng tái tạo sẽ được chú trọng phát triển và khai thác nhằm đảm bảo an ninh năng lượng. Điện gió ngoài khơi là một nguồn năng lượng tái tạo nổi bật đang được chú trọng để thúc đẩy đầu tư và xây dựng chính sách hỗ trợ từ Chính phủ. Đồng thời, việc phát triển các dự án năng lượng tái tạo sẽ được thúc đẩy mạnh hơn khi các nguồn vốn, nguồn tín dụng “xanh” cả trong và ngoài nước đang dần mở rộng hơn về mặt quy mô cũng như chính sách, đồng thời cũng có những ưu đãi nhất định về chi phí.

Năng lượng tái tạo ưu tiên phát triển nhưng còn vướng mắc trong ngắn hạn: theo Quy hoạch điện VIII, các nguồn năng lượng tái tạo sẽ được ưu tiên phát triển và khai thác hiệu quả trong tương lai. Trong đó, điện gió được xác định phát triển mạnh mẽ. Công suất điện gió trên bờ dự kiến lên tới 21,880 MW và điện gió ngoài khơi là 6.000 MW vào năm 2030, định hướng đạt 70.000 – 91.500 MW vào 2050.

Về ngắn hạn cung năng lượng tái tạo còn gặp nhiều thách thức: (1) cung hiện đang vượt quá nhu cầu. Lý do gồm việc các dự án phát triển vượt mức giai đoạn trước đó và chỉ tập trung chủ yếu tại khu vực miền Trung, miền Nam. Công suất dư thừa tại 2 khu vực này lại không thể chuyển ra miền Bắc do vấn đề về hệ thống truyền tải; (2) việc đầu tư mới vào năng lượng tái tạo còn đang gặp nhiều vướng mắc, đặc biệt là cơ chế tính giá mua bán điện.

Vì vậy với kinh nghiệm trong việc phát triển và vận hành các dự án năng lượng tái tạo và nguồn lực tài chính được hỗ trợ từ đối tác thì BCG Energy sẽ có lợi thế trong việc đấu thầu nhờ quản lý hiệu quả, tiết kiệm nhờ huy động được các nguồn vốn lớn với chi phí rẻ.

Về dài hạn, phát triển nguồn năng lượng tái tạo là cần thiết bởi: (1) phù hợp nhất mục tiêu giảm phát thải ròng về bằng 0 vào 2050 của Việt Nam (2) giảm phụ thuộc vào nhóm thủy điện và nhiệt điện, đảm bảo an ninh năng lượng đáp ứng nhu cầu ngày một tăng lên.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Số lượng người lao động trong công ty

**Bảng 17. Số lượng người lao động trong Công ty theo BCTC hợp nhất**

Yếu tố phân loại	31/12/2022		31/12/2023		31/03/2024	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>Trình độ lao động</b>	<b>158</b>	<b>100%</b>	<b>128</b>	<b>100%</b>	<b>129</b>	<b>100%</b>
Đại học và trên đại học	148	93,2%	114	89,1%	114	88,4%
Cao đẳng	2	1,4%	9	7,0%	8	6,2%
Trung cấp và lao động phổ thông	8	5,4%	5	3,9%	7	5,4%

Yếu tố phân loại	31/12/2022		31/12/2023		31/03/2024	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Theo thời gian	158	100%	128	100%	129	100%
Thường xuyên	158	100%	128	100%	129	100%
Thời vụ	0	0%	0	0%	0	0%

(Nguồn: BCG Energy)

## 9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp,...

### - Chính sách đào tạo:

Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng của nguồn nhân lực, BCG Energy đã xây dựng quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn gửi các cán bộ có thành tích xuất sắc và năng lực tốt đi tham gia vào các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức hoặc do các trường Đại học, Trung tâm dạy nghề mở để nâng cao tay nghề, nghiệp vụ và kiến thức chuyên môn. Ngoài ra Công ty cũng thường xuyên tổ chức những chuyến tham quan cho đội ngũ lao động của mình để tìm hiểu các mô hình kỹ thuật ứng dụng công nghệ mới để làm quen và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn Công ty.

### - Chính sách lương thưởng:

Công ty đã ban hành Quy chế tiền lương, thưởng và đãi ngộ dựa trên sự đóng góp của từng lao động vào sự phát triển của Công ty. Ngoài các đợt khen thưởng trong các dịp Lễ, Tết của quốc gia, Công ty còn có những chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất. Tiền lương, phụ cấp lương dựa trên thang bảng lương có thỏa thuận với người lao động. Đối với tiền thưởng: Công ty thực hiện chế độ thưởng đối với người lao động theo quy chế lương thưởng và đãi ngộ tại Công ty tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, trong năm, và kết quả phân phối lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát, khuyến học cho con em cán bộ công nhân viên; Tặng quà cho người lao động trong các dịp Lễ, Tết, Sinh nhật; Kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ khi có khó khăn. Công ty thực hiện các chính sách từ thiện xã hội tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đồng thời góp phần đóng góp phúc lợi xã hội.

### - Chính sách trợ cấp:

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về trợ cấp đối với người lao động theo đúng quy định hiện hành, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được thêm phụ cấp độc hại, trợ cấp xa gia đình (nếu được điều động đi công tác dài hạn cách xa nơi cư trú).

Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

**- Chế độ bảo hiểm sức khỏe**

Ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định của Nhà nước, cán bộ công nhân viên của Công ty khi ký hợp đồng lao động chính thức sẽ được Công ty mua thêm gói Bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm sức khỏe với gói bảo hiểm lên đến 100 triệu đồng/năm.

**- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:**

Công ty không có quy chế cụ thể để áp dụng trong toàn bộ quá trình hoạt động, hàng năm, dựa trên kết quả kinh doanh đạt được, HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động cụ thể.

**- Mức lương bình quân:**

**Bảng 18. Mức lương bình quân của Cán bộ công nhân viên trong Công ty**

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Mức lương bình quân (VND/người/tháng)	25.907.727	18.414.452

(Nguồn: BCG Energy)

**10. Chính sách cổ tức**

Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Theo đó, cổ tức sẽ được Công ty công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

**Bảng 19. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty**

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	4,06%/ vốn điều lệ (**)	Không chia	Không chia
Hình thức chi trả	Tiền mặt	//	//

(Nguồn: BCG Energy)

(\*\*) Theo tờ trình số 05/2022/TTĐH-HĐQT-BCGE ngày 23/04/2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 07/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 25/04/2022, số tiền chi trả cổ tức năm 2021 là 121 tỷ đồng, tương ứng 4,06% vốn điều lệ tại thời điểm 25/04/2022 và tương ứng 5,56% vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2021.



**II. Tình hình tài chính**
**II.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

**Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:**

- Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 08/06/2017, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10/04/2024 là **7.300.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Bảy nghìn ba trăm tỷ đồng).
- Tình hình nguồn vốn kinh doanh của Công ty

**Bảng 20. Vốn kinh doanh của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng**
*(Đơn vị tính: triệu đồng)*

Vốn kinh doanh	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.500.000,00	7.300.000,00	62,22%	7.300.000,00
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	N/A	0
Vốn khác của chủ sở hữu	0	0	N/A	0
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	N/A	0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(61.151,18)	60.624,36	199,14%	105.122,32
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>4.438.848,82</b>	<b>7.360.624,36</b>	<b>65,82%</b>	<b>7.405.122,32</b>

*(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG Energy)*

**Bảng 21. Vốn kinh doanh của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất**
*(Đơn vị tính: triệu đồng)*

Vốn kinh doanh	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.500.000,00	7.300.000,00	62,22%	7.300.000,00
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	N/A	0



Vốn kinh doanh	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
Vốn khác của chủ sở hữu	0	0	N/A	0
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	N/A	0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	248.194,18	186.649,40	-20,99%	244.301,25
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.428.884,26	2.249.452,60	-7,13%	2.254.634,96
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>7.177.078,44</b>	<b>9.736.102,00</b>	<b>35,87%</b>	<b>9.798.936,21</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)

#### Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao Tài sản cố định vào chi phí sản xuất kinh doanh đối với tài sản cố định có liên quan đến sản xuất kinh doanh. Riêng tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thì chi tính khấu hao đối với những tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao ước tính (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05-20
Máy móc thiết bị	03-20
Thiết bị văn phòng	03-10
Phương tiện vận tải	06-10
Giấy phép đầu tư dự án	17-18
Khác	2-10

(Nguồn: BCG Energy)

#### Tình hình công nợ:

**Bảng 22. Tình hình công nợ của Công ty**
*(Đơn vị tính: triệu đồng)*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
<b>Theo Báo cáo tài chính riêng</b>					
<b>I</b>	<b>Tổng nợ phải thu</b>	<b>3.753.826,19</b>	<b>3.323.670,14</b>	<b>-11,46%</b>	<b>3.461.181,82</b>
1	Phải thu ngắn hạn	763.306,19	2.974.852,96	289,73	3.110.394,64
2	Phải thu dài hạn	2.990.520,00	348.817,18	-88,34%	350.787,18
<b>II</b>	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.582.322,16</b>	<b>1.179.966,92</b>	<b>74,25%</b>	<b>1.839.299,77</b>
1	Nợ ngắn hạn	1.581.330,72	1.074.338,94	-32,06%	1.733.671,79
2	Nợ dài hạn	3.000.991,44	105.627,98	-96,48%	105.627,98
<b>Theo Báo cáo tài chính hợp nhất</b>					
<b>I</b>	<b>Tổng nợ phải thu</b>	<b>9.208.930,51</b>	<b>7.669.990,94</b>	<b>-16,70%</b>	<b>7.842.357,22</b>
1	Phải thu ngắn hạn	5.791.475,38	7.159.041,97	23,63%	7.285.989,41
2	Phải thu dài hạn	3.417.455,13	510.948,97	-85,05%	556.367,81
<b>II</b>	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>13.671.758,88</b>	<b>9.300.452,21</b>	<b>-31,83%</b>	<b>9.825.489,87</b>
1	Nợ ngắn hạn	4.206.972,25	3.079.292,26	-26,36%	3.654.564,95
2	Nợ dài hạn	9.464.786,63	6.221.159,94	-34,27%	6.170.924,93

*(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)*

**Các khoản phải thu:**

Số dư các khoản phải thu của Công ty như sau:

**Bảng 23. Các khoản phải thu của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng**
*(Đơn vị: triệu đồng)*

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>763.306,19</b>	<b>2.974.852,96</b>	<b>289,73%</b>	<b>3.110.394,64</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.250,37	34.048,83	369,62%	36.879,94
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.026,51	37.334,63	3537,04%	37.434,63
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	593.515,14	405.340,30	-31,71%	467.221,30
4	Phải thu ngắn hạn khác	161.514,16	2.498.129,21	1446,69%	2.568.858,77
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>2.990.520,00</b>	<b>348.817,18</b>	<b>-88,34%</b>	<b>350.787,18</b>
1	Trả trước cho người bán dài hạn	36.000,00	0	-100,00%	0
2	Phải thu về cho vay dài hạn	454.510,00	348.807,18	-23,26%	350.777,18
3	Phải thu dài hạn khác	2.500.010,00	10,00	-100,00%	10,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.753.826,19</b>	<b>3.323.670,14</b>	<b>-11,46%</b>	<b>3.461.181,82</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG Energy)

Chi tiết các khoản phải thu theo Báo cáo tài chính riêng lẻ:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>763.306,19</b>	<b>2.974.852,96</b>	<b>3.110.394,64</b>
<i>1.</i>	<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>7.250,37</i>	<i>34.048,83</i>	<i>36.879,94</i>
-	CTCP Aurai Wind Energy	1.977,67	17.044,88	20.653,94
-	CTCP Skylar	720,07	7.058,21	3.799,47
-	CTCP Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch	1.107,50	3.226,42	3.964,28
-	CTCP BCG Vĩnh Long	0	2.745,57	3.632,58

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
-	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	1.139,44	2.394,35	3.455,47
-	CTCP BCG GAIA	0	648,00	972,00
-	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	453,60	529,20	0
-	Ông Nguyễn Mạnh Chiến	1.309,40	402,20	402,20
-	CTCP Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	542,70	0	0
<b>2</b>	<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.026,51</b>	<b>37.334,63</b>	<b>37.434,63</b>
-	CTCP Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang (1)	0	36.000,00	36.000,00
-	Viện Năng lượng	980,00	980,00	980,00
-	Khác	46,51	354,63	454,63
<b>3</b>	<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (2)</b>	<b>593.515,14</b>	<b>405.340,30</b>	<b>467.221,30</b>
-	CTCP Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch	244.980,00	362.236,00	362.236,00
-	CTCP Skylar	18.224,84	22.020,00	31.736,00
-	CTCP Aurai Wind Energy	20.000,00	14.422,00	10.352,00
-	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	4.108,30	5.226,30	876,30
-	CTCP Năng lượng Dương Phong	0	607,00	822,00
-	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	0	600,00	600,00
-	CTCP E Power 1	0	169,00	733,00
-	CTCP Mega Solar	35,00	35,00	35,00
-	CTCP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	0	25,00	25,00
-	CTCP BCG GAIA	234.125,11	0	0
-	CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	53.968,51	0	0
-	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương	11.260,20	0	0
-	CTCP BCG Vĩnh Long	5.000,00	0	8.500,00
-	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	1.022,18	0	0

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
-	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	705,00	0	0
-	CTCP Greensky Infnitive	86,00	0	0
-	Công ty TNHH Skylight Power	0	0	406,00
-	Khác	0	0	50.900,00
<b>4</b>	<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>161.514,16</b>	<b>2.498.129,21</b>	<b>2.568.858,77</b>
-	Vốn góp vào BCC (3)	0	2.380.135,46	2.380.135,46
-	Lãi từ cho vay và BCC	105.372,10	116.952,51	134.338,52
+	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	278,12	550,83	579,06
+	CTCP Năng Lượng BCG Thanh Hóa	0	0	0,56
+	CT TNHH Skylight Power	0	0	7,21
+	CTCP Mega Solar	0,20	3,35	4,14
+	CTCP Năng Lượng Dương Phong	0	28,22	45,15
+	CTCP Skylar	1.441,13	1.809,11	2.446,38
+	CTCP Phát triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	48.435,31	109.569,88	124.811,65
+	CTCP Aurai Wind Energy	0	4.267,75	4.661,36
+	CT TNHH Điện Gió Đông Thành 1	54,12	175,49	220,81
+	CT TNHH Điện Gió Đông Thành 2	46,60	137,24	165,87
+	CT TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	0	0	6,66
+	CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	53.759,89	219,98	356,69
+	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	0	68,79	87,19
+	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	0	109,05	165,01

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
+	<i>CTCP E Power 1</i>	0	1,73	11,97
+	<i>CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng</i>	0	11,10	24,56
+	<i>Nguyễn Thị Minh Thương</i>	0	0	744,26
+	<i>CTCP Năng lượng Hamwha – BCG Bông Dương</i>	710,68	0	0
+	<i>CTCP BCG Vĩnh Long</i>	351,37	0	0
+	<i>CTCP Năng lượng BCG – Bông Dương</i>	294,68	0	0
-	Tạm ứng cho nhân viên	126,4	81,80	921,43
+	<i>Phan Trùng Diệp</i>	37,40	51,80	108,60
+	<i>Các đối tượng khác</i>	89,00	30,00	812,83
-	Cổ tức	54.000,00	0	0
-	Khác	2.015,66	959,44	959,44
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>2.990.520,00</b>	<b>348.817,18</b>	<b>350.787,18</b>
<b>1</b>	<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>36.000,00</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	CTCP Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang (4)	36.000,00	0	0
<b>2</b>	<b>Phải thu về cho vay dài hạn (5)</b>	<b>454.510,00</b>	<b>348.807,18</b>	<b>350.777,18</b>
-	CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh	454.510,00	337.254,00	337,254.00
-	CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	0	5.271,00	6,521.00
-	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	0	2.494,00	2,494.00
-	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	0	1.775,18	2,375.18
-	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	0	1.193,00	1,313.00
-	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	0	820,00	820.00
<b>3</b>	<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>2.500.010,00</b>	<b>10,00</b>	<b>10,00</b>
-	CTCP Điện gió BCG Khai Long 1 (6)	2.500.000,00	0	0



STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
-	Ký quỹ, ký cược	10,00	10,00	10,00
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>3.753.826,19</b>	<b>3.323.670,14</b>	<b>3.461.181,82</b>

(Nguồn: BCG Energy)

(1) Đây là khoản đặt cọc cho việc chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con của CTCP Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang theo Thỏa thuận Đặt cọc số 1801/2021/HDDC ký ngày 18 tháng 1 năm 2021 về việc đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần và biên bản làm việc ngày 21 tháng 12 năm 2022 cho việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến hết năm 2024.

Tuy nhiên, tại ngày 6 tháng 2 năm 2024, Công ty đã thanh lý hợp đồng với Công ty Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang theo và chuyển đổi khoản trả trước này thành khoản đầu tư hợp tác giữa hai bên theo thỏa thuận chấm dứt hợp đồng nguyên tắc ngày 6 tháng 2 năm 2024 để đầu tư dự án Nhà máy Điện gió E&M Đắk Lắk, với thời hạn là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng này sẽ được phân chia lợi nhuận khi dự án đi vào hoạt động.

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty với các bên liên quan với lãi suất từ 9%/năm đến 14,05%/năm với kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 120 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lãi suất từ 0%/năm đến 10,5%/năm).

(3) Theo BCC số 270421BCG-KL1 ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa Công ty và CTCP Điện gió BCG Khai Long 1, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1 do CTCP Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận là 12%/năm trên số tiền đã chuyển mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án theo phụ lục số 04 Hợp đồng 270421 BCG – KL ngày 1 tháng 11 năm 2023 (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12%/năm).

(4) Khoản này được phân loại trình bày sang khoản trả trước cho người bán ngắn hạn (Đã trình bày tại mục (1)).

(5) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, toàn bộ số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty với các bên liên quan với lãi suất từ 9%/năm đến 14,05%/năm với kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 120 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lãi suất từ 0%/năm đến 10,5%/năm).

(6) Khoản phải thu từ BCC này được phân loại trình bày sang phải thu ngắn hạn khác. Tại ngày 31/12/2023 số dư này là 2.380.135.455.067 đồng (Đã trình bày tại mục (3)).

**Bảng 24. Các khoản phải thu của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất**





(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>5.791.475,38</b>	<b>7.159.041,97</b>	<b>23,61%</b>	<b>7.285.989,41</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	170.916,92	317.900,74	86,00%	526.341,37
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.488.920,16	1.108.502,55	-25,55%	1.073.929,01
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	95.324,48	109.645,48	15,02%	160.230,48
4	Phải thu ngắn hạn khác	4.036.313,82	5.622.993,20	39,31%	5.525.488,55
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>3.417.455,13</b>	<b>510.948,97</b>	<b>-85,05%</b>	<b>556.367,81</b>
1	Trả trước cho người bán dài hạn	56.400,00	0	-100,00%	0
2	Phải thu về cho vay dài hạn	50.000,00	10.698,02	-78,60%	12.991,02
3	Phải thu dài hạn khác	3.311.055,13	500.250,95	-84,89%	543.376,79
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.208.930,51</b>	<b>7.669.990,94</b>	<b>-16,71%</b>	<b>7.842.357,22</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)

Chi tiết các khoản phải thu theo Báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>5.791.475,38</b>	<b>7.159.041,97</b>	<b>7.285.989,41</b>
<b>1</b>	<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>170.916,92</b>	<b>317.900,74</b>	<b>526.341,37</b>
-	Công ty Mua bán Điện (7)	139.630,72	295.338,15	500.480,15
-	CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	416,06	5.686,53	6.945,13
-	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	0	3.009,00	3.680,50
-	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	0	2.709,00	3.380,50
-	CTCP BCG - SP Greensky	2.444,04	766,92	754,29
-	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	533,60	529,20	-
-	Ông Nguyễn Mạnh Chiến	1.309,40	402,20	402,20
-	Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Skylar4	17.748,19	0	0
-	Khác	8.834,91	9.459,74	10.698,59
<b>2</b>	<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.488.920,16</b>	<b>1.108.502,55</b>	<b>1.073.929,00</b>

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
-	Công ty TNHH TMDV MTV Huỳnh Phát Huy	788.937,90	670.937,90	670.937,90
-	Powerchina International Group Limited	142.937,64	142.937,64	142.937,64
-	Công ty TNHH Tổng hợp Hưng Lộc	74.233,06	74.233,06	74.233,06
-	CTCP Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang (8)	0	36.000,00	36.000,00
-	CTCP Tập đoàn PCI	71.515,45	31.515,45	31.515,45
-	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	120.110,98	53.734,32	17.795,96
-	CTCP Indoba Trading	7,00	0	0
-	Các đối tượng khác	291.178,12	99.144,17	100.508,98
<b>3</b>	<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (9)</b>	<b>95.324,48</b>	<b>109.645,48</b>	<b>160.230,48</b>
-	CTCP Đầu tư Tân Thành Diamond	10.791,48	0	0
-	CTCP Green Solution	48.855,00	0	0
-	CTCP E Power 1	-	107.403,48	107.967,48
-	CTCP Mega Solar	35.678,00	1.035,00	35,00
-	CTCP Năng lượng Dương Phong	0	607,00	822,00
-	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	0	600,00	600,00
-	Bà Nguyễn Thị Minh Thương	0	0	50.400,00
-	Công ty TNHH Skylight Power	0	0	406,00
<b>4</b>	<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>4.036.313,82</b>	<b>5.622.993,20</b>	<b>5.525.488,55</b>
-	Vốn góp vào BCC (10)	3.425.678,75	5.318.529,46	5.197.167,46
-	Lãi từ BCC	203.268,19	258.600,93	228.172,94
-	Tạm ứng cho nhân viên	340.716,34	29.633,72	86.582,89
-	Lãi phải thu từ cho vay	28.691,73	10.474,66	9.395,14
-	Ký cược ký quỹ	0	0	3.147,16
-	Khác	37.958,81	5.754,42	1.022,97
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>3.417.455,13</b>	<b>510.948,97</b>	<b>556.367,81</b>
<b>1</b>	<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>56.400,00</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	CTCP Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang (11)	36.000,00	0	0
-	CTCP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tâm Nhìn Mới	20.400,00	0	0
<b>2</b>	<b>Phải thu về cho vay dài hạn (9)</b>	<b>50.000,00</b>	<b>10.698,02</b>	<b>12.991,02</b>
-	CTCP Green Solution	50.000,00	0	0
-	CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	0	7.360,02	9.620,02
-	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	0	2.513,00	2.513,00
-	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	0	825,00	858,00

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
3	<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>3.311.055,13</b>	<b>500.250,95</b>	<b>543.376,79</b>
-	Phải thu từ BCC (12)	3.188.531,30	489.100,00	532.232,00
-	Ký quỹ, ký cược	5.098,10	11.077,00	11.077,00
-	Lãi phải thu từ BCC	117.425,73	0	0
-	Các khoản khác	0	73,95	67,79
-	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>9.208.930,51</b>	<b>7.669.990,94</b>	<b>7.842.357,22</b>

(Nguồn: BCG Energy)

(7) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty Mua bán điện cho các khoản vay từ ngân hàng. Bao gồm trong số dư khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty, có khoản phải thu ngắn hạn Công ty Mua Bán Điện với CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch, CTCP Năng lượng Hamwha - BCG Băng Dương và CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương với tổng số tiền là 278.009.841.496 Đồng, chi tiết như sau:

- Giá bán điện chính thức đối với phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 vẫn đang trong quá trình đàm phán với EVN. Trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền ban hành khung pháp lý, hướng dẫn chi tiết cách thức tính giá điện, ngày 16 tháng 5 năm 2023, được sự chấp thuận của Bộ Công Thương, CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch ("Công ty con" của Công ty) và EVN/EPTC đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 3 với giá tạm tính là 50% giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023. Tiếp theo đó, trong khoảng thời gian nửa cuối năm 2023, Công ty đã chỉ đạo CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch (NLS) có các Văn bản đề nghị EVN/EPTC tiếp tục tiến hành đàm phán giá điện chính thức và chủ động tính toán, đề xuất giá điện đàm phán với EVN/EPTC dựa theo nguyên tắc của Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2022 quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp và Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện. Tại ngày 8 tháng 12 năm 2023, CTCP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch đã gửi công văn cho EVN về việc đàm phán giá điện chính thức theo đơn giá ước tính này. Hiện qua các phiên làm việc, đàm phán ban đầu, hai Bên đã thống nhất về trình tự, cách thức triển khai và đang trong quá trình xem xét Tổng mức đầu tư (là đầu vào quan trọng nhất của việc tính toán). Ban Tổng Giám đốc tin rằng khả năng Công ty có thể đàm phán thành công mức giá bán điện cao hơn mức giá trần nói trên cho sản lượng đã hòa vào lưới điện quốc gia. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc đàm phán giá điện này dự kiến sẽ hoàn tất trong quý III năm 2024.

Giá bán điện đàm phán tính toán được hiện đang cao hơn so với giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 ban hành khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp. Tuy nhiên, theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất tương ứng với công suất 83,10 MWp và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 trong năm 2023 với giá bán điện bằng với giá trần được quy định tại Quyết định 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 và Công ty xem đây là ước tính hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Theo Thông báo Thanh tra Chính phủ số 3116/TB - TTCP ngày 25 tháng 12 năm 2023, Dự án Nhà máy Điện mặt trời GALA do CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương (công ty con gián tiếp của Công ty) là chủ đầu tư và Nhà máy Điện mặt trời BCG - Bàng Dương do CTCP Năng lượng BCG - Bàng Dương (công ty con gián tiếp của Công ty) là chủ đầu tư đã được vận hành thương mại khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo hoặc Sở Công Thương) kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Công ty có các đánh giá chi tiết như sau:

Dự án được hoàn thành và vận hành thương mại cuối năm 2020. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID, đặc biệt nghiêm trọng trong năm 2021, dẫn đến khó khăn, chậm trễ trong việc tập hợp, hoàn thiện các hồ sơ dự án theo quy định. Theo đó, đến cuối năm 2021, các dự án mới đủ điều kiện về hồ sơ để mời Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu.

*\* Dự án Nhà máy Điện mặt trời GALA*

Ngày 15/11/2021, chủ đầu tư có văn bản số 45/2021/CV-HANWHA.BCG kèm hồ sơ dự án gửi Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo mời kiểm tra công tác nghiệm thu công trình Nhà máy Điện mặt trời GALA. Trên cơ sở Biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính liên quan đến dự án của đoàn kiểm tra ngày 05/4/2022 và Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 19/4/2022 của Thanh tra Sở Xây dựng Tỉnh Long An, chủ đầu tư đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp phạt hành chính trong năm 2022 và tiến hành bổ sung các hồ sơ theo quy định. Đồng thời chủ đầu tư đã gửi báo cáo cho Cục Điện lực và Năng lượng về kết quả thực hiện tại Văn bản số 19/2022/CV-HWBCG ngày 18/7/2022.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của nhà máy điện mặt trời GALA chưa được phê duyệt (Thuyết minh 11), cho nên Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chưa thể chấp thuận công tác nghiệm thu, mặc dù về khía cạnh chủ đầu tư, CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý theo quy định, bao gồm các thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng dẫn của các Sở, ngành địa phương. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng thẩm quyền phê duyệt mục đích chuyển đổi sử dụng đất sẽ được làm rõ trong tương lai gần. Dự

trên các thông tin hiện có tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đánh giá vấn đề được nêu bởi Thanh tra Chính phủ không ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán điện Công ty đã ký kết với EVN.

\* Dự án Nhà máy Điện mặt trời BCG - Bàng Dương

Ban Tổng Giám đốc của CTCP Năng lượng BCG - Bàng Dương đã hoàn thành các công tác nghiệm thu và các nghĩa vụ pháp lý theo quy định cho dự án. Theo đó, ngày 23 tháng 3 năm 2023, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo đã có Thông báo số 20/TB-ĐL chấp thuận công tác nghiệm thu dự án. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các vấn đề nêu bởi Thanh tra Chính phủ đã được khắc phục. Dựa trên các thông tin trên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để được giao đất phát triển dự án, ngoài ra Công ty cũng đã ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN phù hợp với các yêu cầu của pháp luật Việt Nam. Do đó, Công ty đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất trong năm 2023 với giá bán điện ưu đãi theo hợp đồng đã ký kết trước đó với EVN.

- (8) Đây là khoản đặt cọc cho việc chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con của CTCP Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang theo Thỏa thuận Đặt cọc số 1801/2021/HDDC ký ngày 18 tháng 1 năm 2021 về việc đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần và biên bản làm việc ngày 21 tháng 12 năm 2022 cho việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến hết năm 2024.

Tuy nhiên, tại ngày 6 tháng 2 năm 2024, Công ty đã thanh lý hợp đồng với Công ty Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang và chuyển đổi khoản trả trước này thành khoản đầu tư hợp tác giữa hai bên theo Hợp đồng ngày 6 tháng 2 năm 2024 để đầu tư dự án Nhà máy Điện gió E&M Đắc Lắc, với thời hạn là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng này sẽ được phân chia lợi nhuận khi dự án đi vào hoạt động.

- (9) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn với các bên liên quan với lãi suất từ 0%/năm đến 9%/năm với kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 39 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lãi suất từ 0%/năm đến 10,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư phải thu về cho vay bao gồm khoản CTCP Năng lượng Hamwha - BCG Bàng Dương cho CTCP E Power 1, trị giá là 107.234.483.975 Đồng. Mục đích của khoản cho vay này là để CTCP E Power 1 phục vụ hoạt động kinh doanh của chính Công ty và cho các CTCP Đầu tư Tân Thạnh Diamond, CTCP Green Solution, CTCP Mega Solar vay lại để đầu tư vào các dự án điện gió, điện mặt trời. Để các dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì các dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ để được Ủy Ban Nhân Dân các Tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời của các Công ty này đã được Ủy ban Nhân dân Tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự



*án điện gió, điện mặt trời vào kế hoạch triển khai quy hoạch điện VIII đang chờ Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.*

*Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám Đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai là cao. Vì vậy Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu về cho vay này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập cho các khoản phải thu này.*

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN***(10) Chi tiết phải thu từ BCC có giá trị lớn như sau:*

Bên nhận góp BCC	12/31/2022	12/31/2023	3/31/2024	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	0	2.380.135,46	2.380.135,46	Số 270421BCG - KL.1: 20/4/2021 - 20/4/2024	Dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 12%/năm trên tổng số tiền đã chuyển (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 16%).</li> <li>- Sau khi dự án đi vào vận hành: phần chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.</li> <li>- Dự án đang trong giai đoạn xây dựng</li> </ul>
CTCP Đầu tư Tân Thành Diamond	290.600,00	290.600,00	290.600,00	Số 01/2021/HTKD-TH-TT: 27/12/2021 - 27/12/2022 Phụ lục 1: 1/12/2022 - 27/12/2023 Phụ lục 2: 28/12/2023- 27/12/2024	Dự án Nhà máy Điện Năng lượng Mặt trời Hoa Hường Dương ("Dự án Sunflower")	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 18,65%/năm trên tổng số tiền đã chuyển (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 11,05%).</li> <li>- Sau khi dự án đi vào vận hành: phần chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.</li> </ul>
CTCP Mega Solar	150.000,00	300.000,00	300.000,00	Số 2309/2020/HTKD_soctr ang.megasolar: 22/9/2023 - 22/9/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc Phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.</li> </ul>
	0	300.000,00	300.000,00	Số 1508/2023/ĐT1-MEGA: 15/8/2023 - 15/8/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 11,6%/năm</li> <li>- Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối mỗi tháng.</li> </ul>
	0	156.000,00	156.000,00	Số 1508/2023/ĐT2-MEGA: 15/08/2023- 15/08/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 11,6%/năm</li> <li>- Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối mỗi tháng.</li> </ul>



Bên nhận góp BCC	12/31/2022	12/31/2023	3/31/2024	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
	0	30.120,00	0	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 6/12/2023 - 6/12/2024	Hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	Việc Phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
CTCP Năng lượng Dương Phong	200.000,00	569.691,00	496.949,00	Số 2204/2022/HTKD/WIN DST-DPE: 22/4/2023 - 22/4/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Việc Phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	450.000,00	430.284,00	411.784,00	Số 2204/2022/HTKD/DT2-DP: 22/4/2023 - 22/4/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Việc Phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	0	94.967,00	94.967,00	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 31/10/2023 - 31/10/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Việc Phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
CTCP Đầu tư và Dịch vụ Orchid	180.000,00	180.000,00	180.000,00	SỐ 3011/2021/HTKD/DT1-Orchid: 30/11/2021 - 29/11/2024	Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 với công suất 50MWp tại Tỉnh Long An.	Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng lợi tức không ít hơn 12,5%/năm trên tổng số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 11,15%). - Sau khi dự án đi vào hoạt động: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
CTCP Artemis Investment	306.500,00	240.000,00	240.000,00	Số 1312/2021/HTKD-DT1-Artemis: 13/12/2021 - 13/12/2022 Phụ lục 3: 13/12/2022 - 12/12/2023 Phụ lục 6: 13/12/2023- 12/12/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 15% khoản đóng góp của Bên đóng góp.(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 11,15%). - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.



Bên nhận góp BCC	12/31/2022	12/31/2023	3/31/2024	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
	62.500,00	62.500,00	62.500,00	Số 150201/2022/HTKD/DI 2-Artemis: 15/2/2022 - 15/2/2023 Phụ lục: 15/2/2023 - 15/2/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12.5% khoản đóng góp của Bên đóng - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
CTCP Hibiscus	130.000,00	65.556,00	65.556,00	Số 3011/2021/HTKD/DI - Hibiscus: 30/11/2021 - 30/11/2022 Phụ lục 2: 30/11/2022 - 29/11/2023 Phụ lục 7: 30/11/2023- 29/11/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy Đức Huệ VNT4	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12.5% khoản đóng góp của Bên đóng - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
CTCP Plus Investment	270.000,00	90.000,00	90.000,00	Số 3011/2021/HTKD/DI - Plus: 30/11/2021 - 30/11/2022 Phụ lục 2: 30/11/2022 - 29/11/2023 Phụ lục 5: 30/11/2023- 29/11/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT2	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12.5% khoản đóng góp của Bên đóng - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	0	128.676,00	128.676,00	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 26/12/2023 - 26/12/2024	Hợp tác Nhà máy điện gió Khai Long 2	- Phân chia lợi nhuận theo thu nhập trước lãi vay và thuế ("EBIT") được phân phối từ doanh thu của từng dự án, nhưng không ít hơn 9,5% - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Trần Thủy Dung	861.819,00	0	0	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 23/06/2022- 22/06/2023	Hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy điện mặt trời Hồ Cà Ninh	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 9.6% khoản đóng góp của Bên đóng - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Bên nhận góp BCC	12/31/2022	12/31/2023	3/31/2024	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Phạm Thị Ngọc Thanh	95.276,00	0	0	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 21/09/2022-21/09/2023	Hợp tác đầu tư vào dự án nhà máy điện gió khu du lịch Khai Long- Cà Mau	Việc Phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
CTCP dịch vụ Chi Thủy	150.000,00	0	0	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 20/08/2022-19/08/2023	Hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12.55% khoản đóng góp của Bên đóng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
CTCP Nam Cường Sài Gòn	200.000,00	0	0	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 20/08/2022-19/08/2023	Hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12.55% khoản đóng góp của Bên đóng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.346.695,00</b>	<b>5.318.529,46</b>	<b>5.197.167,46</b>			

(11) Khoản này đã được phân loại trình bày sang khoản trả trước cho người bán ngắn hạn (Đã trình bày tại mục(8)).

(12) Phải thu dài hạn – vốn góp BCC có giá trị lớn:

Đơn vị: triệu đồng

Bên nhận góp BCC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	Hợp đồng – Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
CTCP Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát (*)	479.500,00	479.100,00	479.100,00	5 năm kể từ ngày 17/12/2020	Phát triển dự án Nhà máy điện gió	Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng



Bên nhận góp BCC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	Hợp đồng – Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	2.500.000,00	0	0	03 năm kể từ ngày 20/4/2021	Hợp tác đầu tư phát triển dự án	Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận là 16%/năm trên số tiền đã chuyển mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án
CTCP BCG Land	10.000,00	10.000,00	0			
CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	0	0	53.132,00	Hợp đồng HTKD ngày 23/02/2024. Thời hạn 03 năm kể từ ngày 23/02/2024	Đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 2 với công suất 100 MWp tại ấp Khai Long, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau do CTCP Điện gió Khai Long 2 làm chủ đầu tư	Sau khi Dự án đi vào hoạt động có doanh thu, tạo ra lợi nhuận, và các Bên sẽ được phân chia lợi nhuận từ Chủ đầu tư của Dự án, theo đó Bên Đóng góp và Công ty sẽ phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng hoặc theo thoả thuận khác của các Bên. Lợi nhuận được phân chia là lợi nhuận trước thuế.

(\*) Đây là khoản BCC phải thu CTCP Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát liên quan đến việc thực hiện phát triển dự án Nhà máy Điện gió ("Dự án"). Dự án này đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Để dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì dự án này phải được Ủy Ban Nhân Dân các Tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ cần thiết để được Ủy Ban Nhân Dân các Tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, dự án điện gió này đã được Ủy ban Nhân dân Tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào kế hoạch triển khai quy hoạch điện VIII đang chờ Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám Đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của Dự án điện gió trong tương lai là cao. Do đó, Ban Tổng Giám Đốc tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản BCC này và Ban Tổng Giám Đốc đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập về khó thu hồi khoản BCC nói trên.

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

- Các khoản nợ phải thu quá hạn: Không có
- Các khoản phải trả:

Số dư các khoản phải trả của Công ty như sau:

**Bảng 25. Các khoản phải trả của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng lẻ**

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.581.330,72</b>	<b>1.074.338,94</b>	<b>-32,06%</b>	<b>1.733.671,79</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	299.465,89	170.168,50	-43,18%	656.332,47
+	<i>Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nguyên</i>	<i>30.000,00</i>	<i>30.000,00</i>	<i>0,00%</i>	<i>30.000,00</i>
+	<i>CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải</i>	<i>58.000,00</i>	<i>58.000,00</i>	<i>0,00%</i>	<i>58.000,00</i>
+	<i>Ông Nguyễn Văn Lục</i>	<i>162.627,98</i>	<i>52.000,00</i>	<i>-68,03%</i>	<i>47.000,00</i>
+	<i>CTCP Tập đoàn Bamboo Capital</i>	<i>1.528,77</i>	<i>5.372,07</i>	<i>251,40%</i>	<i>3.563,47</i>
+	<i>Ông Nguyễn Mạnh Chiến</i>	<i>17.390,00</i>	<i>3.043,27</i>	<i>-82,50%</i>	<i>0</i>
+	<i>Ông Vũ Ngọc Tiến</i>	<i>0</i>	<i>42,38</i>	<i>N/A</i>	<i>0</i>
+	<i>Công ty Taxi Việt Nam</i>	<i>0</i>	<i>0,63</i>	<i>N/A</i>	<i>0,27</i>
+	<i>CTCP Đầu tư và Dịch vụ Helios</i>	<i>3.951,21</i>	<i>0</i>	<i>-100,00%</i>	<i>9.714,28</i>
+	<i>Ông Phạm Minh Tuấn</i>	<i>170,80</i>	<i>0</i>	<i>-100,00%</i>	<i>0</i>
+	<i>CTCP Indoba Trading</i>	<i>119,00</i>	<i>0</i>	<i>-100,00%</i>	<i>0</i>
+	<i>CTCP Du lịch Casa Marina Resort</i>	<i>41,00</i>	<i>0</i>	<i>-100,00%</i>	<i>0</i>
+	<i>Ngô Đức Thắng</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>N/A</i>	<i>494.900,00</i>
+	<i>Khác</i>	<i>25.637,13</i>	<i>21.710,15</i>	<i>-15,32%</i>	<i>13.154,45</i>
2	Người mua trả tiền trước hạn	745.017,00	833.373,00	11,86%	931.650,04

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
+	<i>CTCP Aurai Wind Energy (i)</i>	744.717,00	833.373,00	11,86%	833.373,00
+	<i>Ông Vũ Ngọc Tiến</i>	300,00	0	-100,00%	0
+	<i>Sus Vietnam Holding Pte. Ltd (ii)</i>	0	0	N/A	98.277,04
3	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	231,68	300,07	29,52%	332,76
+	<i>Thuế TNDN</i>	0	0	N/A	0
+	<i>Thuế Thu nhập cá nhân</i>	231,68	300,07	29,52%	332,76
+	<i>Thuế GTGT</i>	0	0	N/A	0
+	<i>Khác</i>	0	0	N/A	0
4	Phải trả người lao động	1.987,02	1.576,62	-20,65%	1.627,67
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	53.083,45	3.648,06	-93,13%	4.251,55
+	<i>Chi phí nhân viên</i>	1.769,69	1.678,00	-5,18%	400,00
+	<i>Chi phí lãi vay</i>	3.893,70	1.610,06	-58,65%	3.851,55
+	<i>Chi phí lãi trái phiếu</i>	47.420,05	0	-100,00%	0
+	<i>Khác</i>	0	360,00	N/A	0
6	Phải trả ngắn hạn khác	374.022,69	18.377,69	-95,09%	9.582,30
+	<i>Phải trả cho BCC (iii)</i>	344.435,50	18.267,59	-94,70%	9.196,59
+	<i>BHXX, BHYT, BHTN</i>	224,36	77,77	-65,34%	351,39
+	<i>Lãi phải trả cho BCC</i>	27.221,93	0	-100,00%	0
+	<i>Khác</i>	2.140,90	32,34	-98,49%	34,32
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (iv)	107.523,00	46.895,00	-56,39%	129.895,00



STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>3.000.991,44</b>	<b>105.627,98</b>	<b>-96,48%</b>	<b>105.627,98</b>
1	Phải trả người bán dài hạn	0	105.627,98	N/A	105.627,98
+	<i>Nguyễn Văn Lục</i>	0	105.627,98	N/A	105.627,98
2	Phải trả dài hạn khác	387.167,00	0	-100,00%	0
+	<i>CTCP Mega Solar</i>	387.167,00	0	-100,00%	0
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (iv)	2.613.824,44	0	-100,00%	0
	<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>4.582.322,16</b>	<b>1.179.966,92</b>	<b>-74,25%</b>	<b>1.839.299,77</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG Energy)

(i) Đây chủ yếu là khoản trả trước liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần CTCP Đông Thành 1 và CTCP Đông Thành 2 cho CTCP Aurai Wind theo Hợp đồng số 01.2021.AURAI.BCGE ký ngày 25 tháng 11 năm 2021. Theo hợp đồng đã ký kết và các biên bản gia hạn liên quan thì việc chuyển nhượng vốn góp sẽ được đăng ký và hoàn thành thủ tục chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(ii) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 01 năm 2024, Phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan tới việc mua bán cổ phần của BCGE với CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd.

Theo thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty CP BCG Energy và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd ký ngày 02/02/2024.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



(iii) Chi tiết số dư phải trả cho BCC như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Bên góp BCC	30/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
CTCP BCG Vinh Long (a)	14.026,59	6.787,69	6.787,69	01022021/HTKD -BCGE-VNECO: 1/02/2021 - 1/7/2022	Hợp tác hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến công tác hoàn công quyết toán dự án Nhà máy điện mặt trời Vneco - Vinh Long	1% lợi nhuận của bên nhận góp vốn và trong thời gian BCC có hiệu lực
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyễn	51.293,98	0	0	28/12/2020 - 15/08/2022	Hợp tác kinh doanh điện Phú Mỹ 1	Lợi tức được hưởng tối thiểu 11,02% tổng số tiền đã chuyển/năm
CTCP Green Solution	4.769,41	0	0	2/12/2019 - 15/8/2022	Hợp tác đầu tư vào các dự án điện gió và điện mặt trời hoặc đầu tư vào các dự án mới có tiềm năng trên địa bàn Việt Nam	Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án
CTCP Đầu tư Tân Thành Diamond	71.287,11	0	0	23/11/2020 - 30/06/2022	Hợp tác đầu tư vào các dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1, Đông Thành 2	+ Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án + Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
CTCP Artermis Investment	70.000,00	0	0	23/12/2021 - 15/8/2022	Hợp tác đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo; đầu tư trái phiếu, cổ phiếu	Định kỳ hằng năm sẽ họp, điều chỉnh mức lợi tức phù hợp



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

CTCP Mega Solar	50.000,00	11.480,00	2.409,00	06/12/2022/HTKD /BCGE-MGS: 6/12/2022 - 6/12/2023 7/12/2023 - 6/12/2024	Hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, Cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu	- Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
Cá nhân	80.678,50	0	0	6/7/2020 - 15/8/2022	Hợp tác đầu tư các dự án điện gió	+ Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án + Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào mỗi năm
<b>Tổng cộng</b>	<b>344.435,50</b>	<b>18.267,59</b>	<b>9.196,59</b>			

(a) Theo thoả thuận chấm dứt BCC giữa Công ty và các bên góp BCC, Công ty có nghĩa vụ hoàn trả các khoản vay này chậm nhất trong vòng 24 tháng kể từ ngày kết thúc BCC.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



(iv) *Chi tiết khoản vay và nợ thuế tài chính theo Báo cáo tài chính riêng lẻ:*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>107.523,00</b>	<b>46.895,00</b>	<b>129.895,00</b>
1	Trần Thị Kiều Tiên	0	0	70.000,00
2	Trái phiếu chuyển đổi (b)	67.636,79	0	0
3	Khác (c)	39.886,20	46.895,00	59.895,00
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>2.613.824,44</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Trái phiếu phát hành (d)	2.500.000,00	0	0
2	Chi phí phát hành trái phiếu	(2.305,56)	0	0
3	Công ty CP Indoba Trading	35.000,00	0	0
4	Khác	81.130,00	0	0

(Nguồn: BCTC riêng năm kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG Energy)

(b) Đây là khoản trái phiếu chuyển đổi được phát hành riêng lẻ, số lượng là 1.157.500 trái phiếu với mã là BOND/2019.01 cho Hamwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd., theo Hợp đồng ngày 13 tháng 8 năm 2019, đã đáo hạn vào ngày 4 tháng 9 năm 2022. Theo đó, 2 bên đã ký thỏa thuận gia hạn thanh toán trái phiếu này đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại thời điểm đáo hạn trước đó Hamwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd đã không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu. Lãi suất áp dụng là 10%/năm và việc gia hạn này được đảm bảo thanh toán bằng 16.000.000 cổ phiếu của CTCP Tập đoàn Bamboo Capital. Tại ngày 31 tháng 7 năm 2023, Công ty đã thanh toán phần gốc và lãi còn lại của lô trái phiếu chuyển đổi phát hành riêng lẻ cho Hamwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd.

(c) *Chi tiết khoản vay ngắn hạn với đối tượng khác như sau:*

Bên cho vay	31/12/2023	31/03/2024	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Ông Huỳnh Phúc Đạt	46.895,00	59.895,00	Tài trợ vốn lưu động	Đến 4/8/2024	10	Tín chấp

Chi tiết khoản vay ngắn hạn với đối tượng khác tại 31/12/2022 là 39.886,20 triệu đồng thể hiện các khoản vay tín chấp với các bên thứ ba với mục đích thực hiện các kế hoạch kinh doanh phù hợp với mục tiêu của các bên. Thời hạn của khoản vay dưới 1 năm với lãi suất từ 9% đến 9,1%/năm.

(d) *Chi tiết về trái phiếu phát hành như sau:*

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Trái phiếu phát hành riêng lẻ do CTCP Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124002 và EBCCH2124003 với mệnh giá 100.000.000 Đồng/trái phiếu, phát hành lần lượt từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và ngày 24 tháng 5 năm 2021. Loại hình của 2 mã trái phiếu này là: trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng 33.000.000 cổ phần của các cổ đông CTCP Điện gió BCG Khai Long 1 và toàn bộ quyền, lợi ích phát sinh từ và liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1.

Mục đích phát hành hai loại trái phiếu này là để đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do CTCP Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư.

Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 37/2022/BB-HĐQT-BCGE ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc thay đổi lãi suất áp dụng đối với kỳ tính lãi tiếp theo của trái phiếu EBCCH2124002 và EBCCH2124003, cụ thể, lãi suất cố định là 14%/năm lần lượt tương ứng với kỳ tính lãi từ 26 tháng 10 năm 2022 đến 26 tháng 10 năm 2023 và từ 25 tháng 11 năm 2022 đến 25 tháng 11 năm 2023, lãi suất áp dụng với kỳ còn lại là 10%/năm.

Tại ngày 16 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thực hiện thanh toán trước hạn cho lô trái phiếu có mã EBCCH2124002 phát hành ngày 26 tháng 4 năm 2021 và cho lô trái phiếu có mã EBCCH2124003 phát hành ngày 24 tháng 5 năm 2021.

**Bảng 26. Các khoản phải trả của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất**

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>4.206.972,25</b>	<b>3.079.292,26</b>	<b>-26,81%</b>	<b>3.654.564,95</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1.345.356,80	1.223.109,69	-9,09%	1.714.788,10
+	Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	301.683,72	264.797,17	-12,23%	264.797,17
+	Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	324.128,77	423.223,09	30,57%	423.223,09
+	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	334.741,73	333.331,98	-0,42%	323.131,98
+	Ông Nguyễn Văn Lục	162.627,98	52.000,00	-68,03%	0

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
+	<i>Công ty TNHH Hanwha BCGE O&amp;M</i>	17.617,53	14.074,18	-20,11%	14.804,97
+	<i>CTCP Tập đoàn Bamboo Capital</i>	1.825,77	5.888,07	222,50%	4.160,47
+	<i>Ông Nguyễn Mạnh Chiến</i>	17.390,00	3.043,27	-82,50%	0
+	<i>Tổng CTCP Bảo hiểm AAA</i>	0	463,42	N/A	464,37
+	<i>CTCP BCG Land</i>	27,00	54,00	100,00%	108,00
+	<i>Ông Vũ Ngọc Tiến</i>	0	42,38	N/A	0
+	<i>Công ty Taxi Việt Nam</i>	0	0,63	N/A	0,27
+	<i>CTCP Đầu tư và Dịch vụ Helios</i>	4.251,71	0	-100,00%	9.714,28
+	<i>Ông Phạm Minh Tuấn</i>	396,05	0	-100,00%	1,43
+	<i>CTCP Du lịch Casa Marina Resort</i>	281,73	0	-100,00%	9,46
+	<i>CTCP Indoba Trading</i>	228,75	0	-100,00%	0
+	<i>Khác</i>	180.156,06	126.191,50	-29,95%	647.372,61
2	Người mua trả tiền trước hạn	302.970,00	0	-100,00%	98.277,04
3	Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	51.019,68	35.567,59	-30,29%	28.882,81
+	<i>Thuế Giá trị gia tăng</i>	7.597,44	3.765,96	-50%	6.067,42
+	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	42.509,59	27.162,76	-36%	17.186,72
+	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	912,65	540,31	-41%	558,51

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
+	<i>Thuế tài nguyên</i>	0	0	N/A	0
+	<i>Thuế nhà đất, tiền thuê đất</i>	0	0	N/A	990,3
+	<i>Thuế khác</i>	0	4.037,40	N/A	4018,75
+	<i>Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	0	61,10	N/A	61,10
4	Phải trả người lao động	3.533,79	2.756,17	-22,01%	2.314,27
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	363.158,48	265.181,72	-26,98%	267.731,53
+	<i>Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu</i>	250.900,42	206.566,34	-17,67%	205.826,20
+	<i>Chi phí tạm tăng TSCĐ</i>	0	34.829,24	N/A	0
+	<i>Chi phí lãi BCC</i>	104.927,36	8.140,98	-92,24%	27.428,85
+	<i>Khác</i>	7.330,70	15.645,16	113,42%	34.476,48
6	Phải trả ngắn hạn khác	676.955,61	189.309,04	-72,04%	138.648,20
+	<i>BHXH, BHYT, BHTN</i>	310,11	87,92	-71,65%	445,35
+	<i>Phải trả hợp đồng BCC (v)</i>	591.951,46	11.480,00	-98,06%	2.409,00
+	<i>Chi phí lãi vay, lãi BCC</i>	53.590,26	164.099,91	206,21%	116.802,27
+	<i>Cổ tức phải trả</i>	5.700,00	0	-100,00%	0
+	<i>Khác</i>	25.403,77	13.641,21	-46,30%	18.991,58
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (vii)	1.463.977,89	1.363.368,06	-6,87%	1.403.923,00
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>9.464.786,63</b>	<b>6.221.159,94</b>	<b>-34,27%</b>	<b>6.170.924,93</b>

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% tăng/ giảm 2023/2022	31/03/2024
1	Phải trả người bán dài hạn	191.037,28	250.864,15	31,32%	250.864,15
+	<i>Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co.,Ltd</i>	103.964,83	0	-100,00%	0
+	<i>CT TNHH Powerchina Việt Nam</i>	87.072,45	0	-100,00%	0
+	<i>Nguyễn Văn Lục</i>	0	105.627,98	N/A	105.627,98
+	<i>CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải</i>	0	145.236,16	N/A	145.236,16
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18,45	13,64	-26,07%	12,44
3	Phải trả dài hạn khác (vi)	1.697.692,00	856.000,00	-49,58%	856.000,00
+	<i>CTCP Mega Solar</i>	387.167,00	0	-100,00%	0
+	<i>CTCP Skylar Flagship</i>	420.000,00	0	-100,00%	0
+	<i>CTCP BCG Land Gateway</i>	490.525,00	456.000,00	-7,04%	456.000,00
+	<i>CTCP MGM Hanbit</i>	400.000,00	400.000,00	0,00%	400.000,00
4	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (vii)	7.500.626,34	5.034.922,12	-32,87%	4.984.847,72
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	75.412,56	79.360,03	5,23%	79.200,62
<b>Tổng Nợ phải trả</b>		<b>13.671.758,88</b>	<b>9.300.452,21</b>	<b>-31,97%</b>	<b>9.825.489,87</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)



(v) Chi tiết phải trả BCC có giá trị lớn như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Bên góp BCC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
CTCP Thương mại Vũ Tuấn	350.000,00	0	0	20/8/2021 – 20/8/2022	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2	Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 8,6% khoản đóng góp của Bên đóng góp  Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào mỗi năm
CTCP Năng lượng Mặt trời Tân Thành Diamond	71.287,11	0	0	23/11/2020 – 30/6/2022	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1 và Đông Thành 2	Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án  Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
CTCP Artermis Investment	70.000,00	0	0	23/12/2021 – 15/8/2022	Hợp tác đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo; đầu tư trái phiếu, cổ phiếu	Định kỳ hằng năm sẽ họp, điều chỉnh mức lợi tức phù hợp
Cá nhân	80.678,70	0	0	06/07/2020 – 15/8/2022	Hợp tác đầu tư các dự án điện gió	Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án  Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào mỗi năm
CTCP Mega Solar	19.985,85	11.480,00	2.409,00	Số 06/12/2022/HTKD/ BCGE-MGS: 6/12/2022 - 6/12/2023	Hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận  Sau khi dự án đi vào hoạt động:



Bên góp BCC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
				7/12/2023 - 6/12/2024		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn.</li> <li>- Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.</li> </ul>

(ví) Phải trả dài hạn khác bao gồm phải trả cho các hợp đồng BCC:

Bên góp BCC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
CTCP Mega Solar	387.167,00	0	0	1/10/2020-25/4/2025	Hợp tác đầu tư vào các dự án Nhà máy Điện Biên, công suất 350 MWp	<p>Theo tính hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn</p> <p>Việc chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng</p>
CTCP Skylar Flagship	420.000,00	0	0	6/7/2020 – 6/7/2024	Hợp tác đầu tư các dự án điện gió	<p>Theo tính hình thực tế và lợi nhuận của dự án</p> <p>Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào mỗi năm.</p>
CTCP BCG Land Gateway	490.525,00	456.000,00	456.000,00	Số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT1: 23/6/2021-23/6/2031	Hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến bất động sản, cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu	<p>Trong thời gian xây dựng dự án: Công ty phải trả khoản lợi tức là 11,52%/năm trên tổng số tiền đã chuyển (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022: 9,55%)</p> <p>Việc chi trả lợi tức sẽ được thực hiện vào một năm một lần</p>

Bên góp BCC	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
CTCP MGM Hanbit	400.000,00	400.000,00	400.000,00	S3 01.12/2021/HĐ-HTĐT/ĐT1-MGM: 1/12/2021-1/12/2031	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1	Trong thời gian xây dựng dự án: Công ty phải trả khoản lợi tức là 15,5%/năm trên tổng số tiền đã chuyển (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022: 11,1%)  Việc chi trả lợi tức sẽ được thực hiện 6 tháng/lần.

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*





(vii) Chi tiết khoản vay và nợ thuế tài chính theo Báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.463.977,89</b>	<b>1.363.368,06</b>	<b>1.403.922,99</b>
1	Vay ngân hàng (13)	50.000,00	50.000,00	-
2	Vay dài hạn ngân hàng đáo hạn trong vòng một năm (13)	450.266,35	447.639,21	449.893,12
3	Chi phí đi vay	0	(2.124,80)	(2.124,80)
4	Trái phiếu chuyển đổi	67.636,79	0	0
5	Chi phí phát hành trái phiếu đáo hạn trong vòng một năm	0	0	0
6	Vay từ bên liên quan (14)	106.500,00	19.370,00	19.370,00
7	Vay từ các đối tượng khác (14)	789.303,60	848.212,50	936.581,31
8	Nợ thuế tài chính	271,14	271,14	203,36
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>7.500.626,34</b>	<b>5.034.922,12</b>	<b>4.984.847,72</b>
1	Vay ngân hàng (13)	4.096.988,46	4.056.513,08	4.005.907,48
2	Chi phí đi vay	0	(22.133,24)	(21.602,04)
3	Phát hành trái phiếu (15)	2.789.000,00	500.000,00	500.000,00
4	Chi phí phát hành trái phiếu	(2.305,56)	0	0
5	Vay từ bên liên quan (14)	535.000,00	500.000,00	500.000,00
6	Vay từ các đối tượng khác	81.130,00	0	0
7	Nợ thuế tài chính	813,43	542,29	542,29

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)

(13) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng như sau:

Bên cho vay	31.12.2022	31.12.2023	31.03.2024	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	2.295.411,44	2.022.461,44	1.984.961,44	Để tài trợ chi phí đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 123 - Giai đoạn I	Đến 05/05/2031	lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND cộng biên độ tối thiểu 4%/năm	Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và toàn bộ động sản thuộc của công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện; toàn bộ cổ phần và quyền tài sản phát sinh từ các dự án.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	518.803,57	0	0	Tài trợ dự án Nhà máy điện mặt trời Gaia	180 tháng	Lãi suất áp dụng theo từng lần nhận nợ	Công trình gắn liền với đất hình thành trong tương lai và tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời GAIA; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Bến Thành	679.723,39	0	0	Tài trợ một phần chi phí đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời Gaia	180 tháng	lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng cộng với biên độ tối thiểu 3%	Công trình gắn liền với đất hình thành trong tương lai và tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời GAIA; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện
DBS Bank Ltd, Singapore	0	1.836.822,85	1.852.122,71	Tài trợ cho các dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh và kế hoạch kinh doanh. Số dư tại ngày 31.12.2023 bằng USD là 75.279.625 Đô la Mỹ	Đến 30/6/2035	SOFR +2.9%	(*)
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	646.091,84	598.233,18	574.303,86	Tài trợ dự án Nhà máy điện mặt trời Vneco Vĩnh Long	Đến 15/01/2036	10,55 - 12,75	Tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời tại công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	396.886,06	0	0	Tài trợ đầu tư xây dựng Dự án nhà máy điện mặt trời BCG Bàng Dương	180 tháng	Theo từng kế ước nhận nợ	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời BCG Bàng Dương; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa CTCP Năng



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Bên cho vay	31.12.2022	31.12.2023	31.03.2024	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%)	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	50.000,00	50.000,00	0	Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp	Đến 16/3/2024	5,20	lượng BCG Bằng Dương và Công ty Mua bán Điện
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	0	36.296,30	34.074,07	Tài trợ chi phí xây dựng dự án điện mặt trời mái nhà	Đến 26/12/2029	7,3	Tài sản thế chấp là hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng của Công ty trong Tập đoàn.
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bến Thành	10.338,52	10.338,52	10.338,52	Đầu tư dự án điện năng lượng mặt trời	Đến 19/12/2027	13,8	Hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty con tại Siêu thị Gò Tây, khu ICD Tân Cảng Long Bình, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai - tại kho xưởng của Công ty CP Tân Vĩnh Cửu, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.597.254,81</b>	<b>4.554.152,29</b>	<b>4.455.800,60</b>				Toàn bộ hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà hình thành trong tương lai và đã hình thành trên các mái nhà theo các Hợp đồng thuê mái; Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê của công ty trong tập đoàn; Toàn bộ phần vốn góp của công ty trong Công ty cùng Tập Đoàn; và Bảo lãnh cá nhân của Chủ tịch.
Trong đó:							
- Đào hạn trong vòng 1 năm	450.266,35	447.639,21	449.893,12				
- Vay ngắn hạn ngân hàng	0	50.000,00	0				
- Vay ngắn hạn dài hạn	4.146.988,46	4.056.513,08	4.005.907,48				

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)



(\*) Khoản vay với ngân hàng DBS Bank Ltd., Singapore được thế chấp bằng những tài sản chi tiết sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
CTCP BCG Energy	Vốn góp vào CTCP BCG Gaia
	Vốn góp vào CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương
	Vốn góp vào CTCP Năng lượng BCG – Băng Dương
CTCP BCG Gaia	Vốn góp vào CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương
	Vốn góp vào CTCP Năng lượng BCG – Băng Dương
	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
	Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh
CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Vốn góp vào CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương
	Vốn góp vào CTCP Năng lượng BCG – Băng Dương
CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
	Toàn bộ bất động sản thuộc Dự án
	Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
CTCP Năng lượng BCG – Băng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
	Toàn bộ động sản thuộc Dự án
	Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	Vốn góp vào CTCP BCG Gaia
Ông Phạm Minh Tuấn	Vốn góp vào CTCP BCG Gaia
Bà Hoàng Thị Minh Châu	Vốn góp vào CTCP BCG Gaia

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(14) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với các đối tượng khác như sau:

Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
<b>Bên liên quan</b>							
<i>Ngắn hạn</i>	<b>106.500,00</b>	<b>19.370,00</b>	<b>19.370,00</b>				
CTCP Mega Solar	67.500,00	15.500,00	15.500,00	Bổ sung vốn lưu động	Đến 30/4/2024	12,5	Tin chấp
CTCP E Power 1	0	3.070,00	3.070,00	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/12/2024	0	Tin chấp
CTCP BCG SP GreenSky	0	800,00	800,00	Thanh toán chi phí hoạt động	Đến 25/5/2024	8,5	Tin chấp
Các bên khác	39.000,00	0	0	Bổ sung vốn lưu động	Dưới 1 năm		
<i>Dài hạn</i>	<b>535.000,00</b>	<b>500.000,00</b>	<b>500.000,00</b>				
CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	500.000,00	500.000,00	500.000,00	Mua sắm, lắp đặt thiết bị, và thi công dự án nhà máy điện gió	Đến 19/11/2026	16	Tin chấp
Khác	35.000,00	0	0	Tài trợ vốn lưu động	Gồm nhiều kỳ hạn trên 1 năm	9	Tin chấp

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)

Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
<b>Đối tượng khác</b>							
<i>Ngắn hạn</i>	<b>789.303,60</b>	<b>848.212,50</b>	<b>936.581,31</b>				

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Sembcorp Energy Việt Nam Project I Pte. Ltd.	641.520,00	659.475,00	675.621,00	Đây là khoản vay bằng USD để bổ sung vốn lưu động Số dư tại ngày 31.12.2023 bằng USD là 27.000.000 Đô la Mỹ tương đương với 659.475.000.000 Đồng.	Đến 30/6/2024	8	(**)
Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd.	112.622,40	115.774,50	115.774,50	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/12/2024	10,5	Tín chấp
Ông Huỳnh Phúc Đạt	0	46.895,00	59.895,00	Bổ sung vốn lưu động	Đến 4/8/2024	10	Tín chấp
Bà Trần Thị Kiều Tiên	0	0	70.000,00	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/12/2024	7	Tín chấp
CTCP Plus Investment	0	0	3.677,00	Bổ sung vốn lưu động	Đến 30/01/2025	12,05	Tín chấp
Công ty TNHH Tulip Solar	0	14.234,00	9.032,81	Xây dựng các dự án năng lượng điện áp mái	Đến 18/10/2024	8,5	Tín chấp
Bà Phạm Thị Ngọc Thanh	0	9.253,00	0	Phát triển dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2 và/hoặc hợp tác đầu tư/hợp tác kinh doanh với các tổ chức/cá nhân nhằm mở rộng năng lực hoạt động của Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên trong lĩnh vực năng lượng tái tạo	Đến 5/9/2024	0	Tín chấp
Ông Phạm Quang Khải	0	1.041,00	1.041,00	Tài trợ hoạt động kinh doanh và tài trợ chi phí phát triển dự án năng lượng mặt trời	Đến 27/03/2025	0	Tín chấp
	0	1.540,00	1.540,00	Tài trợ hoạt động kinh doanh và tài trợ chi phí phát triển dự án năng lượng mặt trời	Đến 24/4/2025	0	Tín chấp

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Khác	35.161,20	0	0	Tài trợ vốn lưu động	Gồm nhiều kỳ hạn trên 1 năm	9	Tin chấp
------	-----------	---	---	----------------------	-----------------------------	---	----------

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)

Đến thời điểm hiện tại, các khoản vay trên vẫn được Công ty thực hiện thanh toán đúng theo thời hạn.

(\*\*) Khoản vay với Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd được thế chấp bằng tài sản của các bên bảo lãnh chi tiết như sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
CTCP Aurai Wind Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1
	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2
CTCP BCG Energy	Tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty bao gồm các tài khoản tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1
	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2
	Vốn góp vào CTCP BCG Giai A
	Vốn góp vào CTCP Năng lượng BCG Băng Dương
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Vốn góp vào CTCP Năng lượng Hanwah - BCG Băng Dương
	Tất cả tài sản thuộc Dự án Điện gió Đông Thành 1
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tất cả giấy tờ pháp lý liên quan đến Dự án
	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2
	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà mau giai đoạn 1
	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TPCP Nam Á
CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà mau giai đoạn 3
	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TPCP Nam Á
CTCP BCG Wind Sóc Trăng	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1
	Các tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng TMCP Phương Đông
Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong CTCP Tập đoàn Bamboo Capital
Ông Phạm Minh Tuấn	2.369 triệu cổ phiếu CTCP Tập đoàn Bamboo Capital 22.500 cổ phiếu CTCP BCG GAIA
Bà Hoàng Thị Minh Châu	2.500 cổ phiếu CTCP BCG GAIA

(15) Chi tiết về trái phiếu phát hành ngân hàng và dài hạn như sau:

Chi tiêu	Tại ngày 31.12.2022			Tại ngày 31.12.2023			Tại ngày 31.03.2024		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
<b>Dài hạn</b>	<b>2.789.000,00</b>			<b>500.000,00</b>			<b>500.000,00</b>		
Loại phát hành theo mệnh giá (a)	500.000,00	13	5 năm	500.000,00	13	5 năm	500.000,00	13	5 năm
Loại phát hành theo mệnh giá (b)	915.600,00	14	3 năm	0	14	3 năm	0	14	3 năm
Loại phát hành theo mệnh giá (c)	1.373.400,00	14	3 năm	0	14	3 năm	0	14	3 năm

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)



- (a) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do CTCP Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là TNECH.2227001, phát hành từ ngày 9 tháng 9 năm 2022 có mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng các tài sản chi tiết như sau:
- Toàn bộ phần góp vốn thuộc chủ sở hữu của các bên góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên;
  - Toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ và liên quan đến Dự án Krông Pa 2 (bao gồm nhưng không giới hạn quyền kinh doanh, khai thác, phát triển Dự án Krông Pa 2, nguồn thu từ Dự án Krông Pa 2 và các quyền tài sản khác phát sinh từ Dự án Krông Pa 2;
  - Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Krông Pa 2 (sau khi đủ điều kiện thế chấp theo quy định của pháp luật);
  - 19.284.000 cổ phiếu CTCP Tập đoàn Bamboo Capital thuộc sở hữu của các cá nhân/tổ chức khác;
  - Các tài sản và biện pháp bảo đảm khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của tổ chức phát hành và/ hoặc bên thứ ba theo thỏa thuận giữa các bên liên quan được bổ sung, thay thế tại từng thời điểm nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu.
- Mục đích phát hành là tăng quy mô vốn hoạt động của Tập đoàn.
- (b) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do CTCP Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124002 với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu, phát hành từ ngày 26 tháng 4 năm 2021. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của CTCP Điện gió BCG Khai Long 1 và các Hợp đồng thế chấp có phần của các cá nhân góp vốn tại CTCP Điện gió BCG Khai Long 1.
- (c) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do CTCP Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124003 với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu, phát hành từ ngày 24 tháng 5 năm 2021. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của CTCP Điện gió BCG Khai Long 1 và các Hợp đồng thế chấp có phần của các cá nhân góp vốn tại CTCP Điện gió BCG Khai Long 1.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### - Thanh toán các khoản nợ đến hạn trả:

Căn cứ theo BCTC Quý I năm 2024, cho đến thời điểm hiện tại, Công ty có các khoản nợ phải trả người bán quá hạn chiếm tỷ lệ 1,00% tổng khoản nợ phải trả. Ngoài khoản nợ quá hạn trên, Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn nào khác.

### - Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành.

Số dư các khoản nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước như sau:

**Bảng 27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo Báo cáo tài chính riêng**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0
2	Thuế thu nhập cá nhân	231,68	300,07	332,76
3	Thuế GTGT	0	0	0
4	Thuế khác	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>231,68</b>	<b>300,07</b>	<b>332,76</b>

*(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG Energy)*

**Bảng 28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo Báo cáo tài chính hợp nhất**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.509,59	27.162,76	17.186,72
2	Thuế thu nhập cá nhân	912,65	540,32	558,52
3	Thuế GTGT	7.597,44	3.765,96	6.067,42
4	Thuế khác	0	4.098,55	5.070,15
<b>Tổng cộng</b>		<b>51.019,68</b>	<b>35.567,59</b>	<b>28.882,81</b>

*(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)*



- **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, hàng năm, HĐQT sẽ quyết định mức trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty, bao gồm: (i) một khoản trích vào Quỹ dự phòng tài chính. Khoản này không được vượt quá 05 (năm) % lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng 10 (mười) % Vốn điều Lệ của Công ty; (ii) 15% để lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Từ năm 2021 đến nay, Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ.

- **Các khoản đầu tư tài chính:**

**Bảng 29. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng lẻ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
<b>I</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>592,38</b>	<b>592,38</b>	<b>490.592,38</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	0	0	490.000,00
-	<i>CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (16)</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>490.000,00</i>
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	592,38	592,38	592,38
-	<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>592,38</i>	<i>592,38</i>	<i>592,38</i>
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5.216.368,07</b>	<b>5.187.008,18</b>	<b>5.272.772,68</b>
1	Đầu tư vào công ty con (17)	5.301.566,18	5.387.131,17	5.387.131,17
2	Đầu tư vào công ty liên kết (18)	27.157,71	27.157,71	27.157,71
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (19)	83.035,00	82.145,00	204.645,00
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(195.390,82)	(309.425,70)	(346.161,20)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.216.960,45</b>	<b>5.187.600,56</b>	<b>5.763.365,06</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC riêng Quý I năm 2024 của BCG Energy)

(16) Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31/01/2024, Phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan tới việc mua bán cổ phần của BCGE với CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holding Pre.Ltd.

(17) Chi tiết khoản Đầu tư vào công ty con như sau:

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Chi tiêu	31/12/2022			31/12/2023			31/03/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
CTCP BCG Wind Sóc Trăng	540.000,00	(*)	0	540.000,00	(*)	0	540.000,00	(*)	0
CTCP Năng lượng BCG Thanh Hóa	108.000,00	(*)	(2.569,06)	108.000,00	(*)	(2.475,71)	108.000,00	(*)	(2.425,80)
CTCP Skylar	495.000,00	(*)	0	495.000,00	(*)	0	495.000,00	(*)	0
CTCPPhát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	761.525,28	(*)	0	761.525,28	(*)	0	761.525,28	(*)	0
CTCP Aurai Wind Energy	742.500,00	(*)	0	742.500,00	(*)	(2.079,02)	742.500,00	(*)	(22.666,89)
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	567.350,00	(*)	(24.703,62)	567.350,00	(*)	(13.327,87)	567.350,00	(*)	(23.686,59)
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	806.475,00	(*)	(200,72)	806.475,00	(*)	(355,47)	806.475,00	(*)	(400,13)
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	122.400,00	(*)	(4.367,50)	122.400,00	(*)	(5.076,92)	122.400,00	(*)	(11.303,44)
CTCP BCG Vĩnh Long	181.340,91	(*)	(5.162,50)	181.340,91	(*)	(22.846,65)	181.340,91	(*)	(3.168,05)
CTCP BCG Gaia (i)	927.074,99	(*)	(155.761,16)	1.062.539,99	(*)	(261.176,19)	1.062.539,99	(*)	(280.422,43)
CTCP E Power 1 (ii)	49.900,00	(*)	0	0	(*)	0	0	(*)	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.301.566,18</b>		<b>(192.764,56)</b>	<b>5.387.131,17</b>		<b>(307.337,83)</b>	<b>5.387.131,17</b>		<b>(344.073,33)</b>

(i) Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-DHĐCĐ-BCG-BCG GAIA của Đại hội đồng Cổ đông của CTCP BCG GAIA ("GAIA") về việc tăng vốn điều lệ trong công ty này. GAIA đã phát hành 23.776.296 cổ phần phổ thông cho Công ty với giá 28.487 Đồng/cổ phiếu. Tuy

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

nhien, nếu trong trường hợp nhà đầu tư là Sembcorp Energy Vietnam I Pte. Ltd. hoàn tất mua 46.863.500 cổ phần phổ thông và 1.410.616 cổ phần ưu đãi mà GALA sẽ phát hành thêm trong tương lai thì Công ty có nghĩa vụ sẽ phải thanh toán thêm cho GALA số tiền là 135.464.997.748 Đồng cho số lượng cổ phần đã mua này. Tại ngày 19 tháng 7 năm 2023, Sembcorp Energy Vietnam I Pte. Ltd. đã mua hết số lượng cổ phiếu ưu đãi như trên. Theo đó, Công ty cũng đã thực hiện việc thanh toán thêm cho GALA số tiền là 135.464.997.748 VND bằng cách cân trừ với khoản phải thu GALA về cho vay theo Thỏa thuận cân trừ công nợ ngày 19 tháng 7 năm 2023.

(ii) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/2023/BB-HDQT...TNM ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần tại CTCP E Power I, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 49,9 tỷ Đồng theo Hợp đồng mua bán liên quan. Các thủ tục chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 18 tháng 9 năm 2023.

(\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng lẻ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(18) Chi tiết Đầu tư vào công ty liên kết:

Chi tiêu	31/12/2022			31/12/2023			31/03/2024					
	Giá gốc	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý			
Công ty TNHH Skylight Power	24.952,71	50,00	(**)	-2.626,26	24.952,71	50,00	(**)	-2.087,87	24.952,71	50,00	(**)	-2.087,87
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	2.205,00	49,00	(**)	0	2.205,00	49,00	(**)	0	2.205,00	49,00	(**)	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.157,71</b>			<b>-2.626,26</b>	<b>27.157,71</b>			<b>-2.087,87</b>	<b>27.157,71</b>			<b>-2.087,87</b>



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng lẻ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(19) Chi tiết Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Chi tiêu	31/12/2022			31/12/2023			31/03/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (***)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (***)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (***)	Dự phòng
CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	59.400,00	(***)	0	59.400,00	(***)	0	59.400,00	(***)	
CTCP Năng lượng Dương Phong	21.600,00	(***)	0	21.600,00	(***)	0	21.600,00	(***)	
CTCP Tracodi Power (iii)	590,00	(***)	0	0	(***)	0	0	(***)	0
CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Bông Dương	785,00	(***)	0	785,00	(***)	0	785,00	(***)	0
CTCP Năng lượng BCG Bông Dương	360,00	(***)	0	360,00	(***)	0	360,00	(***)	0
CTCP Điện Gió BCG Khai Long 2 (iv)	300,00	(***)	0	0	(***)	0	0	(***)	0
CTCP Đầu Tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (v)	0	(***)	0	0	(***)	0	122.500,00	(***)	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.035,00</b>		<b>0</b>	<b>82.145,00</b>		<b>0</b>	<b>204.645,00</b>		<b>0</b>

(iii) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần của CTCP Tracodi Power, theo đó Tập đoàn đã thoái vốn toàn bộ 11,8% vốn điều lệ, tương ứng với 59.000 cổ phần. Các thủ tục về việc chuyển nhượng của Tập đoàn đã được hoàn tất vào ngày 22 tháng 12 năm 2023.

(iv) Theo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông số 06/2022/BBH-HDQT-AURA ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Điện gió BCG Khai Long 2. Theo đó Công ty đã thoái vốn toàn bộ 0,1% vốn điều lệ, tương ứng với 300.000 cổ phần theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 29 tháng 12 năm 2022. Các thủ tục về việc chuyển nhượng của Công ty đã được hoàn tất vào ngày 12 tháng 6 năm 2023.



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(v) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-HDQT-BCGE ngày 31 tháng 01 năm 2024, Phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan tới việc mua bán cổ phần của BCGE với CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd.

(\*\*\*\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng lẻ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

**Bảng 30. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
<b>I</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>121.520,93</b>	<b>39.180,00</b>	<b>512.980,00</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	34.930,00	0	490.000,00
-	<i>CTCP Phát triển Điện Gia Huy (20)</i>	<i>34.930,00</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
-	<i>CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (21)</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>490.000,00</i>
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.590,93	39.180,00	22.980,00
-	<i>Tiền gửi có kỳ hạn (22)</i>	<i>86.590,93</i>	<i>39.180,00</i>	<i>22.980,00</i>
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>342.412,08</b>	<b>339.092,80</b>	<b>478.525,53</b>
1	Đầu tư vào công ty liên kết (23)	260.822,08	258.092,80	275.025,53
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (24)	81.590,00	81.000,00	203.500,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>463.933,00</b>	<b>378.272,80</b>	<b>991.505,53</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)

(20) Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ-SKYLAR ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc chuyển đổi mục đích đầu tư vào CTCP Phát triển Điện Gia Huy, Công ty quyết định không tiếp tục tìm đối tác chuyển nhượng mà thay vào đó sẽ đổi mục đích đầu tư từ đầu tư chứng khoán kinh doanh sang đầu tư dài hạn do Công ty chưa hoàn thành tìm kiếm được đối tác để chuyển nhượng CTCP Phát triển Điện Gia Huy trước thời hạn ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo như kế hoạch ban đầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(21) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 01 năm 2024, Phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan tới việc mua bán cổ phần của BCGE với CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd.

(22) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,9%/năm đến 10,7%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,55%/năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lãi suất từ 3,7%/năm đến 10,7%/năm).

(23) Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết như sau:



Chỉ tiêu	31/12/2022			31/12/2023			31/03/2024		
	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Skylight Power	14.472,92	24.952,71	(****)	15.011,31	21.952,71	(****)	14.886,62	24.952,71	(****)
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	11.182,91	2.205,00	(****)	10.974,23	2.205,00	(****)	12.473,64	2.205,00	(****)
CTCP BCG - SP Greensky (i)	235.166,24	208.562,00	(****)	232.107,26	256.012,00	(****)	247.665,27	270.212,00	(****)
<b>Tổng cộng</b>	<b>260.822,08</b>	<b>235.719,71</b>		<b>258.092,80</b>	<b>283.169,71</b>		<b>275.025,53</b>	<b>297.369,71</b>	

(\*\*\*\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Theo Biên bản họp số 01/2023/BBH-DHDCD-BCG-SP Greensky ngày 21/03/2023 về việc tăng vốn điều lệ CTCP BCG-SP Greensky, CTCP Skylar đã đăng ký mua thêm 1.745.000 cổ phần, tương đương với 47.450.000.000 đồng và không thay đổi tỷ lệ sở hữu trong CTCP BCG - SP Greensky.

(24) Chi tiết Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2022			31/12/2023			31/03/2024		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
CTCP Điện gió BCG Khai Long	59.400,00	(*****)	0	59.400,00	(*****)	0	59.400,00	(*****)	0
CTCP Năng lượng Dương Phong	21.600,00	(*****)	0	21.600,00	(*****)	0	21.600,00	(*****)	0
CTCP Tracodi Power (ii)	590,00	(*****)	0	0	(*****)	0	0	(*****)	0
Công ty CP Đầu Tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (16)	0	(*****)	0	0	(*****)	0	122.500,00	(*****)	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>81.590,00</b>		<b>0</b>	<b>81.000,00</b>		<b>0</b>	<b>203.500,00</b>		<b>0</b>

(ii) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22/12/2023 về việc chuyển nhượng cổ phần của CTCP Tracodi Power, theo đó Công ty đã thoái vốn toàn bộ 31,8% vốn điều lệ, tương ứng với 59.000 cổ phần. Các thủ tục về việc chuyển nhượng của Công ty đã được hoàn tất vào ngày 22/12/2023.

(\*\*\*\*\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thông minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giao dịch trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

[Phần còn lại của trang được cắ y hồ trống]

**11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**
**Bảng 31. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2023
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,51	2,79
- Hệ số thanh toán thanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,51	2,79
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,51	0,14
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,05	0,16
<b>3. Năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,01	0,01
- Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,13	0,03
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán:Hàng tồn kho bình quân	Lần	//	//
<b>4. Khả năng sinh lời</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	86,48%	253,47%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,71%	1,39%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,76%	2,06%
- Thu nhập trên cổ phần (LPS)	Đồng	168,56	262,78

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và năm 2023 của BCCI Energy)

**Bảng 32. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất**



Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2023
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,54	2,46
- Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	1,54	2,46
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,66	0,49
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,90	0,96
<b>3. Năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,06	0,06
- Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,17	0,16
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	804,97	753,83
<b>4. Khả năng sinh lời</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	27,78%	-13,57%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,55%	-0,77%

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2023
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,03%	-1,81%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.041,12	-77,19

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 của BCE Energy)

## 12. Tài sản thuộc sở hữu của Công ty

**Bảng 33. Tài sản cố định của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2023			31/03/2024		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
1	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	9.674,88	6.888,17	71,20%	9.674,88	6.633,99	68,57%
1	Thiết bị máy móc	155,20	46,46	29,93%	155,20	40,88	26,34%
2	Phương tiện vận tải	9.468,78	6.818,38	72,01%	9.468,78	6.576,14	69,45%
3	Thiết bị quản lý	50,90	23,33	45,83%	50,90	16,97	33,33%
11	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	0	0	N/A	0	0	N/A
1	Phần mềm máy tính	0	0	N/A	0	0	N/A

(Nguồn: BCTC riêng 12 kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng lẻ Quý I năm 2024 của BCE Energy)

**Bảng 34. Tài sản cố định của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất**
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chi tiêu	31/12/2023			31/03/2024		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>10.403.015,59</b>	<b>8.994.944,70</b>	<b>86%</b>	<b>10.859.198,84</b>	<b>9.314.711,54</b>	<b>86%</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	2.015.029,49	1.691.236,47	84%	2.449.300,50	2.095.374,18	86%
2	Máy móc và thiết bị	7.534.699,51	6.579.504,45	87%	7.550.310,95	6.499.848,16	86%
3	Phương tiện vận tải	850.803,65	722.635,30	85%	857.104,66	718.016,21	84%
4	Thiết bị văn phòng	2.369,10	1.462,54	62%	2.369,10	1.371,80	58%
5	Tài sản cố định khác	113,84	105,93	93%	113,84	101,19	89%
<b>II</b>	<b>TS cố định thuê tài chính (*)</b>	<b>1.232,47</b>	<b>958,59</b>	<b>78%</b>	<b>1.232,47</b>	<b>841,21</b>	<b>68%</b>
	Phương tiện vận tải	1.232,47	958,59	78%	1.232,47	841,21	68%
<b>III</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>420.826,94</b>	<b>403.824,75</b>	<b>96%</b>	<b>420.826,94</b>	<b>401.276,97</b>	<b>95%</b>
1	Quyền sử dụng đất	0	0	N/A	0	0	N/A
2	Giấy phép đầu tư dự án (**)	420.826,94	403.824,75	96%	420.826,94	401.276,97	95%

*(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)*

(\*) TSCĐ thuê tài chính liên quan đến hợp đồng thuê tài chính số 63.22.07/CTTC ngày 25 tháng 10 năm 2022 giữa Tập đoàn và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê tài chính này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cơ nhân, do Ngân hàng TMCP



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ngoại Thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó công hiện độ 2,5%/năm. Khi Công ty hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ như quy định tại hợp đồng thuê. Công ty có quyền được mua lại với sản thuê bằng giá danh nghĩa là 1.500.000 Đồng khi kết thúc thời hạn thuê.

(\*\*) Tài sản cố định khác là tổng dư còn lại từ giấy phép đầu tư của CTCP Năng lượng Hunwha - BCG Bằng Dương và CTCP Năng lượng BCG - Bằng Dương. Và giá trị tài sản vô hình từ quyền khai thác dự án nhà máy điện mặt trời áp mái của Công ty CP phát triển Điện Gió Huy.

**Bảng 35. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo Báo cáo tài chính riêng**

Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
Chi phí triển khai xây dựng hệ thống ERP	513,53	513,53	513,53

(Nguồn: BCTC riêng là kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng là Quý I năm 2024 của BCG Energy)

**Bảng 36. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo Báo cáo tài chính hợp nhất**

STT	Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/03/2024
1	Dự án nhà máy điện mặt trời Krông Pú 2	563.211,07	782.154,99	329.331,41
2	Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 1	89.855,77	104.447,58	105.394,16
3	Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 2	29.956,99	70.910,80	81.460,21
4	Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 2	0,00	18.756,60	18.756,60
5	Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 3	0,00	18.769,59	18.769,59
6	Dự án Nhà máy điện Pôu Mỹ giai đoạn 2	1.860.893,14	15.057,09	15.057,09
7	Dự án nhà máy điện gió Sóc Trăng	6.116,17	8.710,95	9.205,88
8	Khác	28.564,15	54.623,42	54.400,41
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.578.497,30</b>	<b>1.073.431,03</b>	<b>632.375,35</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2024 của BCG Energy)

Danh sách đầu đai thuộc sở hữu hợp nhất của Công ty theo Phụ lục II đính kèm.

Danh sách các tài sản lớn thuộc sở hữu hợp nhất của Công ty theo Phụ lục III đính kèm.

### 13. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2024

**Bảng 37. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất của BCG Energy năm 2024**

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	% (+/-) 2023-2024
Doanh thu thuần	Triệu đồng	785.117	1.063.784	1.125.647	1.519.998	35%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	2.175.000	4.500.000	7.500.000	7.500.000	//
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	4.581.708	7.177.078	9.736.102	10.299.072	5,78%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	323.741	295.532	(152.720)	512.970	435,9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	41,23%	27,78%	-13,6%	33,7%	//
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,24%	5,03%	-1,81%	5,27%	//
Tỷ lệ cổ tức	%	(Không chia)	2,71%	(Không chia)	(Không chia)	//

(Nguồn: Nghị quyết số 04/2024/NQ-DHĐCĐ-BCCG, ngày 29 tháng 03 năm 2024. BCG Energy)

❖ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:**

Ban Tổng Giám đốc của BCG Energy đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty và đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty thông qua tại Nghị quyết số 04/2024/NQ-DHĐCĐ-BCCG, ngày 29 tháng 03 năm 2024

❖ **Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:**

Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty được xây dựng trên cơ sở các giả định Shapiro dựa trên tình trạng hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty, sự ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô về kinh tế, chính trị, xã hội và bám sát định hướng chiến lược của Công ty trong trung và dài hạn. Để có thể đạt được mục tiêu theo kế hoạch, Công ty đã đề ra lộ trình và phương án triển khai các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- ✓ So với năm 2023, hoạt động bán điện của BCGE dự kiến sẽ có nhiều thuận lợi hơn. Hiện tượng El Niño sẽ kích thích nhu cầu sử dụng điện và các nguồn năng lượng truyền thống gặp khó khăn trong việc duy trì sản lượng, do đó năng lượng tái tạo sẽ được yêu cầu cung cấp tối đa và được tạo điều kiện ưu tiên phát triển trong thời gian tới. Với danh mục gần 600 MWp điện mặt trời đã đi vào hoạt động, đây là lợi thế rất lớn của BCGE.





## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- ✓ Đối với các dự án điện mặt trời, sản lượng phát điện của Công ty sẽ được tăng cường khi Dự án Nhà máy Điện mặt trời Krôngpa2 (Giai đoạn 1) với công suất 21 MWp đi vào vận hành thương mại trong năm 2024 theo giá bán điện dành cho các dự án chuyển tiếp, nghiệm thu và dự kiến đưa vào vận hành thương mại thêm 106 MWp điện mặt trời áp mái (bao gồm 10 MWp đang xây dựng và 96 MWp nằm trong kế hoạch phát triển). Công ty cũng đang trong quá trình nghiên cứu một số dự án có triển vọng tốt đồng thời làm việc với một số đối tác tiềm năng để thực hiện việc M&A nhằm mở rộng quy mô của Công ty trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, đốt rác phát điện, qua đó nâng cao được doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2024 và các năm sau.
- ✓ Công ty sẽ tiếp tục chú trọng vào công tác quản lý chi phí một cách hợp lý để góp phần cải thiện lợi nhuận. Đa dạng hóa nguồn vốn huy động và sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hiệu quả tạo nên dòng tiền hoạt động ổn định cho Công ty.
- ✓ Như đã trình bày ở trên, năm 2023 lợi nhuận sau thuế là âm 152.720,43 triệu đồng (giảm 151,68% so với cùng kỳ năm 2022) chủ yếu do đánh giá lỗ chênh lệch tỷ giá đối với một số khoản vay bằng USD với tổng dư nợ khoảng 140 triệu USD, và các chi phí tài chính liên quan đến khoản vay nước ngoài như chi phí tư vấn đầu xếp vốn và chi phí thẩm định. Trong đó, cuối năm 2023 Công ty đã tái toán gói trái phiếu 2.500 tỷ đồng, qua đó giảm chi phí khoảng 350 tỷ đồng.
- ✓ Dự án Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 1 - Giai đoạn 2 và Phú Mỹ 3 - Giai đoạn 2 với tổng công suất 114 MWp được công nhận ngày vận hành thương mại vào ngày 30/5/2023 và vận hành 7 tháng năm 2023, trong khi đó năm 2024 nhà máy vận hành đầy đủ 12 tháng, đồng góp vào sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cho kế hoạch năm 2024.
- ✓ Đến hết 6 tháng đầu năm, doanh thu thuần BCG Energy tạm tính là 689.797,67 triệu đồng, đạt 45,38% so với kế hoạch, trong đó lợi nhuận sau thuế ghi nhận tạm tính là 291.084,33 triệu đồng, đạt 56,74% so với kế hoạch.
- ✓ Hiện tại, giai đoạn 1 của dự án điện mặt trời Krông Pa 2 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên đã hoàn thành xây dựng và chạy thử phần công suất 21MWp/49 MWp của dự án, dự kiến sẽ hoàn tất thủ tục công nhận ngày vận hành thương mại vào quý IV/2024. Công ty sẽ ghi nhận thêm khoản doanh thu và lợi nhuận của dự án này theo đúng tiến độ vào cuối năm 2024. Ngoài ra, hiện tại Công ty đang triển khai các dự án điện áp mái khác và dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong quý 3 và quý 4 năm 2024. Do đó với sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho kế hoạch kinh doanh trong năm 2024, BCG Energy đánh giá việc đạt được kế hoạch doanh thu lợi nhuận đã đề ra là có cơ sở và khả thi để thực hiện.



**14. Báo cáo về kết quả xử lý, khắc phục đối với các dự án Điện mặt trời của BCG Energy theo kết luận Thanh tra Chính phủ tại Thông báo số 3116/TB-TTCTP**

**14.1. Kết luận Thanh tra Chính phủ tại Thông báo số 3116/TB-TTCTP ngày 25/12/2023:**

Thông báo số 3116/TB-TTCTP kết luận thanh tra đề cập đến các dự án điện mặt trời của hai CTCP Năng lượng BCG - Bàng Dương và CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương, cụ thể như sau:

- ❖ Về quản lý, sử dụng đất để Đầu tư xây dựng các nhà máy điện mặt trời
  - Việc đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất.
  - Mặc dù, Thủ tướng Chính phủ chưa chấp thuận chủ trương cho UBND tỉnh Long An chuyển đổi mục đích sử dụng đất, rừng sản xuất đối với 124,84 ha sang mục đích đất công trình năng lượng, nhưng Tổng cục Lâm Nghiệp đã hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An tổ chức đấu giá cho thuê quyền sử dụng 124,84 ha đất có nguồn gốc đất, rừng sản xuất vào mục đích đất công trình năng lượng (Thông báo số 1638/TB-TCTN-KL ngày 18/10/2019) là vi phạm các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP và khoản 2 Điều 117 Luật Đất đai 2013. Việc UBND tỉnh Long An tổ chức đấu giá cho thuê quyền sử dụng 124,84 ha đất có nguồn gốc đất, rừng sản xuất vào mục đích đất công trình năng lượng là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 14 và khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp năm 2017. *Trách nhiệm thuộc về Tổng cục Lâm Nghiệp, UBND tỉnh Long An*
  - Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Thạnh Hòa, tỉnh Long An đã tổ chức bàn giao trên thực địa 134,8 ha đất cho CTCP năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương, bàn giao 50 ha đất cho CTCP năng lượng BCG - Bàng Dương trước khi được UBND tỉnh Long An cho thuê đất là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013. *Trách nhiệm thuộc về Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Thạnh Hòa.*
  - Việc cho thuê đất quá hạn mức:
    - 1. Trong việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật, Bộ Công Thương đã phê duyệt diện tích sử dụng đất đối với một số dự án tăng sai so với định mức quy định tại khoản 4 điều 10 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12/9/2017 của Bộ Công Thương với tổng diện tích 14,56 ha, gồm: Nhà máy điện mặt trời TTC - Đức Huệ Long An tăng sai 9,76 ha (Văn bản số 2219/ĐL-NLTT ngày 02/12/2018); Nhà máy điện mặt trời BCG - Bàng Dương tăng sai 0,6 ha (Văn bản số 239/ĐL-NLTT ngày 18/02/2019); Nhà máy điện mặt trời GALA tăng sai 4,2 ha (Văn bản số 868/ĐL-NLTT ngày 28/05/2019). *Trách nhiệm thuộc về Bộ Công Thương.*
  - Trong việc cho thuê đất, UBND tỉnh Long An đã cho các chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng các nhà máy điện mặt trời vượt hạn mức quy định với tổng diện tích 11,05 ha, gồm: cho CTCP điện TTC - Đức Huệ Long An thuê vượt 9,76 ha, cho CTCP Năng lượng BCG - Bàng Dương



thuê vượt 1,29 ha, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12/09/2017 của Bộ Công Thương. Trách nhiệm thuộc về UBND tỉnh Long An, các sở ngành có liên quan.

- Việc khởi công dự án khi chưa được thuê đất:

Các doanh nghiệp, gồm: CTCP năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương - Nhà máy điện mặt trời GAIA khởi công xây dựng trên diện tích 124,8 ha đất rừng sản xuất; Công ty TNHH Hoàn Cầu Long An - Nhà máy điện mặt trời Solar Park 01 khởi công xây dựng trên diện tích 52,55 ha đất rừng sản xuất; CTCP VIETNAM SOLAR - Nhà máy điện mặt trời Solar Park 02 khởi công xây dựng trên diện tích 50,3 ha đất; CTCP Long An Solar Park - Nhà máy điện mặt trời Solar Park 03 khởi công xây dựng trên diện tích 48,3 ha đất; CTCP Solar Energy LA - Nhà máy điện mặt trời Solar Park 04 khởi công xây dựng trên diện tích 49,5 ha; CTCP điện mặt trời Europlast Long An - Nhà máy điện mặt trời Europlast Long An khởi công xây dựng trên diện tích 58,66 ha, việc các chủ đầu tư khởi công xây dựng dự án khi chưa được UBND tỉnh Long An cho thuê đất là vi phạm một trong những hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013. Trách nhiệm thuộc về UBND tỉnh Long An, các sở ngành có liên quan và các chủ đầu tư dự án.

Những khuyết điểm, vi phạm trong việc quản lý, sử dụng đất đai để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án năng lượng nêu trên, trách nhiệm quản lý thuộc về UBND tỉnh Long An; UBND huyện Đức Huệ; UBND các xã Bình Hòa Nam, Mỹ Thạnh Bắc; UBND huyện Thạnh Hóa, UBND xã Thạnh An theo quy định tại Điều 208 Luật Đất đai năm 2013.

- ❖ Về việc kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trước khi đưa công trình vào sử dụng và công nhận ngày vận hành thương mại (COD):

Đối với Nhà máy điện mặt trời GAIA do CTCP Năng lượng Hanwha – BCG Bàng Dương là chủ đầu tư, đến ngày vận hành thương mại (17/09/2020) và đến thời điểm thanh tra (tháng 6/2022) vẫn chưa có Biên bản chấp thuận nghiệm thu phòng cháy chữa cháy, vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

- 14.2. Báo cáo về kết quả xử lý, khắc phục đối với các dự án Điện mặt trời của BCG Energy theo kết luận Thanh tra Chính phủ tại Thông báo số 3116/TB-TTCTP**

Kết quả xử lý, khắc phục đối với các dự án Điện mặt trời của Công ty theo kết luận của Thanh tra Chính phủ (TTCTP) tại Thông báo số 3116/TB-TTCTP ngày 25/12/2023, với các nội dung chính như sau:

**14.2.1. Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA**

Dự án Nhà máy Điện mặt trời (NMDMT) GAIA với quy mô 100,5MWp, được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Long An chấp thuận Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 4187/QĐ-UBND ngày



12/11/2018 và giao CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương (Hanwha - BCG Băng Dương) - Đơn vị thành viên của BCGE là nhà đầu tư.

**a. Về chuyển đổi mục đích sử dụng đất NMDMT GALA**

Dự án NMDMT GALA được thực hiện trên cơ sở trúng đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 15/01/2020. Theo đó, Hanwha Băng Dương đã ký Hợp đồng thuê đất và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và cam kết theo quy định. Thực tế, việc thực hiện chuyển đổi đã được nhà đầu tư thực hiện sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất từ tháng 01/2020. Đến nay, mặc dù nhà đầu tư đã nhiều lần kiến nghị nhưng vẫn chưa giải quyết do các vướng mắc liên quan đến thẩm quyền quyết định. Ngày 26/10/2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có cuộc họp với UBND tỉnh Long An nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng (CMĐSD) đất của Dự án, UBND tỉnh Long An đang rà soát để thực hiện CMĐSD đất theo Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004, trên cơ sở thẩm quyền chuyển đổi thuộc UBND tỉnh (theo Thông báo xét luận cuộc họp số 7731/TB-BNN-VP ngày 17/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Hiện nhà đầu tư đã có Báo cáo gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Long An ngày 17/1/2024 để xem xét, làm việc với UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền để tháo gỡ vướng mắc cho dự án.

**b. Về việc diện tích đất sử dụng quá hạn mức**

Nhà đầu tư đã có Văn bản số 08/2023/CV-HWBCCG ngày 15/6/2023 gửi UBND tỉnh Long An, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hoàn trả phần diện tích 4.2062ha đất dự án vượt quá quy định theo Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12/9/2017 của Bộ Công Thương.

Hiện theo thông tin phản hồi của các cơ quan quản lý, do dự án chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa thể thực hiện việc thu hồi. Việc hoàn trả đất theo quy định sẽ được nhà đầu tư tiếp tục thúc đẩy sau khi dự án được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

**c. Về các vi phạm hành chính và kiểm tra công tác nghiệm thu**

Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID dẫn đến chậm trễ trong việc hoàn thiện hồ sơ theo quy định để tiến hành việc kiểm tra công tác nghiệm thu, nghiệm thu phòng cháy chữa cháy (PCCC) đến ngày 15/11/2021, nhà đầu tư mới có văn bản số 45/2021/CV-HANWHA.BCG gửi Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo mời kiểm tra công tác nghiệm thu công trình NMDMT GALA. Trên cơ sở Biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính với các tồn tại của dự án của đoàn kiểm tra ngày 05/4/2022 và Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 17/QĐ-XP/HC ngày 19/4/2022 của Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Long An, nhà đầu tư đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp phạt hành chính và biện pháp khắc phục theo quy định, bao gồm việc đưa công trình vào sử dụng khi chưa tổ chức nghiệm thu, ngày 08/07/2022. Cục Cảnh sát PCCC&CNCH có Văn bản số 1422/NT-PCCC&CNCH-P4



về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình NMDMT GAJA và nhà đầu tư đã gửi báo cáo Cục Điện lực và Năng lượng kết quả thực hiện tại Văn bản số 19/2022/CV-HWBCC ngày 18/7/2022.

Tuy nhiên, hiện nay Dự án chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chuyên mục đích sử dụng đất nên Cục Điện lực và Năng lượng tại tạo chưa thể chấp thuận công tác nghiệm thu, mặc dù về khía cạnh chủ đầu tư, Hanwha Băng Dương đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý theo quy định, bao gồm các thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng dẫn của các Sở, ngành địa phương.

**14.2.2. DỰ ÁN NMDMT BĂNG DƯƠNG**

Dự án NMDMT Băng Dương với quy mô 40,6MWp, được UBND tỉnh Long An giao CTCP Năng Lượng BCG Băng Dương (BCG Băng Dương) - Đơn vị thành viên của BCGE là nhà đầu tư.

**a. Về việc điện tích đất sử dụng quá hạn mức**

Nhà đầu tư đã có Văn bản số 05/2023/CV-BCGBD ngày 15/6/2023 gửi UBND tỉnh Long An, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề hoàn trả phần diện tích 1,2ha đất dự án vượt quá quy định theo Thông tư số 16/2017/11-BCT ngày 12/9/2017 của Bộ Công Thương.

Ngày 22/4/2024, UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định số 3881/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của CTCP Năng lượng BCG – Băng Dương và giao cho UBND huyện Thạnh Phú quản lý. Công ty cũng đã thực hiện cập nhật diện tích mới sau khi hoàn trả đất vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty.

Đến thời điểm hiện tại, CTCP Năng lượng BCG – Băng Dương đã hoàn tất thủ tục hoàn trả phần đất được cho thuê vượt hạn mức tại NMDMT BCG Băng Dương.

**b. Về các vi phạm hành chính và kiểm tra công tác nghiệm thu**

Nhà đầu tư đã hoàn thành các công tác nghiệm thu và các nghĩa vụ pháp lý theo quy định cho dự án. Theo đó, ngày 23/3/2023, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo đã có Thông báo số 20/TB-DL, chấp thuận công tác nghiệm thu dự án.

Với các nội dung báo cáo nêu trên, cho thấy doanh nghiệp/nhà đầu tư đã chủ động thực hiện các thủ tục để triển khai, hoàn thành các dự án theo quy định trước thời điểm kiểm tra của Thanh tra Chính phủ (chuyển đổi mục đích sử dụng đất, kiểm tra công tác nghiệm thu, ...), và đã tích cực làm việc với các cấp có thẩm quyền để sớm khắc phục, xử lý các tồn tại. Tuy nhiên, do nguyên nhân khách quan như dịch bệnh, sự chậm trễ của các cơ quan có thẩm quyền dẫn đến những tồn tại của các dự án như nêu tại Thông báo số 31/6/TB-TTCTP của Thanh tra Chính phủ.



Như vậy, trên khía cạnh trách nhiệm và các nghĩa vụ pháp lý đã được doanh nghiệp/nhà đầu tư các dự án cơ bản hoàn thành theo quy định. Hiện BCG Energy đang nỗ lực thúc đẩy các cơ quan quản lý nhà nước sớm thực hiện xử lý các tồn tại theo thẩm quyền.

#### 15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

##### 15.1. Khoản trái phiếu chưa đáo hạn

Tại ngày 16/12/2023, BCG Energy đã hoàn tất mua lại trước hạn toàn bộ trái phiếu mã TBCC112124002 và mã FBCCH2121003.

##### 15.2. Cam kết vay, cho vay

Theo thông lệ của thị trường và yêu cầu của các giao dịch cụ thể, BCG Energy có một số cam kết đối với các nhà đầu tư như sau:

#### **Bảng 38. Các cam kết ngoại bảng**

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*



STT	Bên có cam kết	Bên thụ hưởng	Ngày hợp đồng	Tên hợp đồng	Mô tả cam kết
1	BCG Energy	SPI Energy Investments Pte Ltd	12/11/2021	Hợp đồng mua bán cổ phần	<p>Cam kết bồi hoàn cho các bên mua cổ phần / phần vốn góp và nhà đầu tư đối với các thiệt hại phát sinh bởi các vi phạm cam đoan, bảo đảm hoặc cam kết theo hợp đồng mua bán cổ phần. Tuy nhiên, cam kết này bị giới hạn để không vượt quá 28.7 tỷ đồng và 49% Phần Giá trị Điều chỉnh Tài sản ròng (như được định nghĩa tại hợp đồng mua bán cổ phần có liên quan) ngoại trừ một số trường hợp cụ thể hoặc cam kết trọng yếu.</p> <p>Ngoài ra, BCG Energy còn có cam kết bồi hoàn về thuế cho các bên mua cổ phần / phần vốn góp đối với các vi phạm về thuế phát sinh trước khi hoàn tất việc đầu tư.</p>
2	BCG Energy	SPI Energy Investments Pte Ltd	23/02/2022	Hợp đồng mua bán cổ phần	<p>Cam kết bồi hoàn cho các bên mua cổ phần / phần vốn góp và nhà đầu tư đối với các thiệt hại phát sinh bởi các vi phạm cam đoan, bảo đảm hoặc cam kết theo hợp đồng mua bán cổ phần. Tuy nhiên, cam kết này bị giới hạn để không vượt quá tổng giá trị của (i) 49.777.300.000 đồng, (ii) 49% Phần Giá trị Điều chỉnh Tài sản ròng và (iii) 49% Giá trị Thanh toán Bổ sung (như được định nghĩa tại hợp đồng mua bán cổ phần có liên quan) ngoại trừ một số trường hợp cụ thể hoặc cam kết trọng yếu.</p> <p>Ngoài ra, BCG Energy còn có cam kết bồi hoàn về thuế cho các bên mua cổ phần / phần vốn góp đối với các vi phạm về thuế phát sinh trước khi hoàn tất việc đầu tư.</p>

STT	Bên có cam kết	Bên thụ hưởng	Ngày hợp đồng	Tên hợp đồng	Mô tả cam kết
3	BCG Energy	DBS BANK LTD	18/08/2022	Chứng thư hỗ trợ của Nhà tài trợ	Bao lãnh một phần việc tuân thủ một số nghĩa vụ cụ thể của CTCP BCG-SP Solar 1 trong hợp đồng vay 31.550.000 USD (kèm quyền vay thêm lên tới 50.000.000 USD) với các ngân hàng Singapore mà ngân hàng đầu mối cấp tín dụng là DBS Bank Ltd.
4	BCG Energy	Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd.	27/10/2021	Hợp đồng mua bán cổ phần	<p>BCG Energy cam kết bồi hoàn cho các bên mua cổ phần / phần vốn góp và nhà đầu tư đối với các thiệt hại phát sinh bởi các vi phạm cam đoan, hao hụt hoặc cam kết theo hợp đồng mua bán cổ phần. Tuy nhiên, cam kết này bị giới hạn để không vượt quá 899.500.000 đồng ngoại trừ một số trường hợp cụ thể hoặc cam kết trọng yếu.</p> <p>Cam kết các nhân viên của BCG Energy hoàn trả các khoản tiền tạm ứng cho Công ty mục tiêu với tổng giá trị 6.860.000.000 đồng.</p>
5	BCG Energy	Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd.	27/10/2021	Thỏa thuận cổ đông	<p>BCG Energy cam kết mua lại sản phẩm cổ phần của một cổ đông cá nhân trong Công ty mục tiêu trong vòng 1 tháng kể từ ngày đạt được COD cho toàn bộ dự án và giá FIT.</p> <p>BCG Energy cam kết huy động các nguồn vốn cần thiết để nguồn vốn vay của Công ty mục tiêu không thấp hơn 3.947.900.000.000 đồng.</p>



STT	Bên có cam kết	Đối tượng hưởng	Ngày hợp đồng	Tên hợp đồng	Mô tả cam kết
6	BCG Energy	Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd	21/11/2022	Thỏa thuận cổ đông	<p>Cam kết mua lại toàn bộ cổ phần mà nhà đầu tư nắm giữ tại Công ty mục tiêu theo Giá thực hiện quyền chọn bán được xác định theo giá thị trường quy định tại hợp đồng này trong một số trường hợp cụ thể.</p> <p>Trong trường hợp xảy ra một trong số các Sự Kiện Vi Phạm Cụ Thể của BCG Energy (như được định nghĩa tại Thỏa thuận cổ đông), thì Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd được quyền yêu cầu BCG Energy mua lại tất cả cổ phần do Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd nắm giữ tại CTCP BCG Gaia tại thời điểm tương ứng, với giá mua bằng 110% giá trị được định giá bởi Bên Định Giá Được Chỉ Định (như được định nghĩa tại Thỏa thuận cổ đông).</p> <p>Nếu BCG Energy không thể mua lại cổ phần của Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd như trên thì Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd được quyền mua lại tất cả cổ phần do BCG Energy nắm giữ tại CTCP BCG Gaia tại thời điểm tương ứng, với giá mua bằng 90% giá trị được định giá bởi Bên Định Giá Được Chỉ Định (như được định nghĩa tại Thỏa thuận cổ đông).</p>

STT	Bên có cam kết	Bên thụ hưởng	Ngày hợp đồng	Loại hợp đồng	Mô tả cam kết
7	BCG Energy	Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd	21/11/2022	Thỏa thuận đăng ký cổ phần	<p>Ngoài ra, BCG Energy còn cam kết bồi hoàn đối với các thiệt hại phát sinh (không bao gồm các thiệt hại có tính chất gián tiếp và hệ quả) do vi phạm cam đoan bảo đảm, nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận của BCG Energy theo Thỏa thuận cổ đông.</p> <p>Cam kết bồi hoàn cho các bên mua cổ phần/phần vốn góp và nhà đầu tư đối với các thiệt hại phát sinh bởi các vi phạm cam đoan, bảo đảm hoặc cam kết theo Thỏa thuận đăng ký cổ phần. Tuy nhiên, cam kết này bị giới hạn để không vượt quá 24 triệu USD ngoại trừ một số trường hợp cụ thể hoặc cam kết trọng yếu.</p> <p>Trong trường hợp CTCP BCG Giải không đạt được khoản tín dụng đủ điều kiện trong thời hạn theo hợp đồng thì CTCP BCG Energy phải cung cấp quyền chọn bán cho Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd, theo đó khi Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd thực hiện quyền chọn bán lại số cổ phần đã đăng ký mua thì CTCP BCG Energy phải mua lại với giá mua cổ phần ban đầu của Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. cộng với tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) bằng 10% cho toàn bộ thời gian tính từ lúc Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. hoàn thành giao dịch mua cổ phần cho tới khi Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. hoàn thành giao dịch bán lại cổ phần cho CTCP BCG Energy.</p>

STT	Bên có cam kết	Bên thụ hưởng	Ngày hợp đồng	Tên hợp đồng	Mô tả cam kết
8	BCG Energy	DBS BANK LTD.	9/5/2023	Chứng thư hỗ trợ tài chính	Bảo lãnh một phần việc tuân thủ một số nghĩa vụ cụ thể của CTCP BCG Gaia trong hợp đồng vay 77.500.000 USD với ngân hàng Singapore mà ngân hàng đầu mối cấp tín dụng là DBS Bank Ltd.
9	BCG Energy	Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd	10/1/2022	Thỏa thuận về một số cam kết	CTCP BCG Energy cam kết bồi hoàn cho Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd đối với bất kỳ chi phí, thiệt hại thực tế phát sinh cho Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte, CTCP Aurai Wind Energy và nhóm công ty con của CTCP Aurai Wind Energy đối với một số rủi ro theo thỏa thuận từ trước giữa nhà đầu tư và BCGE.

*[Phần còn lại của trang được cô ý bỏ trống]*



## 16. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

### ❖ Chiến lược kinh doanh và kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2024

Trong năm 2024, tùy vào những tín hiệu trong chính sách về giá của Chính phủ, BCG Energy sẽ nhanh chóng điều chỉnh tiến độ các dự án đang triển khai và đưa vào hoạt động những dự án mới, đặc biệt là các dự án điện gió ngoài khơi, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án hiện tại, từng bước mở rộng danh mục đầu tư để trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu này, BCG Energy sẽ không ngừng tìm kiếm những đối tác chiến lược với nền tảng tài chính vững mạnh và kinh nghiệm lâu năm trong ngành để cùng đồng hành trong thời gian tới. Bên cạnh đó, BCG Energy cũng sẽ nghiên cứu phát triển sang các nguồn năng lượng tái tạo khác khi có tín hiệu về chính sách và các công nghệ dự trữ điện để làm tăng hiệu suất cho các dự án năng lượng tái tạo. Mục tiêu tăng trưởng là đạt tổng sản lượng phát điện trong danh mục từ 2.000 MW đến năm 2026 và sản sáng vượt tầm quốc tế, đóng góp vào sự ổn định an ninh năng lượng cho nước nhà.

Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tiếp tục đảm bảo công suất hoạt động của các dự án đang vận hành ở mức tối đa thông qua các hoạt động O&M, công tác vận hành cũng như công tác dự báo hiệu quả của những rủi ro thời tiết và quá tải đường truyền tải. Công ty nhận định rằng, các dự án đang vận hành với mức giá điện tốt sẽ tiếp tục đóng vai trò chủ lực trong việc tạo ra nguồn doanh thu lớn, ổn định, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, từ đó xây dựng một bước đà vững chắc cho việc phát triển những dự án mới.

Nhận thấy được những cơ hội trong vấn đề chính sách, Công ty sẽ thúc đẩy các hoạt động đàm phán đầu đối với những lĩnh vực tiềm năng như điện gió, hydrogen, LNG... để có thể mở rộng danh mục đầu tư, giảm thiểu rủi ro bị phụ thuộc vào một số lĩnh vực nhất định, từ đó tạo thêm nguồn doanh thu mới, củng cố vị thế dẫn đầu của BCG Energy trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Các hoạt động M&A sẽ được tập trung mạnh mẽ đối với lĩnh vực điện mặt trời áp mái, điện gió, điện rác, nhằm tăng khả năng cạnh tranh của Công ty, phù hợp với xu thế chung của thị trường.

Nhằm mở rộng quy mô hoạt động, và linh hoạt hơn trong chính sách phát triển, trong giai đoạn 2024-2026, Công ty sẽ tăng cường kết nối với các chính quyền địa phương để thảo luận về những dự án cung cấp giải pháp Năng Lượng Sạch một cách tổng thể và có tính tích hợp cao, trong đó bao gồm việc xây dựng những khu phức hợp chạy bằng Năng Lượng Sạch, hay một khu công nghiệp được vận hành bởi năng lượng tái tạo và công nghệ dự trữ năng lượng. Những dự án này không chỉ mở ra nhiều cơ hội phát triển cho BCG Energy mà còn đóng góp vào tiến trình phát triển chung của địa phương và nước nhà.

Đứng trước những thách thức tiếp tục kéo dài trong năm 2024 trên thị trường tài chính Việt Nam

nổi chung và thị trường tài chính mở rộng, Công ty sẽ linh hoạt trong chiến lược huy động vốn và mở rộng trên nhiều kênh. Mục tiêu của Công ty là tìm kiếm những nguồn vốn phù hợp, đến từ những đối tác chiến lược, có cùng tầm nhìn phát triển trong dài hạn. Nguồn vốn mới được sử dụng để điều chỉnh cơ cấu tài chính, và đầu tư vào những dự án năng lượng tái tạo.

BCG Energy chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên môn kế thừa: xây dựng cơ chế thu hút nhân tài, chế độ đãi ngộ, lộ trình bộ máy quản lý chuyên nghiệp cũng như tăng cường công tác đào tạo đội ngũ kế thừa quản lý các cấp đáp ứng được quy mô hoạt động ngày càng phát triển của Công ty.

#### **Nguồn lực dự kiến để đạt được kế hoạch**

Trong năm 2023, BCG Energy đã ghi nhận thêm phần doanh thu từ giai đoạn 2 của dự án Phú Mỹ với công suất 114 MWp nhờ việc dự án này đã hoàn tất đàm phán giá điện chuyển tiếp tạm thời với EVN trong tháng 5/2023. Trong năm 2024, Công ty sẽ tiếp tục ghi nhận doanh thu từ các dự án đã đưa vào vận hành thương mại trong các năm trước đó như Nhà máy điện mặt trời BCG Bằng Dương, Nhà máy điện mặt trời GALA, Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long, Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ và 74 MWp các dự án điện mặt trời áp mái. Ngoài ra, trong khi chờ cơ chế giá điện mới đối với các dự án điện mặt trời và điện gió, liên doanh BCG - SP Greensky sẽ đẩy mạnh phát triển các dự án điện áp mái, bán điện cho khách hàng là nhà máy, chủ khu công nghiệp. Dự kiến trong năm 2024, trong bối cảnh EVN liên tục cảnh báo về nguy cơ thiếu điện gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh này dự kiến sẽ hoàn thành tới 106 MWp điện áp mái theo hình thức nói trên, và tạo ra dòng tiền tích cực cho Công ty.

Về nguồn vốn, để bám sát với định hướng dài hạn của Công ty về việc mở rộng danh mục tài sản, tăng lượng công suất phát điện thì Công ty đã có những kế hoạch tăng vốn, gọi vốn như sau:

- Huy động vốn trên thị trường chứng khoán: Công ty sẽ tận dụng sự sôi động của thị trường chứng khoán để tăng tính đại chúng, tiếp cận đến những nhà đầu tư ở trong và ngoài nước, từ đó sẽ tạo cho Công ty nhiều cơ hội để tăng vốn, gọi vốn.
- + Đối tác chiến lược: Với việc BCG Energy đang nhận được nhiều sự quan tâm từ các đối tác trong và ngoài nước, Công ty cũng làm việc với các định chế tài chính trung gian để sàng lọc, tìm kiếm đối tác chiến lược phù hợp với định hướng. Qua đó giúp Công ty tăng khả năng triển khai dự án và cải thiện sức mạnh tài chính để có thể bám sát với định hướng phát triển đã đề ra.

#### **17. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty**

Công ty không có thông tin, tranh chấp kiện tụng.



### III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### 1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

##### 1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty gồm các thành viên sau:

##### 1.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Năm Sinh	CCCD/CMND/Hộ chiếu	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Ng Wee Sioag Leonard	1985	K1775060H	Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành
2	Ông Phạm Minh Tuấn	1977	001077017938	Phó Chủ tịch điều hành HĐQT	Điều hành
3	Ông Nguyễn Mạnh Chiên	1984	001084027932	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
4	Ông Hoàng Trung Thành	1980	048080003950	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
5	Ông Lê Thanh Tùng	1990	038090025444	Thành viên HĐQT	Không điều hành
6	Bà Nguyễn Thị Loan	1987	075187025971	Thành viên HĐQT	Không điều hành
7	Ông Nguyễn Trung Trục	1952	PB3561881	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành

❖ Ông Ng Wee Sioag Leonard – Chủ tịch Hội đồng quản trị - Thành viên độc lập HĐQT

- Ngày tháng năm sinh :
- Nơi sinh :
- Hộ chiếu số :
- Quốc tịch : Singapore
- Dân tộc : Chinese
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Khoa học tại Đại học Quản lý Singapore

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2011 đến 2012	Deutsche Bank	Nhà phân tích kinh doanh
Từ 2013 đến 2016	JPMorgan Chase Bank	Quản lý dự án và Nhà giao dịch eCom FX
Từ 2016 đến 2019	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Giám đốc Dự án
Từ 2019 đến nay	CTCP BCG Energy	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 05/2021 đến 09/2023	CTCP Dẫn tư BTC (tên cũ: CTCP Bamboo Financial Corp)	Thành viên HĐQT
Từ 01/2022 đến 03/05/2024	CTCP Skylar	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP BCG Land	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP BCG Energy	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Thành viên độc lập HĐQT

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập HĐQT	2019 (Thành viên độc lập HĐQT)
	03/2024 (Chủ tịch HĐQT)

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bắt/bổ nhiệm
CTCP BCG Land	Thành viên độc lập HĐQT	07/2023

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có.

### ❖ Ông Phạm Minh Tuấn - Phó Chủ tịch HĐQT

- Ngày tháng năm sinh :
- Nơi sinh :
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Sau Đại học
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh doanh, Ngân hàng và Tài chính, Đại học Monash, Úc  
Chứng chỉ của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh quốc (ACCA)
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999 đến 2002	PricewaterhouseCoopers Vietnam Limited	Kiểm toán viên
Từ 2005 đến 2010	PwC Canada	Chuyên viên Kiểm toán cao cấp
Từ 2010 đến 2011	Scars Canada	Quản lý về Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế
Từ 2011 đến 2013	Citibank Canada	Phó chủ tịch
Từ 2013 đến 04/2017	Ngân hàng Montreal	Quản lý tài chính cao cấp
Từ 08/2016 đến 03/2021	CTCP Năng lượng BCG - Báng Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 04/2017 đến 03/2021	CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Báng Dương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 08/2017 đến 06/2020	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Từ 05/2017 đến 11/2020	CTCP BCG Energy	Thành viên HĐQT
Từ 12/2017 đến nay	CTCP BCG Energy	Tổng Giám đốc
Từ 10/2018 đến 03/2020	Công ty TNHH Skylight Power	Chủ tịch HĐQT
Từ 02/2019 đến 03/2020	CTCP BCG Mega Solar	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 07/2020 đến nay	CTCP Aurai Wind Energy	Chủ tịch HĐQT
Từ 11/2019 đến 01/2022	CTCP Skylar	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2020 đến 3/2021	CTCP Nông Thuận Việt Energy	Thành viên HĐQT
Từ 04/2020 đến nay	CTCP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành
Từ 06/2020 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2020 đến nay	CTCP BCG Energy	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 11/2020 đến nay	Công ty TNHH Đông Thành 1	Chủ tịch HĐQT
Từ 11/2020 đến nay	Công ty TNHH Đông Thành 2	Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2021 đến 08/2023	CTCP BCG Financial	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2021 đến 10/2022	Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 01/2022 đến 07/2023	CTCP Skylar	Chủ tịch HĐQT
Từ 10/2022 đến nay	Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Chủ tịch HĐQT
Từ 02/2024 đến nay	CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Hồn Đất	Tổng Giám đốc
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Long An	Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	12/2017; Và tái bổ nhiệm 12/2022

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bắt đầu /bổ nhiệm
CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Phó Chủ tịch HĐQT	06/2020
CTCP Aurai Wind Energy	Chủ tịch HĐQT	07/2020
CTCP Phát triển Tấm pin Năng Lượng Mặt Trời	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành	04/2020
Công ty TNHH Đông Thành 1	Chủ tịch HĐQT	11/2020
Công ty TNHH Đông Thành 2	Chủ tịch HĐQT	11/2020
Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Chủ tịch HĐQT	10/2022
CTCP Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	02/2024
CTCP Tâm Sinh Nghĩa Hải Đất	Tổng Giám đốc	04/2024
CTCP Tâm Sinh Nghĩa Long An	Tổng Giám đốc	04/2024

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 149.320.000 cổ phần, chiếm 20,4548% vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 10.000.000 cổ phần, chiếm 1,3699% vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 139.320.000 cổ phần, chiếm 19,0849% vốn điều lệ (Đại diện quản lý phần vốn góp của CTCP Tập đoàn Bamboo Capital).
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 348.300.000 cổ phần, chiếm 47,7123% vốn điều lệ. Bao gồm:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Ông Phạm Minh Tuấn giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	348.300.000	47,7123
	<b>Tổng cộng</b>			<b>348.300.000</b>	<b>47,7123</b>

- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Thu lao và các khoản lợi ích khác: Thu lao HĐQT theo Nghị quyết DIHCCD của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có.

### ❖ Ông Nguyễn Mạnh Chiến – Phó Chủ tịch HĐQT

- Ngày tháng năm sinh :
- Nơi sinh :
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Sau đại học
- Trình độ chuyên môn : Học sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Bắc Alabama Hoa Kỳ
- Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 2007 đến 2009	Công ty FPT	Trợ lý Tổng Giám đốc FPT Land
Từ 2013 đến 2018	Bộ Y tế	2013 đến 2015: Thư ký Hội đồng đạo đức Bộ Y tế 2015-2018: Phụ trách đầu thầu Ban quản lý dự án Bộ Y tế
Từ 2018 đến 12/2020	CTCP BCG Energy	Thành viên HĐQT
Từ 12/2020 đến nay	CTCP BCG Energy	Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách Đối ngoại
Từ 01/2021 đến nay	CTCP 3K Plus Việt Nam	Thành viên HĐQT
Từ 08/2021 đến 08/2021	CTCP BCG Financial	Thành viên HĐQT
Từ 12/2021 đến nay	Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 02/2024 đến 04/2024	CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Phó Chủ tịch Điều hành HĐQT

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Từ 04/2024 đến nay	CTCP HTC Holding	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Hòn Đất	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Long An	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Phó Chủ tịch HĐQT

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách Đối ngoại	12/2020

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tổ chức	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/bầu
Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Phó Chủ tịch HĐQT	12/2021
CTCP BK Plus Việt Nam	Thành viên HĐQT	01/2021
CTCP HTC Holding	Phó Chủ tịch HĐQT	04/2024
CTCP Dầu khí - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Phó Chủ tịch Điều hành HĐQT	04/2024
CTCP Tâm Sinh Nghĩa Hòn Đất	Chủ tịch HĐQT	4/2024
CTCP Tâm Sinh Nghĩa Long An	Chủ tịch HĐQT	4/2024

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 105.490.000 cổ phần, chiếm 14,4506 % vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 1.000.000 cổ phần, chiếm 0,1370 % vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 104.490.000 cổ phần, chiếm 14,3137% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 348.300.000 cổ phần, chiếm 47,7123% vốn điều lệ. Bao gồm:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
-----	------------------------	-------------	---------	-------------------------	-------------------

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Là đại diện phần vốn góp của CTCP Tập đoàn Bamboo Capital tại BCG Energy	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	348.300.000	47,7123
<b>Tổng cộng</b>			<b>348.300.000</b>	<b>47,7123</b>

- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có.

❖ **Ông Hoàng Trung Thành – Phó Chủ tịch HĐQT**

- Ngày tháng năm sinh :
- Nơi sinh :
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Minh, Việt Nam
- Trình độ học vấn : Sau đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quan hệ Kinh tế đối ngoại Đại học Ngoại Thương Việt Nam  
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế Đại học San Diego, Hoa Kỳ  
Thạc sỹ Kỹ Thuật tài chính tài chính Trường Cao học Claremont, Hoa Kỳ  
Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính Trường Cao học Claremont, Hoa Kỳ
- Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 2003 – 2013	Viện Công Nghệ Viễn Thông	Nhân viên phòng Quản lý Tổng hợp
Từ 2011 – 2013	Trường Cao học Claremont, Hoa Kỳ	Giáo sư

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Từ 2013 - 2014	Viện Công Nghệ Viễn Thông	Trưởng phòng Phòng Tư vấn Công nghệ Thông tin
Từ 2013 - 2014	Viện Công Nghệ Viễn Thông	Trợ lý Viện Trưởng
Từ 2014 đến nay	Viện Công Nghệ Viễn Thông	Phó Viện Trưởng
Từ 03/2024 đến nay	CTCP BCG Energy	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên HĐQT
Từ 03/05/2024 đến nay	CTCP Skylar	Thành viên HĐQT
Từ 06/05/2024 đến nay	CTCP điện gió BCG Điện Biên Đông	Thành viên HĐQT
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Hồn Đất	Thành viên HĐQT
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Long An	Thành viên HĐQT
Từ tháng 5/2024 đến nay	CTCP ERAX	Thành viên HĐQT
Từ 04/2024 đến nay	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Phó Tổng Giám đốc
Từ 06/2024 đến nay	CTCP Aton	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Phó Chủ tịch HĐQT

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Phó Chủ tịch HĐQT	03/2024

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tổ chức	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/bầu
Viện Công Nghệ Viễn Thông thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam	Phó Viện Trưởng	2014
CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên HĐQT	04/2024
CTCP Skylar	Thành viên HĐQT	03/05/2024
CTCP BCG Điện Gió Điện Biên Đông	Thành viên HĐQT	6/5/2024

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

CTCP Lâm Sinh Nghĩa Hòa Dầu	Thành viên HĐQT	04/2024
CTCP Lâm Sinh Nghĩa Long An	Thành viên HĐQT	04/2024
CTCP TRAX	Thành viên HĐQT	05/2024
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Phó Tổng Giám đốc	04/2024
CTCP Aton	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	06/2024

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có

**❖ Ông Lê Thanh Tùng – Thành viên HĐQT**

- Ngày tháng năm sinh :
- Nơi sinh :
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Sau đại học
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Đào tạo và Tài chính, Middlesex University, London
- Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2014 – 2015	MAERSK LINE	Giám đốc bộ phận Quản lý khách hàng

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Từ 2015 đến 2016	Adidas	Phó Giám đốc thương mại
Từ 11/2021 đến 07/2023	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Phó chính Văn phòng HĐQT
Từ 07/2022 đến 06/2023	CTCP BCG Energy	Thành viên độc lập HĐQT
Từ 06/2023 đến nay	CTCP BCG Energy	Thành viên HĐQT
Từ 08/2022 đến 04/2024	Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Thành viên BKS
Từ 03/2023 đến 04/2024	CTCP Dược phẩm Tiphareo	Thành viên HĐQT
Từ 03/2023 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Giám đốc Khởi nghiệp cứu Phán tích Đầu tư và Quan hệ Cổ đông
Từ 04/2023 đến nay	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên HĐQT
Từ 06/2023 đến 01/2024	CTCP Dược Tesla	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP BCG Land	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP Dược phẩm Tiphareo	Tổng Giám đốc
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Dược phẩm Tiphareo	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2024 đến nay	Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Thành viên HĐQT

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	06/2023

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tổ chức	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/bầu
CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Giám đốc Khởi nghiệp cứu Phán tích Đầu tư và Quan hệ Cổ đông	03/2023
Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Thành viên HĐQT	04/2024
CTCP Dược phẩm Tiphareo	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	03/2023
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên HĐQT	04/2023



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

CTCP BCG Land

Thành viên HĐQT

07/2023

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 3.100.000 cổ phần, chiếm 0,4247% vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần ca nhân đang nắm giữ: 3.100.000 cổ phần, chiếm 0,4247% vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thuế lao và các khoản lợi ích khác: Thuế lao HĐQT theo Nghị quyết: ĐHĐCĐ của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có

◆ Bà Nguyễn Thị Loan – Thành viên HĐQT

- Ngày tháng năm sinh :
- Nơi sinh :
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Sau đại học
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 2009 đến 2011	Tập đoàn Tân Tạo	Chuyên viên phân tích tài chính
Từ 2011 đến 2012	CTCP Đầu tư Tân Đức & Trường Đại học Tân Tạo (thuộc tập đoàn Tân Tạo)	Kế toán trưởng
Từ 2012 đến 2014	Imperial Tobacco International Ltd	Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Từ 2014 đến 2021	Philip Morris International	Giám đốc Khối kiểm soát Tài chính Khu vực Đông Nam Á
Từ 07/2021 đến 01/2022	Heineken Vietnam	Giám đốc Kiểm soát Tài chính Thương mại
Từ 03/2022 đến 10/2023	CTCP BCG Land	Giám đốc Tài chính phụ trách Khối tài chính kế toán
Từ 07/2022 đến 10/2023	CTCP King Crown Riverside	Tổng Giám đốc
Từ 10/2022 đến 10/2023	CTCP BCG Travel	Phó Tổng Giám đốc Điều hành
Từ 10/2022 đến 08/2023	Công ty TNHH Phoenix Mountain	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Từ 09/2023 đến nay	CTCP BCG Energy	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Thành viên HĐQT

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	09/2023

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 20.000 cổ phần, chiếm 0,0027% vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần có hạn đang nắm giữ: 20.000 cổ phần, chiếm 0,0027% vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có

❖ Ông Nguyễn Trung Trực - Thành viên độc lập HĐQT

- Ngày tháng năm sinh : \_\_\_\_\_
- Nơi sinh : \_\_\_\_\_
- Hộ chiếu số : \_\_\_\_\_
- Quốc tịch : Úc

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Sau đại học
- Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ Kinh Tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1977 – 10/1977	Bộ Tài Chính Úc	Chuyên viên
Từ 01/1978 – 12/1985	Văn phòng Bộ Trưởng / Thủ Tướng Papua New Guinea	Cố Vấn Kinh Tế - Chuyên gia Kinh Tế
Từ 01/1987 – 11/1988	Văn Phòng Thủ Tướng Thái Lan	Cố Vấn Kinh Tế - Chuyên gia Kinh Tế
Từ 12/1988 – 1989	Ngân Hàng Tư Vấn Đầu Tư, Úc - DBSM	Chuyên Viên Phân Tích Công Ty
Từ 12/1989 – 1990	Công ty Dylap, Úc	Tổng Giám đốc
Từ 1990 – 1995	Công ty Peregrine Capital Vietnam	Tổng Giám Đốc
Từ 2005 – 2007	Công ty Phần Mềm Bscaler Tại Silicon Valley, California, Mỹ	Tổng Giám Đốc
Từ 2005 – 2010	Hội Bảo Trợ Bệnh Nhân Nghèo TP.HCM	Cố Vấn Tài Chính
Từ 2005 – 2010	Hội Bảo Trợ Bệnh Nhân Nghèo Kiên Giang	Ủy viên Ban chấp hành
Từ 2005 – 2007	Công ty Sovico International Holdings	Cố vấn Chủ tịch
Từ 2005 đến nay	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Việt Fa	Tổng Giám đốc
Từ 03/2024 đến nay	CTCP BCG Energy	Thành viên độc lập HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Thành viên độc lập HĐQT

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
---------	--------------------



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Thành viên độc lập HĐQT

03/2024

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tổ chức	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/hầu
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Việt Ta	Tổng Giám đốc	2005

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 vốn điều lệ
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thu lao và các khoản lợi ích khác: Thu lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Năm Sinh	CCCD/CMND/Hộ chiếu	Chức vụ
1	Đông Hải Hà	1977	068077000136	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Việt Cường	1983	025992826	Phó Ban Kiểm soát
3	Huỳnh Thị Kim Tuyến	1966	025165000168	Thành viên Ban kiểm soát

### 2.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

#### ☛ Ông Đông Hải Hà - Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh :
- Nơi sinh : Lâm Đồng
- CCCD số :

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Sau Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư – Đại học Kiến trúc TP.HCM

Thạc sĩ Quản lý Kỹ thuật Xây dựng - Swinburne University of Technology, Australia

Cử nhân Luật – Đại học Đà Lạt

- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1998 đến 2000	Công ty Liên danh Kumagai – Kakdong Astaldi	Kỹ sư giám sát
Từ 2000 đến 2003	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	Chuyên viên Quản lý dự án
Từ 2004 đến 2010	Ban Quản Lý Dự án Đầu tư xây dựng Thủ Thiêm	Phó Giám đốc
Từ 2010 đến 2013	CTCP Địa ốc Nam Việt	Giám đốc dự án
Từ 2013 đến 2017	Ban Quản lý dự án - Sở Y Tế TP.HCM	Trưởng phòng Quản lý dự án
Từ 2017 đến 2020	Trung tâm Dịch vụ - Tư vấn Đầu tư, Xây dựng Thủ Thiêm	Trưởng phòng Kỹ thuật Công trình
Từ 08/2020 đến 06/2022	CTCP BCG Energy	Phó Tổng Giám đốc
Từ 08/2020 đến nay	CTCP Aurai Wind Energy	Thành viên HĐQT
Từ 09/2020 đến nay	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	Thành viên HĐQT
Từ 10/2020 đến nay	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 12/2020 đến 07/2020	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
Từ 02/2021 đến nay	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Thành viên HĐQT
Từ 02/2021 đến 10/2021	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tổng Giám đốc
Từ 02/2021 đến 02/2022	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tổng Giám đốc
Từ 02/2021 đến nay	CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 02/2021 đến 07/2022	CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 03/2021 đến 07/2022	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 05/2021 đến nay	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 05/2021 đến 07/2022	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 02/2022 đến nay	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Thành viên HĐQT
Từ 06/2022 đến nay	CTCP BCG Land	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 07/2022 đến nay	CTCP BCG Energy	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 07/2022 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 08/2022 đến nay	Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 03/2023 đến nay	CTCP Dược phẩm Jipharco	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 05/2023 đến nay	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 06/2023 đến nay	Công ty TNHH Tracodi E&C	Trưởng Ban kiểm soát

\* Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Trưởng Ban kiểm soát

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Trưởng Ban Kiểm soát	07/2022

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
CTCP Aurai Wind Energy	Thành viên HĐQT	08/2020
CTCP BCG Wind Sóc Trăng	Thành viên HĐQT	09/2020
CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	Phó Chủ tịch HĐQT	10/2020
CTCP Điện gió BCG Khai Long 1	Phó Chủ tịch HĐQT	02/2021
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Thành viên HĐQT	02/2021
CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	Phó Chủ tịch HĐQT	05/2021
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Thành viên HĐQT	02/2022
CTCP BCG Land	Trưởng Ban kiểm soát	06/2022
CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Trưởng Ban Kiểm soát	07/2022
Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Trưởng Ban Kiểm soát	08/2022
CTCP Dược phẩm Tiphareo	Trưởng Ban Kiểm soát	03/2023
CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát	05/2023
CT TNHH Tracodi E&C	Trưởng Ban kiểm soát	06/2023

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần có ưu đãi đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 vốn điều lệ
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHTĐCD của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có
- ❖ Ông Nguyễn Việt Cường – Phó Ban Kiểm soát

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

- Ngày tháng năm sinh : 23/09/1983
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- CMND số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
  
- Trình độ học vấn : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật  
 Chứng chỉ kiểm toán viên  
 Chứng chỉ đào tạo Luật sư Việt Nam

**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2008 đến 2015	Công ty Kiểm toán Phú Nam	Kiểm toán viên
Từ 2015 đến 02/2016	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ
Từ 02/2016 đến 12/2016	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 1/2/2016 đến nay	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 5/2019 đến nay	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 12/2020 đến 05/2022	CTCP BCG Land	Trưởng Ban Kiểm soát
Từ 12/2020 đến 05/2022	CTCP BCG Energy	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ 05/2022 đến nay	CTCP BCG Land	Phó Ban Kiểm soát
Từ 07/2022 đến nay	CTCP BCG Energy	Phó Ban Kiểm soát
Từ 05/2023 đến nay	CTCP Xuất khẩu Lao động TRACODI	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Phó Ban kiểm soát

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
---------	--------------------





Phó Ban Kiểm soát

07/2022

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tên tổ chức	Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Trưởng Ban kiểm soát	12/2016
CTCP BCG Land	Phó Ban Kiểm soát	05/2022
CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên Ban Kiểm soát	05/2019
CTCP Xuất khẩu Lao động TRACODI	Trưởng Ban Kiểm soát	05/2023

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 10.000 cổ phần, chiếm 0,0014 % vốn điều lệ.

✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 10.000 cổ phần, chiếm 0,0014 % vốn điều lệ.

✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.

- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.

- Thu lao và các khoản lợi ích khác: Thu lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của BCG Energy.

- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có

❖ Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền – Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh : 10/06/1966

- Nơi sinh : Vĩnh Phúc

- CCCD số :

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú :

- Trình độ học vấn : Trung cấp

- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán Học viện Tài chính – Phân viện TP.HCM

- Quá trình công tác :

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/1984 – 04/1986	Xí nghiệp Xây dựng Đường sắt 610	Kế toán
Từ 04/1986 – 07/1992	Xí nghiệp Vật tư Tối ưu 624	Kế toán
Từ 07/1992 – 1997	Xí nghiệp Xây dựng số 4 - Công ty Đầu tư Phát triển Giao thông và Vận tải (nay là CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải)	Kế toán Tổng hợp
Từ 1997 – 2000	Công ty Đầu tư Phát triển Giao thông và Vận tải (nay là CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải)	Kế toán Tổng hợp
Từ 2000 – 2005	Công ty Đầu tư Phát triển Giao thông và Vận tải (nay là CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải)	Phó phòng Tài chính Kế toán
Từ 2005 – 04/2006	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (nay là CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải)	Trưởng Ban Quản lý dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam
Từ 04/2006 – 12/2016	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (nay là CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải)	Phó phòng Tài chính Kế toán (nay là Phòng Kế toán)
Từ 12/2016 – 04/2022	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên Ban kiểm soát
Từ 01/2017 – 06/2020	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Trưởng Ban nguồn vốn
Từ 09/2017 – 01/2021	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Thành viên HĐQT
Từ 10/2018 đến nay	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 01/2019 – 11/2022	CTCP Tapiotek	Thành viên HĐQT
Từ 01/2019 – 10/2022	CTCP Tracodi Trading & Consulting (nay là CTCP Indaba Trading)	Thành viên HĐQT

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2019 đến nay	CTCP White Magnolia	Chủ tịch HĐQT
Từ 06/2020 - 04/2023	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 07/2020 - 10/2022	CTCP Tracodi Trading & Consulting (nay là CTCP Indoba Trading)	Phó Tổng Giám đốc
Từ 07/2020 - 05/2023	CTCP Đầu tư và Dịch vụ Helios	Phó Tổng Giám đốc
Từ 01/2021 đến nay	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2021 - 10/2022	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khang Land	Thành viên HĐQT
Từ 12/2021 - 11/2022	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
Từ 12/2021 đến nay	CTCP TCD Plus	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 04/2017 - 05/2023	CTCP Xuất khẩu Lao động TRACODI	Thành viên Ban kiểm soát
Từ 12/2019 đến nay	Công ty TNHH Pegas	Giám đốc
Từ 05/2020 đến nay	CTCP Thăng Phương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 03/2022 đến nay	Công ty Taxi Việt Nam	Thành viên HĐQT
Từ 04/2022 - 10/03/2023	CTCP Vxperia	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2022 - 04/2023	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên HĐQT
Từ 10/2022 đến nay	CTCP Đầu tư và Thương mại Shuaa (tên cũ: CTCP Tracodi Trading & Consulting)	Chủ tịch HĐQT
Từ 10/2022 đến nay	CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khang Land	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 10/2022 đến nay	CTCP BCG Land	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2023 đến nay	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Thành viên HĐQT
Từ 04/2023 đến nay	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Phó Chủ tịch HĐQT

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 03/2024 đến nay	CTCP BCG Energy	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Thành viên Ban Kiểm soát	03/2024

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tổ chức	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/bầu
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Trưởng Ban kiểm soát	10/2018
Công ty TNHH Pegasus	Giám đốc	06/2019
CTCP White Magnolia	Chủ tịch HĐQT	12/2019
CTCP Thăng Phương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	05/2020
Công ty TNHH B.O.T Đ1 830	Phó Chủ tịch HĐQT	01/2021
CTCP TCI Plus	Trưởng Ban kiểm soát	12/2021
Công ty Taxi Việt Nam	Thành viên HĐQT	03/2022
CTCP Đầu tư và Thương mại Shuaa (tên cũ: CTCP Tracodi Trading & Consulting)	Chủ tịch HĐQT	10/2022
CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khung Land	Phó Chủ tịch HĐQT	10/2022
CTCP BCG Land	Phó Chủ tịch HĐQT	10/2022
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Thành viên HĐQT	03/2023
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Phó Chủ tịch HĐQT	04/2023

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 21.000.000 cổ phần, chiếm 2,8767 % vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 21.000.000 cổ phần, chiếm 2,8767 % vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thuế lao và các khoản lợi ích khác: Thuế lao HĐQT theo Nghị quyết D11DCĐ của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có

### 3. Ban Tổng Giám đốc

#### 3.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Năm Sinh	CCCD/CMND/ Hộ chiếu	Chức vụ
1	Phạm Minh Tuấn	1977	00.077017938	Tổng Giám đốc
2	Phạm Nguyễn Ngọc Thương	1991	068191001956	Phó Tổng Giám đốc
3	Vũ Văn Ngọc Nicki	1992	C3J17CKVC	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Giang Nam	1983	037083090016	Phó Tổng Giám đốc
5	Lưu Khắc Trường	1991	0680910.2017	Kế toán trưởng

#### 3.2. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc

##### ❖ Ông Phạm Minh Tuấn – Tổng Giám đốc

*(Vui lòng xem thông tin chi tiết tại mục Sơ yếu lý lịch của HĐQT phía trên)*

##### ❖ Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

- Ngày tháng năm sinh : 09/08/1991
- Nơi sinh : Lâm Đồng
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :

**HÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

- Trình độ học vấn : Sau đại học
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh doanh – Chuyên ngành Phân tích định lượng và Kinh tế lượng Đại học Monash, Úc  
Cử nhân Kinh tế Tài chính - Viện Công Nghệ Hoàng Gia Melbourne (RMIT Việt Nam)
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2013 đến 02/2015	The Grand Ho Tram Strip – dự án của Asian Coast Development Limited	Kế toán thanh toán/Trưởng phòng Nguồn vốn
Từ 09/2017 đến 02/2019	Park Hyatt Melbourne, Úc	Trưởng bộ phận Kiểm soát chi phí
Từ 12/2013 đến 08/2019	Công ty Asian Coast Development Limited (ACDL)	Trưởng phòng Phân tích tài chính và tư vấn cấp cao
Từ 05/2019 đến 05/2020	CTCP Đầu tư Thương mại Quốc tế Mặt Trời Đỏ (Redsun-IT) Corporation)	Cố vấn tài chính cấp cao cho HĐQT
Từ 05/2020 đến 01/2021	CTCP BCG Land	Phó Tổng Giám đốc phụ trách hoạt động Marketing, Khai thác Vận hành và Quản lý dự án
Từ 05/2020 đến 01/2021	Công ty TNHH Du lịch sinh thái Côn Đảo	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Khai thác và Vận hành dự án
Từ 09/2020 đến 04/2022	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Giám đốc Khối Huy động vốn và Đánh giá hiệu quả đầu tư
Từ 10/2020 đến nay	CTCP D'or Hospitality	Chủ tịch HĐQT
Từ 01/2021 đến nay	CTCP BCG Energy	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc Tài chính
Từ 11/2022 đến nay	CTCP Phát triển Điện Gia Huy	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP Skylar	Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP BCG Vĩnh Long	Chủ tịch HĐQT

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/2023 đến nay	CTCP Năng Lượng BCG Thành Hòa	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP BCG GALA	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP Năng Lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP Năng Lượng BCG - Bàng Dương	Thành viên HĐQT
Từ 08/2023 đến 02/2024	CTCP Cosmos Solar	Chủ tịch HĐQT
Từ 08/2023 đến nay	CTCP Herb Solar	Chủ tịch HĐQT
Từ 08/2023 đến nay	CTCP Orchid Solar	Chủ tịch HĐQT
Từ 08/2023 đến nay	CTCP Violet Solar	Chủ tịch HĐQT
Từ 08/2023 đến nay	CTCP Casper Solar	Chủ tịch HĐQT
Từ 08/2023 đến 05/2024	CTCP E Power 1	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Nông Thôn Việt Energy	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Sustainable Energy Aspiration	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Bleu Soleil	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Apollo Development	Chủ tịch HĐQT
Từ 07/2021 đến nay	CTCP BCG-SP Greensky	Thành viên HĐQT
Từ 03/2023 đến nay	CTCP Greensky Infinite	Chủ tịch HĐQT
Từ 02/2024 đến nay	CTCP BCG-SP Solar 1	Chủ tịch HĐQT
Từ 02/2024 đến nay	CTCP BCG-SP Solar 2	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Rose Solar	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Sunflower Solar	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP BCG Evergreen	Chủ tịch HĐQT
Từ 05/2024	CTCP BCG Điện gió Điện Biển Đông	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
---------	--------------------

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính

01/2021

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tổ chức	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/bầu
CTCP Phát triển Điện Gia Hlay	Thành viên HĐQT	11/2022
CTCP Skylar	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	07/2023
CTCP BCG Vinh Long	Chủ tịch HĐQT	7/2023
CTCP Năng Lượng BCG Thanh Hóa	Thành viên HĐQT	7/2023
CTCP BCG GAJA	Thành viên HĐQT	7/2023
CTCP Năng Lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Thành viên HĐQT	7/2023
CTCP Năng Lượng BCG Bàng Dương	Thành viên HĐQT	7/2023
CTCP Herb Solar	Chủ tịch HĐQT	8/2023
CTCP Orchid Solar	Chủ tịch HĐQT	8/2023
CTCP Violet Solar	Chủ tịch HĐQT	8/2023
CTCP Casper Solar	Chủ tịch HĐQT	8/2023
CTCP Năng Thuận Việt Energy	Chủ tịch HĐQT	3/2024
CTCP Sustainable Energy Aspiration	Chủ tịch HĐQT	3/2024
CTCP Bleu Soleil	Chủ tịch HĐQT	3/2024
CTCP Apollo Development	Chủ tịch HĐQT	3/2024
CTCP BCG-SP Greensky	Thành viên HĐQT	07/2021
CTCP Dor Hospitality	Chủ tịch HĐQT	10/2020
CTCP Greensky Initiative	Chủ tịch HĐQT	03/2023
CTCP BCG-SP Solar 1	Chủ tịch HĐQT	02/2024
CTCP BCG-SP Solar 2	Chủ tịch HĐQT	02/2024
CTCP Rose Solar	Chủ tịch HĐQT	3/2024
CTCP Sunflower Solar	Chủ tịch HĐQT	3/2024
CTCP BCG Evergreen	Chủ tịch HĐQT	3/2024





- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 500.000 cổ phần, chiếm 0,0685% vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 500.000 cổ phần, chiếm 0,0685% vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có

❖ **Bà Vũ Văn Ngọc Nicki – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 10/09/1992
- Nơi sinh : Hameln, Đức
- Hộ chiếu số :
- Quốc tịch : Đức
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Sau đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân khoa học quản lý tại Đại học Humboldt, Đức  
Thạc sĩ khoa học quản lý tại Đại học Warwick, Vương quốc Anh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/2019 đến 03/2020	CTCP BCG Energy	Cán bộ cấp cao - Phòng Hỗ trợ & Phát triển Kinh doanh
Từ 03/2020 đến 09/2021	CTCP BCG Energy	Giám đốc mua sắm & Chiến lược
Từ 08/2021 đến nay	CTCP BCG Energy	Phó Tổng Giám Đốc điều hành kiêm Giám đốc Khối Mua sắm & Đầu tư

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
Từ 01/2022 đến nay	CTCP BCG GALA	Tổng Giám Đốc
Từ 03/2022 đến nay	CTCP Năng lượng BCG Băng Dương	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2022 đến nay	CTCP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Chủ tịch HĐQT
Từ 09/2023 đến nay	CTCP Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Xanh	Thành viên HĐQT
Từ 08/2023 đến 05/2024	CTCP E Power I	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP Skylar	Thành viên HĐQT
Từ 02/2024 đến nay	CTCP BCG – SP Solar 1	Thành viên HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP giá BCG – SP Solar 2	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP Greensky Infinity	Thành viên HĐQT
Từ 08/2023 đến nay	CTCP Orchid Solar	Thành viên HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Rose Solar	Thành viên HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Sunflower Solar	Thành viên HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Evergreen	Thành viên HĐQT
Từ 08/2023 đến nay	CTCP Violet Solar	Thành viên HĐQT
Từ 11/2022 đến nay	CTCP Phát Triển Điện Gió Hay	Thành viên HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Sustainable Energy Aspiration	Thành viên HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Apollo Development	Thành viên HĐQT
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Bleu Soleil	Thành viên HĐQT
Từ 08/2023 đến nay	CTCP Casper Solar	Thành viên HĐQT
Từ 08/2023 đến nay	CTCP Herb Solar	Thành viên HĐQT

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 03/2024 đến nay	CTCP Năng Thôn Việt Energy	Thành viên HĐQT
Từ 12/2023 đến nay	CTCP BCG Thuận Hòa	Thành viên HĐQT
Từ 07/2023 đến nay	CTCP BCG Vĩnh Long	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy; Phó Tổng Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Khối Mua sắm & Đầu tư

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Phó Tổng giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Khối Mua sắm & Đầu tư	09/2021

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tổ chức	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/bầu
CTCP Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	Thành viên HĐQT	10/2023
CTCP Skylar	Thành viên HĐQT	7/2023
CTCP BCG - SP Solar 1	Thành viên HĐQT	2/2024
CTCP BCG - SP Solar 2	Thành viên HĐQT	3/2024
CTCP Greensky Infinity	Thành viên HĐQT	7/2023
CTCP Orchid Solar	Thành viên HĐQT	8/2023
CTCP Rose Solar	Thành viên HĐQT	3/2024
CTCP Sunflower Solar	Thành viên HĐQT	3/2024
CTCP Evergreen	Thành viên HĐQT	3/2024
CTCP Violet Solar	Thành viên HĐQT	8/2023
CTCP Phát Triển Điện Gia Hỷ	Thành viên HĐQT	11/2022
CTCP Sustainable Energy Aspiration	Thành viên HĐQT	3/2024

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

CTCP Apollo Development	Thành viên HĐQT	3/2024
CTCP Bieu Soleil	Thành viên HĐQT	3/2024
CTCP Casper Solar	Thành viên HĐQT	8/2023
CTCP Heris Solar	Thành viên HĐQT	8/2023
CTCP Nông Thôn Việt Energy	Thành viên HĐQT	3/2024
CTCP BCG Thanh Hóa	Thành viên HĐQT	12/2023
CTCP BCG Vĩnh Long	Thành viên HĐQT	7/2023
CTCP BCG GALA	Chủ tịch HĐQT	01/2022
CTCP Năng lượng BCG Bông Dường	Chủ tịch HĐQT	03/2022
CTCP Năng lượng Hauwaha - BCG Bông Dường	Chủ tịch HĐQT	03/2022

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có.

❖ **Ông Nguyễn Giang Nam – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 31/07/1983
- Nơi sinh : Ninh Bình
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

- Địa chỉ thường trú : \_\_\_\_\_
- Trình độ học vấn : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh Doanh Học viện Tài chính
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2007 - 2013	CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Phó phòng/Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
Từ 2013 - 2016	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 2016 - 2019	CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Phó Giám đốc chi nhánh/Phó Tổng Giám đốc
Từ 2019 - 06/2022	CTCP Khách sạn và Dịch vụ OCH	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc OCH
Từ 2019 - 06/2022	CTCP Tập đoàn Đại Dương	Phó tổng giám đốc tập đoàn phụ trách mảng tài chính
Từ 06/2022 đến 05/2023	CTCP Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc phụ trách tài chính
Từ 05/2023 đến nay	CTCP Đầu tư Hạ Tầng Đông Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị
Từ 03/2024 đến nay	CTCP BCG Energy	Phó Tổng giám đốc Tài trợ dự án
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
Từ 05/2024 đến nay	CTCP BCG Điện gió Điện Biển Đông	Tổng Giám đốc
Từ 06/2024 đến nay	CTCP Aton	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính
Từ 06/2024 đến nay	CTCP BCG Energy	Phó Tổng giám đốc Tài trợ dự án kiêm Trưởng Văn Phòng đại diện tại Hà Nội.

- Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Phó Tổng Giám đốc Tài trợ Dự án kiêm Trưởng văn phòng đại diện tại Hà Nội

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
---------	--------------------



- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Tổ chức	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/bầu
CTCP Đầu tư Hạ Tầng Đông Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị	06/2022
CTCP Đầu tư Phát triển Lâm Sinh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	04/2024
CTCP BCG Điện, gió Điện Biển Đông	Tổng Giám đốc	05/2024
CTCP Aton	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính	06/2024

- Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
  - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao HĐQT theo Nghị quyết HĐQT của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có.

❖ **Ông Lưu Khánh Trường – Kế toán trưởng**

- Ngày tháng năm sinh : 02/04/1991
- Nơi sinh : Lâm Đồng
- CCCD số :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú :
- Trình độ học vấn : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh Tế Chương trình Tài Năng Khoa Kế Toán Kiểm Toán Trường Đại Học Kinh Tế - Luật, Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh  
Thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh quốc (ACCA)

**BAN CÔNG BỒ THÔNG TIN****Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2013 đến 2016	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	Kiểm toán viên
Từ 2017 đến 2021	CTCP Tập đoàn Kim Đức	Giám đốc Tài chính
Từ 2022 đến nay	CTCP Aurai Wind Energy	Giám đốc Tài chính
Từ 07/2023 đến nay	Công Ty TNHH E Power 2	Tổng Giám đốc
Từ 07/2023 đến nay	Công Ty TNHH E Power 3	Tổng Giám đốc
Từ 01/2024 đến nay	CTCP BCG Energy	Kế toán trưởng
Từ 02/2024 đến nay	CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Kế toán trưởng
Từ 5/2024 đến nay	CTCP BCG Điện Gió Điện Biển Đông	Kế toán trưởng
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Hòn Đất	Kế toán trưởng
Từ 04/2024 đến nay	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Long An	Kế toán trưởng
Từ 06/2024 đến nay	CTCP Aton	Kế toán trưởng

**Chức vụ công tác hiện nay tại BCG Energy: Kế toán trưởng**

Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/bầu
Kế toán trưởng	01/2024

**Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:**

Tổ chức	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm/bầu
CTCP Aurai Wind Energy	Giám đốc Tài chính	2022
Công Ty TNHH E Power 2	Tổng Giám đốc	07/2023
Công Ty TNHH E Power 3	Tổng Giám đốc	07/2023
CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Kế toán trưởng	02/2024
CTCP BCG Điện Gió Điện Biển Đông	Kế toán trưởng	05/2024
CTCP Tâm Sinh Nghĩa Hòn Đất	Kế toán trưởng	04/2024
CTCP Tâm Sinh Nghĩa Long An	Kế toán trưởng	04/2024
CTCP Aton	Kế toán trưởng	06/2024

**Số cổ phần BCG Energy đang nắm giữ tại 11/06/2024: 3.050.000 cổ phần, chiếm 0,4178% vốn điều lệ.**



## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 3.050.000 cổ phần, chiếm 0,4178% vốn điều lệ.
- ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm: 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với BCG Energy: Không có.
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Thủ lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của BCG Energy.
- Lợi ích liên quan đối với BCG Energy: Không có

### 4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của CTCP BCG Energy và dự kiến kế hoạch SXKD cho những năm tiếp theo, HĐQT đã định hướng hoạt động cụ thể như:

- HĐQT luôn xem xét trách nhiệm tối cao của mình là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, các hoạt động của HĐQT phải minh bạch, phải đạt quyền lợi của các cổ đông và sự phát triển của Công ty là trên hết;
- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty;
- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát và phối hợp với Tổng Giám đốc Công ty và bộ máy quản lý trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
- Tiếp tục rà soát, kiểm tra và tổ chức thực hiện tốt hệ thống Quy chế nội bộ Công ty một cách đồng bộ, hệ thống, sát thực tế, đáp ứng yêu cầu mới, phù hợp với các quy định hiện hành, làm cơ sở hành lang pháp lý nội bộ cho việc tổ chức và quản lý SXKD có hiệu quả;
- Sau khi đăng ký công ty đại chúng, CTCP BCG Energy sẽ áp dụng và tuân thủ các quy định về quản trị công ty đại chúng ban hành tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính Hướng dẫn cần một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (vị Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán).

### 5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Phụ lục đính kèm

### 6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định

Phụ lục đính kèm

*[Phần còn lại của trang được cô ý bỏ trống]*





**IV. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ;
2. Phụ lục II: Danh sách đất đai thuộc sở hữu hợp nhất của Công ty;
3. Phụ lục III: Danh sách các tài sản lớn thuộc sở hữu hợp nhất của Công ty.
4. Phụ lục IV: Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan;
5. Phụ lục V: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
6. Phụ lục VI: Điều lệ của CTCP BCG Energy;
7. Phụ lục VII: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán và hợp nhất kiểm toán năm 2023 và BCTC riêng và hợp nhất Quý I năm 2024 của CTCP BCG Energy.

*[Phần còn lại của trang được bỏ ý bỏ trống]*





Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phạm Minh Tuấn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBS**  
**GIÁM ĐỐC KHỐI TỰ VẬN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**



**Lý Thị Thu Hà**

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG, NGƯỜI QUẢN TRỊ CÔNG TY, THƯ KÝ CÔNG TY VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

*(Phụ lục đính kèm Bản công bố thông tin về Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần BCG Energy ngày 13/03/2024)*

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đông lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>I</b>	<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và người có liên quan</b>										
<b>1</b>	<b>Ng Wee Siong, Leonard</b>	<b>Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập HĐQT</b>									
1.1	Ng Kok Heng		Cha ruột								
1.2	Goh Choo Suan		Mẹ ruột								
1.3	Koh Teik Ling		Vợ								

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
1.4	Trinity Ng		Con								
1.5	Melissa Huang		Anh Em ruột								
1.6	Ng Su Yi		Anh Em ruột								
<b>Tổ chức liên quan đến ông Ng Wee Siong, Leonard</b>											
1.7	CTCP BCG Land	Thành viên độc lập HDQT		0314922132	15/03/2018	Sở KH & ĐT TP.HCM	22A đường số 7, P. An Phú, Tp. Thủ Đức, TP.HCM				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
2	<b>Phạm Minh Tuấn</b>	<b>Phó CT HDQT</b>							<b>10.000.000</b>	<b>1,3699%</b>	
2.1	<i>Phạm Thị Tinh</i>		<i>Mẹ ruột</i>								
2.2	<i>Nguyễn Thu Hoài</i>		<i>Vợ</i>								
2.3	<i>Phạm Minh Anh</i>		<i>Con</i>								
2.4	<i>Phạm Stella Linh Giang</i>		<i>Con</i>								
2.5	<i>Phạm Văn Minh</i>		<i>Anh ruột</i>								

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng nếu có
2.6	Trần Thị Loan		Mẹ vợ								
<b>Tổ chức liên quan của ông Phạm Minh Tuấn</b>											
2.7	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Phó Chủ tịch HDQT		0311315789	20/11/2011	Sở KH & ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Diễn, TP. Thủ Đức, TP. HCM		348.300.000	47,7123%	
2.8	CTCP Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch	Thành viên HDQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành		4101468169	08/07/2016	Sở KH&ĐT Bình Định	Tỉnh lộ 639, Thôn 8, Đông Xã Mỹ Thăng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định				
2.9	CTCP Aurai Wind Energy	Chủ tịch HDQT		0316363987	02/07/2020	Sở KH & ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Diễn, TP. Thủ Đức, TP. HCM				
2.10	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Chủ tịch HDQT		30GP/KDBH	28/02/2018	Bộ Tài chính	10-12 đường số 52, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
							Đức, thành phố Hồ Chí Minh				
2.11	Công ty TNHH Đông Thành 1	Chủ tịch HĐTV		2100661818	03/11/2020	Sở KH&ĐT Trà Vinh	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh				
2.12	Công ty TNHH Đông Thành 2	Chủ tịch HĐTV		2100661825	03/11/2020	Sở KH&ĐT Trà Vinh	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh				
2.13	CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		0304374871	22/05/2006	Sở KH & ĐT TP.HCM	Số 2 Đường Liên Khu 1-6, Khu phố 6, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.14	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Hòn Đất	Tổng Giám đốc		1702292468	10/04/2024	Sở KH & ĐT Kiên Giang	1/74 Ấp Mỹ Hung, Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam				
2.15	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Long An	Tổng Giám đốc		1102055063	10/04/2024	Sở KH & ĐT Long An	Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, Ấp 3, Xã Tân Đông, Huyện				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
							Thanh Hóa, Tỉnh Long An, Việt Nam				
3	Nguyễn Mạnh Chiến	Phó CT HDQT							1.000.000	0,1370%	
3.1	Nguyễn Văn Viện		Bố								
3.2	Nguyễn Thị Hoàng Yến		Mẹ								
3.3	Nguyễn Thu Vân		Vợ								
3.4	Nguyễn Quang Minh		Con								
3.5	Nguyễn Mạnh Dũng		Con								
3.6	Nguyễn Thu Trang		Em								
<i>Tổ chức liên quan của ông Nguyễn Mạnh Chiến</i>											



TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đông lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
3.7	Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Phó Chủ tịch HDQT		30GP/KDBH	28/02/2018	Bộ Tài chính	10-12 đường số 52, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh				
3.8	CTCP 3K Plus Việt Nam	Thành viên HDQT		0401981631	10/06/2019	Sở KH&ĐT Đà Nẵng	43 Phan Bội Châu, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng				
3.9	CTCP HTC Holding	Phó Chủ tịch HDQT		0104230142	28/10/2009	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				
3.10	CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Phó Chủ tịch Điều hành HDQT		0304374871	22/05/2006	Sở KH&ĐT TP.HCM	Số 2 Đường Liên Khu 1-6, Khu phố 6, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản L/KCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
3.11	Công ty cổ phần Tâm Sinh Nghĩa Hòn Đất	Chủ tịch HDQT		1702292468	10/04/2024	Sở KH&ĐT Kiên Giang	1/74 ấp Mỹ Hưng, Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Kiên Giang				
3.12	Công ty cổ phần Tâm Sinh Nghĩa Long An	Chủ tịch HDQT		1102055063	10/04/2024	Sở KH&ĐT Long An	Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, Ấp 3, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An				
3.13	Công ty cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Người đại diện theo uỷ quyền của BCG tại BCG Energy		0311315789	20/11/2011	Sở KH & ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. HCM		348.300.000	47,7123	
4.	Hoàng Trung Thành	Phó Chủ tịch HDQT									

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
4.1	Hoàng Quang Thuận		Cha ruột								
4.2	Phan Thị Kim Thanh		Mẹ ruột								
4.3	Vương Thụy Hồng Vân		Vợ								
4.4	Hoàng Thiên Trang		Con gái								
4.5	Hoàng Thiên Trân		Con gái								
4.6	Hoàng Quang Trung		Anh trai								

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
4.7	Hoàng Kim Thiên		Em trai								
<b>Tổ chức liên quan ông Hoàng Trung Thành</b>											
4.8	Viện Công Nghệ Viễn Thông	Phó Viện Trưởng		0301465182	01/12/1998	Sở KH&ĐT TPHCM	198A5-A6 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh				
4.9	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên HDQT		0311315789	20/11/2011	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Diễn, TP. Thủ Đức, TP. HCM		348.300.000	47,7123%	
4.10	CTCP Skylar	Thành viên HDQT		0316031692	21/11/2019	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Diễn, TP. Thủ Đức, TP. HCM				
4.11	CTCP BCG Điện Gió Điện Biên Đông	Thành viên HDQT		5600345862	24/04/2024	Sở KH&ĐT Điện Biên	86A, đường Hòa Bình, tổ dân phố 10, phường Tân Thành, Tp. Điện				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đông lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/DKID	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
							<i>Biên Phú, tỉnh Điện Biên, Việt Nam</i>				
4.12	<i>Công ty cổ phần Tâm Sinh Nghĩa Hòn Dấu</i>	<i>Thành viên HDQT</i>		<i>1702292468</i>	<i>10/04/2024</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT Kiên Giang</i>	<i>1/74 ấp Mỹ Hưng, Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Dấu, Kiên Giang</i>				
4.13	<i>Công ty cổ phần Tâm Sinh Nghĩa Long An</i>	<i>Thành viên HDQT</i>		<i>1102055063</i>	<i>10/04/2024</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT Long An</i>	<i>Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, Ấp 3, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An</i>				
4.14	<i>CTCP EraX</i>	<i>Thành viên HDQT</i>		<i>0318447336</i>	<i>09/05/2024</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT TP.HCM</i>	<i>Vian Tower, 26 đường 40, phường Thảo Diễn, Tp. Thủ Đức, TP.HCM</i>				
4.15	<i>Công ty TNHH Hamwha BCGE O&amp;M</i>	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>		<i>0316338966</i>	<i>19/06/2020</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT TP.HCM</i>	<i>27C Quốc Hương, Phường Thảo Diễn, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</i>				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
4.16	CTCP Aton	Chủ tịch HDQT kiêm TGD		0318486286	03/06/2024	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh				
5	Lê Thanh Tùng	Thành viên HDQT							3.100.000	0,4247%	
5.1	Lê Đình Quý		Cha ruột								
5.2	Cao Thị Thanh		Mẹ ruột								
5.3	Lê Tuấn Anh		Em ruột								

Tổ chức liên quan ông Lê Thanh Tùng

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đông lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
5.4	Tổng CTCP Bảo Hiểm AAA	Thành viên HDQT		30GP/KDBH	28/02/2018	Bộ Tài chính	10-12 đường số 52, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh				
5.5	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Giám đốc Khối nghiên cứu Phân tích Đầu tư và Quan hệ Cổ đông		0311315789	20/11/2011	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Diễn, TP. Thủ Đức, TP. HCM		348.300.000	47,7123%	
5.6	CTCP Dược phẩm Tipharco	Phó Chủ tịch HDQT kiêm Tổng Giám đốc		1200100557	28/02/2006	Sở KH&ĐT Tiền Giang	Lô 08,09 CCN và TTCN Tân Mỹ Chánh, P.9, TP Mỹ Tho, Tiền Giang				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
5.7	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Thành viên HDQT		0300482393	25/05/2007	Sở KH & ĐT TP.HCM	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM				
5.8	CTCP BCG Land	Thành viên HDQT		0314922132	15/03/2018	Sở KH & ĐT TP.HCM	22A đường số 7, P. An Phú, Tp. Thủ Đức, TP.HCM				
6.	<b>Nguyễn Thị Loan</b>	<b>Thành viên HDQT</b>							<b>20.000</b>	<b>0,0027%</b>	
6.1	Nguyễn Thanh Sứu		Cha ruột								
6.2	Mai Thị Liên		Mẹ ruột								
6.3	Võ Tùng Phan		Chồng								



TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
6.4	Võ Nam Phong		Con trai								
6.5	Võ Đông Khuê		Con gái								
6.6	Nguyễn Xuân Thanh		Anh ruột								
6.7	Nguyễn Thị Ngọc Mai		Em ruột								
<b>Tổ chức liên quan bà Nguyễn Thị Loan</b>											
Không có											
7	Nguyễn Trung Trực	Thành viên độc lập HDQT									

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
<b>Tổ chức liên quan của ông Nguyễn Trung Trực</b>											
7.1	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Việt Ta	Tổng Giám đốc		0309728725	13/01/2010	Sở KH&ĐT TP.HCM	25/61 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghê, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
<b>II Ban Kiểm soát và người có liên quan</b>											
1	Đồng Hải Hà	Trưởng Ban Kiểm soát									
1.1	Đồng Xuân Dậy		Bố ruột								
1.2	Đỗ Thị In		Mẹ ruột						2.000.000	0,2740%	
1.3	Lữ Thị Thanh Bình		Vợ								

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
1.4	Đông Lữ Anh Khuê		Con								
1.5	Đông Hải Nam		Em ruột								
1.6	Đông Thị Xuân Nga		Em ruột								
<b>Tổ chức liên quan của ông Đông Hải Hà</b>											
1.7	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Trưởng Ban Kiểm soát		0311315789	20/11/2011	Sở KH & ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Diên, TP. Thủ Đức, TP. HCM		348.300.000	47,7123%	
1.8	CTCP Điện gió BCG Khai Long I	Phó Chủ tịch HDQT		2001279358	17/11/2017	Sở KH&ĐT Tỉnh Cà Mau	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
1.9	CTCP Điện gió BCG Khai Long 2	Phó Chủ tịch HDQT		2001290802	12/04/2018	Sở KH&ĐT Tỉnh Cà Mau	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau				
1.10	CTCP Điện gió BCG Khai Long 3	Phó Chủ tịch HDQT		2001348989	18/05/2021	Sở KH&ĐT Tỉnh Cà Mau	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau				
1.11	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Thành viên HDTV		2100661825	03/11/2020	Sở KH&ĐT Tỉnh Trà Vinh	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh				
1.12	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Thành viên HDTV		2100661818	03/11/2020	Sở KH&ĐT Tỉnh Trà Vinh	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh				
1.13	CTCP BCG Wind Sóc Trăng	Thành viên HDQT		2200743415	02/02/2018	Sở KH&ĐT Tỉnh Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL934, ấp Hoà Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
							Xuân, Tỉnh Sóc Trăng				
1.14	CTCP Aurai Wind Energy	Thành viên HDQT		0316363987	07/02/2022	Sở KH & ĐT TP.HCM	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. HCM				
1.15	Tổng CTCP Bảo hiểm AAA	Trưởng Ban Kiểm soát		30GP/KDBH	28/02/2018	Bộ Tài chính	10-12 đường số 52, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh				
1.16	CTCP BCG Land	Trưởng Ban Kiểm soát		0314922132	15/03/2018	Sở KH&ĐT TP.HCM	22A đường số 7, P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. HCM				
1.17	CTCP Dược phẩm Tipharco	Trưởng Ban Kiểm soát		1200100557	28/02/2006	Sở KH&ĐT Tiền Giang	Lô 08,09 CCN và TTCN Tân Mỹ Chánh, P.9, TP Mỹ Tho, Tiền Giang				
1.18	CTCP Phát triển Nguyễn Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát		4100377261	09/08/2000	Sở KH&ĐT Bình Định	Khu TTCN, phường Nhơn Hòa, thị xã An				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
							Nhon, tỉnh Bình Định				
1.19	Công ty TNHH Tracodi E&C	Trưởng Ban Kiểm soát		0317828674	11/05/2023	Sở KH & ĐT TP.HCM	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chi Minh, Việt Nam				
2	Nguyễn Việt Cường	Phó Ban Kiểm soát							10.000	0,0014 %	
2.1	Nguyễn Việt Đình		Bố ruột								
2.2	Lê Thị Luyện		Mẹ ruột								

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/DKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
2.3	Lê Thị Hà		Vợ								
2.4	Nguyễn Việt Khánh		Con ruột								
2.5	Nguyễn Hà Linh		Con ruột								
2.6	Nguyễn Thị Mai Hương		Chị ruột								
2.7	Nguyễn Thị Hương		Em ruột								

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
2.8	Nguyễn Việt Hoà		Em ruột								
2.9	Lê Sỹ Minh		Bố vợ								
2.10	Lê Thị Thoa		Mẹ vợ								
2.11	Trần Xuân Thu		Anh rể								
Tổ chức liên quan của ông Nguyễn Việt Cường											



TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
2.12	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi)	Trưởng Ban Kiểm soát		0300482393	25/05/2007	Sở KH&ĐT TP.HCM	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM				
2.13	CTCP BCG Land	Phó Ban Kiểm soát		0314922132	15/03/2018	Sở KH&ĐT TP.HCM	22A đường số 7, P. An Phú, Tp. Thủ Đức, TP.HCM				
2.14	CTCP Xuất khẩu Lao động TRACODI	Trưởng Ban Kiểm soát		0314385382	04/05/2017	Sở KH&ĐT TP.HCM	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.15	CTCP Tập đoàn Bamboo Capital	Thành viên Ban Kiểm soát		0311315789	20/11/2011	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. HCM		348.300.000	47,7123%	
3	Huỳnh Thị Kim Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát							21.000.000	2,8767%	

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
3.1	Huỳnh Phùng		Cha ruột (đã mất)								
3.2	Nguyễn Thị Biều		Mẹ ruột								
<b>Tổ chức liên quan của bà Huỳnh Thị Kim Tuyền</b>											
3.3	Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Phó Chủ tịch HDTV		1101834236	27/10/2016	Sở KH & ĐT Long An	32A/3 Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam				
3.4	Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Trưởng Ban kiểm soát		1600175162	12/11/2013	Sở KH & ĐT An Giang	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang, Việt Nam				
3.5	Công ty cổ phần White Magnolia	Chủ tịch HDQT		0313349977	15/07/2015	Sở KH & ĐT TP.HCM	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
3.6	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Shuaa (tên cũ: Công ty cổ phần Tracodi Trading & Consulting)	Chủ tịch HĐQT		0315989450	30/10/2019	Sở KH & ĐT TP.HCM	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
3.7	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ An Khang Land	Phó Chủ tịch HĐQT		0300383441	16/04/2004	Sở KH & ĐT TP.HCM	Số 19 Đường 11, Khu phố 1, Phường Linh Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
3.8	Công ty cổ phần TCD Plus	Trưởng Ban Kiểm soát		0317111679	07/01/2022	Sở KH & ĐT TP.HCM	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
3.9	Công ty Taxi Việt Nam	Thành viên HĐQT		0301465425	24/10/2008	Sở KH & ĐT TP.HCM	Lô IV - 15B, Đường số 4, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyên nhượng - nếu có
							Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh				
3.10	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Phó Chủ tịch HDQT		0300482393	25/05/2007	Sở KH & ĐT TP.HCM	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
3.11	Công ty cổ phần Thăng Phương	Chủ tịch HDQT kiêm Tổng Giám độc		0304371285	25/04/2006	Sở KH & ĐT TP.HCM	Tầng 19, Khu Văn Phòng Tòa Nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
3.12	Công ty cổ phần BCG Land	Phó Chủ tịch HDQT		0314922132	15/03/2018	Sở KH & ĐT TP.HCM	22A Đường số 7, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
3.13	Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Thành viên HĐTV		4000435375	22/07/2008	Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam	Khối 1, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam				
3.14	Công ty TNHH Pegas	Giám đốc		0312002309	11/10/2012	Sở KH & ĐT TP.HCM	L17-11, Tầng 17, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
<b>III</b>	<b>Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và người có liên quan</b>										
1	Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám Đốc							10.000.000	1,3699%	
<i>Vui lòng xem thông tin chi tiết tại mục Thành viên Hội đồng Quản trị và người có liên quan Mục L2</i>											
2	Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính							500.000	0,0685%	

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
2.1	Phạm Hữu Luận		Cha ruột								
2.2	Nguyễn Thị Kim Linh		Mẹ ruột								
2.3	Nguyễn Duy Anh		Chồng								
<b>Tổ chức liên quan đến bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương</b>											
2.4	CTCP Phát Triển Điện Gia Huy	Thành viên HDQT		0109102803	26/02/2020	Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 72, ngõ 515, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội				
2.5	CTCP Skylar	Chủ tịch HDQT kiểm Tông		0316031612	21/11/2019	Sở KH&ĐT TPHCM	Lầu 14, ô 08B, Tòa nhà Vincom, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/DKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tại khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
		Giám đốc					<i>Nghệ, Quận 1, TP.HCM</i>				
2.6	<i>CTCP Nông Thôn Việt Energy</i>	<i>Chủ tịch HDQT</i>		<i>0315498156</i>	<i>24/01/2019</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT TPHCM</i>	<i>27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh</i>				
2.7	<i>CTCP Sustainable Energy Aspiration</i>	<i>Chủ tịch HDQT</i>		<i>0316497934</i>	<i>22/09/2020</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT TPHCM</i>	<i>27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh</i>				
2.8	<i>CTCP Bleu Soleil</i>	<i>Chủ tịch HDQT</i>		<i>0316229854</i>	<i>08/04/2020</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT TPHCM</i>	<i>27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh</i>				
2.9	<i>CTCP Apollo Development</i>	<i>Chủ tịch HDQT</i>		<i>0316126295</i>	<i>03/02/2020</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT TPHCM</i>	<i>27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh</i>				

TT	Họ và tên có đóng	Chức vụ (đặt với NNB)	Quan hệ với NNB/có đóng lớn (đặt với người có hệ quan)	Số CMND/ CCCD/DNKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khôn L/KCK	SL có phiếu sơ hữ	Ty lệ sơ hữ	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
2.10	CTCP BCG-SP Greensky	Thành viên HDQT		0316928919	05/07/2021	Sở KH&ĐT TPHCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh				
2.11	CTCP D'or Hospitality	Chủ tịch HDQT		0316529576	08/10/2020	Sở KH&ĐT TPHCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh				
2.12	CTCP BCG Vĩnh Long	Chủ tịch HDQT		1501079965	05/02/2018	Sở KH&ĐT Vĩnh Long	Số 356, tổ 13, ấp Phù Tân, Xã Trưng Nghĩa, huyện Vãng Liên, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam				
2.13	CTCP Năng Lượng BCG Thuận Hóa	Thành viên HDQT		1101876437	05/03/2018	Sở KH&ĐT Long An	31 Đường số 10, ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An				



TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
2.14	CTCP BCG GAIA	Thành viên HDQT		0316831917	28/04/2021	Sở KH&ĐT TPHCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.15	CTCP Năng Lượng Hamwha - BCG Băng Dương	Thành viên HDQT		0314337438	08/04/2017	Sở KH&ĐT Long An	Ấp 1, Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Việt Nam				
2.16	CTCP Năng Lượng BCG - Băng Dương	Thành viên HDQT		0313970937	18/8/2016	Sở KH&ĐT Long An	Ấp 1, Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Việt Nam				
2.17	CTCP Herb Solar	Chủ tịch HDQT		0316958952	16/09/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.18	CTCP Orchid Solar	Chủ tịch HDQT kiêm TGD		0316958430	15/9/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyên nhượng - nếu có
							Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.19	CTCP Violet Solar	Chủ tịch HDQT		0316957998	16/9/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.20	CTCP Casper Solar	Chủ tịch HDQT		0316958487	14/09/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.21	CTCP Greensky Infinite	Chủ tịch HDQT		031627856	18/05/2020	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.22	CTCP BCG-SP Solar I	Chủ tịch HDQT		0316953954	23/08/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền,				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
							Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.23	CTCP BCG-SP Solar 2	Chủ tịch HĐQT		0317256836	19/04/2022	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.24	CTCP Rose Solar	Chủ tịch HĐQT		0316958021	14/09/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.25	CTCP Sunflower Solar	Chủ tịch HĐQT		0316957821	14/09/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
2.26	CTCP BCG Evergreen	Chủ tịch HDQT		3702798610	09/08/2019	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam				
2.27	CTCP BCG Điện gió Điện Biên Đông	Thành viên HDQT		5600345862	24/04/2024	Sở KH&ĐT Điện Biên	86A, đường Hòa Bình, tổ dân phố 10, phường Tân Thanh, Tp. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam				
3	Vũ Văn Ngọc Nicki	Phó TGD điều hành kiêm GD mua sắm và đấu thầu									
3.1	Vu, Anh Tuan		Cha ruột								

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
3.2	Nguyen, Thi Thanh Van		Mẹ ruột								
3.3	Vu, Anh Khoa Michael		Anh Em ruột								
3.4	Vu, Anh Jimmy Tuan		Anh Em ruột								
<b>Tổ chức liên quan của bà Vũ Vân Ngọc Nicki</b>											
3.5	CTCP BCG GAIA	Tổng giám đốc		0316831917	28/04/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh				
3.6	CTCP Năng lượng BCG Bàng Dương	Chủ tịch HDQT		0313970937	18/08/2016	Sở KH&ĐT Long An	Áp 1, Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hoá, Tỉnh Long An, Việt Nam				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
3.7	CTCP Năng lượng Hamwha - BCG Băng Dương	Chủ tịch HDQT		0314337438	08/04/2017	Sở KH&ĐT Long An	Ấp 1, Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hoá, Tỉnh Long An, Việt Nam				
3.8	CTCP Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	Thành viên HDQT		4101468169	08/07/2016	Sở KH&ĐT Bình Định	Tỉnh lộ 639, Thôn 8, Đông Xã Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định				
3.9	CTCP Skylar	Thành viên HDQT		0316031692	21/11/2019	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Diễn, TP. Thủ Đức, TP. HCM				
3.10	CTCP BCG – SP Solar 1	Thành viên HDQT		0316953954	23/08/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Diễn, TP. Thủ Đức, TP. HCM				
3.11	CTCP BCG – SP Solar 2	Thành viên HDQT		0317256836	19/04/2022	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, P. Thảo Diễn, TP. Thủ Đức, TP. HCM				
3.12	CTCP Greensky Infinity	Thành viên HDQT		031627856	18/05/2020	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Diễn,				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
							<i>Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</i>				
3.13	<i>CTCP Orchid Solar</i>	<i>Thành viên HDQT</i>		<i>0316958430</i>	<i>15/9/2021</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT TP.HCM</i>	<i>27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</i>				
3.14	<i>CTCP Rose Solar</i>	<i>Thành viên HDQT</i>		<i>0316958021</i>	<i>14/09/2021</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT TP.HCM</i>	<i>27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</i>				
3.15	<i>CTCP Sunflower Solar</i>	<i>Thành viên HDQT</i>		<i>0316957821</i>	<i>14/09/2021</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT TP.HCM</i>	<i>27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</i>				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng- nếu có
3.16	CTCP Evergreen	Thành viên HDQT		3702798610	09/08/2019	Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam				
3.17	CTCP Violet Solar	Thành viên HDQT		0316957998	16/9/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
3.18	CTCP Phát Triển Điện Gia Huy	Thành viên HDQT		0109102803	26/02/2020	Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Số 72, ngõ 515, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội				
3.19	CTCP Sustainable Energy Aspiration	Thành viên HDQT		0316497934	22/09/2020	Sở KH&ĐT TPHCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh				



TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
3.20	CTCP Apollo Development	Thành viên HDQT		0316126295	03/02/2020	Sở KH&ĐT TPHCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh				
3.21	CTCP Bleu Soleil	Thành viên HDQT		0316229854	08/04/2020	Sở KH&ĐT TPHCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh				
3.22	CTCP Casper Solar	Thành viên HDQT		0316958487	14/09/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
3.23	CTCP Herb Solar	Thành viên HDQT		0316958952	16/09/2021	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
3.24	CTCP Nông Thôn Việt Energy	Thành viên HDQT		0315498156	24/01/2019	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
3.25	CTCP BCG Thanh Hóa	Thành viên HDQT		1101876437	05/03/2018	Sở KH&ĐT tỉnh Long An	31 Đường số 10, Áp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã An Thanh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam				
3.26	CTCP BCG Vĩnh Long	Thành viên HDQT		1501079965	05/02/2018	Sở KH&ĐT Vĩnh Long	Số 356, tổ 13, ấp Phù Tân, Xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam				
4	Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc Tài trợ dự án kiểm Trưởng									

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
		<b>văn phòng đại diện tại Hà Nội</b>									
4.1	Nguyễn Minh Giang		Bố ruột								
4.2	Lê Thị Vinh		Mẹ ruột								
4.3	Nguyễn Minh Việt		Anh ruột								
4.4	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Chị ruột								
4.5	Nguyễn Thị Thu Thủy		Vợ								
4.6	Nguyễn Minh Khuê		Con ruột								
4.7	Nguyễn Minh Quang		Con ruột								

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
4.8	Nguyễn Tuyết Lan		Con ruột								
<b>Tổ chức liên quan của ông Nguyễn Giang Nam</b>											
4.9	CTCP Đầu tư Hạ Tầng Đông Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị		0104291191	09/12/2009	Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Số 2, Phố Nguyễn Thị Duệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				
4.10	CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Chủ tịch HDQT		0304374871	22/05/2006	Sở KH&ĐT TP.HCM	Số 2 Đường Liên Khu 1-6, Khu phố 6, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chi Minh, Việt Nam				
4.11	CTCP BCG Điện gió Điện Biên Đông	Tổng Giám đốc		5600345862	24/04/2024	Sở KH&ĐT Điện Biên	86A, đường Hòa Bình, tổ dân phố 10, phường Tân Thanh, Tp. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/DKGD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
4.12	CTCP Aton	Thành viên HDQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính		0318486286	03/06/2024	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh				
IV.	Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng/Người Phụ trách kế toán, người có chức danh tương đương với các chức danh này và người có liên quan										
1	Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Giám đốc tài chính							500.000	0,0685%	
1.1	Vui lòng xem thông tin chi tiết tại mục Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và người có liên quan tại Mục III.2										
2	Lưu Khánh Trường		Kế toán trưởng						3.050.000	0,4178%	

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đông lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
2.1	<i>Đào Thị Hồng Thanh</i>		<i>Vợ</i>								
2.2	<i>Lưu Minh Khang</i>		<i>Con</i>								
2.3	<i>Lưu Gia Thịnh</i>		<i>Con</i>								
2.4	<i>Lưu Xuân Giám</i>		<i>Bà</i>								
2.5	<i>Lê Thị Trâm</i>		<i>Mẹ</i>								
2.6	<i>Lưu Khánh Vy</i>		<i>Em gái</i>								
2.7	<i>Lưu Khánh Anh Tuệ</i>		<i>Em gái</i>								
<b>Tổ chức liên quan của ông Lưu Khánh Trường</b>											
2.8	<i>CTCP Aurai Wind Energy</i>	<i>Giám đốc tài chính</i>		<i>0316363987</i>	<i>02/07/2020</i>	<i>Sở KH&amp;ĐT TP.HCM</i>	<i>27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền,</i>				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/DKID	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
							Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.9	Công ty TNHH E Power 2	Tổng Giám đốc		0317946798	21/07/2023	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.10	Công ty TNHH E Power 3	Tổng Giám đốc		0317930692	13/07/2023	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.11	CTCP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Kế toán trưởng		0304374871	22/05/2006	Sở KH&ĐT TP.HCM	Số 2 Đường Liên Khu 1-6, Khu phố 6, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				
2.12	CTCP BCG Điện Gió Điện Biên Đông	Kế toán trưởng		5600345862	24/04/2024	Sở KH&ĐT Điện Biên	86A, đường Hòa Bình, tổ dân phố				

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đông lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khán LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
							10, phường Tân Thanh, Tp. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam				
2.13	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Hòn Đất	Kế toán trưởng		1702292468	10/04/2024	Sở KH&ĐT Kiên Giang	1/74 ấp Mỹ Hung, Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Kiên Giang				
2.14	CTCP Tâm Sinh Nghĩa Long An	Kế toán trưởng		1102055063	10/04/2024	Sở KHĐT Long An	Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 5, Ấp 3, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An				
2.15	CTCP Aton	Kế toán trưởng		0318486286	03/06/2024	Sở KH&ĐT TP.HCM	27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh				
V	Người phụ trách Quản trị công ty										



TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản EKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu có
1	Nguyễn Phan Dũng Nhân	Người phụ trách quản trị Công ty							50,000	0,0068%	
1.1	Nguyễn Thị Phương Mỹ		Vợ								
1.2	Nguyễn Phan Đông Hiếu		Em ruột								
1.3	Lê Đông Thùy		Mẹ ruột								
1.4	Nguyễn Dũng		Cha ruột								
Tổ chức liên quan của ông Nguyễn Phan Dũng Nhân											

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đồng lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyên nhượng - nếu có
<i>Không có</i>											
VI	Thư ký công ty										
1	Lâm Minh Tâm	Thư ký Công ty							10.000	0,00137 %	
1.2	Lâm Thuận Thời		Cha ruột								
1.3	Nguyễn Thị Lan		Mẹ ruột								
1.4	Lê Anh Tuấn		Chồng								
1.5	Lê Anh Minh		Con								
1.6	Lê Tuấn Minh		Con								

TT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cổ đông lớn (đối với người có liên quan)	Số CMND/ CCCD/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyên nhượng - nếu có
1.7	Lâm Minh Nguyệt		Em ruột								
<i>Tổ chức liên quan của bà Lâm Minh Tâm</i>											
Không có											



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	11

15.  
JN  
TN  
(V)  
T.F

## CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 16 ngày 5 tháng 1 năm 2024.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Ng Wee Siong Leonard	Thành viên độc lập
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên (từ ngày 15 tháng 9 năm 2023)
Bà Hoàng Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch (đến ngày 26 tháng 5 năm 2023)
Ông Byung Chul Shin	Thành viên (đến ngày 26 tháng 5 năm 2023)

#### Ban Kiểm soát

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Tan Bo Quan Andy	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Vân Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 9 tháng 8 năm 2023)

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc

#### Trụ sở chính

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc của Công ty để phê chuẩn và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Thư Ủy quyền ngày 1 tháng 11 năm 2023.

#### Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 88. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

BCG ENERGY

Phạm Nguyễn Ngọc Thương  
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 29 tháng 2 năm 2024



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 2 năm 2024. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 88.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh 5 của báo cáo tài chính hợp nhất, công ty con của Tập đoàn đã ghi nhận khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 54.407.098.920 Đồng liên quan đến doanh thu của sản lượng điện bán cho Công ty Mua Bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") được sản xuất từ phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 được ước tính theo đơn giá trần quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023. Đơn giá này được ước tính là hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tập đoàn vẫn đang trong quá trình đàm phán và thống nhất với EVN về giá bán điện chính thức tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh 7, Thuyết minh 10(a)(i) và Thuyết minh 10(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với Công ty Cổ phần E Power 1 trị giá 107.234.483.975 Đồng và khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") có giá trị vốn góp và lãi từ vốn góp lần lượt là 3.417.494.000.000 Đồng và 256.396.933.083 Đồng giữa Tập đoàn và các đối tác để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn, các đối tác BCC và chủ đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiếp tục phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời nêu trên. Do đó, khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản BCC bao gồm vốn góp và lãi này tùy thuộc vào tính khả thi và khả năng phát triển của các dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai.
- (iii) Như trình bày tại Thuyết minh 11(a) của báo cáo tài chính, ngày 25 tháng 12 năm 2023 Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An, trong đó có đề cập đến các dự án điện mặt trời của hai Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bàng Dương và Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Ánh Tuyết  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3048-2024-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Vũ Anh Tuấn  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3631-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14505  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2024

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>7.578.000.812.167</b>	<b>6.485.154.954.103</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	324.257.433.673	334.627.824.244
111	Tiền		74.531.880.865	305.027.824.244
112	Các khoản tương đương tiền		249.725.552.808	29.600.000.000
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>39.180.002.315</b>	<b>121.520.925.603</b>
121	Chứng khoán kinh doanh	8(a)	-	34.930.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8(b)	39.180.002.315	86.590.925.603
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>7.159.041.969.387</b>	<b>5.791.475.384.416</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	317.900.737.762	170.916.916.646
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6(a)	1.108.502.551.579	1.488.920.162.298
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	109.645.483.975	95.324.483.975
136	Phải thu ngắn hạn khác	10(a)	5.622.993.196.071	4.036.313.821.497
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>813.889.293</b>	<b>753.047.522</b>
141	Hàng tồn kho		813.889.293	753.047.522
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>54.707.517.499</b>	<b>236.777.772.318</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	8.452.493.099	12.347.461.940
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15(b)	46.255.024.400	224.430.310.378

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 88 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)


Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>11.458.553.390.625</b>	<b>14.363.682.370.239</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>510.948.971.289</b>	<b>3.417.455.127.799</b>
212	Trả trước cho người bán dài hạn	6(b)	-	56.400.000.000
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7	10.698.022.927	50.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	10(b)	500.250.948.362	3.311.055.127.799
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>9.399.728.038.087</b>	<b>7.884.753.661.285</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	8.994.944.695.897	7.492.469.916.561
222	Nguyên giá		10.403.015.587.959	8.406.449.411.833
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.408.070.892.062)	(913.979.495.272)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	11(b)	958.589.904	1.193.346.612
225	Nguyên giá		1.232.472.730	1.232.472.730
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(273.882.826)	(39.126.118)
227	Tài sản cố định vô hình	11(c)	403.824.752.286	391.090.398.112
228	Nguyên giá		420.826.943.652	399.518.014.730
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.002.191.366)	(8.427.616.618)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.073.431.031.494</b>	<b>2.578.497.296.371</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.073.431.031.494	2.578.497.296.371
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>339.092.799.513</b>	<b>342.412.077.882</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết	8(d)	258.092.799.513	260.822.077.882
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8(c)	81.000.000.000	81.590.000.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>135.352.550.242</b>	<b>140.564.206.902</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	61.131.031.953	59.059.006.752
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	8.558.450.265	7.489.276.050
269	Lợi thế thương mại	13	65.663.068.024	74.015.924.100
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>19.036.554.202.792</b>	<b>20.848.837.324.342</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.300.452.205.369</b>	<b>13.671.758.879.591</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.079.292.264.807</b>	<b>4.206.972.248.433</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14(a)	1.223.109.690.620	1.345.356.798.512
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	302.970.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(a)	35.567.587.582	51.019.683.908
314	Phải trả người lao động		2.756.170.500	3.533.788.130
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	265.181.718.883	363.158.483.402
319	Phải trả ngắn hạn khác	17(a)	189.309.039.132	676.955.606.605
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18(a)	1.363.368.058.090	1.463.977.887.876
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>6.221.159.940.562</b>	<b>9.464.786.631.158</b>
331	Phải trả người bán dài hạn	14(b)	250.864.145.998	191.037.276.046
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		13.640.642	18.454.994
337	Phải trả dài hạn khác	17(b)	856.000.000.000	1.697.692.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18(b)	5.034.922.124.978	7.500.626.340.587
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	79.360.028.944	75.412.559.531
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.736.101.997.423</b>	<b>7.177.078.444.751</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>9.736.101.997.423</b>	<b>7.177.078.444.751</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	7.300.000.000.000	4.500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.300.000.000.000	4.500.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	186.649.401.164	248.194.181.618
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		247.103.099.050	81.270.701.105
421b	- (Lỗ sau thuế)/ LNST chưa phân phối của năm nay		(60.453.697.886)	166.923.480.513
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	2.249.452.596.259	2.428.884.263.133
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>19.036.554.202.792</b>	<b>20.848.837.324.342</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Hạ  
Người lập

  
Lưu Khánh Trường  
Kế toán trưởng

  
Phạm Nguyễn Ngọc Thương  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 29 tháng 2 năm 2024

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2023 VND	2022 VND	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.125.647.318.634	1.063.783.614.013
11	Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp	25	(590.598.766.182)	(546.957.299.119)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		535.048.552.452	516.826.314.894
21	Doanh thu hoạt động tài chính	26	744.073.568.740	948.149.070.055
22	Chi phí tài chính	27	(1.345.278.223.299)	(1.196.483.607.995)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(967.422.134.827)	(883.650.635.811)
24	Phân (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	8(d)	(50.179.278.369)	23.573.082.876
25	Chi phí bán hàng		(19.719.114)	(6.118.932.309)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(70.352.394.627)	(81.538.381.283)
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(186.707.494.217)	204.407.546.038
31	Thu nhập khác		49.116.675.413	140.553.682.378
32	Chi phí khác		(9.904.722.332)	(11.875.145.832)
40	Lợi nhuận khác	29	39.211.953.081	128.678.536.546
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(147.495.541.136)	333.086.082.584
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	30	(6.608.375.513)	(42.509.737.272)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30	1.383.490.585	4.956.039.609
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(152.720.426.064)	295.532.384.921
	Phân bổ cho:			
61	Cổ đông của Công ty mẹ		(35.911.486.594)	359.977.222.304
62	Cổ đông không kiểm soát		(116.808.939.470)	(64.444.837.383)
70	(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	(77)	1.041
71	(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	(77)	1.041



Nguyễn Thị Thanh Hạ  
Người lập



Lưu Khánh Trường  
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 88 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(147.495.541.136)	333.086.082.584
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), phân bổ lợi thế thương mại	496.312.234.192	305.389.367.291
04	Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	99.735.147.130	17.028.033.157
05	Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	23.447.281.112	(355.482.166.373)
06	Chi phí lãi vay và chi phí trái phiếu	988.624.162.324	887.143.969.147
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>1.458.623.283.622</b>	<b>1.187.165.285.806</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(994.459.161.216)	1.112.496.781.753
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(60.841.771)	116.519.724
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	499.291.749.224	(1.654.025.528.008)
12	Giảm chi phí trả trước	2.482.534.409	13.686.467.693
13	Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh	34.930.000.000	(25.330.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả	(1.011.756.219.212)	(737.627.886.814)
15	Thuế TNDN đã nộp	(22.714.777.648)	(27.476.772.550)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(33.663.432.592)</b>	<b>(130.995.132.396)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(200.417.290.383)	(2.852.649.107.891)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	17.748.194.897	76.611.480.423
23	Tiền chi cho vay	(420.130.966.649)	(199.203.162.466)
24	Tiền thu hồi cho vay	492.522.867.010	199.204.769.979
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(47.407.409.286)	(2.662.643.880.067)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	587.219.527	1.707.149.160.125
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	44.949.063.659	31.122.788.523
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(112.148.321.225)</b>	<b>(3.700.407.951.374)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	2.800.000.000.000	2.106.218.771.398
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	1.950.048.347.604	3.625.319.490.862
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.606.691.398.652)	(1.844.923.555.326)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	(271.144.000)	-
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông	(7.700.000.000)	(121.750.000.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>135.385.804.952</b>	<b>3.766.864.706.932</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(10.425.948.865)</b>	<b>(64.538.376.838)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>334.627.824.244</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	55.558.294	(2.863.119)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>334.627.824.244</b>

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 33.

Nguyễn Thị Thanh Hạ  
Người lập

Lưu Khánh Trường  
Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Ngọc Thương  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 29 tháng 2 năm 2024



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 ngày 5 tháng 1 năm 2024.

Chi tiết cổ đông của Công ty tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và sản xuất điện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Các số liệu tương ứng của năm tài chính trước so sánh được với số liệu của năm tài chính này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 10 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 11 công ty con trực tiếp, 11 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

Báo cáo tài chính của các công ty con và công ty liên kết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán trừ Công ty TNHH Skylight Power (Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp).

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
<b>Công ty con trực tiếp</b>							
1	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Sản xuất điện	Bến Lức, Long An	91,84	91,84	91,84	91,84
2	Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Xanh (I)	Sản xuất điện	Phù Mỹ, Bình Định	51,00	41,28	51,00	41,28
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Pleiku, Gia Lai	51,00	51,00	51,00	51,00
4	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	Vũng Liêm, Vĩnh Long	50,50	50,50	50,50	50,50
5	Công ty Cổ phần Skylar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
6	Công ty Cổ phần BCG GAIA	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,97	50,23	50,97	50,82
7	Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	90,00	90,00	90,00	90,00
8	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Sản xuất điện	Trà Vinh	100,00	99,90	100,00	99,90

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)**

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
<b>Công ty con trực tiếp (tiếp theo)</b>							
9	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	Trà Vinh	100,00	99,93	100,00	99,93
10	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
11	Công ty Cổ phần E Power 1(i)	Tư vấn, quản lý	TP. Hồ Chí Minh	-	-	99,80	99,80
<b>Công ty con gián tiếp</b>							
1	Công ty Cổ phần Greensky Infinitive (ii)	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	TP. Hồ Chí Minh	99,80	98,80	74,90	74,15
2	Công ty Cổ phần Cosmos Solar (iv)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	98,01	99,00	98,01
3	Công ty Cổ phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
4	Công ty Cổ phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
5	Công ty Cổ phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
6	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Sản xuất điện	Thanh Hóa, Long An	99,90	50,23	99,90	50,82
7	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bàng Dương	Sản xuất điện	Thanh Hóa, Long An	99,90	50,23	99,90	50,82
8	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy (v)	Sản xuất điện	TP. Hà Nội	99,80	98,80	-	-
9	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 (vi)	Sản xuất điện	Cà Mau	-	-	51,00	50,49
10	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3 (vii)	Sản xuất điện	Cà Mau	-	-	99,98	50,48
11	Công ty TNHH Cơ điện Skylar5 (viii)	Xây dựng công trình điện	TP. Hồ Chí Minh	-	-	100,00	99,00
12	Công ty Cổ phần Casper Solar (ix)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	-	-	99,00	98,01
<b>Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp</b>							
1	Công ty TNHH SkyLight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	50,00	50,00	50,00
2	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	49,00	49,00	49,00	49,00
<b>Công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con</b>							
1	Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	49,50	50,00	49,50

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)**

- (i) Theo các Ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Tập đoàn nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.
- (ii) Theo Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị số 01/2023/NQ-HĐQT-TNM ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần E Power 1, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 49,9 tỷ Đồng theo Hợp đồng mua bán liên quan. Các thủ tục chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 18 tháng 9 năm 2023.
- (iii) Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-GSI ngày 28 tháng 9 năm 2023 về việc phê duyệt giảm vốn điều lệ Công ty Cổ phần Greensky Infnitive, công ty này đã giảm vốn điều lệ từ 116.386.000.000 Đồng xuống còn 2.116.000.000 Đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của các công ty đầu tư thay đổi theo, Công ty Cổ phần Skylar nắm giữ 211.178 cổ phần, tương ứng với 99,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Greensky Infnitive.
- (iv) Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ-COSMOS ngày 6 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt giải thể Công ty Cổ phần Cosmos Solar. Tại ngày 20 tháng 2 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể công ty con này.
- (v) Theo Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ-SKYLAR ngày 30 tháng 11 năm 2023, Tập đoàn quyết định đã đổi mục đích đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy từ đầu tư chứng khoán kinh doanh sang đầu tư dài hạn do Tập đoàn chưa hoàn thành tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy trước thời hạn ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo như kế hoạch ban đầu. Theo đó, Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy trở thành Công ty con của Tập đoàn.
- (vi) Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 06/2022/BBH-HĐQT-AURAI ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 và Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 150 tỷ Đồng và 148,5 tỷ Đồng theo các hợp đồng mua bán cổ phần liên quan. Các thủ tục về việc chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 12 tháng 6 năm 2023.
- (vii) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 03/2023/BBH-HĐQT-SKYLAR ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Skylar về việc phê duyệt các thay đổi tại Công ty TNHH Cơ điện Skylar5, Công ty Cổ phần Skylar đã thoái toàn bộ vốn điều lệ, tương ứng với 5.000.000 cổ phần tại Công ty TNHH Cơ điện Skylar5, thông qua chuyển nhượng cho ông Lâm Minh Kiệt với giá trị chuyển nhượng là 5 tỷ Đồng. Các thủ tục về chuyển quyền sở hữu cổ phần này đã được Công ty Cổ phần Skylar hoàn tất vào ngày 30 tháng 3 năm 2023.

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)**

(viii) Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/BBH-ĐHĐCĐ-CASPER ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Casper Solar về việc thay đổi cơ cấu cổ đông, Công ty Cổ phần Skylar đã thoái toàn bộ vốn điều lệ, tương ứng với 198.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Casper Solar, thông qua chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần E Power 1 với giá trị chuyển nhượng là 1.980.000.000 Đồng. Các thủ tục về chuyển nhượng này đã được Công ty Cổ phần Skylar hoàn tất vào ngày 20 tháng 12 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 128 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 158 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất****Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất****Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

**Công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm tài chính phát sinh.

### 2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### 2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

### 2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

### 2.11 Đầu tư tài chính

#### (a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các công cụ tài chính khác do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.11 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.11 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Tập đoàn và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận trước thuế.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

- (i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.
- (ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.
- (iii) Nếu Tập đoàn là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí theo tỷ lệ tham gia cho các bên tham gia BCC trong kỳ.
- (iv) Nếu Tập đoàn không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn sẽ ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.13 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Giấy phép đầu tư dự án	17 - 18 năm
Khác	2 - 10 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác; được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.14 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### 2.16 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

### 2.17 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng. Trong đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.18 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

**2.19 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2.20 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

**2.21 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất dựa vào ngày Biên bản họp của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.22 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**(d) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận**

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.24 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính và chi phí tài chính khác.

**2.25 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

**2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

**2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

### 2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Giá bán điện (Thuyết minh 5);
- Giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 3).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.



**3 HỢP NHẤT KINH DOANH**

Tập đoàn đã thực hiện hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy do Công ty này đã trở thành Công ty con của Tập đoàn trong năm 2023 như trình bày tại Thuyết minh 1(v) và việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản thuần của Tập đoàn như sau:

	<b>Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày hợp nhất VND</b>
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.213.163
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.732.266.150
TSCĐ hữu hình	63.182.795.710
TSCĐ vô hình (Thuyết minh 11(c))	21.308.928.922
Tài sản khác	4.765.064.777
	<hr/>
	92.045.268.722
<b>Nợ phải trả</b>	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.188.472.517
Nợ phải trả khác	746.333.145
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.261.785.784
Vay ngắn hạn	564.550.000
Vay dài hạn	37.037.036.998
	<hr/>
	43.798.178.444
	<hr/>
<b>Tài sản thuần</b>	48.247.090.278
	<hr/>
Lãi từ giao dịch mua rẻ (Thuyết minh 29)	(5.236.596.097)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(96.494.180)
	<hr/>
<b>Tổng giá phí</b>	42.914.000.000
	<hr/>
<b>Khoản tiền thu được</b>	56.213.163
	<hr/>
<b>Tiền thuần chi ra</b>	42.857.786.837
	<hr/>

Doanh thu và lợi nhuận thuần của công ty được mua từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày mua là 13.117.012.056 Đồng và 2.511.563.152 Đồng và từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 1.068.932.958 Đồng và 95.966.161 Đồng.

**4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	63.509.696	64.009.696
Tiền gửi ngân hàng	74.468.371.169	304.963.814.548
Các khoản tương đương tiền (*)	249.725.552.808	29.600.000.000
	<u>324.257.433.673</u>	<u>334.627.824.244</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 1,5%/năm đến 3,6%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3,6%/năm đến 3,8%/năm).

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bên thứ ba		
Công ty Mua bán Điện	295.338.153.305	139.630.721.557
Khác	9.459.736.977	8.834.906.073
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	13.102.847.480	22.451.289.016
	<u>317.900.737.762</u>	<u>170.916.916.646</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Tập đoàn và Công ty Mua bán điện cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 18).

Bao gồm trong số dư khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn, có khoản phải thu ngắn hạn Công ty Mua Bán Điện với Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch, Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương và Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương với tổng số tiền là 278.009.841.496 Đồng, chi tiết như sau:

## 5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

- Giá bán điện chính thức đối với phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phú Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phú Mỹ 3 Giai đoạn 2 vẫn đang trong quá trình đàm phán với EVN. Trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền ban hành khung pháp lý, hướng dẫn chi tiết cách thức tính giá điện, ngày 16 tháng 5 năm 2023, được sự chấp thuận của Bộ Công thương, Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch (“Công ty con” của Tập đoàn) và EVN/EPTC đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 1 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 3 với giá tạm tính là 50% giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023. Tiếp theo đó, trong khoảng thời gian nửa cuối năm 2023, Tập đoàn đã chỉ đạo Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch có các Văn bản đề nghị EVN/EPTC tiếp tục tiến hành đàm phán giá điện chính thức và chủ động tính toán, đề xuất giá điện đàm phán với EVN/EPTC dựa theo nguyên tắc của Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2022 quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp và Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện. Tại ngày 8 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch đã gửi công văn cho EVN về việc đàm phán giá điện chính thức theo đơn giá ước tính này. Qua các phiên làm việc, đàm phán ban đầu, hai Bên đã thống nhất về trình tự, cách thức triển khai và đang trong quá trình xem xét Tổng mức đầu tư (là đầu vào quan trọng nhất của việc tính toán), Ban Tổng Giám đốc tin rằng khả năng Công ty có thể đàm phán thành công mức giá bán điện cao hơn mức giá trần nói trên cho sản lượng đã hòa vào lưới điện quốc gia. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc đàm phán giá điện này dự kiến sẽ hoàn tất trong quý I năm 2024.

Giá bán điện đàm phán tính toán được hiện đang cao hơn so với giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 ban hành khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp. Tuy nhiên, theo nguyên tắc thận trọng, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất tương ứng với công suất 83,10 MWp và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phú Mỹ 1 và Phú Mỹ 3 Giai đoạn 2 trong năm 2023 với giá bán điện bằng với giá trần được quy định tại Quyết định 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 và Tập đoàn xem đây là ước tính hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ số 3116/TB - TTCP ngày 25 tháng 12 năm 2023, Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA do Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư và Nhà máy Điện mặt trời BCG - Băng Dương do Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư đã được vận hành thương mại khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo hoặc Sở Công Thương) kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có các đánh giá chi tiết như sau:

Dự án được hoàn thành và vận hành thương mại cuối năm 2020. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID, đặc biệt nghiêm trọng trong năm 2021, dẫn đến khó khăn, chậm trễ trong việc tập hợp, hoàn thiện các hồ sơ dự án theo quy định. Theo đó, đến cuối năm 2021, các dự án mới đủ điều kiện về hồ sơ để mời Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)****\* Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA**

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, chủ đầu tư có văn bản số 45/2021/CV-HANWHA.BCG kèm hồ sơ dự án gửi Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo mời kiểm tra công tác nghiệm thu công trình Nhà máy Điện mặt trời GAIA. Trên cơ sở Biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính liên quan đến dự án của đoàn kiểm tra ngày 05/4/2022 và Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Thanh tra Sở Xây dựng Tỉnh Long An, chủ đầu tư đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp phạt hành chính trong năm 2022 và tiến hành bổ sung các hồ sơ theo quy định. Đồng thời chủ đầu tư đã gửi báo cáo cho Cục Điện lực và Năng lượng về kết quả thực hiện tại Văn bản số 19/2022/CV-HWBCG ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của nhà máy điện mặt trời GAIA chưa được phê duyệt (Thuyết minh 11), cho nên Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chưa thể chấp thuận công tác nghiệm thu, mặc dù về khía cạnh chủ đầu tư, Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý theo quy định, bao gồm các thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng dẫn của các Sở, ngành địa phương. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng thẩm quyền phê duyệt mục đích chuyển đổi sử dụng đất sẽ được làm rõ trong tương lai gần. Dựa trên các thông tin hiện có tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đánh giá vấn đề được nêu bởi Thanh tra Chính phủ không ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán điện Tập đoàn đã ký kết với EVN.

**\* Dự án Nhà máy Điện mặt trời BCG - Băng Dương**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương đã hoàn thành các công tác nghiệm thu và các nghĩa vụ pháp lý theo quy định cho dự án. Theo đó, ngày 23 tháng 3 năm 2022, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo đã có Thông báo số 20/TB-ĐL chấp thuận công tác nghiệm thu dự án. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các vấn đề nêu bởi Thanh tra Chính phủ đã được khắc phục. Dựa trên các thông tin trên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để được giao đất phát triển dự án, ngoài ra Tập đoàn cũng đã ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN phù hợp với các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

Do đó, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất trong năm 2023 với giá bán điện ưu đãi theo hợp đồng đã ký kết trước đó với EVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán là 56.707.324.884 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 Đồng).

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn**

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH TMDV MTV Huỳnh Phát Huy	670.937.900.000	788.937.900.000
Powerchina International Group Limited	142.937.642.745	142.937.642.745
Công ty TNHH Tổng hợp Hưng Lộc	74.233.064.600	74.233.064.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang (i)	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	31.515.453.438	71.515.453.438
Các đối tượng khác	99.144.166.475	291.178.120.778
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	53.734.324.321	120.117.980.737
	<u>1.108.502.551.579</u>	<u>1.488.920.162.298</u>

- (i) Đây là khoản đặt cọc cho việc chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang theo Thỏa thuận Đặt cọc số 1801/2021/HDDC ký ngày 18 tháng 1 năm 2021 về việc đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần và biên bản làm việc ngày 21 tháng 12 năm 2022 cho việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến hết năm 2024.

Tuy nhiên, tại ngày 6 tháng 2 năm 2024, Công ty đã thanh lý hợp đồng với Công ty Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang và chuyển đổi khoản trả trước này thành khoản đầu tư hợp tác giữa hai bên theo Hợp đồng ngày 6 tháng 2 năm 2024 để đầu tư dự án Nhà máy Điện gió E&M Đắc Lắc, với thời hạn là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng này sẽ được phân chia lợi nhuận khi dự án đi vào hoạt động.

**(b) Dài hạn**

	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang (i)	-	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Tầm Nhìn Mới	-	20.400.000.000
	<u>-</u>	<u>56.400.000.000</u>

- (i) Khoản này đã được phân loại trình bày sang khoản trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6(a)).

## 7 PHẢI THU VỀ CHO VAY

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn với các bên liên quan (Thuyết minh 34(b)) với lãi suất từ 0%/năm đến 9%/năm với kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 39 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lãi suất từ 0%/năm đến 10,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư phải thu về cho vay bao gồm khoản Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương cho Công ty Cổ phần E Power 1, trị giá là 107.234.483.975 Đồng. Mục đích của khoản cho vay này là để Công ty Cổ phần E Power 1 phục vụ hoạt động kinh doanh của chính Công ty và cho các Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Diamond, Công ty Cổ phần Green Solution, Công ty Cổ phần Mega Solar vay lại để đầu tư vào các dự án điện gió, điện mặt trời. Để các dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì các dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời của các Công ty này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám Đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai là cao. Vì vậy Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu về cho vay này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập cho các khoản phải thu này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	-	-	34.930.000.000	(*)

Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ-SKYLAR ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc chuyển đổi mục đích đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy, Công ty quyết định không tiếp tục tìm kiếm dự án chuyển nhượng mà thay vào đó sẽ đổi mục đích đầu tư từ đầu tư chứng khoán kinh doanh sang đầu tư dài hạn do Tập đoàn chưa hoàn thành tìm kiếm được đối tác để chuyển nhượng Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy trước thời hạn ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo như kế hoạch ban đầu (Thuyết minh 1(v)).

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	39.180.002.315	39.180.002.315	86.590.925.603	86.590.925.603

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 10,7%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,55%/năm).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

- 8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	2023		2022	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	59.400.000.000	(*)	59.400.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	21.600.000.000	(*)	21.600.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Tracodi Power (i)	-	-	590.000.000	(*)
	<u>81.000.000.000</u>		<u>81.590.000.000</u>	
				<u>-</u>

(i) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tracodi Power, theo đó Tập đoàn đã thoái vốn toàn bộ 11,8% vốn điều lệ, tương ứng với 59.000 cổ phần. Các thủ tục về việc chuyển nhượng của Tập đoàn đã được hoàn tất vào ngày 22 tháng 12 năm 2023.

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Thông tin về hoạt động kinh doanh của các công ty này như sau:

Công ty	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất điện



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(d) Đầu tư vào công ty liên kết**

	2023		2022	
	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty TNHH Skylight Power	15.011.310.830	24.952.712.350	(*)	14.472.921.191
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	10.974.228.607	2.205.000.000	(*)	11.182.912.837
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky (i)	232.107.260.076	256.012.000.000	(*)	235.166.243.854
	<u>258.092.799.513</u>	<u>283.169.712.350</u>		<u>260.822.077.882</u>
				<u>235.719.712.350</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động về giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng giá gốc khoản đầu tư VND	Lãi/ (lỗ) trong công ty liên kết VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Công ty TNHH Skylight Power	14.472.921.191	-	538.389.639	15.011.310.830
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	11.182.912.837	-	(208.684.230)	10.974.228.607
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky (i)	235.166.243.854	47.450.000.000	(50.508.983.778)	232.107.260.076
	<u>260.822.077.882</u>	<u>47.450.000.000</u>	<u>(50.179.278.369)</u>	<u>258.092.799.513</u>

(i) Theo Biên bản họp số 01/2023/BBH-ĐHĐCĐ-BCG SP Greensky ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky, Công ty Cổ phần Skylar đã đăng ký mua thêm 4.745.000 cổ phần, tương đương 47.450.000.000 Đồng và không thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky.

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****(a) Ngắn hạn**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Công cụ, dụng cụ	2.897.350.657	3.305.556.758
Chi phí quản lý tài sản đảm bảo	2.737.603.307	2.613.636.365
Chi phí dịch vụ thu xếp vốn	-	4.356.060.605
Khác	2.817.539.135	2.072.208.212
	<u>8.452.493.099</u>	<u>12.347.461.940</u>

**(b) Dài hạn**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Chi phí bảo hiểm	24.437.955.782	27.139.744.478
Tiền thuê đất trả trước	16.571.227.515	12.124.837.623
Chi phí quản lý trái phiếu	9.600.000.000	-
Chi phí giải phóng mặt bằng	1.987.337.285	7.275.384.994
Công cụ dụng cụ, thiết bị	246.079.025	705.311.169
Khác	8.288.432.346	11.813.728.488
	<u>61.131.031.953</u>	<u>59.059.006.752</u>

## 10 PHẢI THU KHÁC

## (a) Ngắn hạn

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Vốn góp vào BCC (*)	5.318.529.455.067	-	3.425.678.749.585	-
Lãi từ BCC	258.600.933.085	-	203.268.193.183	-
Tạm ứng cho nhân viên	29.633.722.260	-	340.716.341.747	-
Lãi phải thu từ cho vay, tiền gửi	10.474.663.149	-	28.691.729.551	-
Khác	5.754.422.510	-	37.958.807.431	-
	<u>5.622.993.196.071</u>	<u>-</u>	<u>4.036.313.821.497</u>	<u>-</u>
Trong đó				
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Artemis Investment	373.526.684.931	-	319.776.164.383	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Diamond	377.338.998.636	-	323.669.846.546	-
Khác	449.509.271.739	-	2.353.163.866.326	-
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	<u>4.422.618.240.765</u>	<u>-</u>	<u>1.039.703.944.242</u>	<u>-</u>
	<u>5.622.993.196.071</u>	<u>-</u>	<u>4.036.313.821.497</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

**(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết phải thu từ BCC có giá trị lớn như sau:

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.380.135.455.067	Số 270421BCG - KL1; 20/4/2021 - 20/4/2024	Dự án Nhà máy Điện gió Khu dự lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 12%/năm trên tổng số tiền đã chuyển (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022- 16%).</li> <li>- Sau khi dự án đi vào vận hành: phần chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.</li> <li>- Dự án đang trong giai đoạn xây dựng</li> </ul>
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Diamond (i)	290.600.000.000	Số 01/2021/HTKD-TH-TT; 27/12/2021 - 27/12/2022 Phụ lục 1: 1/12/2022 - 27/12/2023 Phụ lục 2: 28/12/2023- 27/12/2024	Dự án Nhà máy Điện Năng lượng Mặt trời Hoa Hướng Dương ("Dự án Sunflower") do Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Diamond chịu trách nhiệm triển khai các thủ tục pháp lý ban đầu và đền bù giải phóng mặt bằng; tư vấn đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị cho Dự án Sunflower.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 18,65%/năm trên tổng số tiền đã chuyển (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022- 11,05%).</li> <li>- Sau khi dự án đi vào vận hành: phần chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.</li> </ul>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các BCC có giá trị lớn như sau (tiếp theo):

Bên nhận góp BCC	Số tiền	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Mega Solar (l)	300.000.000.000 VND	Số 23/09/2020/HTKD_soctrang.megasolar 22/9/2023 - 22/9/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện mặt trời BCG Điện Biển 1	Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	30.120.000.000	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 6/12/2023 - 6/12/2024	Hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biển 1	Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	300.000.000.000	Số 15/08/2023/ĐT1-MEGA: 15/08/2023 - 15/08/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biển 1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 11,6%/năm - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối mỗi tháng.
	156.000.000.000	Số 15/08/2023/ĐT2-MEGA: 15/08/2023 - 15/08/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biển 1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 11,6%/năm - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối mỗi tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

**(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các BCC có giá trị lớn như sau (tiếp theo):

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong (I)	569.691.000.000	Số 2204/2022/HTKD/WINDST-DPE: 22/4/2023 - 22/4/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	430.284.000.000	Số 2204/2022/HKTD/DT2-DP: 22/4/2023 - 22/4/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	94.967.000.000	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 31/10/2023 - 31/10/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid (I)	180.000.000.000	Số 3011/2021/HTKD/DT1-Orchid: 30/11/2021 - 29/11/2024	Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 với công suất 50MWp tại Tỉnh Long An.	Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng lợi tức không ít hơn 12,5%/năm trên tổng số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 11,15%). - Sau khi dự án đi vào hoạt động: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

**(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các BCC có giá trị lớn như sau (tiếp theo):

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Artemis Investment (i)	240.000.000.000	Số 13/12/2021/HTKD-DT1-Artemis: 13/12/2021 - 13/12/2022 Phụ lục 3: 13/12/2022 - 12/12/2023 Phụ lục 6: 13/12/2023-12/12/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 15% khoản đóng góp của Bên đóng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	62.500.000.000	Số 15/02/2012/HTKD/D12-Artemis: 15/2/2022 - 15/2/2023 Phụ lục: 15/2/2023 - 15/2/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT1	Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn.
Công ty Cổ phần Hibiscus (i)	65.556.000.000	Số 30/11/2021/HTKD/DT1 - Hibiscus: 30/11/2021 - 30/11/2022 Phụ lục 2: 30/11/2022 - 29/11/2023 Phụ lục 7: 30/11/2023-29/11/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy Đức Huệ VNT4	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12,5% khoản đóng góp của Bên đóng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Công ty Cổ phần Plus Investment (i)	90.000.000.000	Số 30/11/2021/HTKD/DT1 - Plus: 30/11/2021 - 30/11/2022 Phụ lục 2: 30/11/2022 - 29/11/2023 Phụ lục 5: 30/11/2023-29/11/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT2	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12,5% khoản đóng góp của Bên đóng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

**(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các BCC có giá trị lớn như sau (tiếp theo):

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 (i)	128.676.000.000	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 26/12/2023 - 26/12/2024	Hợp tác Nhà máy điện gió Khai Long 2	- Phân chia lợi nhuận theo thu nhập trước lãi vay và thuế ("EBIT") được phân phối từ doanh thu của từng dự án, nhưng không ít hơn 9,5%. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

5.318.529.455.067

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời này ("Dự án") có tổng giá trị BCC là 3.417.494.000.000 Đồng trong đó 2.938.394.000.000 Đồng là BCC ngắn hạn và 479.100.000.000 Đồng là BCC dài hạn (Thuyết minh 10(b)(\*\*)) đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Để các dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì các dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, các Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám Đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai là cao. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản BCC này và Ban Tổng Giám đốc đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập cho việc khó thu hồi các khoản BCC nói trên.



## 10 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

## (b) Dài hạn

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ BCC (*)	489.100.000.000	-	3.188.531.299.680	-
Kỳ quỹ, kỳ cước	11.077.000.000	-	5.098.097.818	-
Lãi phải thu từ BCC	-	-	117.425.730.301	-
Các khoản khác	73.948.362	-	-	-
	<u>500.250.948.362</u>	<u>-</u>	<u>3.311.055.127.799</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát (**)				
Phát (**)	479.100.000.000	-	479.500.000.000	-
Khác	11.150.948.362	-	321.555.127.799	-
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	10.000.000.000	-	2.510.000.000.000	-
	<u>500.250.948.362</u>	<u>-</u>	<u>3.311.055.127.799</u>	<u>-</u>

(\*) Số dư thể hiện khoản BCC cùng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát vào các dự án phát triển năng lượng tái tạo, và đầu tư trái phiếu, cổ phiếu với số tiền là 479.100.000.000 Đồng. Cụ thể, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư với thời gian là 5 năm kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2020. Theo đó, Tập đoàn sẽ được hưởng lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

(\*\*) Đây là khoản BCC phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát liên quan đến việc thực hiện phát triển dự án Nhà máy Điện gió ("Dự án"). Dự án này đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Để dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ cần thiết để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, dự án điện gió này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám Đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của Dự án điện gió trong tương lai là cao. Do đó, Ban Tổng Giám Đốc tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản BCC này và Ban Tổng Giám Đốc đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập về khó thu hồi khoản BCC nói trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

11	TSCĐ		Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
(a)	TSCĐ hữu hình							
	<b>Nguyên giá</b>							
	Tại ngày 1.1.2023	2.014.444.087.841	5.538.927.575.838	850.708.649.063	2.369.099.091	-	-	8.406.449.411.833
	Mua trong năm	-	224.041.087	95.000.000	-	-	113.837.200	432.878.287
	Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	585.400.000	1.917.547.897.839	-	-	-	-	1.918.133.297.839
	Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	78.000.000.000	-	-	-	-	78.000.000.000
	Tại ngày 31.12.2023	2.015.029.487.841	7.534.699.514.764	850.803.649.063	2.369.099.091	113.837.200	113.837.200	10.403.015.587.959
	<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>							
	Tại ngày 1.1.2023	218.758.977.670	609.866.097.352	84.802.992.798	551.427.452	-	-	913.979.495.272
	Khấu hao trong năm	105.034.042.134	330.511.759.806	43.365.352.584	355.132.620	7.905.360	-	479.274.192.504
	Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	14.817.204.286	-	-	-	-	14.817.204.286
	Tại ngày 31.12.2023	323.793.019.804	955.195.061.444	128.168.345.382	906.560.072	7.905.360	7.905.360	1.408.070.892.062
	<b>Giá trị còn lại</b>							
	Tại ngày 1.1.2023	1.795.685.110.171	4.929.061.478.486	765.905.656.265	1.817.671.639	-	-	7.492.469.916.561
	Tại ngày 31.12.2023	1.691.236.468.037	6.579.504.453.320	722.635.303.681	1.462.539.019	105.931.840	105.931.840	8.994.944.695.897

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và truyền dẫn của Tập đoàn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng và các đối tượng khác (Thuyết minh 18).

**11 TSCĐ (tiếp theo)****(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)**

Tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa trong TSCĐ hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 76.449.669.687 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 50.579.158.601 Đồng).

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An. Theo đó:

- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bông Dương ("BCG – Bông Dương") đã nhận bàn giao diện tích đất 50 ha từ Ban quản lý Huyện Thạch Hóa, Tỉnh Long An trước khi được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An cho thuê đất; và vượt 1,29 ha so với hạn mức quy định tại khoản 4 điều 10 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời. Để khắc phục vấn đề này, ngày 15 tháng 6 năm 2023, BCG – Bông Dương đã có Công văn số 05/2023/CV-BCGBD gửi UBND Tỉnh Long An cùng các cơ quan có liên quan, đề nghị trả lại UBND Tỉnh Long An phần đất được giao vượt quy định. Vì đây là đất thuê và chưa có tài sản hình thành trên phần đất vượt hạn mức, do đó, việc hoàn trả lại phần đất vượt hạn mức nói trên không dẫn đến việc xóa sổ tài sản nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Phần đất có diện tích 124,8 ha đã cấp cho Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bông Dương ("Hanwha – BCG Bông Dương") có nguồn gốc đất, rừng sản xuất. Để nghiệm thu Dự án nhà máy điện mặt trời GAIA Tập đoàn phải được phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất năng lượng. Tập đoàn đã trúng đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Tập đoàn đã ký Hợp đồng thuê đất và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và cam kết theo quy định. Việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã được Tập đoàn thực hiện sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất từ tháng 1 năm 2020 và đã được UBND Tỉnh Long An phê duyệt. Tuy nhiên theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ thì thẩm quyền phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất này thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Dự án, ngày 26 tháng 10 năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có cuộc họp với UBND Tỉnh Long An và UBND Tỉnh Long An đã rà soát để thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004. Theo đó, thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất nói trên thuộc UBND Tỉnh Long An (theo Thông báo kết luận cuộc họp số 7731/TB-BNN-VP ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất năng lượng là phù hợp theo các quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thuê đất với Tỉnh Long An vẫn tiếp tục có hiệu lực.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên bởi Thông báo của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn là thấp.

## 11 TSCĐ (tiếp theo)

## (b) TSCĐ thuê tài chính

	Phương tiện vận tải VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1.1.2023 và ngày 31.12.2023	1.232.472.730
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1.1.2023	39.126.118
Khấu hao trong năm	234.756.708
Tại ngày 31.12.2023	273.882.826
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1.1.2023	1.193.346.612
Tại ngày 31.12.2023	958.589.904

TSCĐ thuê tài chính liên quan đến hợp đồng thuê tài chính số 63.22.07/CTTC ngày 25 tháng 10 năm 2022 giữa Tập đoàn và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê tài chính này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân, do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,5%/năm. Khi Tập đoàn hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ như quy định tại hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền được mua lại tài sản thuê bằng giá danh nghĩa là 1.500.000 Đồng khi kết thúc thời hạn thuê.

## 11 TSCĐ (tiếp theo)

## (c) TSCĐ vô hình

Giấy phép đầu tư dự án  
VND

<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1.1.2023	399.518.014.730
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	21.308.928.922
	<u>420.826.943.652</u>
Tại ngày 31.12.2023	
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1.1.2023	8.427.616.618
Khấu hao trong năm	8.574.574.748
	<u>17.002.191.366</u>
Tại ngày 31.12.2023	
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1.1.2023	391.090.398.112
	<u>403.824.752.286</u>
Tại ngày 31.12.2023	

## 12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2023 VND	2022 VND
Dự án nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	782.154.991.965	563.111.068.773
Dự án nhà máy điện gió Đồng Thành 1	104.447.584.290	89.855.774.802
Dự án nhà máy điện gió Đồng Thành 2	70.910.802.204	29.956.989.769
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 2	18.756.595.644	-
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 3	18.769.592.919	-
Dự án Nhà máy điện Phú Mỹ giai đoạn 2	15.057.093.230	1.860.893.142.595
Dự án nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1	8.710.953.672	6.116.169.280
Khác	54.623.417.571	28.564.151.152
	<u>1.073.431.031.494</u>	<u>2.578.497.296.371</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	2.578.497.296.371	1.798.753.630.379
Tăng trong năm	399.965.755.476	910.822.657.038
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(1.918.133.297.839)	(135.610.779.167)
Tăng khác	13.101.277.486	4.531.788.121
	<u>1.073.431.031.494</u>	<u>2.578.497.296.371</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**13 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch VND	Công ty Cổ phần BCG Vinh Long VND	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b> Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.040.278.271	4.590.909.091	74.897.373.381	83.528.560.743
<b>Giá trị phân bổ lũy kế</b> Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 Phân bổ trong năm	1.028.959.911 404.027.828	993.939.392 459.090.908	7.489.737.340 7.489.737.340	9.512.636.643 8.352.856.076
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.432.987.739	1.453.030.300	14.979.474.680	17.865.492.719
<b>Giá trị còn lại</b> Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.011.318.360	3.596.969.699	67.407.636.041	74.015.924.100
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.607.290.532	3.137.878.791	59.917.898.701	65.663.068.024

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**(a) Ngắn hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co.,Ltd	264.797.173.119	264.797.173.119	301.683.722.704	301.683.722.704
Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	423.223.088.490	423.223.088.490	324.128.768.342	324.128.768.342
Khác	126.191.503.298	126.191.503.298	180.156.055.553	180.156.055.553
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	408.897.925.713	408.897.925.713	539.388.251.913	539.388.251.913
	<u>1.223.109.690.620</u>	<u>1.223.109.690.620</u>	<u>1.345.356.798.512</u>	<u>1.345.356.798.512</u>

**(b) Dài hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co.,Ltd	-	-	103.964.826.965	103.964.826.965
Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	-	-	87.072.449.081	87.072.449.081
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	250.864.145.998	250.864.145.998	-	-
	<u>250.864.145.998</u>	<u>250.864.145.998</u>	<u>191.037.276.046</u>	<u>191.037.276.046</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

**(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Thái Hòa	7.400.000.000	7.400.000.000
Công ty TNHH Intertek Việt Nam	5.944.641.328	5.464.125.454
Chi nhánh Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng Công ty Thái Sơn - Xi Nghiệp Xây dựng và Cơ điện lạnh	1.133.997.500	1.133.997.500
Công ty TNHH DNV GL Việt Nam	727.530.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	360.787.200	-
Công ty Cổ phần Magnolia Investment	263.000.000	508.000.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Sterling Việt Nam	28.652.084	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)	-	172.800.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mở Delta	-	1.166.454.548
Bên liên quan	-	57.750.000
	<u>15.858.608.112</u>	<u>15.903.127.502</u>

Đây là khoản phải trả đã quá hạn liên quan đến việc, mua dịch vụ và mua cổ phần tại Công ty con với các bên thứ ba. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đang đàm phán để gia hạn các khoản nợ này.



## 15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng do hợp nhất kinh doanh VND	Số phải nộp/phải thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ được hoàn trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
<b>(a) Phải trả</b>						
Thuế GTGT	7.597.442.352	-	90.978.486.148	(62.365.063.413)	(32.444.903.693)	3.765.961.394
Thuế TNDN	42.509.587.441	759.572.559	6.608.375.513	(22.714.777.648)	-	27.162.757.865
Thuế thu nhập cá nhân	912.654.115	-	2.791.267.045	(3.163.599.143)	-	540.322.017
Khác	-	-	10.456.178.176	(6.357.631.870)	-	4.098.546.306
	<u>51.019.683.908</u>	<u>759.572.559</u>	<u>110.834.306.882</u>	<u>(94.601.072.074)</u>	<u>(32.444.903.693)</u>	<u>35.567.587.582</u>
<b>(b) Phải thu</b>						
Thuế GTGT	224.430.310.378	4.314.187.029	43.092.849.050	(193.137.418.364)	(32.444.903.693)	46.255.024.400

## 16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	206.566.337.977	250.900.422.362
Chi phí tạm tăng TSCĐ	34.829.238.883	-
Chi phí lãi BCC	8.140.986.800	104.927.365.055
Khác	15.645.155.223	7.330.695.985
	<u>265.181.718.883</u>	<u>363.158.483.402</u>

## 17 PHẢI TRẢ KHÁC

## (a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay, lãi BCC	164.099.905.891	53.590.264.583
Phải trả hợp đồng BCC (*)	11.480.000.000	591.951.460.516
BHXX, BHYT, BHTN	87.924.202	310.113.102
Cổ tức phải trả	-	5.700.000.000
Khác	13.641.209.039	25.403.768.404
	<u>189.309.039.132</u>	<u>676.955.606.605</u>
Trong đó		
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần MGM Hanbit	107.553.917.812	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn	-	350.000.000.000
Khác	34.725.225.430	180.549.965.510
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	47.029.895.890	146.405.641.095
	<u>189.309.039.132</u>	<u>676.955.606.605</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY****Mẫu số B 09 – DN/HN****17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết phải trả BCC có giá trị lớn như sau:

Bên góp BCC	Số tiền VND	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty Cổ phần Mega Solar	11.480.000.000	Số 0612/2022/HTKD/BCCGE-MGS: 06/12/2022 - 06/12/2023 07/12/2023 - 06/12/2024	Hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

## 17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

## (b) Dài hạn

Phải trả dài hạn khác bao gồm phải trả cho các hợp đồng BCC, trong đó:

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	456.000.000.000	490.525.000.000
Công ty Cổ phần MGM Hanbit	400.000.000.000	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Skylar Flagship	-	420.000.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	-	387.167.000.000
	<u>856.000.000.000</u>	<u>1.697.692.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**

**(b) Dài hạn (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết số dư BCC với các bên thứ ba như sau:

Bên góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty Cổ phần MGM Hambit	400.000.000.000	Số 01.12/2021/HĐ - HTĐT/ĐT1 - MGM: 1/12/2021-1/12/2031	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy Điện gió Đồng Thành 1	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn phải trả khoản lợi tức là 15,5%/năm trên tổng số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 11,1%/năm). - Việc chi trả lợi tức sẽ được thực hiện sáu tháng một lần.
Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	300.000.000.000	Số 230601/2021/HTKD/GATEWAY- DT1:23/06/2021-23/6/2031	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy Điện gió Đồng Thành 1	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn phải trả khoản lợi tức là 11,52%/năm trên tổng số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 9,55%/năm). - Việc chi trả lợi tức sẽ được thực hiện vào một lần một năm.
	156.000.000.000	Số 230601/2021/HTKD/GATEWAY- DT2: 23/6/2021 -23/06/2031	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy Điện gió Đồng Thành 2	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn phải trả khoản lợi tức là 11,52%/năm trên tổng số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 9,55%/năm). - Việc chi trả lợi tức sẽ được thực hiện vào một lần một năm.
	<u>856.000.000.000</u>			

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn không có khoản phải trả khác nào bị quá hạn thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**(a) Ngắn hạn**

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Giảm do thoái vốn công ty con VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Phản loại lại VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Vay ngân hàng (i)	50.000.000.000	(50.000.000.000)	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đảo hạn trong vòng một năm (i)	450.256.348.130	-	-	(483.630.771.491)	481.003.636.951	-	447.639.213.590
Chi phí đi vay	-	-	-	-	(2.124.799.500)	-	(2.124.799.500)
Trái phiếu chuyển đổi	67.636.791.580	-	-	(67.636.791.580)	-	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu đảo hạn trong vòng một năm	-	-	-	-	-	-	-
Vay từ bên liên quan (ii)	106.500.000.000	-	26.678.847.604	(74.808.847.604)	(39.000.000.000)	-	19.370.000.000
Vay từ các đối tượng khác (ii)	789.303.604.166	-	80.717.000.000	(81.915.204.166)	39.000.000.000	21.107.100.000	848.212.500.000
Nợ thuế tài chính	271.144.000	-	-	(271.144.000)	271.144.000	-	271.144.000
	<u>1.463.977.887.876</u>	<u>(50.000.000.000)</u>	<u>157.395.847.604</u>	<u>(708.262.758.841)</u>	<u>479.149.981.451</u>	<u>21.107.100.000</u>	<u>1.363.368.058.090</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Dài hạn	Tại ngày	Tăng do hợp	Giải ngân	Trả nợ vay	Phân loại lại	Đánh giá chênh	Tại ngày
	1.1.2023	nhất kinh					
Vay ngân hàng (i)	4.096.988.464.140	45.185.185.160	1.818.150.000.000	(1.493.569.783.811)	(481.003.636.951)	70.752.847.500	4.056.513.076.038
Chi phí đi vay	-	-	(25.497.500.000)	1.239.461.440	2.124.799.500	-	(22.133.239.060)
Phát hành trái phiếu (iii)	2.789.000.000.000	-	-	(2.289.000.000.000)	-	-	500.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.305.555.553)	-	(25.000.000.000)	27.305.555.553	-	-	-
Vay từ bên liên quan (ii)	535.000.000.000	-	-	-	(35.000.000.000)	-	500.000.000.000
Vay từ các đối tượng khác	81.130.000.000	-	-	(116.130.000.000)	35.000.000.000	-	-
Nợ thuế tài chính	813.432.000	-	-	-	(271.144.000)	-	542.288.000
	<u>7.500.626.340.587</u>	<u>45.185.185.160</u>	<u>1.767.652.500.000</u>	<u>(3.870.154.766.818)</u>	<u>(479.149.981.451)</u>	<u>70.752.847.500</u>	<u>5.034.922.124.978</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng như sau:

Bên cho vay	Tại ngày 31.12.2023 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	2.022.461.436.696	Đây là khoản vay bằng USD để tài trợ chi phí đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 123 - Giai đoạn 1	Đến 05/05/2031	lãi suất huy động lãi tiết kiệm bằng VND công biến độ tối thiểu 4%/năm	Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và toàn bộ động sản thuộc của công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện; toàn bộ cổ phần và quyền tài sản phát sinh từ các dự án.
DBS Bank Ltd, Singapore	1.836.822.850.000	Tài trợ cho các dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh và kế hoạch kinh doanh, Số đư tại ngày 31.12.2023 bằng USD là 75.279.625 Đô la Mỹ tương đương 1.836.822.850.000 Đồng	Đến 30/6/2035	SOFR +2.9%	(*)
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	598.233.183.534	Tài trợ dự án Nhà máy điện mặt trời Vneco Vĩnh Long	Đến 15/01/2036	10,55 - 12,75	Tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời tại công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	50.000.000.000	Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp	Đến 16/3/2024	5,20	Tài sản thế chấp là hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng của Công ty trong Tập đoàn.
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	36.296.296.256	Tài trợ chi phí xây dựng dự án điện mặt trời mái nhà	Đến 28/12/2029	7,3	Hệ thống điện mặt trời mái nhà của công ty con tại Siêu thị Gò Tây, khu ICD Tân Cảng Long Bình, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai - lại kho xưởng của Công ty CP Tân Vĩnh Cửu, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương - CN Bến Thành	10.338.523.142	Đầu tư dự án điện năng lượng mặt trời	Đến 15/12/2027	13,8	Toàn bộ hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà hình thành trong tương lai và đã hình thành trên các mái nhà theo các Hợp đồng thuê mái; toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê của công ty trong tập đoàn; toàn bộ phần vốn góp của công ty trong Công ty cùng Tập đoàn; và Bảo lãnh cá nhân của chủ tịch.
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.554.152.289.628</b>				
<b>Trong đó:</b>					
Đáo hạn trong vòng 1 năm	447.639.213.590				
Vay ngắn hạn ngắn hạn	50.000.000.000				
Vay ngắn hạn dài hạn	4.056.513.076.038				



## CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngắn hạn như sau (tiếp theo):

(\*) Khoản vay với ngân hàng DBS Bank Ltd., Singapore được thể chấp bằng những tài sản chi tiết sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Gaia Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bàng Dương
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bàng Dương Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bàng Dương
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Toàn bộ bất động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bàng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Toàn bộ động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd.	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Ông Phạm Minh Tuấn	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Bà Hoàng Thị Minh Châu	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan và dài hạn với bên liên quan và các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

		Tại ngày 31.12.2023		Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Bên liên quan Ngắn hạn		VND					
Cùng ty Cổ phần Mega Solar Cùng ty Cổ phần E Power 1 Cùng ty Cổ phần BCG SP GreenSky	15.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 30/4/2024	12,5 0 8,5	Tin chấp Tin chấp Tin chấp		
	3.070.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/12/2024				
	800.000.000	Thanh toán chi phí hoạt động	Đến 25/5/2024				
	<u>19.370.000.000</u>						
<b>Dài hạn</b>							
Cùng ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	500.000.000.000	Mua sắm, lắp đặt thiết bị, và thi công dự án nhà máy điện gió	Đến 19/11/2026	16	Tin chấp		
	<u>500.000.000.000</u>						

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan và các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

	Tại ngày 31.12.2023 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
<b>Ngắn hạn</b>					
Sembcorp Energy Vietnam Project 1 Pte. Ltd.	659.475.000.000	Đây là khoản vay bằng USD để bổ sung vốn lưu động. Số dư tại ngày 31.12.2023 bằng USD là 27.000.000 Đô la Mỹ tương đương với 659.475.000.000 Đồng.	Đến 30/6/2024	8	(**)
Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd.	115.774.500.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 01/03/2024	10,5	Tin chấp
Ông Huỳnh Phúc Đạt Công ty TNHH Tulip Solar	46.895.000.000 14.234.000.000	Bổ sung vốn lưu động Xây dựng các dự án năng lượng điện áp mái	Đến 4/8/2024 Đến 18/4/2024	10 8,5	Tin chấp Tin chấp
Bà Phạm Thị Ngọc Thanh	9.253.000.000	Phát triển dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2 và/hoặc hợp tác đầu tư/hợp tác kinh doanh với các tổ chức/cá nhân nhằm mở rộng năng lực hoạt động của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên trong lĩnh vực năng lượng tái tạo	Đến 5/9/2024	0	Tin chấp
Ông Phạm Quang Khải	1.041.000.000 1.540.000.000	Tài trợ hoạt động kinh doanh và tài trợ chi phí phát triển dự án năng lượng mặt trời Tài trợ hoạt động kinh doanh và tài trợ chi phí phát triển dự án năng lượng mặt trời	Đến 27/3/2024 Đến 24/4/2024	0 0	Tin chấp Tin chấp
	<u>848.212.500.000</u>				

## 18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan và các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

(\*\*) Khoản vay với Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd. được thế chấp bằng tài sản của các bên bảo lãnh chi tiết như sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty bao gồm các tài khoản tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Giai A Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwah - BCG Băng Dương
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tất cả tài sản thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1 Tất cả giấy tờ pháp lý liên quan đến Dự án Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long – Cà mau giai đoạn 1 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long – Cà mau giai đoạn 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long – Cà mau giai đoạn 3 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1 Các tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng TMCP Phương Đông
Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
Ông Phạm Minh Tuấn	2,369 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital 22.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG GAIA
Bà Hoàng Thị Minh Châu	2.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG GAIA

## 18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Chi tiết về trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn như sau:

	Tại ngày 31.12.2023			Tại ngày 31.12.2022		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%		VND	%	
<b>Dài hạn</b>						
Loại phát hành theo mệnh giá (*)	500.000.000.000	13	5 năm	500.000.000.000	13	5 năm
Loại phát hành theo mệnh giá (**)	-			2.289.000.000.000	14	3 năm
	<u>500.000.000.000</u>			<u>2.789.000.000.000</u>		

(\*) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là TNECH.2227001, phát hành từ ngày 9 tháng 12 năm 2022 có mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng các tài sản chi tiết như sau:

- Toàn bộ phần góp vốn thuộc chủ sở hữu của các bên góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên;
- Toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ và liên quan đến Dự án Krông Pa 2 (bao gồm nhưng không giới hạn quyền kinh doanh, khai thác, phát triển Dự án Krông Pa 2, nguồn thu từ Dự án Krông Pa 2 và các quyền tài sản khác phát sinh từ Dự án Krông Pa 2;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Krông Pa 2 (sau khi đủ điều kiện thế chấp theo quy định cả pháp luật);
- 19.284.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital thuộc sở hữu của các cá nhân/tổ chức khác;
- Các tài sản và biện pháp bảo đảm khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của tổ chức phát hành và/ hoặc bên thứ ba theo thỏa thuận giữa các bên liên quan được bổ sung, thay thế tại từng thời điểm nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu.

Mục đích phát hành là tăng quy mô vốn hoạt động của Tập đoàn.

(\*\*) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124002 và EBCCH2124003 với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu, phát hành lần lượt từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và ngày 24 tháng 5 năm 2021.

Loại hình trái phiếu này là của 2 loại: trái phiếu không chuyển đổi và trái phiếu không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng 33.000.000 cổ phần của các cổ đông Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và toàn bộ quyền, lợi ích phát sinh từ và liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1.

**18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(iii) Chi tiết về trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn như sau:

Mục đích phát hành hai loại trái phiếu này là đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư (Thuyết minh 10(a)).

Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 37/2022/BB-HĐQT-BCGE ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc thay đổi lãi suất áp dụng đối với kỳ tính lãi tiếp theo của trái phiếu EBCCH2124002 và EBCCH2124003, cụ thể, lãi suất cố định là 14%/năm lần lượt tương ứng với kỳ tính lãi từ 26 tháng 10 năm 2022 đến 26 tháng 10 năm 2023 và từ 25 tháng 11 năm 2022 đến 25 tháng 11 năm 2023, lãi suất áp dụng với kỳ còn lại là 10%/năm.

Tại ngày 16 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thực hiện thanh toán trước hạn cho lô trái phiếu có mã EBCCH2124002 phát hành ngày 26 tháng 4 năm 2021 và cho lô trái phiếu có mã EBCCH2124003 phát hành ngày 24 tháng 5 năm 2021.

**19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

	2023 VND	2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	8.558.450.265	7.489.276.050
Biến động góp về thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm tài chính như sau:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại:		
	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	7.489.276.050	2.533.236.442
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 30)	1.069.174.215	4.956.039.608
Số dư cuối năm	8.558.450.265	7.489.276.050

**19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI (tiếp theo)**

Thuế TNDN hoãn lại phải trả:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	75.412.559.531	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 30)	(314.316.371)	-
Mua công ty con (Thuyết minh 3)	4.261.785.784	75.412.559.531
	<u>79.360.028.944</u>	<u>75.412.559.531</u>
Số dư cuối năm	<u>79.360.028.944</u>	<u>75.412.559.531</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20% (năm 2022: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

**(a) Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chênh lệch lợi nhuận chưa thực hiện	<u>8.558.450.265</u>	<u>7.489.276.050</u>

**(b) Chi tiết thuế TNDN hoãn lại phải trả**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý khi mua công ty con	<u>79.360.028.944</u>	<u>75.412.559.531</u>

**19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI (tiếp theo)**

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2022	Chưa quyết toán	69.550.912.135	(69.550.912.135)	-
2023	Chưa quyết toán	82.787.664.568	(7.277.820.231)	75.509.844.337

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.



## 20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

## (a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	730.000.000	-	450.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	-	450.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000.000	-	450.000.000	-

## (b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	369.800.000	50,66	369.800.000	82,18
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	8.500.000	1,16	8.500.000	1,89
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	6.000.000	0,82	6.000.000	1,33
Cổ đông khác	345.700.000	47,36	65.700.000	14,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	100	450.000.000	100

## (c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	217.500.000	2.175.000.000.000	2.175.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	232.500.000	2.325.000.000.000	2.325.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	450.000.000	4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	280.000.000	2.800.000.000.000	2.800.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	730.000.000	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

## 21 TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.175.000.000.000	262.422.321.599	2.144.285.298.846	4.581.707.620.445
Phát hành cổ phiếu	2.325.000.000.000	-	-	2.325.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	359.977.222.304	(64.444.837.383)	295.532.384.921
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	(253.205.362.285)	349.043.801.670	95.838.439.385
Chia cổ tức bằng tiền	-	(121.000.000.000)	-	(121.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.500.000.000.000	248.194.181.618	2.428.884.263.133	7.177.078.444.751
Phát hành cổ phiếu (*)	2.800.000.000.000	-	-	2.800.000.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	(35.911.486.594)	(116.808.939.470)	(152.720.426.064)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	(25.633.293.860)	(60.622.727.404)	(86.256.021.264)
Chia cổ tức (**)	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.300.000.000.000	186.649.401.164	2.249.452.596.259	9.736.101.997.423

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 23/2023/NQ-HĐQT-BCGE ngày 16 tháng 12 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Cổ đông số 23/2023/BB-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 29 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 4.500 tỷ Đồng lên 7.300 tỷ Đồng.

(\*\*) Theo Biên bản Hội đồng Cổ đông số 01/2023/BB-ĐHĐCĐ-SKYLAR ngày 5 tháng 6 năm 2023, Đại hội Cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt, số tiền là 100 tỷ Đồng, trong đó cổ tức chia cho Công ty Cổ phần BCG Energy là 99 tỷ Đồng, cổ tức chia cho ông Phạm Đăng Khoa và bà Trần Thị Kiều Tiên là 1 tỷ Đồng.

Theo Biên bản Hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ-WINDST ngày 15 tháng 5 năm 2023, Đại hội Cổ đông đã thông qua việc chia trả cổ tức bằng tiền mặt, số tiền là 10 tỷ Đồng, trong đó cổ tức chia cho Công ty Cổ phần BCG Energy là 9 tỷ Đồng, cổ tức chia cho ông Phạm Minh Tuấn và ông Nguyễn Thanh Hùng là 1 tỷ Đồng.

**22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày</b>	
	<b>31.12.2023</b>	<b>31.12.2022</b>
(Lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>(35.911.486.594)</u>	<u>359.977.222.304</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>463.416.322</u>	<u>345.758.904</u>
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>(77)</u>	<u>1.041</u>

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****(a) Ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 110.690,38 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 91,607.99 Đô la Mỹ).

**(b) Tài sản thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 35.

**24 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Doanh thu thuần về bán điện	1.084.075.180.757	1.003.126.557.081
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	41.572.137.877	59.444.650.932
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	-	1.212.406.000
	<u>1.125.647.318.634</u>	<u>1.063.783.614.013</u>

**25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Giá vốn của điện đã bán	549.820.710.095	496.317.184.656
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.778.056.087	49.451.481.130
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.188.633.333
	<u>590.598.766.182</u>	<u>546.957.299.119</u>

## 26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi phải thu theo BCC	717.336.171.144	603.750.624.390
Lãi tiền gửi, cho vay	19.098.568.162	33.674.723.081
Cổ tức nhận được	6.860.000.000	-
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	773.429.095	202.997.725.284
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.760.339	8.283.089.719
Lãi từ đánh giá lại khoản đầu tư theo giá trị hợp lý	-	99.442.907.581
Khác	640.000	-
	<u>744.073.568.740</u>	<u>948.149.070.055</u>

## 27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay và trái phiếu	967.422.134.827	883.650.635.811
Chi phí phải trả theo BCC	200.832.509.921	190.810.159.074
Chênh lệch lỗ tỷ giá chưa thực hiện	99.735.147.130	19.713.633.157
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	19.202.027.497	3.493.333.336
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.911.585.405	59.004.851.714
Chi phí tài chính khác	55.174.818.519	39.810.994.903
	<u>1.345.278.223.299</u>	<u>1.196.483.607.995</u>

## 28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.716.157.855	37.616.066.751
Chi phí nhân viên	17.606.666.059	16.312.478.635
Lợi thế thương mại phân bổ	8.352.856.076	8.352.856.076
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.735.908.664	5.486.000.178
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.661.712.676	708.137.332
Chi phí khác	12.279.093.297	13.062.842.311
	<u>70.352.394.627</u>	<u>81.538.381.283</u>

## 29 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2023 VND	2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Nhận bồi thường do thi công chậm tiến độ	22.563.013.699	-
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	5.236.596.097	133.101.067.692
Khác	21.317.065.617	7.452.614.686
	<u>49.116.675.413</u>	<u>140.553.682.378</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt	(6.657.334.948)	(5.672.835.553)
Khác	(3.247.387.384)	(6.202.310.279)
	<u>(9.904.722.332)</u>	<u>(11.875.145.832)</u>
Lợi nhuận khác	<u>39.211.953.081</u>	<u>128.678.536.546</u>

## 30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78") – Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật TNDN, cụ thể như sau:

*Tại Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch:*

Đối với Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ - giai đoạn 1 và 2: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

*Tại Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương:*

Đối với Nhà máy điện mặt trời Hanwha - BCG Băng Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

**30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) (tiếp theo)**

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bàng Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời BCG - Bàng Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2023 VND	2022 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(147.495.541.136)	333.086.082.584
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(12.096.596.097)	(133.101.067.692)
Chi phí không được khấu trừ	223.649.577.340	123.452.042.279
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	82.787.664.568	69.550.912.135
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(7.734.780.515)	(69.093.951.851)
Thu nhập chịu thuế ước tính	139.110.324.160	323.894.017.455
Thuế tính ở thuế suất 20%	4.533.495.438	37.553.697.663
Thuế tính ở thuế suất 10%	11.644.284.697	13.612.552.914
Thuế được miễn hoặc giảm	(10.952.895.207)	(13.612.552.914)
Chi phí thuế TNDN (*)	5.224.884.928	37.553.697.663
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		
Thuế TNDN - hiện hành	6.608.375.513	42.509.737.272
Thuế TNDN - hoãn lại	(1.383.490.585)	(4.956.039.609)
Chi phí thuế TNDN	5.224.884.928	37.553.697.663

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ, lợi thế thương mại phân bổ	496.312.234.192	411.986.134.781
Chi phí nhân viên	37.323.555.133	37.711.974.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.737.494.290	142.339.313.286
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	3.309.578.011	1.093.164.090
Chi phí khác	40.288.018.297	41.484.026.187
	<u>660.970.879.923</u>	<u>634.614.612.711</u>

**32 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Tập đoàn thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh bán điện chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động mua bán điện là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

**33 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT ("BCLCTT")**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT:

	2023 VND	2022 VND
Mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	210.172.571.220	-
Thu hồi thanh lý tài sản các năm trước	17.748.194.897	-
Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	720.000.000.000
	<u>227.920.766.117</u>	<u>720.000.000.000</u>



## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital - một công ty được thành lập tại Việt Nam do chiếm 50,66% vốn điều lệ của Tập đoàn.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Ban điều hành, quản lý
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Công ty liên kết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Cùng công ty mẹ
Công ty Taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Land	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Mega Solar	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever1	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever3	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever4	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever5	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever6	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever7	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Ivy Solar	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Pine Solar	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Greensky Infnitive-4	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Skylar4	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Apollo Dv1	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Apollo Dv2	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Công ty con của công ty liên kết

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Công ty con của công ty liên kết
Bà Trần Thị Kiều Tiên	Cổ đông
Ông Vũ Ngọc Tiến	Cổ đông
Ông Nguyễn Văn Lục	Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty con
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần E Power 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Côn Bắp	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty thành viên cùng tập đoàn (*)
Công ty Cổ phần Indoba Trading	Công ty thành viên cùng tập đoàn (*)
Bà Phạm Thị Ngọc Thanh	Đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios (*)

(\*) Từ ngày 31/12/2023, các đối tượng này không còn là bên liên quan của Tập đoàn.

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2023 VND	2022 VND
<b>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	8.800.535.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	4.834.780.000	4.612.540.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	2.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.550.000.000	-
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	490.000.000	492.727.273
	<u>19.225.315.000</u>	<u>5.105.267.273</u>
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	34.633.869.870	33.832.688.349
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	14.978.934.659	15.603.912.782
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	12.265.000.000	13.243.840.161
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	3.044.893.189	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	2.282.771.756	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.282.771.756	-
Công ty Cổ phần BCG Land	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	192.271.465	385.326.251
Công ty Taxi Việt Nam	117.519.389	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	3.867.811.348
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	238.827.702
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	-	228.002.836.840
	<u>70.098.032.084</u>	<u>295.475.243.433</u>

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<i>iii) Lãi hợp tác kinh doanh phải thu</i>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	418.691.264.655	313.424.657.534
Công ty Cổ phần BCG Land	1.102.000.001	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	17.901.861.765	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	200.946.082	-
Bà Trần Thị Kiều Tiên	-	32.586.738.083
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	970.317.918
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	-	298.743.200
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Greensky Infinite-4	-	298.743.200
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinite-1	-	373.429.002
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinite-2	-	373.429.002
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinite-3	-	373.429.002
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	-	612.423.563
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	-	671.873.460
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	-	671.873.460
Công ty TNHH BCG Ever5	-	373.429.002
Công ty TNHH BCG Ever6	-	373.429.002
Công ty TNHH BCG Ever7	-	225.292.242
	<u>437.896.072.503</u>	<u>351.627.807.670</u>
<i>iv) Vay</i>		
Ông Phạm Minh Tuấn	10.522.347.604	-
Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	800.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	-	500.000.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	67.500.000.000
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	35.000.000.000
	<u>11.772.347.604</u>	<u>602.500.000.000</u>

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<b>v) Trả gốc vay</b>		
Công ty Cổ phần Mega Solar	52.000.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp	20.000.000.000	-
Ông Phạm Minh Tuấn	10.522.347.604	200.055.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	450.000.000	-
Công ty Cổ phần E Power 1	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	-	100.000.000.000
	<u>82.972.347.604</u>	<u>100.200.055.000</u>
<b>vi) Lãi đi vay</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	74.298.630.139	42.739.232.877
Công ty Cổ phần Mega Solar	4.355.171.232	-
Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	38.936.984	-
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp	30.684.932	-
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	3.212.041.095
	<u>78.723.423.287</u>	<u>45.951.273.972</u>
<b>vii) Cổ tức được chia</b>		
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	6.860.000.000	-

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<i>viii) Cho vay</i>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	7.410.022.927	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	7.259.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	825.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	607.000.000	-
Công ty Cổ phần E Power 1	169.000.000	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	35.678.000.000
Công ty Cổ phần Apollo Development	-	133.000.000
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	-	757.000.000
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	16.532.000.000
Công ty TNHH MTV Apollo Dv1	-	255.000.000
Công ty TNHH MTV Apollo Dv2	-	155.000.000
Công ty TNHH BCG Ever1	-	241.000.000
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	-	173.000.000
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	-	105.000.000
	<u>16.870.022.927</u>	<u>54.029.000.000</u>

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<i>ix) Thu hồi cho vay</i>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	4.746.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	50.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	-	154.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Greensky Infnitive-4	-	95.000.000
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	-	111.200.000
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	-	135.000.000
Công ty Cổ phần Apollo Development	-	832.000.000
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	-	926.000.000
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	16.532.000.000
Công ty TNHH MTV Apollo Dv1	-	2.824.402.779
Công ty TNHH MTV Apollo Dv2	-	155.000.000
Công ty TNHH BCG Ever1	-	569.000.000
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	-	105.000.000
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	-	173.000.000
	<u>4.796.000.000</u>	<u>22.611.602.779</u>

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<b>x) Lãi cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	333.252.170	265.762.529
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	112.431.949	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	68.883.285	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	28.218.082	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	11.095.890	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	3.149.998	-
Công ty Cổ phần E Power 1	1.725.535	-
Công ty Cổ phần Apollo Development	-	32.989.316
Công ty TNHH MTV Apollo Dv1	-	219.545.016
Công ty TNHH MTV Apollo Dv2	-	5.694.658
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	974.529.918
Công ty TNHH BCG Ever1	-	49.407.286
Công ty TNHH BCG Ever3	-	40.300.272
Công ty TNHH BCG Ever4	-	33.198.906
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	-	59.770.355
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	-	6.899.672
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	-	3.106.849
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infnitive-1	-	373.429.002
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Greensky Infnitive-4	-	298.743.200
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infnitive-3	-	373.429.002
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infnitive-2	-	373.429.002
	<u>558.756.909</u>	<u>3.110.234.983</u>
<b>xi) Tăng vốn</b>		
Ông Vũ Ngọc Tiến	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	-	2.325.000.000.000
	<u>30.000.000.000</u>	<u>2.325.000.000.000</u>



## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	3.052.037.246	2.779.000.000
Trong đó:		
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	1.058.710.000	490.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	790.900.000	805.000.000
Bà Vũ Văn Ngọc Nicki	432.360.000	280.000.000
Ông Đồng Hải Hà	268.833.333	560.000.000
Ông Phạm Đăng Khoa	301.033.913	350.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Châu	108.500.000	245.000.000
Ông Nguyễn Việt Cường	91.700.000	49.000.000

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
<i>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</i>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	5.686.526.000	416.059.200
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	3.009.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.709.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	766.923.000	2.444.036.440
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	529.200.000	533.600.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	402.198.480	1.309.398.480
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Skylar4	-	17.748.194.896
	<u>13.102.847.480</u>	<u>22.451.289.016</u>
<i>ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	53.734.324.321	120.110.980.737
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	7.000.000
	<u>53.734.324.321</u>	<u>120.117.980.737</u>
<i>iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)</i>		
Công ty Cổ phần E Power 1	107.403.483.975	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	1.035.000.000	35.678.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	607.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	-
	<u>109.645.483.975</u>	<u>35.678.000.000</u>
<i>iv) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 7)</i>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	7.360.022.927	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.513.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	825.000.000	-
	<u>10.698.022.927</u>	<u>-</u>

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<b>v) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 10(a))</b>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.380.468.707.237	53.759.890.412
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	1.094.970.218.082	654.621.917.808
Công ty Cổ phần Mega Solar	806.375.746.967	215.600.824.381
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	128.945.829.367	-
Công ty Cổ phần E Power 1	7.520.837.090	-
Công ty Cổ phần BCG Land	2.204.000.002	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	2.012.419.386	959.440.985
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	109.386.744	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	11.095.890	-
Bà Phạm Thị Ngọc Thanh	-	110.374.082.189
Bà Trần Thị Kiều Tiên	-	26.288.467
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	-	35.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	-	35.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	-	195.000.000
	<u>4.422.618.240.765</u>	<u>1.035.607.444.242</u>
<b>vi) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 10(b))</b>		
Công ty Cổ phần BCG Land	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	-	2.500.000.000.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>2.510.000.000.000</u>
<b>vii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14(a))</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	333.331.978.889	334.741.730.943
Ông Nguyễn Văn Lục	52.000.000.000	162.627.982.231
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	14.074.175.632	17.617.532.662
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	5.888.067.374	1.825.767.374
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	3.043.267.000	17.390.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	463.424.658	-
Công ty Cổ phần BCG Land	54.000.000	27.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	42.381.360	-
Công ty Taxi Việt Nam	631.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	4.251.709.067
Ông Phạm Minh Tuấn	-	396.053.886
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	-	281.725.750
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	228.750.000
	<u>408.897.925.713</u>	<u>539.388.251.913</u>

## 34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<b>viii) Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh 14(b))</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	145.236.163.767	-
Ông Nguyễn Văn Lục	105.627.982.231	-
	<u>250.864.145.998</u>	<u>-</u>
<b>ix) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17(a))</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	31.406.917.811	5.475.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	15.362.534.246	52.379.900.000
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	260.443.833	-
Ông Phạm Minh Tuấn	-	2.850.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	-	80.678.500.000
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	3.212.041.095
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	907.200.000
Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1	-	903.000.000
	<u>47.029.895.890</u>	<u>146.405.641.095</u>
<b>x) Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 17(b))</b>		
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	387.167.000.000
	<u>-</u>	<u>387.167.000.000</u>

**35 CÁC CAM KẾT****(a) Cam kết thuê hoạt động**

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2023 VND	2022 VND
Dưới 1 năm	5.038.941.339	9.291.800.114
Từ 1 đến 5 năm	11.787.808.898	16.545.799.558
Trên 5 năm	57.516.911.862	65.981.211.687
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>74.343.662.099</b>	<b>91.818.811.359</b>

**(b) Cam kết vốn**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2023 VND	2022 VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	4.383.803.977.892	4.338.231.700.236

**36 NỢ TIỀM TÀNG**

- Tập đoàn đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án điện mặt trời và điện gió của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án điện mặt trời và điện gió là chưa chắc chắn.
- Theo Điều 77 và 78 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường ("Nghị định") do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022, Tập đoàn có trách nhiệm tái chế tấm quang năng sử dụng trong các dự án điện mặt trời khi hết thời hạn sử dụng. Theo hướng dẫn của Nghị định, việc tái chế có thể theo các hình thức là tự thực hiện tái chế, thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế, ủy quyền cho tổ chức trung gian, hoặc có thể kết hợp các hình thức này. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa xác định được phương thức tái chế do Nghị định chưa có hướng dẫn cụ thể.
- Tập đoàn đang có các hợp đồng thuê mái nhà để phục vụ cho các dự án điện mặt trời áp mái của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê mái nhà này, sau khi kết thúc hợp đồng thuê, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ thu hồi hệ thống điện mặt trời áp mái, khôi phục lại và hoàn trả lại mặt bằng khu vực lắp đặt về tình trạng như nêu tại biên bản bàn giao mặt bằng ban đầu nếu như bên cho thuê mái không mua lại hệ thống này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mái nhà liên quan đến các dự án điện mặt trời áp mái là chưa chắc chắn.

## 37 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 31 tháng 1 năm 2024 để sở hữu 45% cổ phần Công ty Cổ Phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0304374871 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2006. Theo đó, Tập đoàn sẽ thực hiện phát triển thêm Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc - huyện Củ Chi, Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa - Long An, Xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Nhà máy xử lý rác Thành phố Rạch Giá - Kiên Giang tại Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Thủy Phương tại Xã Thủy Phương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy xử lý rác thải tại Xã Duy Minh, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam từ việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 2 năm 2024.



Nguyễn Thị Thanh Hạ  
Người lập



Lưu Khánh Trường  
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương  
Chữ ký được ủy quyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	9



## CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 16 ngày 5 tháng 1 năm 2024.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Hồ Nam Ông Phạm Minh Tuấn Ông Nguyễn Mạnh Chiến Ông Ng Wee Siong Leonard Ông Lê Thanh Tùng Bà Nguyễn Thị Loan  Bà Hoàng Thị Minh Châu  Ông Byung Chul Shin	Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 15 tháng 9 năm 2023) Phó Chủ tịch (đến ngày 26 tháng 5 năm 2023) Thành viên (đến ngày 26 tháng 5 năm 2023)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Đồng Hải Hà Ông Nguyễn Việt Cường Ông Tan Bo Quan Andy	Trưởng Ban Thành viên Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Phạm Minh Tuấn Bà Vũ Vân Ngọc Nicki Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương Ông Phạm Đăng Khoa	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 9 tháng 8 năm 2023)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Nguyễn Hồ Nam Ông Phạm Minh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở chính</b>	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

## CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của Công ty thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc của Công ty để phê chuẩn và ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Thư Ủy quyền ngày 1 tháng 11 năm 2023.

#### Phê chuẩn báo cáo tài chính riêng

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 53. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The stamp is circular with a red border. Inside, it contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY' and 'THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH'. A blue ink signature is written across the stamp.

Phạm Nguyễn Ngọc Thương  
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 29 tháng 2 năm 2024



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 2 năm 2024. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 53.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Ánh Tuyết  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3048-2024-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Vũ Anh Tuấn  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3631-2021-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14506  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2024

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.997.016.695.574</b>	<b>805.276.848.372</b>
110	Tiền		14.952.726.806	29.294.646.964
111	Tiền	3	14.952.726.806	29.294.646.964
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		592.380.000	592.380.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		592.380.000	592.380.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.974.852.964.522</b>	<b>763.306.186.220</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	34.048.831.180	7.250.373.280
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6(a)	37.334.627.300	1.026.506.600
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	405.340.300.000	593.515.144.022
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	2.498.129.206.042	161.514.162.318
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.618.624.246</b>	<b>12.083.635.188</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3.182.796.468	7.339.881.599
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13	3.435.827.778	4.743.753.589
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.543.574.583.075</b>	<b>8.215.894.137.629</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>348.817.180.000</b>	<b>2.990.520.000.000</b>
212	Trả trước cho người bán dài hạn	6(b)	-	36.000.000.000
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7	348.807.180.000	454.510.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	10.000.000	2.500.010.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>6.888.168.390</b>	<b>7.907.322.253</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10	6.888.168.390	7.907.322.253
222	Nguyên giá		9.674.875.456	9.674.875.456
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.786.707.066)	(1.767.553.203)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>513.535.623</b>	<b>513.535.623</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		513.535.623	513.535.623
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>5.187.008.183.228</b>	<b>5.216.368.069.577</b>
251	Đầu tư vào công ty con		5.387.131.173.850	5.301.566.176.102
252	Đầu tư vào công ty liên kết		27.157.712.350	27.157.712.350
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		82.145.000.000	83.035.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(309.425.702.972)	(195.390.818.875)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>347.515.834</b>	<b>585.210.176</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		347.515.834	585.210.176
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>8.540.591.278.649</b>	<b>9.021.170.986.001</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.179.966.921.304</b>	<b>4.582.322.162.894</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.074.338.939.073</b>	<b>1.581.330.718.447</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11(a)	170.168.496.154	299.465.891.760
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	833.373.000.000	745.017.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	300.069.666	231.683.671
314	Phải trả người lao động		1.576.622.500	1.987.015.001
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.648.056.273	53.083.446.875
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	18.377.694.480	374.022.685.394
320	Vay ngắn hạn	16(a)	46.895.000.000	107.522.995.746
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>105.627.982.231</b>	<b>3.000.991.444.447</b>
331	Phải trả người bán dài hạn	11(b)	105.627.982.231	-
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	-	387.167.000.000
338	Vay dài hạn	16(b)	-	2.613.824.444.447
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>7.360.624.357.345</b>	<b>4.438.848.823.107</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>7.360.624.357.345</b>	<b>4.438.848.823.107</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	7.300.000.000.000	4.500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.300.000.000.000	4.500.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	18	60.624.357.345	(61.151.176.893)
421a	- Lỗ lũy kế của các năm trước		(61.151.176.893)	(119.432.808.167)
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		121.775.534.238	58.281.631.274
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.540.591.278.649</b>	<b>9.021.170.986.001</b>



Nguyễn Thị Thanh Hạ  
Người lập



Lưu Khánh Trường  
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.042.522.037	67.391.801.431
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	48.042.522.037	67.391.801.431
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(25.293.503.677)	(34.186.385.517)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	22.749.018.360	33.205.415.914
21	Doanh thu hoạt động tài chính	603.758.327.851	523.146.444.269
22	Chi phí tài chính	(475.598.248.791)	(463.190.278.346)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(347.084.433.660)	(288.879.347.118)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(34.103.039.505)	(34.419.276.135)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	116.806.057.915	58.742.305.702
31	Thu nhập khác	5.456.150.640	87.384.363
32	Chi phí khác	(483.074.317)	(548.058.791)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	4.973.076.323	(460.674.428)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	121.779.134.238	58.281.631.274
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(3.600.000)	-
52	Thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	121.775.534.238	58.281.631.274



Nguyễn Thị Thanh Hạ  
Người lập



Lưu Khánh Trường  
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	121.779.134.238	58.281.631.274
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.019.153.863	1.101.415.642
03	Các khoản trích lập dự phòng	114.034.884.097	132.442.617.918
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(185.065.653.789)	(203.787.604.166)
06	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu	349.389.989.213	292.372.680.454
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	401.157.507.622	280.410.741.122
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	149.376.802.556	(482.783.932.648)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(678.199.103.128)	37.433.742.172
12	Giảm chi phí trả trước	4.394.779.473	247.885.339
14	Tiền lãi vay, lãi trái phiếu đã trả	(396.788.131.929)	(281.981.646.109)
15	Thuế TNDN đã nộp	(3.600.000)	(778.182.056)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(520.061.945.406)	(447.451.392.180)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	-	(50.900.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	309.090.909
23	Tiền chi cho vay	(196.268.000.000)	(1.624.280.884.166)
24	Tiền thu hồi cho vay	354.680.666.274	1.227.868.228.582
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(931.620.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.790.000.000	300.020.564.800
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	173.275.354.720	104.804.218.538
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	382.478.020.994	(922.949.681.337)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	2.800.000.000.000	1.605.000.000.000
33	Tiền thu đi vay	78.849.347.604	608.944.204.166
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(2.755.607.343.350)	(721.041.208.420)
36	Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	-	(121.000.000.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	123.242.004.254	1.371.902.995.746
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(14.341.920.158)	1.501.922.229
60	Tiền đầu năm		
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	3	3
		29.294.646.964	27.792.724.735
70	Tiền cuối năm	3	3
		14.952.726.806	29.294.646.964



 Nguyễn Thị Thanh Hạ  
 Người lập



 Lưu Khánh Trường  
 Kế toán trưởng

 Phạm Nguyễn Ngọc Thương  
 Chữ ký được ủy quyền  
 Ngày 29 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 53 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 ngày 5 tháng 1 năm 2024.

Chi tiết chủ sở hữu của Công ty tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 17.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 11 công ty con trực tiếp, 11 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
<b>Công ty con trực tiếp</b>							
1	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Sản xuất điện	Bến Lức, Long An	91,84	91,84	91,84	91,84
2	Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sach (i)	Sản xuất điện	Phù Mỹ, Bình Định	51,00	41,28	51,00	41,28
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Pleiku, Gia Lai	51,00	51,00	51,00	51,00
4	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	Vũng Liêm, Vĩnh Long	50,50	50,50	50,50	50,50
5	Công ty Cổ phần Skylar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
6	Công ty Cổ phần BCG GAIA	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,97	50,23	50,97	50,82
7	Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Mộ Huyền, Sóc Trăng	90,00	90,00	90,00	90,00
8	Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1	Sản xuất điện	Trà Vinh	100,00	99,90	100,00	99,90
9	Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2	Sản xuất điện	Trà Vinh	100,00	99,93	100,00	99,93

## 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
<b>Công ty con trực tiếp (tiếp theo)</b>							
10	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
11	Công ty Cổ phần E Power 1 (ii)	Tư vấn, quản lý	TP. Hồ Chí Minh	-	-	99,80	99,80
<b>Công ty con gián tiếp</b>							
1	Công ty Cổ phần Greensky Infnitive (iii)	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	TP. Hồ Chí Minh	99,80	98,80	74,90	74,15
2	Công ty Cổ phần Cosmos Solar (iv)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	98,01	99,00	98,01
3	Công ty Cổ phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
4	Công ty Cổ phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
5	Công ty Cổ phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
6	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	Thanh Hóa, Long An	99,90	50,23	99,90	50,82
7	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	Thanh Hóa, Long An	99,90	50,23	99,90	50,82
8	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy (v)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,80	98,80	-	-
9	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 (vi)	Sản xuất điện	Cà Mau	-	-	51,00	50,49
10	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3 (vi)	Sản xuất điện	Cà Mau	-	-	99,98	50,48
11	Công ty TNHH Cơ điện Skylar5 (vii)	Xây dựng công trình điện	TP. Hồ Chí Minh	-	-	100,00	99,00
12	Công ty Cổ phần Casper Solar (viii)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	-	-	99,00	98,01
<b>Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp</b>							
1	Công ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	50,00	50,00	50,00
2	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	49,00	49,00	49,00	49,00
<b>Công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con</b>							
1	Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	49,50	50,00	49,50

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

- (i) Theo các Ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.
- (ii) Theo Nghị Quyết hợp Hội đồng Quản trị số 01/2023/NQ-HĐQT-TNM ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần tại của Công ty tại Công ty Cổ phần E Power 1, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 49,9 tỷ Đồng theo Hợp đồng mua bán liên quan. Các thủ tục về việc chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 18 tháng 9 năm 2023.
- (iii) Theo Nghị quyết hợp Đại hội đồng Cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-GSI ngày 28 tháng 9 năm 2023 về việc phê duyệt giảm vốn điều lệ Công ty Cổ phần Greensky Infnitive, công ty này giảm vốn điều lệ từ 116.386.000.000 Đồng xuống còn 2.116.000.000 Đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của các công ty đầu tư thay đổi theo, Công ty Cổ phần Skylar nắm giữ 211.178 cổ phần, tương ứng với 99,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Greensky Infnitive.
- (iv) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ-COSMOS ngày 6 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt giải thể Công ty Cổ phần Cosmos Solar. Tại ngày 20 tháng 2 năm 2024, Công ty đã hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể công ty con này.
- (v) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ-SKYLAR ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc chuyển đổi mục đích đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy, Công ty quyết định không tiếp tục tìm đối tác chuyển nhượng mà thay vào đó sẽ đổi mục đích đầu tư từ đầu tư chứng khoán kinh doanh sang đầu tư dài hạn do Tập đoàn chưa hoàn thành tìm kiếm được đối tác để chuyển nhượng Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy trước thời hạn ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo như kế hoạch ban đầu. Theo đó Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy trở thành Công ty con của Tập đoàn.
- (vi) Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 06/2022/BBH – HĐQT – AURAI ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 và Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 150 tỷ Đồng và 148,5 tỷ Đồng theo các hợp đồng mua bán cổ phần liên quan. Các thủ tục về việc chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 12 tháng 6 năm 2023.
- (vii) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 03/2023/BBH-HĐQT-SKYLAR ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Skylar về việc phê duyệt các thay đổi tại Công ty TNHH Cơ điện Skylar5, Công ty Cổ phần Skylar đã thoái toàn bộ vốn điều lệ, tương ứng với 5.000.000 cổ phần tại Công ty TNHH Cơ điện Skylar5, thông qua chuyển nhượng cho ông Lâm Minh Kiệt với giá trị chuyển nhượng là 5 tỷ Đồng. Các thủ tục về chuyển quyền sở hữu cổ phần này đã được Công ty Cổ phần Skylar hoàn tất vào ngày 30 tháng 3 năm 2023.

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

(viii) Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/BBH-ĐHĐCĐ-CASPER ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Casper Solar về việc thay đổi cơ cấu cổ đông, Công ty Cổ phần Skylar đã thoái toàn bộ vốn điều lệ, tương ứng với 198.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Casper Solar, thông qua chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần E Power 1 với giá trị chuyển nhượng là 1.980.000.000 Đồng. Các thủ tục về chuyển nhượng này đã được Công ty Cổ phần Skylar hoàn tất vào ngày 20 tháng 12 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 61 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 73 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **2.5 Tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

### **2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

### **2.7 Đầu tư tài chính**

#### **(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(b) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.8 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận trước thuế.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

- (i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.
- (ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.
- (iii) Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong kỳ theo tỷ lệ tham gia.
- (iv) Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

### 2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

#### *TSCĐ hữu hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

#### *Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính riêng trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Thiết bị quản lý	2 năm

#### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

### 2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **2.13 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

### **2.14 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

### **2.15 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.16 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi theo phương pháp lãi suất thực. Cấu phần nợ được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Sau ghi nhận ban đầu, định kỳ Công ty ghi nhận lãi trái phiếu theo lãi suất thực. Các chi phí phát hành trái phiếu khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn, cấu phần vốn là giá trị quyền chọn cổ phiếu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.

### 2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

### 2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

### 2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng dựa vào ngày thông báo của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.20 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(b) Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

**2.21 Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.22 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu; dự phòng đầu tư tài chính; chi phí tài chính khác.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

### 2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết và các công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.26 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

**2.27 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**3 TIỀN**

	2023 VND	2022 VND
Tiền gửi ngân hàng	<u>14.952.726.806</u>	<u>29.294.646.964</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**(a) Đầu tư vào công ty con**

	2023				2022			
	Giá gốc VND	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần BCG GAIA (i)	1.062.539.986.488	50,23	(*)	(261.176.188.681)	927.074.988.740	50,82	(*)	(155.761.164.320)
Công ty TNHH Điện gió Đông Thanh 2	806.475.000.000	92,71	(*)	(355.472.353)	806.475.000.000	92,71	(*)	(200.715.339)
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh	761.525.278.271	41,28	(*)	-	761.525.278.271	41,28	(*)	-
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	742.500.000.000	99,00	(*)	(2.079.021.416)	742.500.000.000	99,00	(*)	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	567.350.000.000	90,16	(*)	(13.327.869.939)	567.350.000.000	90,16	(*)	(24.703.617.892)
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	540.000.000.000	90,00	(*)	-	540.000.000.000	90,00	(*)	-
Công ty Cổ phần Skylar	495.000.000.000	99,00	(*)	-	495.000.000.000	99,00	(*)	-
Công ty Cổ phần BCG Vinh Long	181.340.909.091	50,50	(*)	(22.846.647.044)	181.340.909.091	50,50	(*)	(5.162.499.347)
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	122.400.000.000	51,00	(*)	(5.076.922.540)	122.400.000.000	51,00	(*)	(4.367.502.627)
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	108.000.000.000	91,84	(*)	(2.475.710.028)	108.000.000.000	91,84	(*)	(2.569.058.741)
Công ty Cổ phần E Power 1 (ii)	-	-	(*)	-	49.900.000.000	99,80	(*)	-
	<u>5.387.131.173.850</u>			<u>(307.337.832.001)</u>	<u>5.301.566.176.102</u>			<u>(192.764.558.266)</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính nòng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09 – DN

### 4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### (a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCG-BCG GAIA của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần BCG GAIA ("GAIA") về việc tăng vốn điều lệ trong công ty này, GAIA đã phát hành 23.776.296 cổ phần phổ thông cho Công ty với giá 28.487 Đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, nếu trong tương hợp nhà đầu tư là Sembcorp Energy Vietnam I Pte. Ltd. hoàn tất mua 46.863.500 cổ phần phổ thông và 1.410.616 cổ phần ưu đãi mà GAIA sẽ phát hành thêm trong tương lai thì Công ty có nghĩa vụ sẽ phải thanh toán thêm cho GAIA số tiền là 135.464.997.748 Đồng cho số lượng cổ phần đã mua này. Tại ngày 19 tháng 7 năm 2023, Sembcorp Energy Vietnam I Pte. Ltd. đã mua hết số lượng cổ phiếu ưu đãi như trên. Theo đó, Công ty cũng đã thực hiện việc thanh toán thêm cho GAIA số tiền là 135.464.997.748 Đồng bằng cách cán trừ với khoản phải thu GAIA về cho vay theo Thỏa thuận cán trừ công nợ ngày 19 tháng 7 năm 2023.
- (ii) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/2023/BB-HĐQT\_TNM ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần E Power 1, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 49,9 tỷ Đồng theo Hợp đồng mua bán liên quan. Các thủ tục chuyển nhượng đã được hoàn tất vào ngày 18 tháng 9 năm 2023.

## 4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

## (b) Đầu tư vào công ty liên kết

	2023			2022		
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Skylight Power	50,00	24.952.712.350	(2.087.870.971)	50,00	(*)	(2.626.260.609)
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	49,00	2.205.000.000	-	49,00	(*)	-
		<u>27.157.712.350</u>	<u>(2.087.870.971)</u>			<u>(2.626.260.609)</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Mẫu số B 09 – DN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**(c) Đầu tư vào đơn vị khác**

	2023			2022				
	Giá gốc VND	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp %	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	59.400.000.000	18,00	(*)	-	59.400.000.000	18,00	(*)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	21.600.000.000	18,00	(*)	-	21.600.000.000	18,00	(*)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	785.000.000	0,10	(*)	-	785.000.000	0,10	(*)	-
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bàng Dương	360.000.000	0,10	(*)	-	360.000.000	0,10	(*)	-
Công ty Cổ phần Tracodi Power (i)	-	-	-	-	590.000.000	11,80	(*)	-
Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 2 (ii)	-	-	-	-	300.000.000	0,10	(*)	-
	<u>82.145.000.000</u>				<u>83.035.000.000</u>			

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tracodi Power, theo đó Công ty đã thoái vốn toàn bộ 11,8% vốn điều lệ, tương ứng với 59.000 cổ phần. Các thủ tục về việc chuyển nhượng của Công ty đã được hoàn tất vào ngày 22 tháng 12 năm 2023.

(ii) Theo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông số 06/2022/BBH-HĐQT-AURAI ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2. Theo đó Công ty đã thoái vốn toàn bộ 0,1% vốn điều lệ, tương ứng với 300.000 cổ phần theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 29 tháng 12 năm 2022. Các thủ tục về việc chuyển nhượng của Công ty đã được hoàn tất vào ngày 12 tháng 6 năm 2023.

Thông tin hoạt động kinh doanh của các công ty này như sau:

Công ty	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất điện

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	2023 VND	2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	<u>34.048.831.180</u>	<u>7.250.373.280</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN****(a) Ngắn hạn**

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang (*)	36.000.000.000	-
Viện Năng lượng	980.000.000	980.000.000
Khác	354.627.300	46.506.600
	<u>37.334.627.300</u>	<u>1.026.506.600</u>

(\*) Đây là khoản đặt cọc cho việc chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang theo Thỏa thuận Đặt cọc số 1801/2021/HDDC ký ngày 18 tháng 1 năm 2021 về việc đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần và biên bản làm việc ngày 21 tháng 12 năm 2022 cho việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến hết năm 2024.

Tuy nhiên, tại ngày 6 tháng 2 năm 2024, Công ty đã thanh lý hợp đồng với Công ty Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang theo và chuyển đổi khoản trả trước này thành khoản đầu tư hợp tác giữa hai bên theo thỏa thuận chấm dứt hợp đồng nguyên tắc ngày 6 tháng 2 năm 2024 để đầu tư dự án Nhà máy Điện gió E&M Đắk Lắk, với thời hạn là 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hợp đồng này sẽ được phân chia lợi nhuận khi dự án đi vào hoạt động.

**(b) Dài hạn**

	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang (*)	<u>-</u>	<u>36.000.000.000</u>

(\*) Khoản này đã được phân loại trình bày sang khoản trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6(a)).

**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty với các bên liên quan (Thuyết minh 28(b)) với lãi suất từ 9%/năm đến 14.05%/năm với kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 120 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lãi suất từ 0%/năm đến 10,5%/năm).

**8 PHẢI THU KHÁC****(a) Ngắn hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Vốn góp vào BCC (*)	2.380.135.455.067	-	-	-
Lãi từ cho vay và BCC	116.952.509.990	-	105.372.101.333	-
Tạm ứng cho nhân viên	81.800.000	-	-	-
Cổ tức	-	-	54.000.000.000	-
Khác	959.440.985	-	2.015.860.985	-
	<u>2.498.129.206.042</u>	<u>-</u>	<u>161.514.162.318</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	2.498.047.406.042	-	161.387.762.318	-
Bên thứ ba	81.800.000	-	126.400.000	-
	<u>2.498.129.206.042</u>	<u>-</u>	<u>161.514.162.318</u>	<u>-</u>

(\*) Theo BCC số 270421BCG-KL1 ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận là 12%/năm trên số tiền đã chuyển mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án theo phụ lục số 04 Hợp đồng 270421 BCG – KL ngày 1 tháng 11 năm 2023 (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu khác ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**8 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****(b) Dài hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ BCC (*)	-	-	2.500.000.000.000	-
Kỳ quỹ, ký cược	10.000.000	-	10.000.000	-
	<u>10.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.500.010.000.000</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	-	-	2.500.000.000.000	-
Bên thứ ba	10.000.000	-	10.000.000	-
	<u>10.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.500.010.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Khoản phải thu từ BCC này được phân loại trình bày sang phải thu ngắn hạn khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư này là 2.380.135.455.067 Đồng (Thuyết minh 8(a)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải thu khác dài hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí quản lý tài sản đảm bảo	2.737.603.307	2.613.636.365
Chi phí dịch vụ thu xếp vốn	-	4.356.060.605
Khác	445.193.161	370.184.629
	<u>3.182.796.468</u>	<u>7.339.881.599</u>

## 10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH

	Máy móc Thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	155.200.001	9.468.775.455	50.900.000	9.674.875.456
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	84.013.885	1.681.418.485	2.120.833	1.767.553.203
Khấu hao trong năm	24.727.771	968.976.096	25.449.996	1.019.153.863
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	108.741.656	2.650.394.581	27.570.829	2.786.707.066
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	71.186.116	7.787.356.970	48.779.167	7.907.322.253
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	46.458.345	6.818.380.874	23.329.171	6.888.168.390

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng.

## 11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

## (a) Ngắn hạn

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty TNHH				
Xây dựng				
Thuận Nguyên	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Khác	21.710.149.420	21.710.149.420	25.637.129.081	25.637.129.081
Bên liên quan				
(Thuyết minh 28(b))	118.458.346.734	118.458.346.734	243.828.762.679	243.828.762.679
	<u>170.168.496.154</u>	<u>170.168.496.154</u>	<u>299.465.891.760</u>	<u>299.465.891.760</u>

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)****(b) Dài hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	105.627.982.231	105.627.982.231	-	-

**(c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba Công ty TNHH Thái Hòa	1.650.000.000	1.650.000.000

Đây là khoản phải trả đã quá hạn liên quan đến việc mua cổ phần Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng, Công ty đang đàm phán để gia hạn các khoản nợ này.

**12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	2023 VND	2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	833.373.000.000	745.017.000.000

Đây chủ yếu là khoản trả trước liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Đông Thành 2 cho Công ty Cổ phần Aurai Wind theo Hợp đồng số 01.2021.AURAI.BCGE ký ngày 25 tháng 11 năm 2021. Theo hợp đồng đã ký kết và các biên bản gia hạn liên quan thì việc chuyển nhượng vốn góp sẽ được đăng ký và hoàn thành thủ tục chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## 13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
<b>(a) Phải nộp</b>					
Thuế TNDN	-	3.600.000	-	(3.600.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	231.683.671	1.877.442.812	-	(1.809.056.817)	300.069.666
Thuế GTGT	-	4.547.550.300	(4.547.550.300)	-	-
Khác	-	814.436.677	-	(814.436.677)	-
	<u>231.683.671</u>	<u>7.243.029.789</u>	<u>(4.547.550.300)</u>	<u>(2.627.093.494)</u>	<u>300.069.666</u>
<b>(b) Phải thu</b>					
Thuế GTGT được khấu trừ	4.743.753.589	3.239.624.489	(4.547.550.300)	-	3.435.827.778

## 14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	1.677.996.000	1.769.688.333
Chi phí lãi vay	1.610.060.273	3.893.703.944
Chi phí lãi trái phiếu	-	47.420.054.598
Khác	360.000.000	-
	<u>3.648.056.273</u>	<u>53.083.446.875</u>

## 15 PHẢI TRẢ KHÁC

## (a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Phải trả cho BCC (*)	18.267.590.000	344.435.497.132
BHXH, BHYT, BHTN	77.765.280	224.364.640
Lãi phải trả cho BCC	-	27.221.927.603
Khác	32.339.200	2.140.896.019
	<u>18.377.694.480</u>	<u>374.022.685.394</u>

## Trong đó:

Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	18.267.590.000	202.498.215.842
Bên thứ ba	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thanh Diamond	-	71.287.111.425
Công ty Cổ phần Artemis Investment	-	90.797.845.413
Khác	110.104.480	9.439.512.714
	<u>18.377.694.480</u>	<u>374.022.685.394</u>

## (b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Phải trả cho BCC		
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	-	387.167.000.000
	<u>-</u>	<u>387.167.000.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

**Mẫu số B 09 – DN**

**15 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết số dư phải trả cho BCC như sau:

Bên góp BCC	Số tiền VND	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần BCG Vinh Long (?)	6.787.590.000	01/02/2021 - 1/7/2022	Hợp tác hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến công tác hoàn công quyết toán dự án Nhà máy điện mặt trời Vneco - Vinh Long	• 1% lợi nhuận của bên nhận góp vốn và trong thời gian BCC có hiệu lực
Công ty Cổ phần Mega Solar	11.480.000.000	06/12/2022/HTKD/BCGE-MGS: 6/12/2022 - 6/12/2023 7/12/2023 – 6/12/2024	Hợp tác đầu tư cho các dự án liên quan đến: bất động sản, Cơ sở hạ tầng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu	• Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án • Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
	<u>18.267.590.000</u>			

(i) Theo thỏa thuận chấm dứt BCC giữa Công ty và các bên góp BCC, Công ty có nghĩa vụ hoàn trả các khoản này chậm nhất trong vòng 24 tháng kể từ ngày kết thúc BCC.

## 16 VAY

## (a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(a))	-	10.972.347.604	(10.972.347.604)	-
Trái phiếu chuyển đổi (i)	67.636.791.580	-	(67.636.791.580)	-
Khác (ii)	39.886.204.166	67.877.000.000	(60.868.204.166)	46.895.000.000
	<u>107.522.995.746</u>	<u>78.849.347.604</u>	<u>(139.477.343.350)</u>	<u>46.895.000.000</u>

- (i) Đây là khoản trái phiếu chuyển đổi được phát hành riêng lẻ, số lượng là 1.157.500 trái phiếu với mã là BOND/BE/2019.01 cho Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd., theo Hợp đồng ngày 13 tháng 8 năm 2019, đã đáo hạn vào ngày 4 tháng 9 năm 2022. Theo đó, 2 bên đã ký thỏa thuận gia hạn thanh toán trái phiếu này đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại thời điểm đáo hạn trước đó Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd đã không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu. Lãi suất áp dụng là 10%/năm và việc gia hạn này được đảm bảo thanh toán bằng 16.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bamboo Capital.

Tại ngày 31 tháng 7 năm 2023, Công ty đã thanh toán phần gốc và lãi còn lại của lô trái phiếu chuyển đổi phát hành riêng lẻ cho Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd.

- (ii) Chi tiết khoản vay ngắn hạn với đối tượng khác như sau:

Bên cho vay	Tại ngày 31.12.2023 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Ông Huỳnh Phúc Đạt	<u>46.895.000.000</u>	Tài trợ vốn lưu động	Đến 4/8/2024	10	Tin chấp

## 16 VAY (tiếp theo)

## (b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Trái phiếu phát hành (iii)	2.500.000.000.000	-	(2.500.000.000.000)	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.305.555.553)	-	2.305.555.553	-
Bên liên quan	35.000.000.000	-	(35.000.000.000)	-
Khác	81.130.000.000	-	(81.130.000.000)	-
	<u>2.613.824.444.447</u>	<u>-</u>	<u>(2.613.824.444.447)</u>	<u>-</u>

## (iii) Chi tiết về trái phiếu phát hành như sau:

Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCH2124002 và EBCCH2124003 với mệnh giá 100.000.000 Đồng/trái phiếu, phát hành lần lượt từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và ngày 24 tháng 5 năm 2021. Loại hình của 2 mã trái phiếu này là: trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng 33.000.000 cổ phần của các cổ đông Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và toàn bộ quyền, lợi ích phát sinh từ và liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1.

Mục đích phát hành hai loại trái phiếu này là để đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư (Thuyết minh 8(a)).

Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 37/2022/BB-HĐQT-BCGE ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc thay đổi lãi suất áp dụng đối với kỳ tính lãi tiếp theo của trái phiếu EBCCH2124002 và EBCCH2124003, cụ thể, lãi suất cố định là 14%/năm lần lượt tương ứng với kỳ tính lãi từ 26 tháng 10 năm 2022 đến 26 tháng 10 năm 2023 và từ 25 tháng 11 năm 2022 đến 25 tháng 11 năm 2023, lãi suất áp dụng với kỳ còn lại là 10%/năm.

Tại ngày 16 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thực hiện thanh toán trước hạn cho lô trái phiếu có mã EBCCH2124002 phát hành ngày 26 tháng 4 năm 2021 và cho lô trái phiếu có mã EBCCH2124003 phát hành ngày 24 tháng 5 năm 2021.

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2023		2022	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	730.000.000	-	450.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	-	450.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000.000	-	450.000.000	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2023		2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	369.800.000	50,66	369.800.000	82,18
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	6.000.000	0,82	6.000.000	1,33
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	8.500.000	1,16	8.500.000	1,89
Cá nhân khác	345.700.000	47,36	65.700.000	14,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	100	450.000.000	100

(c) Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	217.500.000	2.175.000.000.000	2.175.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	232.500.000	2.325.000.000.000	2.325.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	450.000.000	4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	280.000.000	2.800.000.000.000	2.800.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	730.000.000	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

**18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	(Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.175.000.000.000	1.567.191.833	2.176.567.191.833
Vốn tăng trong năm	2.325.000.000.000	-	2.325.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	58.281.631.274	58.281.631.274
Chia cổ tức	-	(121.000.000.000)	(121.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.500.000.000.000	(61.151.176.893)	4.438.848.823.107
Vốn tăng trong năm (*)	2.800.000.000.000	-	2.800.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	121.775.534.238	121.775.534.238
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.300.000.000.000	60.624.357.345	7.360.624.357.345

(\*) Theo Biên bản Hội Đại hội đồng Cổ đông số 23/2023/BB-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 16 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 4.500 tỷ VND lên 7.300 tỷ VND.

**19 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****Tài sản thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 31.

**20 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	48.042.522.037	62.371.245.000
Doanh thu thuần về bán hệ thống điện mặt trời	-	1.212.406.000
Doanh thu thuần khác	-	3.808.150.431
	<u>48.042.522.037</u>	<u>67.391.801.431</u>

**21 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn của dịch vụ tư vấn quản lý	25.293.503.677	29.186.650.529
Giá vốn của hệ thống điện mặt trời	-	1.188.633.333
Giá vốn khác	-	3.811.101.655
	<u>25.293.503.677</u>	<u>34.186.385.517</u>

**22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Lãi từ BCC (Thuyết minh 28(a))	418.691.264.655	319.041.069.587
Cổ tức (Thuyết minh 28(a))	114.860.000.000	128.250.000.000
Lãi tiền cho vay, tiền gửi	70.205.653.789	60.324.374.682
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.409.407	-
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	15.531.000.000
	<u>603.758.327.851</u>	<u>523.146.444.269</u>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 28(a))	603.650.541.841	523.036.831.478
Bên thứ ba	107.786.010	109.612.791
	<u>603.758.327.851</u>	<u>523.146.444.269</u>

**23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Lãi trái phiếu phải trả	334.761.080.558	275.902.300.871
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	114.034.884.097	132.442.617.918
Lãi tiền vay	12.323.353.102	12.977.046.247
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	2.305.555.553	3.493.333.336
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.123.100.000	13.919.277
Chi phí BCC	-	19.489.396.912
Khác	11.050.275.481	18.871.663.785
	<u>475.598.248.791</u>	<u>463.190.278.346</u>

**24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.904.146.569	17.746.737.246
Chi phí nhân viên	11.726.413.238	15.483.734.803
Chi phí công cụ dụng cụ	817.349.324	680.794.373
Chi phí khấu hao TSCĐ	305.746.157	325.031.940
Thuế, phí và lệ phí	173.243.771	75.927.433
Khác	176.140.446	107.050.340
	<u>34.103.039.505</u>	<u>34.419.276.135</u>

## 25 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2023 VND	2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Khác	5.456.150.640	87.384.363
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản bị phạt	(483.074.317)	(127.501.547)
Lỗ do thanh lý, nhượng bán tài sản	-	(399.712.111)
Khác	-	(20.845.133)
	<u>(483.074.317)</u>	<u>(548.058.791)</u>
<b>Lợi nhuận/(Lỗ) khác</b>	<u>4.973.076.323</u>	<u>(460.674.428)</u>

## 26 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	121.779.134.238	58.281.631.274
Thuế tính ở thuế suất 20%	24.355.826.848	11.656.326.255
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(22.972.000.000)	(25.650.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	163.129.255	83.491.318
Lỗ tính thuế nhưng không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	-	13.910.182.427
Lỗ tính thuế được sử dụng	(1.546.956.103)	
Dự phòng thiếu của năm trước	3.600.000	-
<b>Chi phí thuế TNDN (*)</b>	<u>3.600.000</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:</b>		
Thuế TNDN - hiện hành	3.600.000	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	<u>3.600.000</u>	<u>-</u>

**26 THUẾ TNDN (tiếp theo)**

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2022	Chưa quyết toán	69.550.912.135	(7.734.780.515)	61.816.131.620

**27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	26.044.934.826	32.482.676.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.165.720.952	29.158.062.828
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.019.153.863	1.101.415.642
Chi phí khác	1.166.733.541	4.674.873.801
	<u>59.396.543.182</u>	<u>67.417.028.319</u>



## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital, một công ty thành lập tại Việt Nam do chiếm 50,66% vốn điều lệ của Công ty.

Chi tiết của các công ty con và công ty liên kết như trong Thuyết minh 4.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Ban điều hành, quản lý
Ông Nguyễn Văn Lục	Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Công ty mẹ
Ông Vũ Ngọc Tiến	Cổ đông
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch	Công ty con
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 2	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bông Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bông Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Mega Solar	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần E Power 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Đầu tư khác
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần phát triển Nguyễn Hoàng	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Côn Bắp	Cùng công ty mẹ

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Apollo DV1	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever5	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever6	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH BCG Ever7	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty thành viên cùng tập đoàn (*)
Công ty Cổ phần Indoba Trading	Công ty thành viên cùng tập đoàn (*)

(\*) Từ ngày 31/12/2023, các đối tượng này không còn là bên liên quan của Công ty.

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2023 VND	2022 VND
<i>i) Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	13.822.380.000	13.993.420.000
Công ty Cổ phần Skylar	7.243.000.000	8.821.025.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	4.090.540.000	1.055.040.000
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch	3.201.424.000	1.025.460.000
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	3.369.180.000	842.100.000
Công ty Cổ phần BCG GAIA	600.000.000	11.711.700.000
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	490.000.000	420.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	-	502.500.000
	<u>32.816.524.000</u>	<u>38.371.245.000</u>
<i>ii) Mua dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	11.965.000.000	12.643.840.161
Tổng Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA	211.193.271	864.000
Công ty Taxi Việt Nam	79.323.759	-
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	33.048.182	64.983.833
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	-	2.010.770.904
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	3.867.811.348
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	-	813.952.566
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	-	986.378.185
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	170.015.066
	<u>12.288.565.212</u>	<u>20.558.616.063</u>

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<b>iii) Lãi cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	61.134.570.002	51.812.485.888
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	4.267.752.161	104.490.494
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	2.279.792.462	5.096.547.470
Công ty Cổ phần Skylar	613.147.926	1.441.125.290
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	438.685.216	614.439.287
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	343.124.382	-
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	272.710.232	508.773.580
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	219.975.528	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	121.364.071	45.747.336
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	109.047.950	-
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	98.630.139	351.369.861
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	90.648.023	41.453.507
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	68.789.587	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	28.218.082	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	11.095.890	-
Công ty Cổ phần E Power 1	1.725.535	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	200.959
Công ty TNHH Một thành viên Apollo DV1	-	198.128.219
	<u>70.099.277.186</u>	<u>60.214.761.891</u>

**iv) Lãi BCC (Thuyết minh 22)**

Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	418.691.264.655	313.424.657.534
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	-	970.317.918
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	-	298.743.200
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	-	298.743.200
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	-	373.429.002
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	-	373.429.002
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	-	373.429.002
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	-	612.423.563
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	-	671.873.460
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	-	671.873.460
Công ty TNHH BCG Ever5	-	373.429.002
Công ty TNHH BCG Ever6	-	373.429.002
Công ty TNHH BCG Ever7	-	225.292.242
	<u>418.691.264.655</u>	<u>319.041.069.587</u>

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<b>v) Nhận cổ tức (Thuyết minh 22)</b>		
Công ty Cổ phần Skylar	99.000.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	9.000.000.000	54.000.000.000
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	6.860.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Aurai Wind	-	74.250.000.000
	<u>114.860.000.000</u>	<u>128.250.000.000</u>
<b>vi) Tăng vốn</b>		
Ông Vũ Ngọc Tiến	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	-	2.325.000.000.000
	<u>30.000.000.000</u>	<u>2.325.000.000.000</u>
<b>vii) Vay (Thuyết minh 16(a))</b>		
Ông Phạm Minh Tuấn	10.522.347.604	-
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	-	95.288.000.000
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	35.000.000.000
	<u>10.972.347.604</u>	<u>130.288.000.000</u>
<b>viii) Trả gốc vay</b>		
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Côn Bắp	20.000.000.000	-
Ông Phạm Minh Tuấn	10.522.347.604	-
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	-	95.288.000.000
	<u>30.972.347.604</u>	<u>95.288.000.000</u>

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<i>ix) Cho vay</i>		
Công ty Cổ phần Aural Wind Energy	63.715.000.000	24.871.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	38.900.000.000	45.067.500.000
Công ty Cổ phần Skylar	25.230.000.000	26.903.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	14.650.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	14.040.000.000	11.096.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	5.271.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	8.420.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	7.170.000.000	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	753.000.000	1.522.180.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	488.000.000	580.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	820.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	607.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	-
Công ty Cổ phần E Power 1	169.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	25.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG GAIA	-	1.846.486.705.055
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	-	449.980.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	35.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	-	5.340.204.166
	180.858.000.000	2.416.881.589.221

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<i>x) Thu hồi cho vay trong năm</i>		
Công ty Cổ phần BCG GAIA	234.125.112.350	1.612.361.592.705
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	92.868.512.506	-
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	69.293.000.000	5.301.000.000
Công ty Cổ phần Skylar	21.434.835.000	51.439.660.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	14.650.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	13.420.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	12.922.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	11.260.204.166	44.733.866.384
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	4.676.000.000	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	-	610.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch	-	200.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Apollo DV1	-	2.232.000.000
	<u>474.649.664.022</u>	<u>1.929.678.119.089</u>
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	<u>3.052.037.246</u>	<u>3.129.000.000</u>
Trong đó:		
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	1.058.710.000	490.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	790.900.000	805.000.000
Bà Vũ Văn Ngọc Nicki	432.360.000	280.000.000
Ông Đồng Hải Hà	268.833.333	560.000.000
Ông Phạm Đăng Khoa	301.033.913	350.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Châu	108.500.000	245.000.000
Ông Nguyễn Việt Cường	<u>91.700.000</u>	<u>49.000.000</u>

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
<i>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</i>		
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	17.044.883.200	1.977.668.800
Công ty Cổ phần Skylar	7.058.205.500	720.066.000
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	3.226.424.000	1.107.496.800
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	2.745.572.400	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	2.394.347.600	1.139.443.200
Công ty Cổ phần BCG GAIA	648.000.000	-
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	529.200.000	453.600.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	402.198.480	1.309.398.480
Công ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thanh Hóa	-	542.700.000
	<u>34.048.831.180</u>	<u>7.250.373.280</u>
<i>ii) Cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)</i>		
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	362.236.000.000	244.980.000.000
Công ty Cổ phần Skylar	22.020.000.000	18.224.835.000
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	14.422.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	5.226.300.000	4.108.300.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	607.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	-
Công ty Cổ phần E Power 1	169.000.000	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	35.000.000	35.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	25.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG GAIA	-	234.125.112.350
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	-	53.968.512.506
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	-	11.260.204.166
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	-	1.022.180.000
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	-	705.000.000
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	-	86.000.000
	<u>405.340.300.000</u>	<u>593.515.144.022</u>



## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<b>iii) Cho vay dài hạn (Thuyết minh 7)</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	337.254.000.000	454.510.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	5.271.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.494.000.000	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	1.775.180.000	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	1.193.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	820.000.000	-
	<u>348.807.180.000</u>	<u>454.510.000.000</u>
<b>iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))</b>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.380.355.430.595	53.759.890.412
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch	109.569.883.548	48.435.313.546
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	4.267.752.161	-
Công ty Cổ phần Skylar	1.809.108.216	1.441.125.290
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải	959.440.985	959.440.985
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	550.833.298	54.278.123.066
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	175.486.086	54.122.015
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	137.243.152	46.595.129
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	109.047.950	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	68.789.587	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	28.218.082	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	11.095.890	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	3.350.957	200.959
Công ty Cổ phần E Power 1	1.725.535	-
Công ty Cổ phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	-	1.056.220.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	-	710.678.333
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	-	351.369.861
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	-	294.682.722
	<u>2.498.047.406.042</u>	<u>161.387.762.318</u>

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (c) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<b>v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 8(b))</b>		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	-	2.500.000.000.000
<b>vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11(a))</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	58.000.000.000	58.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Lục	52.000.000.000	162.627.982.231
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	5.372.067.374	1.528.767.374
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	3.043.267.000	17.390.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	42.381.360	-
Công ty Taxi Việt Nam	631.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	3.951.209.067
Ông Phạm Minh Tuấn	-	170.804.257
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	119.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	-	40.999.750
	<u>118.458.346.734</u>	<u>243.828.762.679</u>
<b>vii) Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh 11(b))</b>		
Ông Nguyễn Văn Lục	<u>105.627.982.231</u>	-
<b>viii) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 12)</b>		
Công ty Cổ phần Aural Wind Energy	833.373.000.000	744.717.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	-	300.000.000
	<u>833.373.000.000</u>	<u>745.017.000.000</u>

## 28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
<i>ix) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15(a))</i>		
Công ty Cổ phần Mega Solar	11.480.000.000	52.379.900.000
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	6.787.590.000	14.026.590.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	-	51.293.984.747
Công ty Cổ phần Indoba Trading	-	3.212.041.095
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	907.200.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	-	80.678.500.000
	<u>18.267.590.000</u>	<u>202.498.215.842</u>
<i>x) Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 15(b))</i>		
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	387.167.000.000
	<u>-</u>	<u>387.167.000.000</u>

## 29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

**30 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (“BCLCTT”)**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT riêng

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Chuyển nợ vay thành đầu tư (*)	135.464.997.748	677.324.988.740
Chuyển nợ vay thành vốn chủ sở hữu	-	720.000.000.000

(\*) Công ty tăng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần GAIA bằng căn trừ công nợ theo thuyết minh chi tiết 4(a).

**31 CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2023 VND	2022 VND
Dưới 1 năm	1.935.800.000	5.769.400.000
Từ 1 đến 5 năm	613.200.000	2.424.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	2.549.000.000	8.193.400.000

**36 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/04/NQ-HDQT-BCGE ngày 31 tháng 1 năm 2024, Công ty đã ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 31 tháng 1 năm 2024 để mua 45% cổ phần Công ty Cổ Phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0304374871 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2006. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện phát triển thêm Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc – Huyện Củ Chi, Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa – Long An, Xã Tân Đông, Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Nhà máy xử lý rác Thành phố Rạch Giá – Kiên Giang tại Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Thủy Phương tại Xã Thủy Phương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy xử lý rác thải tại Xã Duy Minh, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam từ việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa nói trên.

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 2 năm 2024.



Nguyễn Thị Thanh Hạ  
Người lập



Lưu Khánh Trường  
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương  
Chủ ký được ủy quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY



**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BCG ENERGY**

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 17, ngày 20/06/2024)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 06 năm 2024



# MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG .....	7
Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Đại diện theo pháp luật, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Thời hạn hoạt động của Công Ty .....	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	8
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty.....	8
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty .....	10
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	10
Điều 5. Vốn Điều Lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập.....	10
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác .....	11
Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần.....	12
Điều 8. Thu hồi cổ phần.....	12
V. CƠ CẤU QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ .....	13
Điều 9. Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý .....	13
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	13
Điều 10. Quyền của Cổ Đông .....	13
Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ Đông .....	15
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 13. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 14. Đại Diện Theo Ủy Quyền; Người Được Ủy Quyền Dự Họp .....	19
Điều 15. Thay đổi các quyền.....	20
Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	26
Điều 19. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	29
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	29
Điều 20. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	29

Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị .....	31
Điều 22. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	34
Điều 23. Các cuộc họp và các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị.....	35
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO VÀ THƯ KÝ CÔNG TY .....</b>	<b>38</b>
Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý .....	38
Điều 25. Cán bộ quản lý cấp cao.....	39
Điều 26. Bổ nhiệm, Bãi nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	39
Điều 27. Thư ký Công Ty .....	41
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>41</b>
Điều 28. Ban kiểm soát .....	41
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO.....</b>	<b>45</b>
Điều 29. Trách nhiệm căn trọng.....	45
Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	45
Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	47
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	<b>48</b>
Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	48
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>48</b>
Điều 33. Công nhân viên và công đoàn.....	48
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>48</b>
Điều 34. Phân phối lợi nhuận.....	48
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN .....</b>	<b>49</b>
Điều 35. Tài khoản ngân hàng.....	49
Điều 36. Trích lập Quỹ.....	49
Điều 37. Năm tài chính .....	50
Điều 38. Chế độ kế toán .....	50
<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....</b>	<b>50</b>
Điều 39. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	50
Điều 40. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	51
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>51</b>
Điều 41. Kiểm toán .....	51
<b>XVII. CON DẤU.....</b>	<b>51</b>



Điều 42. Con dấu .....	51
<b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....</b>	<b>51</b>
Điều 43. Giải thể Công Ty .....	51
Điều 44. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ Đông .....	52
Điều 45. Thanh lý.....	52
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>53</b>
Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	53
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>53</b>
Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	53
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>53</b>
Điều 49. Chữ ký Người đại diện theo pháp luật .....	54

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần BCG Energy là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công Ty, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Công Ty ban hành nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Điều lệ này gồm hai mươi một (21) Chương, bốn mươi chín (49) Điều, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 06 năm 2024.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. **“Công Ty”** được quy định trong Điều lệ này là CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY; tên Công Ty viết bằng tiếng Anh là: BCG ENERGY JOINT STOCK COMPANY; và được viết tắt là BCG ENERGY.
  - b. **“Địa Bàn Kinh Doanh”** có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công Ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
  - c. **“Vốn Điều Lệ”** có nghĩa là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và được đề cập tại Điều 5 của Điều lệ này.
  - d. **“Luật Doanh Nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
  - e. **“Luật Chứng Khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
  - f. **“Người Quản Lý”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
  - g. **“Ngày Thành Lập”** là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) lần đầu.
  - h. **“Pháp Luật”** có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 2 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016.
  - i. **“Người Có Liên Quan”** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.
  - j. **“Cổ Đông”** có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong (i) Sổ đăng ký cổ đông của Công Ty; hoặc (ii) một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Luật Chứng Khoán đối với một công ty niêm yết với tư cách là người sở hữu cổ phần.

- k. **“Thời Hạn Hoạt Động”** là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và có thể được thay đổi thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- l. **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- m. **“Người Thâu Tóm”** là: (i) Người đại diện cho Cổ Đông là tổ chức, (ii) Cổ Đông là cá nhân hoặc người đại diện của Cổ Đông là cá nhân/ tổ chức, mà Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân) đó nắm giữ hoặc cùng với Người Có Liên Quan quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này nắm giữ từ hai mươi lăm (25)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty trở lên.
- n. **“Đại Diện Theo Ủy Quyền”** là người được Cổ Đông là tổ chức/ cá nhân ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo quy định của Pháp Luật.
- o. **“Người Được Ủy Quyền Dự Họp”** là người được: (i) Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân); (ii) hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- p. **“Chi Nhánh”** là đơn vị phụ thuộc của Công Ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công Ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi Nhánh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công Ty.
- q. **“Văn Phòng Đại Diện”** là đơn vị phụ thuộc của Công Ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công Ty và bảo vệ các lợi ích đó.
- r. **“Địa Điểm Kinh Doanh”** là nơi hoạt động kinh doanh cụ thể của Công Ty được tổ chức thực hiện. Địa Điểm Kinh Doanh có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính.
- s. **“Công Ty Con”** là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Công Ty sở hữu trên năm mươi (50)% Vốn Điều Lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Công Ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó; hoặc (iii) các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- t. **“Quy Chế Quản Trị Nội Bộ”** là văn bản tập hợp các nguyên tắc, quy định về điều hành, quản lý Công Ty được ban hành theo thẩm quyền, trình tự thủ tục của Công Ty và phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.
- u. **“Đối Thủ Cạnh Tranh”** là tổ chức bất kỳ đang cung ứng, hay trong tương lai có thể cung ứng những sản phẩm, dịch vụ hoặc kinh doanh những lĩnh vực có mức độ lợi ích tương tự (hay ưu việt hơn) cho các đối tượng khách hàng. Đối thủ Cạnh tranh còn được hiểu rộng hơn là đối thủ có khả năng thâu tóm quyền sở hữu Công Ty cho mục đích mở rộng lĩnh vực hoạt động, chiếm thị phần hoặc tăng năng lực cạnh tranh.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu đến sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG**

### **Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Đại diện theo pháp luật, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh và Thời hạn hoạt động của Công Ty**

1. Tên hợp pháp của Công Ty bằng tiếng Việt là “**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**”. Tên Công Ty viết bằng tiếng Anh là “**BCG ENERGY JOINT STOCK COMPANY**”. Tên viết tắt là “**BCG ENERGY**”. Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
2. Công Ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Theo đó, Công Ty có tư cách pháp nhân kể từ Ngày Thành Lập, và các Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
3. Trụ sở chính của Công Ty đặt tại:
  - Địa chỉ : 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
  - Điện thoại : 028. 62 680 680
  - Fax : 028. 62 991 188
  - Website : <http://www.bcgenergy.com.vn>
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
  - a. Người đại diện theo pháp luật thứ nhất là Chủ tịch hội đồng quản trị và có quyền, nghĩa vụ như sau:
    - Đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
    - Được quyền đứng tên chủ tài khoản Công Ty tại tất cả các Ngân hàng Công Ty mở tài khoản.
    - Ký Điều lệ Công Ty theo Nghị quyết thông qua của Đại hội đồng cổ đông.
    - Được quyền quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến triển khai thực hiện các dự án do Công Ty làm Chủ đầu tư tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (không bao gồm các thủ tục, hồ sơ liên quan đến tài chính, thuế, kế toán, ngân hàng).
    - Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho cá nhân và/ hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác thuộc thẩm quyền của Người đại diện theo Luật Doanh nghiệp.
  - Thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 22 Điều lệ này và các Quy chế nội bộ của Công Ty.
  - Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo sự phân công của Hội đồng quản trị.
- b. Người đại diện theo pháp luật thứ hai là Tổng Giám đốc và có quyền, nghĩa vụ như sau:
- Đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
  - Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
  - Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; các hồ sơ chứng từ liên quan đến: ngân hàng, tài chính, kế toán, thuế.
  - Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân và/ hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm.
  - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác thuộc thẩm quyền của Người đại diện theo Luật Doanh nghiệp.
  - Thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 26 Điều lệ này và các Quy chế nội bộ của Công Ty.
5. Công Ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Địa điểm kinh doanh (sau đây gọi chung là “Đơn vị trực thuộc”); chia, tách và chuyển đổi Đơn vị trực thuộc tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công Ty theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoạt động theo Khoản 2 Điều 43 hoặc Điều 44 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn kể từ Ngày thành lập.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty

##### 1. Lĩnh vực kinh doanh của Công Ty:

Số tt	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở)	2750
2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu,</i>	4669

Số tt	Tên ngành	Mã ngành
	<i>quyền phân phối bán buôn các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối hàng hóa và các hoạt động khác mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài không được quyền thực hiện theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm)</i>	
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác <i>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối hàng hóa và các hoạt động khác mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài không được quyền thực hiện theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm)</i>	4659
4.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật; trường chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam)	7020
5.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác.	7710
6.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: (loại trừ: thiết bị khai thác mỏ và đàn khoan; các thiết bị viễn thông, truyền hình và truyền hình thương mại)	7730
7.	<b>Sản xuất điện</b> (không hoạt động tại trụ sở)	<b>3511 (Chính)</b>
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>(trừ Dịch vụ lấy tài sản; Máy thu tiền xu đỗ xe; Hoạt động đấu giá độc lập; Quản lý và bảo vệ trật tự tại các chợ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài không được quyền thực hiện theo quy định của pháp luật tùy từng thời điểm)</i>	8299
9.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các	3512

Số tt	Tên ngành	Mã ngành
	trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác.	

- Mục tiêu hoạt động của Công Ty: không ngừng phát triển các hoạt động đầu tư, mua bán sáp nhập doanh nghiệp, và sản xuất kinh doanh nhằm: tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công Ty cho các Cổ Đông; nâng cao giá trị Công Ty; và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty**

- Công Ty được phép lập kế hoạch và tham gia vào tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công Ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp Luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
- Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp Luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 5. Vốn Điều Lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập**

- Vốn Điều Lệ của Công Ty là: **7.300.000.000.000 đồng** (Bảy nghìn ba trăm tỷ đồng). Mệnh giá của cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng trên một cổ phần). Tổng số cổ phần của Công Ty bằng với Vốn Điều Lệ của Công Ty chia cho mệnh giá của cổ phần.
- Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.
- Công Ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều Lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công Ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- Công Ty có thể phát hành cổ phần theo một mức giá có thể trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
- Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công Ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công Ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi (20) ngày hoặc thời hạn khác theo quy định của Pháp Luật), để Cổ đông đặt mua. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những

điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp Luật hiện hành. Cổ phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng Khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

#### **Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác**

1. Cổ phiếu của cổ phần phổ thông của Công Ty phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh Nghiệp. Riêng đối với cổ phiếu ưu đãi (nếu có) của Công Ty còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.
2. Cổ Đông của Công Ty sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ Đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông sở hữu ít nhất một (01) cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một (01) chứng nhận cổ phiếu (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai (02) tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo nội dung phát hành quy định) sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một (01) chứng nhận cổ phiếu ghi danh thì chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và một (01) chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng nhận và Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm trong bất kỳ trường hợp nào mà những chứng nhận này bị mất hoặc được sử dụng với mục đích trái Pháp Luật.
7. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
8. Trong khuôn khổ các quy định của Pháp Luật và thị trường chứng khoán, Công Ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không), được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần.



## **Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp Luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh có thể được thực hiện bằng hình thức: (i) chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường; hoặc (ii) hình thức trao tay; hoặc (iii) theo bất kỳ cách thức nào khác được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ). Bên chuyển nhượng vẫn là chủ sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp nếu diễn ra Đại hội đồng cổ đông trong thời gian đó thì bên nhận chuyển nhượng có quyền tham gia thay cho Bên chuyển nhượng đối với các cổ phần được chuyển nhượng như quy định trong Luật Doanh Nghiệp.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
4. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với cổ phần ghi danh chưa được thanh toán đầy đủ. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức. Thủ tục đăng ký chuyển nhượng sẽ được Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại văn bản riêng hoặc trong phương án phát hành.
5. Trong trường hợp một Cổ Đông là cá nhân chết; mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của Cổ Đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công Ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của Cổ Đông đã chết khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

## **Điều 8. Thu hồi cổ phần**

1. Nếu Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phiếu phải trả thì Hội đồng quản trị gửi một thông báo cho Cổ Đông đó vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của bất kỳ một thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo đó vào bất kỳ thời điểm nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ Đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công Ty tất cả các khoản tiền tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh vào thời điểm thu hồi cổ phần đó theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có quyền thực hiện các biện pháp khấu trừ hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi theo quy định của Pháp Luật hoặc có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VÀ QUẢN LÝ**

### **Điều 9. Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý**

Cơ cấu quản trị, kiểm soát và quản lý của Công Ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Ban điều hành.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 10. Quyền của Cổ Đông**

1. Cổ Đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết một cách trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc bỏ phiếu từ xa hoặc các hình thức khác tại Điều lệ này phù hợp với quy định Pháp Luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho người khác, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến chính Cổ Đông đó trong danh sách Cổ Đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin

không chính xác; tra cứu hoặc sao chụp Điều lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty;

- f. Trong trường hợp Công Ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công Ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mình sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các Cổ Đông có sở hữu cổ phần ưu đãi;
  - g. Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 132 của Luật Doanh Nghiệp;
  - h. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ Đông;
  - i. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công Ty công bố theo quy định của Pháp Luật;
  - j. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và
  - k. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp Luật.
3. Một Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thêm các quyền sau:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn đối với danh sách các Cổ Đông tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông sau mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
  - f. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương

ứng tại Khoản 5 Điều 20, Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông khi thực hiện các quyền được quy định tại Khoản 4 Điều này phải có trách nhiệm cung cấp văn bản xác nhận của công ty chứng khoán (hoặc tài liệu khác tương đương và được Công Ty chấp nhận) về số lượng cổ phần, tỷ lệ cổ phần nắm giữ để chứng minh thỏa mãn đầy đủ các điều kiện tương ứng nêu trên.

## **Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ Đông**

### **1. Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:**

- a. Tuân thủ Điều lệ này và Quy Chế Quản Trị Nội Bộ; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định Hội đồng quản trị;
- b. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc các hình thức khác tại Điều lệ này phù hợp với quy định Pháp Luật. Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua đầy đủ và đúng thời hạn theo thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty; không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- d. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- e. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật hiện hành;
- f. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công Ty và Pháp Luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- g. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - g1. Vi phạm Pháp Luật;
  - g2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - g3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
- h. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

### **2. Nghĩa vụ của Cổ Đông lớn:**

- a. Cổ Đông lớn là Cổ Đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty; Tổ chức, cá nhân trở thành Cổ Đông lớn của Công Ty phải công bố thông tin và gửi báo cáo bằng văn bản đến Công Ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có phiếu

của Công Ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành Cổ Đông lớn.

- b. Báo cáo về sở hữu của Cổ Đông lớn bao gồm các nội dung sau đây:
  - b1. Tên, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với Cổ Đông lớn là tổ chức; họ tên, tuổi, quốc tịch, số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước, địa chỉ liên lạc, nghề nghiệp đối với Cổ Đông lớn là cá nhân;
  - b2. Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do Cổ Đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- c. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại Điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một (01)% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ Đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công Ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được niêm yết theo quy định tại Điều lệ này và Pháp Luật.
- d. Cổ Đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công Ty, của các Cổ Đông khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
- e. Quy định tại các Điểm a, Điểm b và Điểm c trên đây cũng áp dụng đối với Người Có Liên Quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.

## **Điều 12. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty và tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp nhưng phải là nơi chủ tọa tham dự họp và trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công Ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công Ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;

- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà Pháp Luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này;
  - d. Cổ Đông hoặc một nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Văn bản kiến nghị phải có chữ ký của các Cổ Đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ Đông có liên quan);
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản khi Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng: (i) có bất kỳ một Người Quản Lý đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp hoặc (ii) Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; và
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
4. Trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không đáp ứng quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Điểm d Khoản 3 hoặc Điểm e Khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điểm a, Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp;
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ quan khác theo quy định của Pháp Luật có thẩm quyền giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- d. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp.
5. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công Ty trả. Những phí tổn này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 13. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
  - b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - e. Báo cáo của Tổng Giám đốc;
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công Ty.
  - i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - j. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - k. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l. Phê chuẩn chính sách chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - m. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công Ty;
  - n. Thông qua ngành nghề kinh doanh của Công Ty;
  - o. Quyết định thay đổi Vốn Điều lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Vốn Điều lệ;
  - p. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần được quyền chào bán;

- q. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
  - r. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông;
  - s. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công Ty hoặc Chi Nhánh hoặc giao dịch mua bán/đầu tư có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - t. Công Ty mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;
  - u. Công Ty hoặc các Chi Nhánh ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn ba mươi lăm (35)% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - v. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó;
  - w. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  - x. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - y. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của Công Ty và Pháp Luật.
2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 14. Đại Diện Theo Ủy Quyền; Người Được Ủy Quyền Dự Họp**

1. Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo quy định của Pháp Luật. Trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số phiếu bầu của mỗi đại diện đó. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty trong thời hạn sớm nhất.

Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;
- b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;
- d. Số lượng Đại diện Theo Ủy Quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e. Thời hạn Đại Diện Theo Ủy Quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;



- f. Họ, tên, chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và Người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.
2. Cổ Đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định Pháp Luật, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp tham dự. Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp không nhất thiết phải là Cổ Đông.
  3. Hồ sơ cử Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp phải được lập bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
  4. Trường hợp ủy quyền lại thì Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu hoặc bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền đó của Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc cử Người Được Ủy Quyền dự họp sẽ bị vô hiệu.
  5. Phiếu biểu quyết của Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
    - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
    - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
    - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Tuy nhiên, Điều khoản này không được áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện nêu trên chậm nhất là hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 15. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên, thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp có thể

yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông, trừ các trường hợp quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
  - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
  - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ Đông;
  - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên website của Công Ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận.
4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm: tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu:

- a. Đề xuất không được gửi đúng quy định tại Khoản 4 Điều lệ này;
  - b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ từ năm (5)% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
  - c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết được quy định tại Khoản 4 Điều lệ này, điểm e khoản 3 Điều 10 Điều lệ; và
  - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bản bạc và thông qua các nghị quyết.
6. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
  7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho những vấn đề trong chương trình họp.
  8. Trường hợp tất cả Cổ Đông đại diện một trăm (100)% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

**Điều 17. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.

Chủ tọa cứ một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều lệ này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi đa số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành; hoặc nếu được số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).
3. Nghị quyết liên quan các nội dung loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty; giao dịch mua, bán tài sản Công Ty hoặc các Chi Nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công Ty; được thông qua nếu được số Cổ Đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu

quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phương thức bầu dồn phiếu do Hội đồng quản trị xác lập tại Quy Chế Quản Trị Nội Bộ.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công Ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công Ty.

Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

Phiếu biểu quyết có thể được gửi bằng thư bảo đảm đến Hội đồng quản trị, trường hợp ban kiểm phiếu là người có quyền mở, phiếu này có hiệu lực pháp lý ngay cả khi nó không tuân thủ về mặt hình thức.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các Cổ Đông qua email hoặc fax trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và tại Điều lệ này. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ Đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
5. Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và để thông qua các quyết định cần có một số lượng đại biểu dự họp tối thiểu. Số đại biểu dự họp tối thiểu theo quy định là số Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Họp có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đại diện trên năm mươi (50)% tổng cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành

viên tham dự là các Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Họp đại diện từ ba mươi ba (33)% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội đồng lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

Việc tham dự, biểu quyết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của Cổ Đông tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hội nghị trực tuyến sẽ được thực hiện theo các quy định chi tiết tại Quy chế tổ chức đại hội và các văn bản nội bộ khác có liên quan.

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

7. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Để đảm bảo cho ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình, ban kiểm phiếu có thể thành lập một bộ phận giúp việc cho mình.
8. Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến Đại hội đồng cổ đông muộn so với thời điểm khai mạc Đại hội có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
9. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

10. Không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, bất cứ lúc nào chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể hoãn Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số đại biểu cần thiết tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng có một trong các trường hợp sau đây: (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông; (b) hành vi của những người có mặt cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc (c) phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông bị hoãn sẽ không xem xét thêm bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội đồng cổ đông bị hoãn trước đó.

Trường hợp chủ tọa tạm dừng hoặc hoãn Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng. Cách thức bầu chủ tọa Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo trình tự được quy định tại Khoản 1 Điều này.

11. Chủ tọa của Đại hội có quyền tiến hành các hoạt động cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự:
- Bổ trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
12. Người triệu tập cuộc họp hoặc Chủ tọa của Đại hội có quyền yêu cầu các Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập cuộc họp hoặc Chủ tọa của Đại hội sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp nêu trên tham gia Đại hội và/hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp.
13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Chủ tọa hoặc Người triệu tập cuộc họp sau khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
- Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa Điểm Chính Của Đại hội”);
  - Bổ trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa Điểm Chính Của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội đồng cổ đông.
  - Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu có) được coi là tham gia Đại hội ở Địa Điểm Chính Của Đại hội.
15. Hàng năm Công Ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
16. Đại hội đồng Cổ Đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty. Trường hợp Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty đối với tất cả các vấn đề nêu tại Khoản 1 Điều 13 Điều lệ. Cụ thể:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm đề xuất mức cổ tức cụ thể khi tiến hành lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - d. Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập; Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;
  - e. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - g. Phê chuẩn chính sách chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công Ty;
  - i. Thông qua ngành nghề kinh doanh của Công Ty;
  - j. Quyết định thay đổi Vốn Điều Lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Vốn Điều Lệ;
  - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
  - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;
  - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
  - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty;

- o. Quyết định giao dịch bán tài sản Công Ty hoặc Chi Nhánh hoặc giao dịch mua bán/đầu tư có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - p. Công Ty mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;
  - q. Công Ty hoặc các Chi Nhánh ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các Chi Nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - r. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười (10)% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó;
  - s. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  - t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công Ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu ý kiến đã trả lời đến Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:



- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Cổ đông có thể thực hiện việc biểu quyết thông qua hình thức văn bản hoặc hình thức biểu quyết điện tử. Khi xét thấy cần thiết, Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền triển khai một trong hai hình thức trên hoặc kết hợp cả hai hình thức biểu quyết trên hoặc các hình thức lấy ý kiến cổ đông khác trên nguyên tắc: phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều lệ, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - c. Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 19. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ Đông, Nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 16 của Điều lệ này.
2. Nội dung Nghị quyết vi phạm Pháp Luật hoặc Điều lệ Công Ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 20. Thành phần và Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công Ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công Ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định như sau:
  - a. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
  - b. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
  - c. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp Luật. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ Đông của Công Ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị

Bất cứ người nào vừa là Người Thâu Tóm nhưng đồng thời lại là Đối Thủ Cạnh Tranh hoặc người đại diện của Đối Thủ Cạnh Tranh của Công Ty thì không được đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.

Cá nhân/tổ chức ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo một số điều kiện sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn tối thiểu ở mức đại học hệ chính quy (cử nhân), có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, từng giữ chức vụ quản lý cấp cao (Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám Đốc, Chủ tịch Công Ty) tại các doanh nghiệp có quy mô tổng tài sản trên 200 tỷ đồng, với thời gian tối thiểu năm (05) năm, và có độ tuổi trên ba mươi (30) tuổi.
  - c. Tình hình tài chính cá nhân lành mạnh, không có các khoản nợ xấu hoặc tiềm ẩn các khoản nợ xấu phát sinh trong mười hai (12) tháng tính từ thời điểm ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị, không sử dụng nợ vay để đầu tư cổ phiếu BCG nhằm mục đích đầu tư doanh nghiệp.
  - d. Không liên quan đến các giao dịch "thấu tóm thù địch" các doanh nghiệp khác trong quá khứ.
  - e. Không liên quan đến các hành vi "thao túng chứng khoán" trong quá khứ.
5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ Đông hoặc Nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi (60)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi (60)% đến dưới bảy mươi (70)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi (70)% đến tám mươi (80)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi (80)% đến dưới chín mươi (90)% số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trình tự, thủ tục bầu cử Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công Ty.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy Chế Quản Trị Nội Bộ. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc bị Pháp Luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;

- c. Thành viên đó (i) bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; (ii) có hành vi vi phạm Pháp Luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự; và (iii) các thành viên khác của Hội đồng quản trị đồng thuận quyết định chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng, mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Thành viên đó khi/vào thời điểm là Người Thâu Tóm nhưng đồng thời cũng vừa là Đối Thủ Cạnh Tranh hoặc người đại diện của Đối Thủ Cạnh Tranh của Công Ty;
  - g. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công Ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của mình theo cơ chế được đề cập trong Quy Chế Quản Trị Nội Bộ.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Pháp Luật, Điều lệ, Quy Chế Quản Trị Nội Bộ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định, cụ thể Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng Cổ Đông thông qua;
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với (i) Tổng Giám đốc hay, (ii) bất kỳ Cán bộ quản lý cấp cao của Công Ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc; quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những Người Quản Lý đó. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định mức tiền thù lao và lợi ích khác của những người đó;
  - d. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - e. Quyết định việc phát hành trái phiếu;

- f. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- g. Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Quản Lý đó;
- h. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- i. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
- j. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- k. Quyết định các khoản đầu tư có giá trị thấp hơn ba mươi lăm (35)% giá trị tổng tài sản Công Ty, căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính gần nhất;
- l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- m. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty.
- n. Công khai lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng, giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
- o. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình và giải thể công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- p. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công Ty hoặc Chi Nhánh, Công Ty Con (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm Công Ty và liên doanh mà có giá trị từ năm mươi (50)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty trở lên);
- q. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty;
- r. Mọi (i) việc vay, nợ và (ii) việc thực hiện mọi khoản bảo đảm và bồi thường của Công Ty với mức giá trị được quy định tại Quy Chế Quản Trị Nội Bộ;
- s. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Pháp Luật;
- t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- u. Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - v. Việc Công Ty mua hoặc thu hồi không quá mười (10)% mỗi loại cổ phần đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
  - w. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, được đề cập trong Quy Chế Quản Trị Nội Bộ;
  - x. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; và
  - y. Được quyền thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền, trừ hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.
  - z. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của Pháp Luật và Điều lệ này.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong đó có việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao trong năm tài chính.
  5. Trừ khi Pháp Luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Người Quản Lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.
  6. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo Quy Chế Quản Trị Nội Bộ.  
Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.  
Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, công ty con, công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công Ty.
  7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo chính sách thù lao thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty.
  8. Các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong

việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ Đông.

## **Điều 22. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch. Việc bầu Chủ tịch được thực hiện theo Quy Chế Quản Trị Nội Bộ. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc của Công Ty.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
  - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - f. Kiến nghị lên Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
  - g. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
  - h. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp không có người được ủy quyền, Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## **Điều 23. Các cuộc họp và các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị**

### **A- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc các thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
  - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc Công Ty hoặc ít nhất năm (05) Cán bộ quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
  - d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời



hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

#### 8. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có mặt trực tiếp với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Khoản 4 Điều 30 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.

- c. Theo quy định tại Điểm b Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
9. Biểu quyết thông qua các nghị quyết/quyết định. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.
10. Công khai lợi ích; Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi

thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
14. Biên bản cuộc họp: Thư ký Công Ty có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị và người ghi biên bản tham dự cuộc họp. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị không thể sử dụng được tiếng Việt, thì nội dung biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể được dịch sang tiếng Anh và thành viên đó phải ký tên trên cả biên bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.
15. Những người được mời họp dự thính: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Tổng

Giám đốc, những Cán bộ quản lý cấp cao và các chuyên gia có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.

#### **B- Các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban nhân sự, Hội đồng đầu tư và một số Hội đồng. Ủy ban khác căn cứ vào nhu cầu thực tế, để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Hội đồng, Ủy ban đặc biệt sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các Hội đồng, Ủy ban quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Thành viên của Hội đồng, Ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Hội đồng, Ủy ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các Hội đồng, Ủy ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Hội đồng, Ủy ban nhưng (i) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài không nhiều hơn một nửa tổng số thành viên của Hội đồng, Ủy ban và (ii) nghị quyết của các Hội đồng, Ủy ban chỉ có hiệu lực khi các thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp có hơn năm mươi (50)% thành viên Hội đồng quản trị của các Hội đồng, Ủy ban đó.

4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc chỉ định thành viên của Hội đồng, Ủy ban có thể có sai sót.
5. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Hội đồng, Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên.

### **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

#### **Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công Ty có một (01) Tổng Giám đốc và một số Giám đốc điều hành (hoặc Phó Tổng Giám đốc) và một (01) Giám đốc Tài chính (CFO) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức. Theo đó:

1. Giám đốc điều hành (hoặc Phó Tổng Giám đốc) là người giúp Tổng Giám đốc một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Pháp Luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền.

2. Kế toán trưởng là người giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác đầu tư, kế toán, quản trị tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của Công Ty theo đúng quy định của Pháp Luật.

#### **Điều 25. Cán bộ quản lý cấp cao**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công Ty sẽ có một số lượng nhất định và vị trí Cán bộ quản lý cấp cao cần thiết và thích hợp với cơ cấu tổ chức và thông lệ quản lý Công Ty do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những Cán bộ quản lý cấp cao sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

#### **Điều 26. Bổ nhiệm, Bãi nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. **Bổ nhiệm:** Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công Ty.
2. **Điều kiện và tiêu chuẩn:**
  - a. Tổng Giám đốc không được là người thuộc những trường hợp bị Pháp Luật cấm giữ chức vụ này quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, tức là: (i) những người chưa thành niên, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; (ii) người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù; (iii) nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và (iv) người trong thời hạn bị cấm làm người quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp, Chủ nhiệm, các thành viên Ban quản trị hợp tác xã đã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
  - b. Không được là người có quan hệ gia đình của Người Quản Lý, Kiểm soát viên của Công Ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công Ty;
  - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công Ty.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
4. **Quyền hạn và nhiệm vụ:** Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- c. Kiến nghị số lượng và các vị trí quản lý mà Công Ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm khi cần thiết đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ quản lý cấp cao;
  - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ Đông;
  - e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
  - f. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm và phương án đầu tư của Công Ty do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
  - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;
  - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty do Hội đồng quản trị ban hành;
  - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - j. Tổng Giám đốc sẽ là người đại diện cho Công Ty hoặc ủy quyền cho Cán bộ quản lý cấp cao để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
  - k. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;
  - l. Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của Pháp Luật, Điều lệ này và các quy chế của Công Ty do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công Ty.  
Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.
5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ Đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
6. Bãi nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công Ty;
- b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công Ty;
- b. Vi phạm Pháp Luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

## **Điều 27. Thư ký Công Ty**

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều Thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công Ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công Ty kiêm nhiệm người phụ trách quản trị Công Ty bao gồm:
  - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;
  - b. Chuẩn bị và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c. Tham dự và lập biên bản các cuộc họp;
  - d. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - e. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
  - g. Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Pháp Luật;
  - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Pháp Luật.
2. Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều lệ.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 28. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:
  - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao trong việc quản lý và điều hành Công Ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
  - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công Ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; Rà soát hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên Quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;
- e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này;
- f. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- g. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;
- h. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều 29 và Điều 30 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- i. Ban kiểm soát được quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- j. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty thì Ban kiểm soát sẽ có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
  - j1. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - j2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - j3. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - j4. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công Ty;

- k. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
  - l. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
  - m. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - n. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ Đông;
  - o. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc;
  - p. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều 170, Điều 171 và Điều 173 và các quy định khác của Luật Doanh Nghiệp và Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
2. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười (10)% số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết lại để đề cử, ứng cử để bầu vào Ban Kiểm soát.
- Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ mười (10)% đến dưới hai mươi (20)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi (20)% đến dưới ba mươi (30)% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi (30)% đến dưới bốn mươi (40)% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi (40)% đến dưới năm mươi (50)% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi (50)% đến dưới sáu mươi (60)% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- Trình tự, thủ tục bầu cử Ban kiểm soát được thực hiện theo quy chế bầu cử của Công Ty.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy Chế Quản Trị Nội Bộ. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công Ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
4. Ban kiểm soát không được có ít hơn ba (03) thành viên và nhiều hơn năm (05) thành viên, số lượng cụ thể sẽ được Hội đồng quản trị trình và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định nêu tại Điều lệ này. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không phải cổ đông, thành viên có phần vốn góp hay nhân viên



của công ty kiểm toán độc lập đã thực hiện các báo cáo tài chính của Công Ty trong ba (03) năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là Người Có Liên Quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao của Công Ty. Thành viên Ban kiểm soát có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam nhưng phải đảm bảo có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam. Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải là người có chuyên môn về kế toán và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là chủ tọa cuộc họp;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; và
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
5. Tổng mức tiền thù lao của Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.
6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
7. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
8. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị Pháp Luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
  - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và những thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO

### Điều 29. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Hội đồng, Ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và vì lợi ích cao nhất của Công Ty với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác; đồng thời phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác, bao gồm cả các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính Người Quản Lý hoặc với Người Có Liên Quan của họ theo quy định của Pháp Luật. Đối với các giao dịch do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Nội dung thông báo bao gồm:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
  - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười (10)% Vốn Điều Lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

3. Công Ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao không phải là Cổ Đông và Người Có Liên Quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp (i) Công Ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; (ii) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; (iii) pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
4. Theo Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty và các đối tượng sau đây:
  - a. Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông sở hữu trên mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ; hoặc
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người Có Liên Quan của họ; hoặc
  - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
  - d. Giao dịch giữa Công Ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao và Người Có Liên Quan của họ sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:
    - i. Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản Công Ty và Chi Nhánh ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;
    - ii. Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản Công Ty và Chi Nhánh trở lên hoặc các hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao và Người Có Liên Quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, một Cán bộ quản lý cấp cao hay Người Có Liên Quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công Ty hoặc Công Ty Con vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ Đông khác lại không biết những thông tin này.

### **Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cần và năng lực chuyên môn theo quy định tại Điều lệ này và Quy Chế Quản Trị Nội Bộ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công Ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý cấp cao, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
  - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty;
  - b. Tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép.

Công Ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người được quy định tại Khoản 2 Điều này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên theo quy định như sau:

- a. Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- b. Hội đồng quản trị phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao; và
- c. Tổng Giám đốc quyết định việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với những trường hợp không thuộc quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
  - c. Yêu cầu kiểm tra do phía đại diện được uỷ quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý cấp cao có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công Ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính của Công Ty.
4. Điều lệ phải được công bố trên website của Công Ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 33. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Cán bộ quản lý cấp cao.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định của Pháp Luật.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 34. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty.
3. Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng.
6. Theo chấp thuận của các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, TRÍCH LẬP QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

##### **Điều 35. Tài khoản ngân hàng**

1. Công Ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp Luật, nếu cần thiết.
3. Công Ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

##### **Điều 36. Trích lập Quỹ**

Hàng năm, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công Ty, bao gồm: (i) một khoản trích vào Quỹ dự phòng tài chính.

Khoản này không được vượt quá năm (05)% lợi nhuận sau thuế của Công Ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng mười (10)% Vốn Điều Lệ của Công Ty; (ii) 15% để lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi. Tỷ lệ (%) trích lập các quỹ có thể thay đổi theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

### **Điều 37. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Ngày Thành Lập và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng Mười Hai của năm đó, nếu Pháp Luật cho phép.

### **Điều 38. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công Ty sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 39. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công Ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công Ty là một công ty mẹ thì báo cáo tài chính hàng năm còn phải bao gồm cả báo cáo tài chính riêng của Công Ty lẫn Báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công Ty và các Công Ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công Ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công Ty phải được công bố trên website của Công Ty.

## **Điều 40. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Việc công bố thông tin và thông báo ra công chúng của Công Ty được thực hiện theo các quy định của Pháp Luật.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 41. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.  
Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty phải là những công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
2. Công Ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
5. Đại diện của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty được mời tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 42. Con dấu**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công Ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công Ty;
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp Luật hiện hành và Quy Chế Quản Trị Nội Bộ.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 43. Giải thể Công Ty**

1. Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc Thời Hạn Hoạt Động của Công Ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b. Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của Pháp Luật hiện hành;



- b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Việc giải thể Công Ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

**Điều 44. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ Đông**

Các Cổ Đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể Công Ty khi xảy ra một hay một số các tình huống sau:

- 1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công Ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hành động.
- 2. Các Cổ Đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- 3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ Đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ Đông.

**Điều 45. Thanh lý**

- 1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước sau khi có một quyết định giải thể Công Ty, Hội đồng quản trị phải thành lập ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.
- 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
  - d. Các khoản vay (nếu có);
  - e. Các khoản nợ khác của Công Ty;
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước (nếu có).

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công Ty hay tới quyền của các Cổ Đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh Nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a. Cổ Đông với Công Ty; hoặc
  - b. Cổ Đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ quản lý cấp cao;thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 48. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm hai mươi một (21) Chương, bốn mươi chín (49) Điều, có hiệu lực từ ngày **20 tháng 06 năm 2024**.
2. Điều lệ này được lập thành ba (03) bản có giá trị như nhau, 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 02 (hai) bản lưu trữ tại trụ sở chính Công Ty;
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật.

**Điều 49. Chữ ký Người đại diện theo pháp luật**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NG WEE SIONG, LEONARD**



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0314445458**

*Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 06 năm 2017*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 17, ngày 10 tháng 04 năm 2024*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BCG ENERGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BCG ENERGY

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: 0862680680

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ: 7.300.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Bảy nghìn ba trăm tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 730.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: PHẠM MINH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 22/07/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001077017938

Ngày cấp: 17/05/2021

Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội

Địa chỉ thường trú: *Số 95 Phố 8/3, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *204 B7/2/9 Nguyễn Văn Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

\* Họ và tên: NG WEE SIONG, LEONARD

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 26/11/1985 Dân tộc: Quốc tịch: Singapore

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: K1775060H

Ngày cấp: 05/01/2020 Nơi cấp: Singapore

Địa chỉ thường trú: Bukit Batok Street 33 Block 330, #09-115, Singapore 650330, Singapore

Địa chỉ liên lạc: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số chứng thực ~~109999~~ nguyên số SCT/BS

Ngày 24-05-2024

TRƯỜNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Võ Cẩm Tú

CÔNG CHỨNG VIÊN  
Trần Thị Thu Hồng

# CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

*Báo cáo tài chính riêng  
Quý 1 năm 2024*



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	04-05
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	06
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	07
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	08-34

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 17 ngày 10 tháng 4 năm 2024.

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch (đến 29/03/2024)
Ông Ng Wee Siong Leonard	Chủ tịch (từ 29/03/2024) - Thành viên ĐL HĐQT
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Trung Thành	Phó Chủ tịch (từ 29/03/2024)
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên độc lập (từ 29/03/2024)

### Ban Kiểm soát

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Tan Bo Quan Andy	Thành viên (đến 29/03/2024)
Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến	Thành viên (từ 29/03/2024)

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Vân Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD mua sắm và đầu thầu
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD Tài Chính
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài trợ dự án (từ 20/03/2024)

### Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT (đến 10/04/2024)
Ông Ng Wee Siong Leonard	Chủ tịch HĐQT (từ 10/04/2024)
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc

### Trụ sở chính

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của Công ty thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Phê chuẩn báo cáo tài chính riêng** ✓

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Phạm Minh Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

**Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam**  
**Ngày 16 tháng 04 năm 2024**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý I năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3,613,492,694,802</b>	<b>2,997,016,695,574</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7,620,507,248</b>	<b>14,952,726,806</b>
1. Tiền	111	3	7,620,507,248	14,952,726,806
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>490,592,380,000</b>	<b>592,380,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	8a	490,000,000,000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8b	592,380,000	592,380,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3,110,394,635,591</b>	<b>2,974,852,964,522</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	36,879,941,380	34,048,831,180
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	37,434,627,300	37,334,627,300
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7a	467,221,300,000	405,340,300,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9a	2,568,858,766,911	2,498,129,206,042
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,885,171,963</b>	<b>6,618,624,246</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6a	1,332,768,836	3,182,796,468
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,552,403,127	3,435,827,778
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5,630,929,397,247</b>	<b>5,543,574,583,075</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>350,787,180,000</b>	<b>348,817,180,000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7b	350,777,180,000	348,807,180,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9b	10,000,000	10,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6,633,986,868</b>	<b>6,888,168,390</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	6,633,986,868	6,888,168,390
- Nguyên giá	222		9,674,875,456	9,674,875,456
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,040,888,588)	(2,786,707,066)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>513,535,623</b>	<b>513,535,623</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		513,535,623	513,535,623
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	8c	<b>5,272,772,684,464</b>	<b>5,187,008,183,228</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		5,387,131,173,850	5,387,131,173,850
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		27,157,712,350	27,157,712,350
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		204,645,000,000	82,145,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(346,161,201,736)	(309,425,702,972)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>222,010,292</b>	<b>347,515,834</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6b	222,010,292	347,515,834
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>9,244,422,092,049</b>	<b>8,540,591,278,649</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,839,299,772,889</b>	<b>1,179,966,921,304</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,733,671,790,658</b>	<b>1,074,338,939,073</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11a	656,332,467,465	170,168,496,154
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	931,650,040,000	833,373,000,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	332,757,511	300,069,666
4. Phải trả người lao động	314		1,627,670,429	1,576,622,500
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	4,251,552,053	3,648,056,273
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9,582,303,200	18,377,694,480
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	129,895,000,000	46,895,000,000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>105,627,982,231</b>	<b>105,627,982,231</b>
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331	11b	105,627,982,231	105,627,982,231
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7,405,122,319,160</b>	<b>7,360,624,357,345</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>7,405,122,319,160</b>	<b>7,360,624,357,345</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		7,300,000,000,000	7,300,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7,300,000,000,000	7,300,000,000,000
<b>2. Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>421</b>		<b>105,122,319,160</b>	<b>60,624,357,346</b>
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		60,624,357,346	(61,151,176,893)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		44,497,961,814	121,775,534,238
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>9,244,422,092,049</b>	<b>8,540,591,278,649</b>

Người lập  
  
Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng  
  
Lưu Khánh Trường

Ngày lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Tổng giám đốc  
  
Phạm Minh Tuấn



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý 1 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1.2024	Quý 1.2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	7,967,871,000	9,880,875,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7,967,871,000	9,880,875,000
4. Giá vốn hàng bán	11	19	6,415,732,049	6,323,995,146
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,552,138,951	3,556,879,854
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	89,868,684,683	116,674,516,053
7. Chi phí tài chính	22	21	40,619,552,528	95,842,493,648
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,241,491,780	90,880,372,436
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	6,294,926,468	5,966,317,292
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44,506,344,638	18,422,584,967
11. Thu nhập khác	31	23	600	5,456,150,000
12. Chi phí khác	32	24	8,383,424	5,450,089
13. Lợi nhuận khác	40		(8,382,824)	5,450,699,911
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44,497,961,814	23,873,284,878
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44,497,961,814	23,873,284,878

Người lập  
  
Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng  
  
Lưu Khánh Trường

Ngày lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Tổng giám đốc  
  
Phạm Minh Tuấn



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý I năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1.2024	Quý 1.2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		44,497,961,814	23,873,284,878
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		254,181,522	256,609,297
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	04		36,735,498,764	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		(17,423,766,507)	(18,044,379,069)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		2,241,491,780	91,297,039,103
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		-	-
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		66,305,367,373	97,382,554,209
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(24,391,233,726)	(101,427,193,691)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập	11		-	-
doanh nghiệp phải nộp)			569,191,359,805	50,280,399,219
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1,975,533,174	4,776,571,113
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(490,000,000,000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(2,083,018,381)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>123,081,026,627</b>	<b>48,929,312,469</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(79,851,000,000)	(66,677,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(16,000,000,000)	58,474,835,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(117,600,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37,753,814	743,565,893
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(213,413,246,186)</b>	<b>(7,458,599,107)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32		-	-
nh nghiệp đã phát hành			-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		83,000,000,000	29,704,347,604
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(91,273,551,770)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>83,000,000,000</b>	<b>(61,569,204,166)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(7,332,219,558)</b>	<b>(20,098,490,804)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14,952,726,806	29,294,646,964
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	VII	<b>7,620,507,248</b>	<b>9,196,156,160</b>

Người lập  
  
Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng  
  
Lưu Khánh Trường

Ngày lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
Phạm Minh Tuấn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 10 tháng 04 năm 2024.

Chi tiết chủ sở hữu của Công ty tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 17.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Tập đoàn có 10 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.03.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %
<b>Công ty con trực tiếp</b>							
1	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Sản xuất điện	Bến Lức, Long An	91.84	91.84	91.84	91.84
2	Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Xanh (i)	Sản xuất điện	Phú Mỹ, Bình Định	51.00	41.28	51.00	41.28
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Krông Pa, Gia Lai	51.00	51.00	51.00	51.00
4	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	Vũng Liêm, Vĩnh Long	50.50	50.50	50.50	50.50
5	Công ty Cổ phần Skylar	Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	99.00	99.00	99.00	99.00
6	Công ty Cổ phần BCG GAIA	Hoạt động tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	50.97	50.23	50.97	50.23
7	Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Mỹ Huyền, Sóc Trăng	90.00	90.00	90.00	90.00
8	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Sản xuất điện	Trà Vinh	100.00	99.90	100.00	99.90

## 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	31.03.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %
<b>Công ty con trực tiếp (tiếp theo)</b>							
9	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	Trà Vinh	100.00	99.93	100.00	99.93
10	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99.00	99.00	99.00	99.00
<b>Công ty con gián tiếp</b>							
1	Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	TP. Hồ Chí Minh	99.80	98.80	99.80	98.80
2	Công ty Cổ phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69.00	68.31	69.00	68.31
3	Công ty Cổ phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69.00	68.31	69.00	68.31
4	Công ty Cổ phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69.00	68.31	69.00	68.31
5	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	Thanh Hóa, Long An	99.90	50.23	99.90	50.23
6	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	Thanh Hóa, Long An	99.90	50.23	99.90	50.23
7	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	Sản xuất điện	TP. Hà Nội	99.80	98.80	99.80	98.80
8	Công ty Cổ phần Cosmos Solar (ii)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh			99.00	98.01
<b>Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp</b>							
1	Công ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50.00	50.00	50.00	50.00
2	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Truyền tải và phân phối điện	TP. Hồ Chí Minh	49.00	49.00	49.00	49.00
<b>Công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con</b>							
1	Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50.00	49.50	50.00	49.50

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)**

(i) Theo các Ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.

(ii) Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ-ĐHĐCD-COSMOS ngày 6 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông quyết định phê duyệt giải thể Công ty Cổ phần Cosmos Solar. Tại ngày 20 tháng 2 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể công ty con này.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Công ty có 65 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 61 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trung kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.5 Tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.7 Đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoãn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

**(b) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi số ban đầu.

**2.8 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận trước thuế.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

(i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

(ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phần chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

(iii) Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong kỳ theo tỷ lệ tham gia.

(iv) Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.9 Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế hoạch giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")**

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Thiết bị quản lý	2 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.11 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.13 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.14 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**2.15 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

**2.16 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cầu phần nợ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi theo phương pháp lãi suất thực. Cầu phần nợ được ghi nhận là nợ phải trả; cầu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Sau ghi nhận ban đầu, định kỳ Công ty ghi nhận lãi trái phiếu theo lãi suất thực. Các chi phí phát hành trái phiếu khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn, cầu phần vốn là giá trị quyền chọn cổ phiếu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.17 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2.18 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.19 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng dựa vào ngày thông báo của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.20 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(b) Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.21 Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.22 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu; dự phòng đầu tư tài chính; chi phí tài chính khác.

**2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

**2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của hàng cần đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.25 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và các công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.26 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

**2.27 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

Đơn vị tính: VND

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2024	Số đầu năm
- Tiền gửi ngân hàng	7,620,507,248	14,952,726,806
	<b>7,620,507,248</b>	<b>14,952,726,806</b>

**4 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/03/2024	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Skylar	3,799,468,500	7,058,205,500
- Công ty Cổ phần Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Xanh	3,964,280,000	3,226,424,000
- Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	20,653,944,800	17,044,883,200
- Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	3,632,584,400	2,745,572,400
- Công Ty Cổ Phần BCG Gaia	972,000,000	648,000,000
- Công Ty TNHH Hamwha BCGE - O&M	-	529,200,000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	3,455,465,200	2,394,347,600
- Khách hàng khác	402,198,480	402,198,480
	<b>36,879,941,380</b>	<b>34,048,831,180</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))</i>	<i>36,879,941,380</i>	<i>34,048,831,180</i>

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/03/2024	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nhu Trung (*)	36,000,000,000	36,000,000,000
- Viện Năng lượng	980,000,000	980,000,000
- Khác	454,627,300	354,627,300
	<b>37,434,627,300</b>	<b>37,334,627,300</b>

(\*) Đây là khoản đặt cọc cho việc chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nhu Trung theo Thỏa thuận Đặt cọc số 1801/2021/HDDC ký ngày 18 tháng 1 năm 2021 về việc đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần và biên bản làm việc ngày 21 tháng 12 năm 2022 cho việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến hết năm 2024.

**6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2024	Số đầu năm
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Chi phí khác chờ phân bổ	1,332,768,836	3,182,796,468
	<b>1,332,768,836</b>	<b>3,182,796,468</b>
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	10,099,677	92,808,047
- Chi phí khác chờ phân bổ	211,910,615	254,707,787
	<b>222,010,292</b>	<b>347,515,834</b>



*Đơn vị tính: VND*

**7 PHẢI THU VÊ CHO VAY**

	<b>31/03/2024</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công ty CP Phát Triển tầm nhìn Năng Lượng Sạch	362,236,000,000	362,236,000,000
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	876,300,000	5,226,300,000
- Công ty Cổ phần Skylar	31,736,000,000	22,020,000,000
- Công Ty CP Aurai Wind Energy	10,352,000,000	14,422,000,000
- Công Ty Cổ Phần E Power I	733,000,000	169,000,000
- Các công ty khác	61,288,000,000	1,267,000,000
	<b>467,221,300,000</b>	<b>405,340,300,000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))</i>	<i>416,821,300,000</i>	<i>405,340,300,000</i>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	2,375,180,000	1,775,180,000
- Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	1,313,000,000	1,193,000,000
- Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	337,254,000,000	337,254,000,000
- Khách hàng khác	9,835,000,000	8,585,000,000
	<b>350,777,180,000</b>	<b>348,807,180,000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))</i>	<i>350,777,180,000</i>	<i>348,807,180,000</i>

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2024		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	592,380,000	592,380,000	592,380,000	592,380,000
	592,380,000	592,380,000	592,380,000	592,380,000
		31/03/2024		Số đầu năm
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
<b>b. Chứng khoán kinh doanh(**)</b>	490,000,000,000	(*)	-	Dư phòng
<b>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	5,618,933,886,200	(346,161,201,737)	5,496,433,886,200	(309,425,702,972)
<b>c.1. Đầu tư vào công ty con</b>	5,387,131,173,850	(344,073,330,766)	5,387,131,173,850	(307,337,832,001)
- Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	540,000,000,000	(*)	540,000,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	108,000,000,000	(*)	108,000,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Skylar	495,000,000,000	(*)	495,000,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhân Năng Lượng Xanh	761,525,278,271	(*)	761,525,278,271	(*)
- Công ty Cổ phần Auram Wind Energy	742,500,000,000	(*)	742,500,000,000	(*)
- Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	567,350,000,000	(*)	567,350,000,000	(*)
- Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	806,475,000,000	(*)	806,475,000,000	(*)
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành	122,400,000,000	(*)	122,400,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	181,340,909,091	(*)	181,340,909,091	(*)
- Công ty Cổ phần BCG Gaza	1,062,539,986,488	(*)	1,062,539,986,488	(*)
<b>c.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	27,157,712,350	(2,087,870,971)	27,157,712,350	(2,087,870,971)
- Công ty TNHH Skylight Power	24,952,712,350	(*)	24,952,712,350	(*)
- Công ty TNHH Hamwha BCGE - O&M	2,205,000,000	(*)	2,205,000,000	(*)
<b>c.3. Đầu tư vào các đơn vị khác</b>	204,645,000,000	-	82,145,000,000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Hamwha - BCG Bình Dương	785,000,000	(*)	785,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Bình Dương	360,000,000	(*)	360,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1	59,400,000,000	(*)	59,400,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	21,600,000,000	(*)	21,600,000,000	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (*)	122,400,000,000	(*)	122,400,000,000	(*)
<b>Tổng cộng</b>	<b>6,109,526,266,200</b>	<b>(346,161,201,737)</b>	<b>5,497,026,266,200</b>	<b>(309,425,702,972)</b>

**Ghi chú:**

(\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 01 năm 2024, PHA được thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan tới việc mua bán cổ phần của BCGE với Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/03/2024		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>2,568,858,766,911</b>	-	<b>2,498,129,206,042</b>	-
- Tạm ứng		-		-
+ Phan Trùng Điệp	108,600,000	-	51,800,000	-
+ Các đối tượng khác	812,830,000	-	30,000,000	-
	<b>921,430,000</b>		<b>81,800,000</b>	
- Phải thu gốc BCC		-		-
+ Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1 (1)(*)	2,380,135,455,067	-	2,380,135,455,067	-
	<b>2,380,135,455,067</b>		<b>2,380,135,455,067</b>	
- Phải thu lãi BCC		-		-
+ Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1 (1)(*)	52,503,918,176	-	-	-
	<b>52,503,918,176</b>			
- Phải thu lãi vay		-		-
Công Ty Cp Bcg Wind Sóc Trăng	579,062,057	-	550,833,298	-
Công Ty Cp Năng Lượng Bcg Thanh Hóa	560,959	-	-	-
Công Ty TNHH Skylight Power	7,211,202	-	-	-
Công Ty Cp Mega Solar	4,136,299	-	3,350,957	-
Công Ty Cp Năng Lượng Dương Phong	45,149,671	-	28,218,082	-
Công Ty Cổ Phần Skylar	2,446,381,202	-	1,809,108,216	-
Công Ty Cp Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	124,811,653,055	-	109,569,883,548	-
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	4,661,355,020	-	4,267,752,161	-
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	220,810,672	-	175,486,086	-
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	165,868,824	-	137,243,152	-
Công Ty TNHH ĐT và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	6,657,534	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1	356,687,007	-	219,975,528	-
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 2	87,189,039	-	68,789,587	-
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 3	165,009,210	-	109,047,950	-
Công Ty Cổ Phần E Power 1	11,969,015	-	1,725,535	-
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	24,558,903	-	11,095,890	-
Nguyễn Thị Minh Thương	744,263,014	-	-	-
	<b>134,338,522,683</b>		<b>116,952,509,990</b>	
- Phải thu khác		-		-
+ Công Ty CP ĐT PT Công Nghiệp Và Vận Tải	959,440,985	-	959,440,985	-
	<b>959,440,985</b>		<b>959,440,985</b>	

Ghi chú: (\*)

Bên nhận	Số dư	Hợp đồng	Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chi lợi nhuận
Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1	2,432,639,373,243	số 270421 BCG-KL1	20/04/2024	Dự án điện gió Khu du lịch Khai Long-Cá Mau giai đoạn 1	Lợi nhuận 12% năm

<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>10,000,000</b>	-	<b>10,000,000</b>	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	10,000,000	-	10,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,568,868,766,911</b>	-	<b>2,498,139,206,042</b>	-

**Ghi chú: (1)**

(1) Thông qua Nghị quyết số 10/2021/NQ-BHĐCĐ-BCGE ngày 15/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần BCG Energy, Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 270421 BCG-KL1 ngày 20/04/2021 với Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 về việc đầu tư phát triển Dự án Nhà máy điện gió KDL Khai Long-Giai đoạn 1, thời hạn hợp tác là 03 năm.

## 10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
1. Số dư đầu năm	155,200,001	9,468,775,455	50,900,000	9,674,875,456
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	155,200,001	9,468,775,455	50,900,000	9,674,875,456
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu năm	108,741,656	2,650,394,581	27,570,829	2,786,707,066
2. Số tăng trong năm	5,574,999	242,244,024	6,362,499	254,181,522
- Khấu hao tăng trong năm	5,574,999	242,244,024	6,362,499	254,181,522
- Tăng khác	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	114,316,655	2,892,638,605	33,933,328	3,040,888,588
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>				
1. Số dư đầu năm	46,458,345	6,818,380,874	23,329,171	6,888,168,390
2. Số dư cuối năm	40,883,346	6,576,136,850	16,966,672	6,633,986,868

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2024		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngân hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	3,563,467,374	3,563,467,374	5,372,067,374	5,372,067,374
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	9,714,275,465	9,714,275,465	8,530,960,577	8,530,960,577
- Công ty TNHH Thái Hòa	1,650,000,000	1,650,000,000	1,650,000,000	1,650,000,000
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	165,550,000	165,550,000	165,550,000	165,550,000
- Nguyễn Văn Lạc	47,000,000,000	47,000,000,000	52,000,000,000	52,000,000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công Nghiệp và Vận Tải	58,000,000,000	58,000,000,000	58,000,000,000	58,000,000,000
- Hồ Quang Chiến	8,950,049,950	8,950,049,950	8,950,049,950	8,950,049,950
- Công ty TNHH Xây Dựng Thuận Nguyên	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000	30,000,000,000
- Ngô Đức Thắng	494,900,000,000	494,900,000,000		
- Các đối tượng khác	2,389,124,676	2,389,124,676	5,499,868,253	5,499,868,253
	<b>656,332,467,465</b>	<b>656,332,467,465</b>	<b>170,168,496,154</b>	<b>170,168,496,154</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Bên liên quan (Theo minh 28(b))</i>	<i>61,563,733,374</i>	<i>-</i>	<i>118,415,965,374</i>	
<b>b. Dài hạn</b>				
- Nguyễn Văn Lạc	105,627,982,231	105,627,982,231	105,627,982,231	105,627,982,231
	<b>105,627,982,231</b>	<b>105,627,982,231</b>	<b>105,627,982,231</b>	<b>105,627,982,231</b>

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

	31/03/2024	Số đầu năm
- Công Ty Cp Aural Wind Energy	833,373,000,000	833,373,000,000
- Sus Vietnam Holding Pte. Ltd (*)	98,277,040,000	
	<b>931,650,040,000</b>	<b>833,373,000,000</b>

Ghi chú: (\*)

Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-HDQT-BCGE ngày 31 tháng 01 năm 2024, Phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan từ việc mua bán cổ phần của BCGE với Công ty Cổ Phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd.  
Theo thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty CP BCG Energy và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd ký ngày 02/02/2024.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp/Cần trả trong năm	31/03/2024
<b>a. Phải nộp</b>	<b>300,069,666</b>	<b>1,231,975,799</b>	<b>1,199,287,954</b>	<b>332,757,511</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	399,471,200	399,471,200	-
Thuế thu nhập cá nhân	300,069,666	829,504,599	796,816,754	332,757,511
Thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2024	Số đầu năm
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	3,851,552,053	1,610,060,273
- Trích trước chi phí lương tháng 13	400,000,000	1,677,596,000
- Trích trước CP phải trả khác		360,000,000
	<b>4,251,552,053</b>	<b>3,648,056,273</b>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2024	Số đầu năm
- KPCD, BHXH, BHYT, BHTN	351,394,800	77,765,280
- Phải trả gốc BCC (*)	9,196,590,000	18,267,590,000
+ Công ty Cổ phần BCG Mega Solar	2,409,000,000	11,480,000,000
+ Cty CP BCG Vĩnh Long	6,787,590,000	6,787,590,000
- Phải trả khác	34,318,400	32,339,200
	<b>9,582,303,200</b>	<b>18,377,694,480</b>

(\*) Chỉ tiết phải trả gốc BCC

Bên góp BCC	Số tiền (VND)	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (i)	6,787,590,000	01/02/2021/HTKD-BCGE-VNECO: 1/02/2021 - 1/7/2022	Hợp tác hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến công tác hoàn công quyết toán dự án Nhà máy điện mặt trời Vneco - Vĩnh Long	•1% lợi nhuận của bên nhận góp vốn và trong thời gian BCC có hiệu lực
Công ty Cổ phần Mega Solar	2,409,000,000	06/12/2022/HTKD/B CGE-MGS: 6/12/2022 - 6/12/2023 7/12/2023 - 6/12/2024	Hợp tác đầu tư cho các dự án	•Theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án •Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
	<b>9,196,590,000</b>			

(i) Theo thỏa thuận chấm dứt BCC giữa Công ty và các bên góp BCC, Công ty có nghĩa vụ hoàn trả các khoản này chậm nhất trong vòng 74 tháng kể từ ngày kết thúc BCC.

**16 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 01/01/2024		Tại ngày 31/03/2024				
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Phân loại lại	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Tổng</b>	<b>46,895,000,000</b>	<b>46,895,000,000</b>	<b>83,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>129,895,000,000</b>	<b>129,895,000,000</b>
+ Trán Thi kiều Tiên	-	-	70,000,000,000	-	-	70,000,000,000	70,000,000,000
+ Huỳnh Phúc Đạt	46,895,000,000	46,895,000,000	13,000,000,000	-	-	59,895,000,000	59,895,000,000

(1) Hợp đồng vay giữa Công ty CP BCG Energy và Huỳnh Phúc Đạt số 04082023/2023/HĐV BCGE-HPD ngày 04/08/2023. Số tiền 46,895 tỷ đồng. Thời hạn 12 tháng kể từ ngày vay. Lãi suất 10%/năm.

(2) Hợp đồng vay giữa Công ty CP BCG Energy và Trán Thi Kiều Tiên số 0204/2024 ngày 05/02/2024. Số tiền 70 tỷ đồng. Thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được khoản vay. Lãi suất 7%/năm.

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>a. Số dư tại ngày 01/01/2023</b>			
- Tăng vốn trong năm trước	4,500,000,000,000	(61,151,176,893)	4,438,848,823,107
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm trước	2,800,000,000,000	-	2,800,000,000,000
- Chia cổ tức	-	121,775,534,238	121,775,534,238
- Giám khác			
<b>b. Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	7,300,000,000,000	60,624,357,345	7,360,624,357,345
<b>c. Số dư tại ngày 01/01/2024</b>	7,300,000,000,000	60,624,357,345	7,360,624,357,345
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu			
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm nay	-	44,497,961,814	44,497,961,814
- Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-
<b>d. Số dư tại ngày 30/09/2023</b>	7,300,000,000,000	105,122,319,159	7,405,122,319,159



## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

## b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2024	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	3,698,000,000,000	3,698,000,000,000
- Cty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	85,000,000,000	85,000,000,000
- Cty CP chứng khoán SBS	60,000,000,000	60,000,000,000
- Các cổ đông khác	3,457,000,000,000	3,457,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>7,300,000,000,000</b>	<b>7,300,000,000,000</b>

## c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/03/2024	Số đầu năm
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	7,300,000,000,000	7,300,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	7,300,000,000,000	7,300,000,000,000

## d. Cổ phiếu

	31/03/2024	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	730,000,000	730,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	730,000,000	730,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	730,000,000	730,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730,000,000	730,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	730,000,000	730,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

		Đơn vị tính: VND	
<b>18</b>	<b>DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
		Quý 1.2024	Quý 1.2023
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7,967,871,000	9,880,875,000
	<b>Cộng</b>	<b>7,967,871,000</b>	<b>9,880,875,000</b>
<b>19</b>	<b>GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
		Quý 1.2024	Quý 1.2023
	- Giá vốn dịch vụ	6,415,732,049	6,323,995,146
	<b>Cộng</b>	<b>6,415,732,049</b>	<b>6,323,995,146</b>
<b>20</b>	<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
		Quý 1.2024	Quý 1.2023
	- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17,423,766,507	18,044,379,069
	- Lãi thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư, đầu tư khác	72,444,918,176	98,630,136,984
	<b>Cộng</b>	<b>89,868,684,683</b>	<b>116,674,516,053</b>
<b>21</b>	<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
		Quý 1.2024	Quý 1.2023
	- Chi phí lãi vay	2,241,491,780	2,788,258,033
	- Chi phí lãi trái phiếu		88,092,114,403
	- Chi phí phát hành trái phiếu		416,666,667
	- Dự phòng đầu tư tài chính	56,463,998,777	
	- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(19,728,500,012)	
	- Chi phí tài chính khác	1,642,561,983	4,545,454,545
	<b>Cộng</b>	<b>40,619,552,528</b>	<b>95,842,493,648</b>
<b>22.</b>	<b>CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
		Quý 1.2024	Quý 1.2023
	<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
	- Chi phí nhân viên quản lý	2,866,173,666	2,906,921,476
	- Chi phí vật liệu quản lý	240,701,091	47,667,882
	- Chi phí đồ dùng văn phòng	112,733,245	148,465,860
	- Chi phí khấu hao	76,254,456	76,982,789
	- Thuế, phí và lệ phí	3,000,000	25,350,245
	- Chi phí dự phòng		
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,697,207,822	2,707,704,302
	- Chi phí bằng tiền khác	298,856,188	53,224,738
	<b>Cộng</b>	<b>6,294,926,468</b>	<b>5,966,317,292</b>

Đơn vị tính: VND

**23 THU NHẬP KHÁC**

	Quý 1.2024	Quý 1.2023
- Các khoản khác	600	5,456,150,000
<b>Cộng</b>	<b>600</b>	<b>5,456,150,000</b>

**24 CHI PHÍ KHÁC**

	Quý 1.2024	Quý 1.2023
- Các khoản khác	8,383,424	5,450,089
<b>Cộng</b>	<b>8,383,424</b>	<b>5,450,089</b>

**25 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý 1.2024	Quý 1.2023
- Chi phí nhân công	6,523,337,719	6,632,505,235
- Chi phí khấu hao TSCĐ	254,181,522	256,609,297
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,056,759,681	5,126,489,181
- Chi phí bằng tiền khác	876,379,595	274,708,725
<b>Cộng</b>	<b>12,710,658,517</b>	<b>12,290,312,438</b>

**26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý 1.2024	Quý 1.2023
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44,497,961,814	23,873,284,878
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	91,526,414	88,593,079
+ Các khoản điều chỉnh tăng	91,526,414	88,593,079
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	44,589,488,228	23,961,877,957
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(44,589,488,228)	(69,550,933,356)
- Tổng thu nhập tính thuế	0	(45,589,055,399)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
+ Khoản thuế TNDN truy thu	-	-

**27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Quý 1.2024	Quý 1.2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44,497,961,814	23,873,284,878
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	730,000,000	450,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>61</b>	<b>53</b>

## 28 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ban điều hành, quản lý
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT
Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 2	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ Phần Phát Triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên doanh, liên kết trực tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên doanh, liên kết trực tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên doanh, liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty Taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Land	Cùng công ty mẹ
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NGUYỄN HOÀNG</b>	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Mega Solar	Cùng người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần điện gió BCG Khai Long 1	Cùng người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần điện gió BCG Khai Long 2	Cùng người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Cùng người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần E Power 1	Cùng người đại diện theo pháp luật

## a. Các giao dịch với các bên có liên quan

	Quý 1 năm 2024	Quý 1 năm 2023
<b>Tiền Lương, Thương</b>		
Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc	826,191,620	1,256,668,813
Ban Kiểm Soát	81,000,000	81,000,000
	<b>907,191,620</b>	<b>1,337,668,813</b>
<b>Cho Vay</b>		
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	650,000,000	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	500,000,000	
Công Ty Cổ Phần Skylar	15,716,000,000	1,230,000,000
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	600,000,000	155,000,000
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	120,000,000	190,000,000
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - Bcg Bàng Dương	-	38,900,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1	1,250,000,000	990,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 2	-	820,000,000
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	930,000,000	
Công ty Cổ phần BCG Vinh Long	8,500,000,000	13,420,000,000
Công Ty Cp Năng Lượng Dương Phong	215,000,000	137,000,000
Công ty Cổ phần E Power 1	564,000,000	
Công ty TNHH Skylight Power	406,000,000	
	<b>29,451,000,000</b>	<b>55,842,000,000</b>
<b>Chuyển Tiền Hợp tác kinh doanh</b>		
Công Ty Cp Mega Solar		
	-	-
<b>Cung Cấp Dịch Vụ</b>		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	1,007,220,000	1,029,360,000
Công Ty Cổ Phần Skylar	1,653,875,000	1,765,375,000
Công Ty Cp Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Xanh	737,856,000	1,025,460,000
Công Ty Cổ Phần Bcg Vinh Long	842,100,000	
Công Ty Cổ Phần Bcg Gai	300,000,000	
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	3,426,820,000	
	<b>7,967,871,000</b>	<b>3,820,195,000</b>
<b>Lãi Cho Vay</b>		
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	28,228,759	91,170,493
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	6,657,534	
Công Ty Cổ Phần Skylar	637,272,986	379,253,954
Công Ty Cp Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Xanh	15,241,769,507	15,074,277,535
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	45,324,586	25,090,571
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	28,625,672	18,480,824
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - Bcg Bàng Dương	-	1,265,860,142
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Bcg - Bàng Dương	-	
Công Ty Cổ Phần Bcg Vinh Long	-	98,630,139
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1	136,711,479	12,156,164
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 2	18,399,452	13,186,850
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 3	55,961,260	
Công Ty Cp Mega Solar	785,342	776,712
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	393,602,859	
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	13,463,013	
Công Ty Cp Năng Lượng Dương Phong	16,931,589	1,732,193
Công Ty Cp Năng Lượng Bcg Thạnh Hóa	560,959	
Công ty Cổ phần E Power 1	10,243,480	
Công ty TNHH Skylight Power	7,211,202	
	<b>16,641,749,679</b>	<b>16,980,615,577</b>

Đơn vị tính: VND

## a. Các giao dịch với các bên có liên quan (tiếp theo)

## Lãi hợp tác kinh doanh

Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bè Khai Long I

72,444,918,176

98,630,136,984

**72,444,918,176****98,630,136,984**

## Nhận Cung Cấp Dịch Vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

2,955,000,000

3,042,000,000

Công Ty Taxi Việt Nam

12,396,870

**4,044,011,492****4,027,376,933**

## Nhận Tiền Hợp Tác Kinh Doanh

Công Ty Cp Mega Solar

25,000,000,000

-

**25,000,000,000**

## Thu Hối Cho Vay

Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng

5,000,000,000

Công Ty Cổ Phần Skylar

6,000,000,000

19,454,835,000

Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - Bè Bông Dương

-

30,600,000,000

Công Ty Cổ Phần Bè Vĩnh Long

-

8,420,000,000

Công Ty Cp Auni Wind Energy

5,000,000,000

**16,000,000,000****58,474,835,000**

Đơn vị tính: VND

**h. Số dư với các bên có liên quan**

	Quý 1 năm 2024	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công Ty Cổ Phần Skylar	3,799,468,500	7,058,205,500
Công Ty Cp Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	3,964,280,000	3,226,424,000
Công Ty Cổ Phần Bcg Vinh Long	3,632,584,400	2,745,572,400
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	20,653,944,800	17,044,883,200
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Ng	3,455,465,200	2,394,347,600
Công Ty TNHH Hanwha Boge - O&M		529,200,000
Công Ty Cổ Phần Bcg Gaia	972,000,000	648,000,000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	402,198,480	402,198,480
	<b>36,879,941,380</b>	<b>34,048,831,180</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	876,300,000	5,226,300,000
Công Ty Cổ Phần Skylar	31,736,000,000	22,020,000,000
Công Ty Cp Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	362,236,000,000	362,236,000,000
Công Ty Cổ Phần Bcg Vinh Long	8,500,000,000	
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	10,352,000,000	14,422,000,000
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Ng	500,000,000	
Công Ty Cp Mega Solar	35,000,000	35,000,000
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	600,000,000	600,000,000
Công Ty Cp Năng Lượng Bcg Thạnh Hóa	25,000,000	25,000,000
Công ty CP năng lượng Dương Phong	822,000,000	607,000,000
Công ty Cổ phần E Power 1	733,000,000	169,000,000
Công ty TNHH Skylight Power	406,000,000	
	<b>416,821,300,000</b>	<b>405,340,300,000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	579,062,057	550,833,298
Công Ty Cổ Phần Skylar	2,446,381,202	1,809,108,216
Công Ty Cp Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	124,811,653,055	109,569,883,548
Công Ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 1	220,810,672	175,486,086
Công Ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 2	165,868,824	137,243,152
Công Ty Cp Aurai Wind Energy	4,661,355,020	4,267,752,161
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Ng	6,657,534	
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1	2,432,996,060,250	2,380,355,430,595
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 2	87,189,039	68,789,587
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	165,009,210	109,047,950
Công Ty Cp Mega Solar	4,136,299	3,350,957
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	24,558,903	11,095,890
Công Ty Cp Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tải	959,440,985	959,440,985
Công ty CP năng lượng Dương Phong	45,149,671	28,218,082
Công ty Cổ phần E Power 1	11,969,015	1,725,535
Công ty TNHH Skylight Power	7,211,202	
Công Ty Cp Năng Lượng Bcg Thạnh Hòa	560,959	
	<b>2,567,193,073,897</b>	<b>2,498,047,406,042</b>

Đơn vị tính: VND

## b. Số dư với các bên có liên quan (tiếp theo)

## Phải thu về cho vay dài hạn

Công Ty Cp Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	337,254,000,000	337,254,000,000
Công Ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 1	2,375,180,000	1,775,180,000
Công Ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 2	1,313,000,000	1,193,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 1	6,521,000,000	5,271,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 2	820,000,000	820,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió Bcg Khai Long 3	2,494,000,000	2,494,000,000
	<b>350,777,180,000</b>	<b>348,807,180,000</b>

## Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty cổ phần tập đoàn Bamboo Capital	3,563,467,374	5,372,067,374
Công Ty Taxi Việt Nam	266,000	631,000
Công Ty Cp Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tải	58,000,000,000	58,000,000,000
Ông Nguyễn Văn Lục		52,000,000,000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến		3,043,267,000
	<b>61,563,733,374</b>	<b>118,415,965,374</b>

## Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công Ty Cp Aurai Wind Energy	833,373,000,000	833,373,000,000
	<b>833,373,000,000</b>	<b>833,373,000,000</b>

## Phải trả ngắn hạn khác

Công Ty Cổ Phần Bcg Vinh Long	6,787,590,000	6,787,590,000
Công Ty Cp Mega Solar	2,409,000,000	11,480,000,000
	<b>9,196,590,000</b>	<b>18,267,590,000</b>

## 29 THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

## 30 THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC (Việt Nam)

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng



Lưu Khánh Trường

Ngày lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Tổng giám đốc



Phạm Minh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**  
**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
**cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024**



## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	02-05
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	06
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	07
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	09-52

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>8,109,446,591,451</b>	<b>7,578,000,812,166</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>243,975,895,459</b>	<b>324,257,433,673</b>
1. Tiền	111		243,975,895,459	74,531,880,865
2. Các khoản tương đương tiền	112			249,725,552,808
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>512,980,002,315</b>	<b>39,180,002,315</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		490,000,000,000	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		22,980,002,315	39,180,002,315
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7,285,989,413,939</b>	<b>7,159,041,969,386</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	526,341,372,646	317,900,737,761
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	1,073,929,004,815	1,108,502,551,579
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	160,230,483,975	109,645,483,975
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	5,525,488,552,503	5,622,993,196,071
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>816,186,565</b>	<b>813,889,293</b>
1. Hàng tồn kho	141		816,186,565	813,889,293
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>65,685,093,173</b>	<b>54,707,517,499</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	18,644,111,370	8,452,493,099
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		47,040,981,803	46,255,024,400
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11,514,979,490,678</b>	<b>11,458,553,390,625</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>556,367,808,925</b>	<b>510,948,971,289</b>
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	12,991,022,927	10,698,022,927
6. Phải thu dài hạn khác	216	8b	543,376,785,998	500,250,948,362
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9,716,888,412,354</b>	<b>9,399,728,038,087</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	9,314,711,537,887	8,994,944,695,897
- Nguyên giá	222		10,859,198,842,778	10,403,015,587,959
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,544,487,304,891)	(1,408,070,892,062)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		899,900,727	958,589,904
- Nguyên giá	225		1,232,472,730	1,232,472,730
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(332,572,003)	(273,882,826)
3. Tài sản cố định vô hình	227		401,276,973,740	403,824,752,286
- Nguyên giá	228		420,826,943,652	420,826,943,652
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19,549,969,912)	(17,002,191,366)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	10	<b>632,375,347,919</b>	<b>1,073,431,031,494</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		632,375,347,919	1,073,431,031,494
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	6	<b>478,525,532,981</b>	<b>339,092,799,513</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		275,025,532,981	258,092,799,513
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		203,500,000,000	81,000,000,000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>130,822,388,499</b>	<b>135,352,550,242</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	58,368,502,931	61,131,031,953
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		8,879,031,563	8,558,450,265
5. Lợi thế thương mại	269		63,574,854,005	65,663,068,024
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>19,624,426,082,129</b>	<b>19,036,554,202,791</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9,825,489,874,887</b>	<b>9,300,452,205,367</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3,654,564,946,061</b>	<b>3,079,292,264,806</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13a	1,714,788,098,600	1,223,109,690,619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	98,277,040,000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	28,882,809,175	35,567,587,582
4. Phải trả người lao động	314		2,314,273,715	2,756,170,500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	267,731,531,561	265,181,718,883
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	17a	138,648,204,297	189,309,039,132
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	18a	1,403,922,988,713	1,363,368,058,090
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6,170,924,928,826</b>	<b>6,221,159,940,561</b>
1 Phải trả người bán dài hạn	331	13a	250,864,145,998	250,864,145,998
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		12,437,054	13,640,642
7. Phải trả dài hạn khác	337	17b	856,000,000,000	856,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18b	4,984,847,722,895	5,034,922,124,978
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		79,200,622,879	79,360,028,943

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>9,798,936,207,238</b>	<b>9,736,101,997,420</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	19	<b>9,798,936,207,238</b>	<b>9,736,101,997,420</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		7,300,000,000,000	7,300,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7,300,000,000,000	7,300,000,000,000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		244,301,245,610	186,649,401,161
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		186,671,462,902	247,103,099,047
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		57,629,782,708	(60,453,697,886)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2,254,634,961,628	2,249,452,596,259
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>19,624,426,082,129</b>	<b>19,036,554,202,791</b>

Người lập biểu  
  
Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng  
  
Lưu Khánh Trường

Lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024  
Tổng Giám đốc  
  
Phạm Minh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1.2024	Quý 1.2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	320,454,420,428	244,690,661,303
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		320,454,420,428	244,690,661,303
4. Giá vốn hàng bán	11	21	168,439,911,311	129,533,780,327
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152,014,509,117	115,156,880,976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	137,887,273,517	175,404,252,433
7. Chi phí tài chính	22	23	250,274,513,639	334,565,448,177
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		169,443,605,073	266,723,423,258
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2,732,733,468	(19,421,681,982)
9. Chi phí bán hàng	25	24a	3,276,168	5,436,168
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24b	14,890,991,922	17,312,218,700
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27,465,734,373	(80,743,650,618)
12. Thu nhập khác	31	26	69,589,836,308	8,230,688,960
13. Chi phí khác	32	27	30,893,213,202	345,065,499
14. Lợi nhuận khác	40		38,696,623,106	7,885,623,461
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66,162,357,479	(72,858,027,157)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	1,172,551,585	1,211,169,718
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	(477,434,315)	(531,139,098)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65,467,240,209	(73,538,057,777)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		57,629,782,707	(31,526,851,797)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7,837,457,502	(42,011,205,980)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	79	(70)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	79	(70)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lưu Khánh Trường

Lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp dồn tích)

cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1, 2024	Quý 1, 2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		66,162,357,479	(72,658,027,157)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khoản thu TSCĐ và BĐSĐV	02		141,089,058,110	107,666,871,100
- Các khoản dự phòng	03	(1)	-	-
- (Tăng) giảm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		58,662,431,076	(2,121,804,679)
- (Tăng) giảm từ hoạt động đầu tư	05		(5,127,259,457)	13,315,342,257
- Chi phí lãi vay	06		155,166,030,683	267,160,091,925
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		415,943,617,890	308,142,281,016
- (Tăng) giảm các khoản phải thu	09		(117,743,686,004)	1,054,475,525,777
- (Tăng) giảm hàng tồn kho	10		(2,297,272)	-
- (Tăng) giảm các khoản phải trả (chênh lệch lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		529,413,122,541	(998,830,359,314)
- (Tăng) giảm chi phí trả trước	12		(7,125,089,249)	8,191,331,626
- (Tăng) giảm cường khoản phải trả	13		6190,000,000,000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(151,634,877,823)	(173,561,793,947)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11,148,587,660)	(2,318,893,539)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	3,000,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>174,398,247,523</b>	<b>221,414,611,599</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(66,229,793,560)	(28,764,510,758)
2. Tiền chi từ thanh lý, chuyển bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		27,468,229,513	17,774,191,896
3. Tiền chi cho vay, mua vào công cụ nợ của đơn vị khác	23		(93,878,000,000)	(97,436,169,800)
4. Tiền thu từ cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17,300,000,000	79,379,789,584
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(131,200,000,000)	(38,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,429,581,145	3,548,108,915
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(138,759,983,103)</b>	<b>(114,993,587,250)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1.2024	Quý 1.2023
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		86,677,000,000	81,072,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(152,650,764,470)	(273,094,954,870)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(67,786,000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(66,041,550,470)</b>	<b>(192,022,954,870)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(80,403,286,250)</b>	<b>(85,601,930,521)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>324,257,433,673</b>	<b>334,627,824,244</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		121,748,036	(19,331)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>243,975,895,459</b>	<b>249,025,874,392</b>

Lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng

Lau Khánh Trường

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Tuấn



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**

Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 10 tháng 04 năm 2024.

Chi tiết cổ đông của Công ty tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và sản xuất điện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Các số liệu tương ứng của năm tài chính trước so sánh được với số liệu của năm tài chính này.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Tập đoàn có 10 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.03.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ lợi ích %
<b>Công ty con trực tiếp</b>							
1	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Sản xuất điện	Bến Lức, Long An	91.84	91.84	91.84	91.84
2	Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch (i)	Sản xuất điện	Phù Mỹ, Bình Định	51.00	41.28	51.00	41.28
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Krông Pa, Gia Lai	51.00	51.00	51.00	51.00
4	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	Vũng Liêm, Vĩnh Long	50.50	50.50	50.50	50.50
5	Công ty Cổ phần Skylar	Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	99.00	99.00	99.00	99.00
6	Công ty Cổ phần BCG GAIA	Hoạt động tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	50.97	50.23	50.97	50.23
7	Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Mỹ Huyền, Sóc Trăng	90.00	90.00	90.00	90.00
8	Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1	Sản xuất điện	Trà Vinh	100.00	99.90	100.00	99.90

## 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	31.03.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
				%	%	%	%
<b>Công ty con trực tiếp (tiếp theo)</b>							
9	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	Trà Vinh	100.00	99.93	100.00	99.93
10	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99.00	99.00	99.00	99.00
<b>Công ty con gián tiếp</b>							
1	Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	TP. Hồ Chí Minh	99.80	98.80	99.80	98.80
2	Công ty Cổ phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69.00	68.31	69.00	68.31
3	Công ty Cổ phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69.00	68.31	69.00	68.31
4	Công ty Cổ phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69.00	68.31	69.00	68.31
5	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	Thanh Hóa, Long An	99.90	50.23	99.90	50.23
6	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	Thanh Hóa, Long An	99.90	50.23	99.90	50.23
7	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	Sản xuất điện	TP. Hà Nội	99.80	98.80	99.80	98.80
8	Công ty Cổ phần Cosmos Solar (ii)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh			99.00	98.01
<b>Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp</b>							
1	Công ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50.00	50.00	50.00	50.00
2	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Truyền tải và phân phối điện	TP. Hồ Chí Minh	49.00	49.00	49.00	49.00
<b>Công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con</b>							
1	Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50.00	49.50	50.00	49.50

## 1 ĐẶC ĐỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Theo các Ủy quyết/hiệu quyết về điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Tập đoàn nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.

Theo Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ-ĐH/ĐCĐ-COSMOS ngày 6 tháng 12 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông quyết định phê duyệt giải thể Công ty Cổ phần Cosmos Solar. Tại ngày 29 tháng 2 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể công ty con này.

Tại ngày 31 tháng 01 năm 2024, Tập đoàn có 129 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 128 nhân viên).

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Phụ lục minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày hình ảnh tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình tài chính hiện tại của tập hợp nhất theo các nguyên tắc về thống lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc về thống lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thống lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VNĐ" hoặc "Đồng").

### 2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chế độ lịch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chính lịch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất****Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp này. Được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, cường độ kiểm soát là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tôn trọng tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tăng dần được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày chuyển kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thực nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp của việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng sẽ được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt nội gifting chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi ích thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lỗ từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày mua được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước để được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công cụ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thì thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về dưới điều kiện báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

**Công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm tài chính phát sinh.

### 2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### 2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thu hồi.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị giá trị số của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mạng điện chất lượng, mạng phát sinh từ gian dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu kéo dài được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc hoặc cam kết nợ hạn đầu (không tính đến việc trả hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên hàng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ trả nợ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn trả hồi.

### 2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá nhập hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân, giá quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính của thiệt hại việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng đi xuống cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm bán, chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

### 2.11 Đầu tư tài chính

#### (a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các công cụ tài chính khác do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc hơn giữa giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Đơn Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá của chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.11 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;

Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

## 1 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.11 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

#### (d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công ty, vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát, hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường của giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

### 2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BOC") là thỏa thuận giữa Tập đoàn và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành sáp nhập độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia của BOC. BOC có thể được thực hiện dưới hình thức của lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BOC chia thuận của lợi nhuận trước thuế.

BOC chia lợi nhuận trước thuế là BOC dưới hình thức hoạt động có một bên kiểm soát, trong đó:

- (i) Nếu BOC quy định các bên tham gia BOC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.
- (ii) Nếu BOC quy định các bên tham gia BOC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BOC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BOC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BOC.
- (iii) Nếu Tập đoàn là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BOC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí theo tỷ lệ tham gia cho các bên tham gia BOC trong kỳ.
- (iv) Nếu Tập đoàn không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn sẽ ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BOC.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.13 Tài sản cố định ("TSCĐ")

#### TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phân tích theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu của được giải tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không chắc chắn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí và xuất kinh doanh hàng năm tài chính.

#### Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi niên độ trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị vận hành	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Công cụ phụ tùng tư cụ sử	17 - 18 năm
Khác	2 - 10 năm

#### Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhưng bản TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác; được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản do điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích lại tài sản để sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

### 2.14 Thuế tài sản

Thuế hoạt động là loại hình thuế TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào bản các kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng của trên thời gian thuê hoặc đóng

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.15 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**2.16 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.17 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khi phát sinh được ghi giảm phân nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng. Trong đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.18 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hàng, năm tài chính nhưng chưa thể chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

**2.19 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về nguồn lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoặc động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu lưu dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu ước tính và phân tích năng suất giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2.20 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNSH chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

**2.21 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất dựa vào nghị quyết báo hợp của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNSH LỢN ĐON có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trừ các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.22 Ghi nhận doanh thu

#### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng trở thành mất tất cả năm (5) điều kiện sau:

Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;

Doanh thu được xác định trong đối chiếu chấp;

Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng, hoặc khả năng hàng bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn cùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền chi được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá trị hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### (b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp bằng cách tính mức cơ bản thừa của tổng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

Doanh thu được xác định trong đối chiếu chấp;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc để hoàn thành tại ngày của báo cáo đối kế toán hợp nhất; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### (c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất. Các tổ ứng ký khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và

Doanh thu được xác định trong đối chiếu chấp.

#### (d) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.24 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính và chi phí tài chính khác.

**2.25 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

**2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

**2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.28 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua uỷ, hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn dựa cả vào bản chất của mối quan hệ cũng như những chi hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.29 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc việc sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận là cơ sở của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

**2.30 Trình bày kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.



Đơn vị tính: VND

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/03/2024</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	63,509,696	63,509,696
- Tiền gửi ngân hàng	243,912,585,763	74,468,371,169
- Các khoản tương đương tiền (*)		249,725,552,808
<b>Cộng</b>	<b>243,975,895,459</b>	<b>324,257,433,673</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, số dư thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 1,5%/năm đến 3,6%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1,5%/năm đến 3,6%/năm).

**4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/03/2024</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>526,341,372,646</b>	<b>317,900,737,761</b>
- Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	500,480,152,982	295,338,153,205
- Các đối tượng khác	25,861,219,664	22,562,584,456

**5. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>31/03/2024</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1,073,929,004,815</b>	<b>1,108,502,551,579</b>
- Powerchina International Group Limited	142,937,642,745	142,937,642,745
- Công ty TNHH Tổng hợp Hưng Lộc	74,233,064,600	74,233,064,600
- Công ty Cổ phần Tập đoàn PC	31,515,453,438	31,515,453,438
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nhà Trang	36,000,000,000	36,000,000,000
- Công ty TNHH TMĐV MTV Huyện Phát Hới	670,937,900,000	670,937,900,000
- Các đối tượng khác	100,508,981,032	99,144,166,475
- Bản liên quan (Thuyết minh 33(c))	17,795,963,000	53,734,324,321

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/03/2024		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng
a. Chứng khoán kinh doanh	490,000,000,000		
+ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - PHÁT TRIỂN TÂM SINH NGHĨA (**)	490,000,000,000	(*)	

**Ghi chú:**

(\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

(\*\*) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-HDQT-BCGE ngày 31 tháng 01 năm 2024, Phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan tới việc mua bán cổ phần của BCGE với Công ty Cổ Phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd.

**b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2024		
	Giá trị gốc	Giá trị ghi số	Giá trị gốc
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	22,980,002,315	22,980,002,315	39,180,002,315
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	592,380,000	592,380,000	592,380,000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.	22,387,622,315	22,387,622,315	22,387,622,315
			16,200,000,000

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,9%/năm đến 10,7%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lãi suất từ 3,7%/năm đến 10,7%/năm).

## c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2024		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		Dư phòng		Dư phòng
<b>c.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>297,369,712,350</b>	<b>275,025,532,981</b>	<b>-</b>	<b>258,092,799,513</b>
+ Công ty TNHH Skylight Power	24,952,712,350	14,886,620,276	-	15,011,310,830
+ Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	2,205,000,000	12,473,639,271	-	10,974,228,607
+ Công ty CP BCG - SP Greensky	270,212,000,000	247,665,273,434	-	232,107,260,076
<b>c.2 Đầu tư vào các đơn vị khác</b>	<b>203,500,000,000</b>	<b>31/03/2024</b>	<b>Giá trị gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
+ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIÒ BCG KHAI LONG	59,400,000,000	(*)	-	-
+ Công ty CP Hanwha BCG Bằng Dương	785,000,000	(*)	81,000,000,000	(*)
+ Công ty CP BCG Bằng Dương	360,000,000	(*)	59,400,000,000	(*)
+ Công ty CP Năng lượng Dương Phong	21,600,000,000	(*)	785,000,000	(*)
+ Công ty CP Đầu Tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (**)	122,500,000,000	(*)	360,000,000	(*)
			21,600,000,000	(*)
			122,500,000,000	(*)

## Ghi chú:

(\*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-HDQT-BCGE ngày 31 tháng 01 năm 2024, Phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan tới việc mua bán cổ phần của BCGE với Công ty Cổ Phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<i>31/03/2024</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>160,230,483,975</b>	<b>109,645,483,975</b>
- Công ty Cổ phần E Power I	107,967,483,975	107,234,483,975
- Các đối tượng khác	52,263,000,000	2,411,000,000
Trong đó:		
- Bên liên quan (Thuyết minh 33(c))	109,830,483,975	109,645,483,975
- Nguyễn Thị Minh Thương	50,400,000,000	
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>12,991,022,927</b>	<b>10,698,022,927</b>
- Các đối tượng khác	12,991,022,927	10,698,022,927
Trong đó:		
- Bên liên quan (Thuyết minh 33(c))	12,991,022,927	10,698,022,927

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<i>31/03/2024</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>5,525,488,552,503</b>		<b>5,622,993,196,071</b>	
- Tạm ứng cho nhân viên	86,582,893,139		29,633,722,260	
- Ký cược ký quỹ	3,147,161,924			
- Lãi phải thu từ cho vay, tiền gửi	9,395,135,430		10,474,663,149	
- Phải thu - vốn góp BCC (*)	5,197,167,455,067		5,318,529,455,067	
- Phải thu - Lãi BCC	228,172,938,112		258,600,933,085	
- Phải thu khác	1,022,968,831		5,754,422,510	
Trong đó:				
Công ty CP Artemis Investment	326,502,027,398		373,526,684,931	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond	339,351,102,472		377,338,998,636	
Khác	490,018,847,719		449,509,271,739	
Bên liên quan (Thuyết minh 33(c))	4,369,616,574,914		4,422,618,240,765	
	<b>5,525,488,552,503</b>		<b>5,622,993,196,071</b>	
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>543,376,785,998</b>		<b>500,250,948,362</b>	
- Phải thu - Gốc BCC (**)	532,232,000,000		489,100,000,000	
- Ký cược, ký quỹ	11,077,000,000		11,077,000,000	
- Phải thu khác	67,785,998		73,948,362	
Trong đó:				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát	479,100,000,000		479,100,000,000	
Khác	11,144,785,998		11,150,948,362	
Bên liên quan (Thuyết minh 33(c))	53,132,000,000		10,000,000,000	
	<b>543,376,785,998</b>		<b>500,250,948,362</b>	

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Ghi chú: Phải thu ngắn hạn - vốn góp BCC (\*)

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.380.135.455,067	Số 270421BCG - KL1: 20/4/2021 - 20/4/2024	Dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 12%/năm trên tổng số tiền đã chuyển (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 16%). - Sau khi dự án đi vào vận hành: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp. - Dự án đang trong giai đoạn xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành Diamond	280.600.000,000	Số 01/2021/HTKD-TH-TT: 27/12/2021 - 27/12/2022 Phụ lục 1: 1/12/2022 - 27/12/2023 Phụ lục 2: 28/12/2023- 27/12/2024	Dự án Nhà máy Điện Năng lượng Mặt trời Hoa Hướng Dương ("Dự án Sunflower")	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 18,65%/năm trên tổng số tiền đã chuyển (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 11,05%). - Sau khi dự án đi vào vận hành: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.
Công ty Cổ phần Mega Solar	300.000.000,000	Số 2309/2020/HTKD_soctrang.megasolar: 22/8/2023 - 22/8/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Việc Phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	300.000.000,000	Số 1508/2023/ĐT1-MEGA: 15/8/2023 - 15/8/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 11,6%/năm - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối mỗi tháng.
	156.000.000,000	Số 1508/2023/ĐT2-MEGA: 15/08/2023-15/08/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 11,6%/năm - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối mỗi tháng.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)  
Ghi chú: Phải thu ngắn hạn - vốn góp BCC (\*)

Bên nhận góp BCC	Số năm VNĐ	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	496,949,000,000	Số 2204/2022/HTKD/WINDST-DPE: 22/4/2023 - 22/4/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Việc Phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	411,784,000,000	Số 2204/2022/HTKD/DT2-DP: 22/4/2023 - 22/4/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Việc Phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	94,967,000,000	Hợp đồng hợp tác kinh doanh: 31/10/2023 - 31/10/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận Việc Phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid	180,000,000,000	SỐ 3011/2021/HTKD/DT1-Orchid: 30/11/2021 - 29/11/2024	Dự án Nhà máy điện mặt trời Đúc Huế VNT3 với công suất 50MWp tại Tỉnh Long An.	Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng lợi tức không ít hơn 12,5%/năm trên tổng số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022: 11,15%). - Sau khi dự án đi vào hoạt động: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

## B. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chiếu theo Phân loại đầu tư - vốn góp BCG (P)

Bên nhận góp BCG	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Aternis Investment	240,000,000,000	Số 31/2021/HKĐ-D11- Aternis, 13/2023/13/2022 Phụ lục 3: 12/12/2022 - 12/12/2023 Phụ lục 4: 13/12/2023 - 12/12/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời được BCG VNT1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh trước là theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 15% cho BCG góp của BCG đồng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	52,500,000,000	Số 15/2021/2022/HKĐ-D12- Aternis 15/2022 15/2023 Phụ lục: 15/2023 - 15/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời được BCG VNT1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh trước là theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12.5% khoản đóng góp của BCG đồng góp - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Công ty Cổ phần Hibiscus	65,555,000,000	Số 30/2021/HKĐ-DT1 - Plus Hibiscus 30/11/2021 - 30/11/2022 Phụ lục 2: 30/11/2022 - 28/11/2023 Phụ lục 3: 30/11/2023 - 28/11/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời được BCG VNT1	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh trước là theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12.5% khoản đóng góp của BCG đồng góp - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Công ty Cổ phần Plus Investment	90,000,000,000	Số 30/11/2021/HKĐ-DT1 - Plus 30/11/2021 - 30/11/2022 Phụ lục 2: 30/11/2022 - 28/11/2023 Phụ lục 3: 30/11/2023 - 28/11/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời được BCG VNT2	- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh trước là theo tỷ lệ góp vốn, nhưng không ít hơn 12.5% khoản đóng góp của BCG đồng góp. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	128,576,000,000	Hợp đồng hợp tác kinh doanh 28/12/2023 - 28/12/2024	Hợp tác Nhà máy điện gió Khai Long 2	- Phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ nhập trước là vay về thuế ("SST") được phân phối từ doanh thu của từng dự án, nhưng không ít hơn 9.5% - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

---

**6,197,107,455,067**

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Ghi chú: Phải thu dài hạn - vốn góp BCG (v)

Bên nhận góp vốn	Số tiền VND	Ngày sống - Thời hạn	Mục đích	Hiệu lực phải thu chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Dầu và Xây dựng Công trình Tôn Phát	479,700,000,000	5 năm kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2020	phải thu cấp 1: Nhà máy Điện gió ("Dự án")	Tập đoàn sẽ được hưởng lợi nhuận theo trình tự như sau: 20% lợi nhuận của Dự án, theo tỷ lệ góp vốn; việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2	55,132,000,000	Hợp đồng HKD ngày 23/02/2024. Thời hạn 03 năm kể từ ngày 23/02/2024	Bên 1 (Thực hiện Dự án Nhà máy điện gió Khai Long 2) chia lợi nhuận từ Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 2 với công suất 100 MWp tại ấp Khai Long xã Đái Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau do Công ty CP Điện Gió Khai Long 2 làm Chủ đầu tư	Sau khi Dự án đi vào hoạt động, có doanh thu: 20% là lợi nhuận, và các Bên được phân chia lợi nhuận từ Công đầu tư của Dự án, theo tỷ lệ góp vốn và Công ty sẽ phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng hoặc theo thỏa thuận khác của các Bên. Lợi nhuận được phân chia là lợi nhuận trước thuế
<b>534,832,000,000</b>				



**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2024		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	816,186,565	-	813,889,293	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>816,186,565</b>	<b>-</b>	<b>813,889,293</b>	<b>-</b>

**10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/03/2024	Số đầu năm
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	-	-
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	632,375,347,919	1,073,431,031,494
- Xây dựng cơ bản dở dang	577,974,941,789	1,018,807,613,923
+ Dự án nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	329,331,405,951	782,154,991,965
+ Dự án Nhà máy điện Phú Mỹ	15,057,093,230	15,057,093,230
+ Dự án Nhà máy điện Đồng Thành 1	105,394,164,764	104,447,584,290
+ Dự án Nhà máy điện Đồng Thành 2	81,460,209,212	70,910,802,204
+ Dự án Nhà máy điện gió Sóc Trăng	9,205,880,070	8,710,953,672
+ Dự án Nhà máy điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 2	18,756,595,644	18,756,595,644
+ Dự án Nhà máy điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 3	18,769,592,919	18,769,592,919
- Chi phí xây dựng khác	54,400,406,130	54,623,417,571
<b>Cộng</b>	<b>632,375,347,919</b>	<b>1,073,431,031,494</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN RCG ENERGY**

790, Quốc Lộ 17, Phường Thảo Điền, Quận 2, Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm đóng tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**II. TÀI SẢN, GIÁM TÀI SẢN CÓ DÍNH LỢI HỮU**

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vật tài	Thiết bị và phòng	NCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	2.015.029,457,543	7.534.699,514,764	850.803,640,063	2.369,099,491	1.3.837,200	10.403.015,567,959
2. Số tăng trong năm	45.470,815,297	45,865,955,129	6,301,008,412	-	-	186.457,778,838
- Mua trong năm	-	173,003,300	-	-	-	173.000,000
- Nhận từ NCM hoặc thanh	434,270,815,297	45,690,955,129	6,301,008,412	-	-	486.262,778,833
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Mua loại lại	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	30,254,524,019	-	-	-	30,254,524,019
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Loại bỏ, nhượng bán	-	30,254,524,019	-	-	-	30,254,524,019
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Mua, vật lợi	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.449,200,302,138	7,550,310,945,974	857,104,657,475	2,369,099,491	113,837,200	10,859,199,942,778
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	323,797,019,804	953,195,061,444	128,188,345,382	906,560,072	7,905,360	1,408,076,892,062
2. Khoản hao trong năm	30,133,103,490	95,879,463,696	10,930,100,752	90,735,156	4,743,216	137,028,148,230
- Khoản hao tăng trong năm	30,133,103,490	95,879,463,696	10,930,100,752	90,735,156	4,743,216	137,028,148,230
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Mua loại lại	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	611,735,791	-	-	-	611,735,791
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	611,735,791	-	-	-	611,735,791
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Mua loại lại	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	353,930,123,294	1,050,462,788,650	139,088,446,134	997,298,228	12,648,576	1,544,457,204,891
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
1. Tại ngày đầu năm	1.691,236,468,047	6,579,504,453,320	722,625,303,681	1,462,539,019	105,931,940	8,994,944,695,897
2. Tại ngày cuối năm	2,095,274,179,841	6,499,849,157,215	718,016,211,341	1,371,800,363	101,189,624	9,314,711,537,887

**Chi tiêu:**

- Các tài sản bị chuyển từ công ty mẹ sang công ty con hoặc ngược lại được tính theo giá trị gốc.  
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình được tính theo giá trị gốc của tài sản mua vào.

6.169.144.608.133.730  
0.730

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>31/03/2024</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>18,644,111,370</b>	<b>8,452,493,099</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ	488,570,448	2,897,350,657
- Chi phí quản lý tài sản đảm bảo	-	2,737,603,307
- Chi phí bảo hiểm	3,651,865,062	
- Khác	14,503,675,860	2,817,539,135
<b>b. Dài hạn</b>	<b>58,368,502,931</b>	<b>61,131,031,953</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ, thiết bị	315,955,402	246,079,025
- Tiền thuê đất trả trước	11,793,215,613	16,571,227,515
- Chi phí quản lý trái phiếu	9,000,000,000	9,600,000,000
- Chi phí giải phóng mặt bằng	421,089,249	1,987,337,285
- Chi phí bảo hiểm	23,762,508,608	24,437,955,782
- Khác	13,075,734,059	8,288,432,346
<b>Cộng</b>	<b>77,012,614,301</b>	<b>69,583,525,052</b>

## 13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	<i>31/03/2024</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1,714,788,098,600</b>	<b>1,714,788,098,600</b>	<b>1,223,109,690,619</b>	<b>1,223,109,690,619</b>
- Powerchina Chengdu Engineering Corporation Limited	3,750,522,174	3,750,522,174	3,667,845,332	
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering	264,797,173,119	264,797,173,119	264,797,173,119	264,797,173,119
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	423,223,088,490	423,223,088,490	423,223,088,490	423,223,088,490
- Công ty CP ĐT PT Công nghiệp và Vận tải	323,131,978,689	323,131,978,689	333,331,978,689	333,331,978,689
- Nguyễn Văn Lực	47,000,000,000	47,000,000,000	52,000,000,000	52,000,000,000
- Các đối tượng khác	652,885,336,128	652,885,336,128	146,089,604,989	146,089,604,989
Trong đó:				
Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	264,797,173,119	264,797,173,119	264,797,173,119	264,797,173,119
Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	423,223,088,490	423,223,088,490	423,223,088,490	423,223,088,490
Khác	674,372,614,083	674,372,614,083	126,191,503,297	126,191,503,297
Bên liên quan (Thuyết minh 33(c))	352,395,222,908	352,395,222,908	408,897,925,713	408,897,925,713
	<b>1,714,788,098,600</b>	<b>1,714,788,098,600</b>	<b>1,223,109,690,619</b>	<b>1,223,109,690,619</b>

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

<b>b. Dài hạn</b>	<b>250,864,145,998</b>	<b>250,864,145,998</b>	<b>250,864,145,998</b>	<b>250,864,145,998</b>
- Nguyễn Văn Lục	105,627,982,231	105,627,982,231	105,627,982,231	105,627,982,231
- Công ty CP ĐT PT Công nghiệp và Vận tải (Bên liên quan (Thuyết minh 33c))	145,236,163,767	145,236,163,767	145,236,163,767	145,236,163,767
<b>Cộng</b>	<b>1,965,652,244,598</b>	<b>1,965,652,244,598</b>	<b>1,473,973,836,617</b>	<b>1,473,973,836,617</b>

14. CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<i>31/03/2024</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>98,277,040,000</b>	
- SUS Vietnam Holding PTE. LTD (*)	98,277,040,000	

**Ghi chú: (\*)**

Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-HDQT-BCGE ngày 31 tháng 01 năm 2024, Phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện liên quan tới việc mua bán cổ phần của BCGE với Công ty Cổ Phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd. Theo thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty CP BCG Energy và SUS Vietnam Holdings Pte. Ltd ký ngày 02/02/2024.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Phải nộp trong năm</i>	<i>Đã nộp trong năm</i>	<i>31/03/2024</i>
<b>a. Phải nộp</b>	<b>35,567,587,582</b>	<b>26,380,430,170</b>	<b>33,065,208,577</b>	<b>28,882,809,175</b>
Thuế giá trị gia tăng	3,765,961,394	21,031,961,556	18,730,504,528	6,067,418,422
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27,162,757,865	1,172,551,585	11,148,587,060	17,186,722,390
Thuế thu nhập cá nhân	540,308,017	1,017,831,072	999,625,041	558,514,048
Thuế tài nguyên	59,800	198,600	225,800	32,600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		990,300,000		990,300,000
Thuế khác	4,037,397,367	2,164,587,357	2,183,266,148	4,018,718,576
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	61,103,139	3,000,000	3,000,000	61,103,139

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>31/03/2024</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngân hàng</b>	<b>267,731,531,561</b>	<b>265,181,718,883</b>
- Lãi vay, lãi tối ưu	205,826,264,637	206,566,337,977
- Chi phí tạm ứng TSCĐ		51,323,238,883
- Chi phí lãi BCC	27,428,846,828	8,145,986,800
- Khác	34,476,480,896	15,645,135,223

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>31/03/2024</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngân hàng</b>	<b>138,648,204,297</b>	<b>189,309,039,132</b>
HDX, L. BHYT, BHYT, KPCĐ	445,348,922	87,524,202
- Phải trả gốc BCC (*)	2,409,000,000	1,488,000,000
- Phải trả chi phí lãi vay, lãi BCC	116,802,274,651	161,099,965,891
- Phải trả khác	18,991,580,724	17,641,259,039
<b>Tổng số</b>		
Công ty Cổ phần MGM Habibi	82,591,917,812	107,553,917,812
Khác	42,779,849,501	54,725,225,730
Bên liên quan (Chuyến hành 33(c))	13,285,136,984	47,029,895,890
	<b>138,648,204,297</b>	<b>189,309,039,132</b>

	<i>31/03/2024</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>b. Dài hạn</b>	<b>856,000,000,000</b>	<b>856,000,000,000</b>
- Phải trả hợp đồng BCC (*)	856,000,000,000	856,000,000,000
Công ty CP BCC Lam, Gateway	456,000,000,000	456,000,000,000
Công ty CP MGM Habibi	400,000,000,000	400,000,000,000

17. CÁC KHOẢN PHÁT TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú: Phải trả ngắn hạn hợp đồng BCC (\*)

Bên góp BCC	Số tiền VND	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty Cổ phần Mega Solar	1.439.000.000	Số 06/2022/HTKD-BCC- MGS: 06/2/2021 - 06/12/2023 07/12/2023 - 05/12/2024	Hợp tác đầu tư cho các dự án điện qua đường bất động sản, công ty tăng, dự án sản xuất kinh doanh, kinh doanh trái phiếu, cổ phiếu	Trong thời gian xây dựng: Không chia lợi nhuận Sau khi dự án đi vào hoạt động: - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

Ghi chú: Phải trả dài hạn hợp đồng BCC (\*\*)

Bên góp BCC	Số tiền VND	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
Công ty Cổ phần MGS Hải Phòng	400.000.000.000	Số 01/2021/HĐ - HTDT/ĐC1 - MGS Số 01/2/2021/HĐ - HTDT/ĐC1 - MGS. 1/12/2021-1/12/2031 1/12/2021-1/12/2031	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn phải trả khoản lợi tức là 12,5%/năm dựa trên số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022: 11,1%/năm) - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào tháng tiếp theo.
Công ty Cổ phần BCG Lạc Sơn	300.000.000.000	Số 23/06/2021/HTKD/GA/TW/A Y-DCL23/06/2021-23/06/2031	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn phải trả khoản lợi tức là 11,52%/năm dựa trên số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022: 9,55%/năm) - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối mỗi năm.
Công ty Cổ phần BCG Lạc Sơn	156.000.000.000	Số 25/06/2021/HTKD/GA/TW/A Y-DCL25/06/2021-25/06/2031	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2	- Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn phải trả khoản lợi tức là 11,52%/năm dựa trên số tiền đã chuyển. (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022: 9,55%/năm) - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối mỗi năm.

## 18. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TẠI CHỖ

## (a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Giảm do thuế vốn công ty con VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Phân loại lại VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.03.2024 VND
Vay ngắn hạn (i)	50,000,000,000	-	-	(50,000,000,000)	-	-	-
Vay dài hạn ngắn hạn đáo hạn trong vòng một năm (j)	417,629,213,090	-	-	(64,267,247,228)	53,754,086,000	2,267,067,750	449,399,123,114
Chi phí đi vay	(2,124,799,560)	-	551,197,760	-	(2,113,760)	-	(2,124,799,560)
Trái phiếu cấu trúc dài	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu đáo hạn trong vòng một năm	-	-	-	-	-	-	-
Vay từ bên liên quan (f)	28,623,000,000	-	-	-	(9,253,030,000)	-	19,370,000,000
Vay từ các đối tượng khác (g)	838,929,500,500	-	86,677,000,500	(14,454,189,901)	9,252,000,000	16,116,000,000	936,581,510,099
Nợ thuế tài chính	271,144,000	-	-	(67,786,000)	-	-	203,358,000
	<u>1,369,368,058,090</u>	<u>-</u>	<u>87,208,197,760</u>	<u>(128,769,227,127)</u>	<u>63,222,988,240</u>	<u>18,913,067,750</u>	<u>1,403,922,988,713</u>

## (b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Giảm do thuế vốn công ty con VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Phân loại lại VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.03.2024 VND
Vay ngắn hạn (i)	4,056,513,076,008	-	-	(23,929,327,313)	(63,754,086,000)	37,077,813,500	4,005,907,476,195
Chi phí đi vay	(21,137,239,060)	-	-	-	551,197,760	-	(21,607,041,300)
Phát hành trái phiếu (ii)	500,000,000,000	-	-	-	-	-	500,000,000,000
Chi phí phát hành trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Vay từ bên liên quan (f)	500,000,000,000	-	-	-	-	-	500,000,000,000
Vay từ các đối tượng khác	-	-	-	-	-	-	-
Nợ thuế tài chính	542,288,000	-	-	-	-	-	542,288,000
	<u>5,034,922,124,978</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(23,929,327,313)</u>	<u>(63,222,888,240)</u>	<u>37,077,813,500</u>	<u>4,984,647,722,895</u>

## 18 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

ti Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và nợ thuế tài chính bằng chữ số:

Đến cho vay	Tại ngày 31.03.2024		Mô tả chi tiết	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	USD	VND				
Nợ ngân hàng TNHH Công nghiệp V.3 Nhuận - Cầu Lộ Cầu Lộ Thành	74.737.377	1.832.123.706.250	Tài trợ cho chi phí đầu tư Dự đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Điện Gió Thuận Phước (12) Thuận Phước	Đến 05/05/2031 VN0 đồng, lãi định kỳ hàng tháng 02%	Tài sản đảm bảo chủ khoản vay là tài sản gắn liền với đất đai thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ Giàng và Công ty Cổ phần Thuận Phước. Tài sản thế chấp là hợp đồng mua bán điện, nhân lý công việc và quyền lợi của phần an của các dự án.	
DOO Bank Ltd, Singapore	74.737.377	1.832.123.706.250	Tài trợ vốn các dự án, hợp đồng, hợp liên kết doanh nghiệp kế hoạch kinh doanh, số dư tại ngày 31.12.2023 bằng USD là 15.219.625.106 và VND	Đến 30/06/2035 SOFR + 2,9%		
Ngân hàng TNHH Thuận Phước		574.203.856.191	Tài trợ dự án Nhà máy điện thuận Phước Thuận Phước	Đến 15/03/2036 10,55%	Tài sản đảm bảo thế chấp trong danh mục tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần Thuận Phước và Công ty Cổ phần Thuận Phước.	
Ngân hàng TNHH Hàng Hải Việt Nam		31.074.007.000	Tài trợ chi phí xây dựng các công trình thiết bị của nhà	Đến 26/12/2029 7,1%	Hệ thống đã mua thiết bị của Công ty Cổ phần Thuận Phước và Công ty Cổ phần Thuận Phước. Hệ thống đã mua thiết bị của Công ty Cổ phần Thuận Phước và Công ty Cổ phần Thuận Phước.	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Vượng - VN Kien Thành		10.138.523.142	Đầu tư dự án điện năng thuận Phước Thuận Phước	Đến 19/12/2027 12,8%	Tổng cộng số nợ vay và nợ thuế tài chính của Công ty Cổ phần Thuận Phước và Công ty Cổ phần Thuận Phước là 4.005.907.466.105.	
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.737.377</b>	<b>4.455.809.536.309</b>				
<b>Tổng nợ:</b>		<b>4.455.809.536.309</b>				
<b>Tài sản đảm bảo:</b>		<b>4.005.907.466.105</b>				



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho giai đoạn tài chính quý 1 năm 2024

**18 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan và các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

Bên liên quan Ngắn hạn	Tại ngày 31.03.2024		Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tai sản thế chấp
	VND					
Công ty Cổ phần Mega Solar	15,500,000,000	Bổ sung vốn lưu động		Đến 30/4/2024	12.5	Tin chấp
Công ty Cổ phần E Power I	3,070,000,000	Bổ sung vốn lưu động		Đến 31/12/2024	0	Tin chấp
Công ty Cổ phần BCG SP GreenSky	800,000,000	Thanh toán chi phí hoạt động		Đến 25/5/2024	8.5	Tin chấp
<b>Cộng</b>	<b>19,370,000,000</b>					
<b>Dài hạn</b>						
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	500,000,000,000	Mua sắm, lắp đặt thiết bị, và thi công dự án nhà máy điện gió		Đến 19/11/2026	16	Tin chấp

18 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(01) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan và các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Tại ngày 31.03.2024		Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	USD	VND				
Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	27.000.000	675.621.000.000	Đây là khoản vay bằng USD để bổ sung vốn lưu động Số dư tại ngày 31.12.2023 bằng USD là 27.000.000 Đô la Mỹ tương đương với 659.475.000.000 Đồng.	Đến 30/6/2024	8	
Leader Energy (Vietnam) Pvc. Ltd.	-	115.774.500.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 01/03/2024	10,5	Tin chấp
Ông Huỳnh Phúc Đạt	-	59.895.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 4/6/2024	10	Tin chấp
Bà Trần Thị Kiều Tiên	-	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 04/05/2024	7	Tin chấp
Công ty cổ phần Pius Investment	-	3.677.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 30/01/2025	12,05	Tin chấp
Công ty TNHH Tulip Solar	-	9.032.810.099	Xây dựng các dự án năng lượng điện áp mái	Đến 18/4/2024	8,5	Tin chấp
Ông Phạm Quang Khải	-	1.041.000.000	Tài trợ hoạt động kinh doanh và tài trợ chi phí phát triển dự án năng lượng mặt trời	Đến 27/03/2024	0	Tin chấp
Ông Phạm Quang Khải	-	1.540.000.000	Thanh toán cho các chi phí phát triển dự án điện mặt trời của Orchid hoặc cho các mục đích khác mà Orchid cho là phù hợp	Đến 24/4/2024	0	Tin chấp

**Cộng** **27.000.000** **936.581.310.099**

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a. Bảng đối chiếu biến động các khoản sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích vô hình không kèm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	4,500,000,000,000	248,194,125,470	2,428,884,319,278	7,177,078,444,748
- Tăng vữa	2,800,000,000,000			2,800,000,000,000
- Lợi nhuận trong năm		(55,911,486,393)	(116,908,939,470)	(182,820,426,063)
- Tăng(giảm) do hợp nhất Công ty con		(73,633,231,117)	(62,602,783,549)	(136,236,014,666)
- Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế				(25,625,237,717)
- Các số để chia bằng ròng				-
Số dư tại 31/12/2022	7,300,000,000,000	186,649,401,160	2,249,452,596,259	9,736,101,997,419
Số dư tại 01/01/2023	7,300,000,000,000	186,649,401,160	2,249,452,596,259	9,736,101,997,419
- Bằng vốn				
- Lợi nhuận trong năm		57,629,782,707	7,537,457,302	65,167,240,009
- Tăng(giảm) do hợp nhất Công ty con			(7,655,092,193)	(7,655,092,193)
- Chia cổ tức tại công ty mẹ		22,061,740		22,061,740
- Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế năm nay				
- Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế năm trước		244,501,245,607	2,254,634,961,628	2,499,136,207,235
Số dư tại 31/12/2023	7,300,000,000,000	480,820,629,474	4,526,344,762,096	12,306,775,231,570

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/03/2024</u>	<u>Số tiền (VNĐ)</u>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Indoco Capital	3.598.000.000,000	3.098.000.000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Sài Gòn Hồ Nội	85.000.000,000	85.000.000,000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp SRS	60.000.000,000	60.000.000,000
- Các cổ đông khác	3.457.000.000,000	3.457.000.000,000
<b>Cộng</b>	<b>7.300.000.000,000</b>	<b>7.300.000.000,000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>31/03/2024</u>	<u>Số tiền (VNĐ)</u>
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	7.300.000.000,000	4.500.000.000,000
- Vốn góp tăng trong năm		2.800.000.000,000
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	7.300.000.000,000	7.300.000.000,000
- <b>Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>		

**d. Cổ phiếu**

	<u>31/03/2024</u>	<u>Số tiền (VNĐ)</u>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000,000	730.000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	730.000,000	730.000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	730.000,000	730.000,000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000,000	730.000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	730.000,000	730.000,000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

\* *Giá trị giá trị cổ phiếu đang lưu hành: 19.000 đồng/cổ phiếu*

Đơn vị tính: VND

**20 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Quý 1.2024</u>	<u>Quý 1.2023</u>
<i>a. Doanh thu</i>	<i>320,454,420,428</i>	<i>244,690,661,303</i>
- Doanh thu cung cấp hàng hoá, thành phẩm	315,888,357,428	238,105,033,609
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,566,063,000	6,585,627,694

**21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Quý 1.2024</u>	<u>Quý 1.2023</u>
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	158,097,408,804	122,130,047,721
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	10,342,502,507	7,403,732,606
<b>Cộng</b>	<b>168,439,911,311</b>	<b>129,533,780,327</b>

**22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 1.2024</u>	<u>Quý 1.2023</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,400,164,853	23,554,519,288
- Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư		8,451,780,822
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	131,567,731,055	141,036,875,499
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121,639,247	126
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		2,200,690,669
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	3,797,738,362	160,387,029
<b>Cộng</b>	<b>137,887,273,517</b>	<b>175,404,253,433</b>

**23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 1.2024</u>	<u>Quý 1.2023</u>
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	154,634,832,923	253,527,387,629
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,053,245,696	84
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	58,662,415,073	78,886,990
- Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	531,197,760	
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	27,428,846,028	74,313,197,080
- Chi phí tài chính khác	7,963,976,159	6,645,976,394
<b>Cộng</b>	<b>250,274,513,639</b>	<b>334,565,448,177</b>

**24 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Quý 1.2024</i>	<i>Quý 1.2023</i>
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>3,276,168</b>	<b>5,436,168</b>
- Chi phí đồ dùng văn phòng		3,481,167
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3,276,168	1,955,001
<b>b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</b>	<b>14,890,991,922</b>	<b>17,312,218,700</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	3,893,786,044	4,354,585,878
- Chi phí vật liệu quản lý	245,391,758	55,367,316
- Chi phí đồ dùng văn phòng	126,218,188	168,550,334
- Chi phí khấu hao TSCĐ	223,784,712	230,381,963
- Thuế, phí và lệ phí	3,535,597,757	1,002,447,107
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)		
- Phân bổ lợi thế thương mại	2,088,214,019	2,088,214,019
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,557,004,057	7,916,028,794
- Chi phí khác	1,220,995,387	1,496,643,289

**25 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Quý 1.2024</i>	<i>Quý 1.2023</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56,384,607	30,964,778
- Chi phí nhân công	15,524,704,787	8,944,162,583
- Chi phí khấu hao	128,082,384,944	105,816,417,938
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	32,752,069,735	23,327,278,718
- Chi phí bằng tiền khác	6,918,635,328	3,581,952,764
<b>Cộng</b>	<b>183,334,179,401</b>	<b>141,700,776,781</b>

**26 THU NHẬP KHÁC**

	<i>Quý 1.2024</i>	<i>Quý 1.2023</i>
- Thanh lý nhượng bán TSCĐ	29,509,724,568	
- Các khoản khác	40,080,111,740	8,230,688,960
<b>Cộng</b>	<b>69,589,836,308</b>	<b>8,230,688,960</b>

**27 CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Quý 1.2024</i>	<i>Quý 1.2023</i>
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính		229,877,818
- CP thanh lý nhượng bán TSCĐ	29,515,363,432	
- Các khoản khác	1,377,849,770	115,187,681
<b>Cộng</b>	<b>30,893,213,202</b>	<b>345,065,499</b>

**28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<i>Quý 1.2024</i>	<i>Quý 1.2023</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66,162,357,479	(72,858,027,157)
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	(74,165,827,192)	(36,814,711,612)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(8,003,469,713)	(109,672,738,769)
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(44,589,488,228)	(78,008,981,885)
+ Thu nhập miễn, giảm thuế		(21,466,393,832)
- Tổng thu nhập tính thuế	(52,592,957,941)	(209,148,114,485)
+ Thu nhập tính thuế	(52,592,957,941)	(209,148,114,485)
+ Thu nhập không bị tính thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,172,551,586	1,211,169,718
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1,172,551,586	1,211,169,718
+ Khoản thuế miễn giảm		

*Ghi chú:***29 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

	<i>Quý 1.2024</i>	<i>Quý 1.2023</i>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	108,146,809	42,629,535
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(585,581,124)	(573,768,633)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(477,434,315)</b>	<b>(531,139,098)</b>

**30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Quý 1.2024</i>	<i>Quý 1.2023</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57,629,782,707	(31,526,851,797)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	730,000,000	450,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>79</b>	<b>(70)</b>

**31 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông và giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất, vì vậy lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**32 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Quý 1.2024</i>	<i>Quý 1.2023</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	152,650,764,470	273,094,954,870
- Chuyển nợ vay thành vốn chủ sở hữu		

**33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****a. Các bên liên quan**

<i>Đơn vị</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con
Công ty Cổ Phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ Phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ Phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát Triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp

**a. Các bên liên quan (Tiếp theo)**

<i>Đơn vị</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Land	Cùng công ty mẹ
Công ty taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công Ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Cùng công ty mẹ
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	Cùng công ty mẹ
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	Đầu tư khác
Công ty CP điện gió BCG Khai Long 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cp Mega Solar	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công Ty Cổ Phần E. Power 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan
Trần Thị Kiều Tiên	Cổ đồng
Vũ Ngọc Tiên	Cổ đồng



## 33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

## b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

	Quý 1 năm 2024	Quý 1 năm 2023
<b>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công Ty TNHH Hanwha BCGE - O&M		
Công ty CP BCG SP Greensky	2,098,083,000	2,152,636,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	1,192,980,000	1,299,360,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	637,500,000	637,500,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	637,500,000	637,500,000
	<b>4,566,063,000</b>	<b>4,726,996,000</b>
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty CP Tập Đoàn Bamboo Capital	3,030,000,000	3,117,000,000
Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort	-	86,291,364
Công ty Cổ phần BCG Land	75,000,000	75,000,000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	20,614,030,467	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	364,500,362	7,293,592,927
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	8,760,584,000	6,999,960,000
Công Ty Taxi Việt Nam	45,470,370	27,026,000
Công Ty CP Đầu Tư Và Dịch Vụ Helios	1,076,614,622	985,376,933
	<b>33,966,199,821</b>	<b>18,584,247,224</b>
<b>iii) Lãi HTKD phải thu</b>		
Công ty Cp Mega Solar	12,050,893,151	
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	72,444,918,176	98,630,136,984
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	3,047,682,247	
Công ty Cổ phần BCG Land	181,150,685	
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	10,898,244,602	
	<b>98,622,888,861</b>	<b>98,630,136,984</b>
<b>iv) Vay</b>		
Trần Thị Kiều Tiên	70,000,000,000	
Nguyễn Mạnh Chiến		450,000,000
Phạm Minh Tuấn		10,522,347,604
	<b>70,000,000,000</b>	<b>10,972,347,604</b>
<b>v) Trả gốc vay</b>		
Công ty Cp Mega Solar	-	42,000,000,000
Công Ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Côn Bắp	-	20,000,000,000
Nguyễn Mạnh Chiến	-	450,000,000
Phạm Minh Tuấn	-	10,522,347,604
Phạm Thị Ngọc Thanh	9,253,000,000	
	<b>9,253,000,000</b>	<b>72,972,347,604</b>

**33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****vi) Lãi đi vay**

Công ty CP Tập Đoàn Bamboo Capital	19,945,205,479	16,642,465,754
Công ty CP BCG SP Greensky	16,953,424	
Công ty Cp Mega Solar	483,047,946	1,614,698,630
Công Ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp	-	
Trần Thị Kiều Tiên	751,780,822	
	<b>21,196,987,671</b>	<b>18,257,164,384</b>

**vii) Cho vay**

Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	2,260,000,000	1,840,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	33,000,000	820,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	-	60,000,000
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	215,000,000	137,000,000
Công ty TNHH Skylight Power	406,000,000	
Công Ty Cổ Phần E Power 1	564,000,000	
	<b>3,478,000,000</b>	<b>2,857,000,000</b>

**viii) Thu hồi cho vay**

Công Ty CP Mega Solar	1,000,000,000	
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	-	
	<b>1,000,000,000</b>	<b>-</b>

**ix) Lãi cho vay**

Công ty Cp Mega Solar	1,278,342	776,712
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	198,247,090	26,198,629
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	19,113,781	13,186,850
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	56,387,589	73,973
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	16,931,589	1,732,193
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	13,463,013	
Công ty TNHH Skylight Power	7,211,202	
Công Ty Cổ Phần E Power 1	10,243,480	
	<b>322,876,086</b>	<b>41,968,357</b>

**Các khoản chi cho các nhân****sự quản lý chủ chốt**

Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	224,032,381	250,910,000
Ông Phạm Minh Tuấn	179,400,000	190,900,000
Bà Vũ Ngọc Vân Nicki	96,964,000	100,000,000
Ông Đồng Hải Hà	60,000,000	66,833,333
Ông Hoàng Trung Thành	53,871,429	
Ông Phạm Đăng Khoa		126,160,000
Bà Hoàng Thị Minh Châu		108,500,000
Ông Nguyễn Việt Cường	21,000,000	21,700,000
Ông Nguyễn Giang Nam	44,743,810	
	<b>680,011,620</b>	<b>865,003,333</b>

## 33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

## c. Số dư với các bên liên quan

	31.03.2024	31.12.2023
<b>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công Ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	-	529,200,000
Công ty CP BCG SP Greensky	754,294,680	766,923,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	6,945,133,200	5,686,526,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	3,680,500,000	3,009,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	3,380,500,000	2,709,000,000
Nguyễn Mạnh Chiến	402,198,480	402,198,480
	<b>15,162,626,360</b>	<b>13,102,847,480</b>
<b>ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	17,795,963,000	53,734,324,321
	<b>17,795,963,000</b>	<b>53,734,324,321</b>
<b>iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cp Mega Solar	35,000,000	1,035,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	-	-
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	822,000,000	607,000,000
Công ty TNHH Skylight Power	406,000,000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600,000,000	600,000,000
Công ty Cổ phần E Power 1	107,967,483,975	107,403,483,975
	<b>109,830,483,975</b>	<b>109,645,483,975</b>
<b>c. Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)</b>		
	<b>31.03.2024</b>	<b>31.12.2023</b>
<b>iv) Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần BCG Land	-	2,204,000,002
Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tải	959,440,985	2,012,419,386
Công ty Cp Mega Solar	781,099,891,215	806,375,746,967
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	2,433,170,872,503	2,380,468,707,237
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	132,012,625,395	128,945,829,367
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	165,774,333	109,386,744
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	1,014,643,394,273	1,094,970,218,082
Công ty Cổ phần E Power 1	7,532,806,105	7,520,837,090
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	24,558,903	11,095,890
Công ty TNHH Skylight Power	7,211,202	-
	<b>4,369,616,574,914</b>	<b>4,422,618,240,765</b>
<b>v) Phải thu về cho vay dài hạn</b>		
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	9,620,022,927	7,360,022,927
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	2,513,000,000	2,513,000,000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	858,000,000	825,000,000
	<b>12,991,022,927</b>	<b>10,698,022,927</b>

**33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****vi) Phải thu dài hạn khác**

Công ty Cổ phần BCG Land	-	10,000,000,000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	53,132,000,000	

	<b>53,132,000,000</b>	<b>10,000,000,000</b>
--	-----------------------	-----------------------

**vii) Phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty CP Tập Đoàn Bamboo Capital	4,160,467,374	5,888,067,374
Nguyễn Mạnh Chiến	-	3,043,267,000
Công ty Cổ phần BCG Land	108,000,000	54,000,000
Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tải	323,131,978,689	333,331,978,689
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	464,368,058	463424658
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	14,804,972,752	14,074,175,632
Công Ty CP Đầu Tư Và Dịch Vụ Helios	9,714,275,465	
Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort	9,461,000	
Nguyễn Văn Lạc		52,000,000,000
Công ty Taxi Việt Nam	266,000	631,000
Phạm Minh Tuấn	1,433,570	
Vũ Ngọc Tiến	-	42,381,360

	<b>352,395,222,908</b>	<b>408,897,925,713</b>
--	------------------------	------------------------

**viii) Phải trả ngắn hạn khác**

Công ty CP Tập Đoàn Bamboo Capital	5,475,000,000	31,406,917,811
Công ty CP BCG SP Greensky	38,936,984	260,443,833
Công ty Cp Mega Solar	7,771,500,000	15,362,534,246
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	-	

	<b>13,285,436,984</b>	<b>47,029,895,890</b>
--	-----------------------	-----------------------

**ix) Phải trả người bán dài hạn**

Nguyễn Văn Lạc		105,627,982,231
Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tải	145,236,163,767	145,236,163,767

	<b>145,236,163,767</b>	<b>250,864,145,998</b>
--	------------------------	------------------------

**34. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin báo cáo bộ phận được trình bày chủ yếu là kết quả kinh doanh lợi nhuận thuần theo bộ phận khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận lợi nhuận thuần bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do trong kỳ công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nên báo cáo bộ phận về lợi nhuận thuần chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Doanh thu thuần	315,888,357,428	4,566,063,000	320,454,420,428
Giá vốn	158,097,408,804	10,342,502,507	168,439,911,311
Lợi nhuận gộp	157,790,948,624	(2,111,900,448)	152,014,509,117

**35. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC (Việt Nam).

Số liệu chi tiết của một số chỉ tiêu trên thuyết minh Báo cáo tài chính (Số năm trước) được trình bày và phân loại lại số dư để phù hợp với số liệu so sánh đến cuối kỳ theo quy định tại Chuẩn mực kế toán VAS 21.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Lưu Khánh Trường

Lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH ĐẤT ĐẠI THUỘC SỞ HỮU HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY**

*(Phụ lục đính kèm Bản công bố thông tin về Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần BCG Energy ngày 15/05/2024)*

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
1	Thửa đất số 125, Tờ bản đồ số 27	CV 928128	CT13771	Xây dựng Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 1 - Giai đoạn 1	142.094,7	Xã Mỹ Thắng, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất 50 năm (từ 20/05/2020 đến 20/05/2070).	Công ty Cổ phần Phát triển tâm nhìn Năng Lượng Sạch	41,28%
	133.381,3				Xã Mỹ An, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định				
3	Thửa đất số 71, Tờ bản đồ số 02	DA 568367	CT16363	Xây dựng Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 1 - Giai đoạn 2	525.016,8	Xã Mỹ Thắng, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất 49 năm (từ 26/02/2021 đến 20/05/2070).	Công ty Cổ phần Phát triển tâm nhìn Năng Lượng Sạch	41,28%
	428.845,7				Xã Mỹ An, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định				
5	Thửa đất số 97, Tờ bản đồ số 22	CV 928129	CT13772	Xây dựng Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 2 - Giai đoạn 1	445.676,5	Xã Mỹ Thắng, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất 50 năm (từ 20/05/2020 đến 20/05/2070).		



STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCCGE tại công ty
6	Thửa đất số 72, Tờ bản đồ số 02	DA 568368	CT16364	Xây dựng Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 2 - Giai đoạn 2	616.794,8	Xã Mỹ Thắng, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất 49 năm (từ 26/02/2021 đến 20/05/2070).		
7	Thửa đất số 134, Tờ bản đồ số 19	CV 928130	CT13773	Xây dựng Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 3 - Giai đoạn 1	568.454,6	Xã Mỹ Thắng, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất 50 năm (từ 20/05/2020 đến 20/05/2070).		
8	Thửa đất số 73, Tờ bản đồ số 02	DA 568369	CT16365	Xây dựng Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ 3 - Giai đoạn 2	375.157,1	Xã Mỹ Thắng, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất 49 năm (từ 26/02/2021 đến 20/05/2070).		
9	- Thửa đất số 160, 197, 230, 233 (tờ bản đồ lâm nghiệp số 01), - Thửa đất số 84, 310, 322, 327, 334, 342, 352, 360, 368, 382, 392, 668 (tờ bản đồ lâm nghiệp số	DD 758770	CT17608	Xây dựng tuyến đường dây 220kV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ vào Trạm biến áp 220kV Phú Mỹ.	4.288,7	Xã Mỹ Trinh, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất 48 năm (từ 27/06/2022 đến 20/5/2070).		

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sử hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sử hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thừa đất số 11, 13, 14 (từ bản đồ làm nghiệp số 03).</li> <li>- Thừa đất số 440, 556, 557 (từ bản đồ địa chính số 14).</li> <li>- Thừa đất số 173, 214 (từ bản đồ địa chính số 15).</li> <li>- Thừa đất số 226, 221 (từ bản đồ làm nghiệp số 01).</li> <li>- Thừa đất số 179, 100, 32, 3-4, 48, 66, 77 (từ bản đồ làm nghiệp số 02).</li> <li>- Thừa đất số 110, 111, 115, 190 (từ bản đồ địa chính số 31).</li> <li>- Thừa đất số 916, 919, 1323, 1324 (từ bản đồ địa chính số 34).</li> <li>- Thừa đất số 81,309 (từ bản đồ địa chính số 35).</li> <li>- Thừa đất số 87,</li> </ul>						Xã Mỹ Phong, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định		



STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
	114, 156 (từ bản đồ địa chính số 36).								
11	- Thửa đất số 81, 90, 98, 142 (từ bản đồ làm nghiệp số 02). - Thửa đất số 831 (từ bản đồ địa chính số 25). - Thửa đất số 341, 354 (từ bản đồ địa chính số 26).				890,5	Xã Mỹ Lợi, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định			
12	Thửa đất số 10, 44, 47, 48, 129, 131 (từ bản đồ làm nghiệp số 01).				1.391,6	Xã Mỹ An, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định			
13	- Thửa đất số 10, 61, 38 (từ bản đồ làm nghiệp số 02). - Thửa đất số 476, 508, 577 (từ bản đồ địa chính số 26). - Thửa đất số 568, 569, 682, 703, 704, 725, 746, 748, 1174 (từ bản đồ địa chính số 29). - Thửa đất số 42, 120, 121, 122, 323, 324, 325, 344 (từ				1.453,8	Xã Mỹ Thắng, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định			

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sử hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sử hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
	bản đồ địa chính số 30).								
14	Thửa đất số 399, Tờ bản đồ số 9	DB 208186	CT171766		154.037,4				
15	Thửa đất số 492, Tờ bản đồ số 8	DB 208187	CT171767	Xây dựng Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long	325.758,8	Xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất 50 năm (từ ngày 23/12/2020 đến ngày 23/12/2070).	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	50,50%
16	Thửa đất số 529 Tờ bản đồ số 7	DM 777637	CT24072	Xây dựng tuyến đường dây 22kV cấp điện thi công - tự dùng và đường dây 110kV đầu nối vào Nhà máy điện mặt trời	224		- Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần. - Thời hạn sử dụng đất đến ngày 23/12/2070.		
17	Thửa đất số 528 Tờ bản đồ số 7	DM 777636	CT24071		144				
18	Thửa đất số 527 Tờ bản đồ số 7	DM 777635	CT24070		288				
19	Thửa đất số 526 Tờ bản đồ số 7	DM 777634	CT24069		12,3				

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
20	Thửa đất số 525 Tờ bản đồ số 7	DM 777633	CT24068	VNECO- Vinh Long	8,3	Xã Chư Gu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai			
21	Thửa đất số 524 Tờ bản đồ số 7	DM 777632	CT24055		14				
22	Thửa đất số 515 Tờ bản đồ số 8	DM 777631	CT24067	132,2					
23	Thửa đất số 514 Tờ bản đồ số 8	DM 777630	CT24066	8,3					
24	Thửa đất số 513 Tờ bản đồ số 8	DM 777629	CT24065	8,3					
25	Thửa đất số 512 Tờ bản đồ số 8	DM 777628	CT24064	8,3					
26	Thửa đất số 511 Tờ bản đồ số 8	DM 777627	CT24063	8,3					
27	Thửa đất số 510 Tờ bản đồ số 8	DM 777626	CT24062	8,3					
28	Thửa đất số 509 Tờ bản đồ số 8	DM 777625	CT24061	8,3					
29	Thửa đất số 508 Tờ bản đồ số 8	DM 777624	CT24060	8,3					
30	Thửa đất số 507 Tờ bản đồ số 8	DM 777623	CT24058	8,3					
31	Thửa đất số 505 Tờ bản đồ số 8	DM 777622	CT24059	8,3					
32	Thửa đất số 01, Tờ bản đồ địa chính số 03-2019	CP 487405	CT106845	Xây dựng Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	637.266,5		- Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần. - Thời hạn sử	Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển	51,00%

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
							dụng đất đến ngày 11/3/2069.	Năng lượng Thành Nguyên	
33	Thửa đất số 01, Tờ bản đồ địa chính số 04-2018	CP 924700	CT06836	Xây dựng tuyến đường dây 110KV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	82,8		- Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần. - Thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 10/3/2069.		
34	Thửa đất số 02, Tờ bản đồ địa chính số 04-2018	CP 924696	CT06837		31,4				
35	Thửa đất số 03, Tờ bản đồ địa chính số 04-2018	CP 924697	CT06838		82,8				
36	Thửa đất số 04, Tờ bản đồ địa chính số 04-2018	CP 924698	CT06839		82,8				
37	Thửa đất số 05, Tờ bản đồ địa chính số 04-2018	CP 924699	CT06840		82,8				
38	Thửa đất số 06, Tờ bản đồ địa chính số 04-2018	CP 487401	CT06841		82,8				
39	Thửa đất số 07, Tờ bản đồ địa chính số 04-2018	CP 487402	CT06842		82,8				
40	Thửa đất số 08, Tờ bản đồ địa chính số 04-2018	CP 487406	CT06843		31,4				

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
41	Thửa đất số 09, Tờ bản đồ địa chính số 04-2018	CP 487404	CT06844		82,8				
42	Thửa số 522 tờ bản đồ số 11	CQ 770650	CS03722	Xây dựng đường kết nối QL 62 vào Nhà máy (Đất rừng sản xuất)	2.320	Ấp 2, Xã Thanh An Huyện Thanh Hòa, Tỉnh Long An	- Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất. - Thời hạn sử dụng đất đến tháng 10/2043.	Công ty Cổ phần Năng Lương BCG - Bàng Dương chuyển nhượng QSD đất theo HED chuyên nhượng QSD đất ngày 08/04/2020 giữa Ông Phạm Đình Khoa và Công ty Cổ phần Năng Lương BCG - Bàng Dương)	50,23%
43	Thửa số 521 tờ bản đồ số 11	CQ 770081	CS03560	Xây dựng đường kết nối QL 62 vào Nhà máy (Đất rừng sản xuất)	3.858	Ấp 1, Xã Thanh An Huyện Thanh Hòa, Tỉnh Long An	- Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất. - Thời hạn sử dụng đất đến tháng 10/2043.		
44	Thửa số 518 tờ bản đồ số 11	CP 752519	CS03486	Xây dựng đường kết nối QL 62 vào Nhà máy (Đất trồng cây hàng năm khác)	5.411	Ấp 1, Xã Thanh An Huyện Thanh Hòa, Tỉnh Long An	- Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất. - Thời hạn sử dụng đất đến tháng 10/2063.		

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
45	Thửa số 583 tờ bản đồ số 18	CP 160850	CT46821	Xây dựng Nhà máy điện mặt trời BCG Bang Duong	500.419	Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần. - Thời hạn sử dụng đất đến ngày 14/9/2068.	Công ty phần Năng lượng BCG - Bàng Dương	
46	Thửa đất số 509 (một phần thửa đất số 44), tờ bản đồ 11								
47	Thửa số 582 (gồm thửa đất số 1 và một phần thửa đất số 56), tờ bản đồ 18	Đã có HD thuê đất số 5318/HĐTD ngày 25/8/2020		Xây dựng Nhà máy điện mặt trời GAIA	1.248.007	Xã Thạnh An, Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất 50 năm từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/01/2070.	Công ty Cổ phần Năng lượng Harwha - BCG Bàng Dương	50,23%
48	Thửa số 1949, tờ bản đồ số 2	DC 728844			138,9				
49	Thửa số 1830, tờ bản đồ số 2	DB 613789			174,2				
50	Thửa số 1831, tờ bản đồ số 2	DB 613790			174,2				
51	Thửa số 1832, tờ bản đồ số 2	DB 613791		Xây dựng tuyến đường dây 110kV đầu nối Nhà máy điện mặt trời GAIA	174,2	Xã Hương Thọ, Phú, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An	- Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. - Thời hạn sử dụng đất đến ngày 26/4/2071.		
52	Thửa số 1833, tờ bản đồ số 2	DB 613792			174,2				
53	Thửa số 1834, tờ bản đồ số 2	DB 613793			104				
54	Thửa số 1835, tờ bản đồ số 2	DB 613794			174,2				
55	Thửa số 1836, tờ bản đồ số 2	DB 613795			94,1				

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
56	Thửa số 1837, tờ bản đồ số 2	DB 613796			104				
57	Thửa số 1838, tờ bản đồ số 2	DB 613798			84,6				
58	Thửa số 1839, tờ bản đồ số 2	DB 613799			148,8				
59	Thửa số 1840, tờ bản đồ số 2	DB 613800			174,2				
60	Thửa số 538, tờ bản đồ số 15	DD 315066			104				
61	Thửa số 539, tờ bản đồ số 15	DC 728991			125,4				
62	Thửa số 540, tờ bản đồ số 15	DC 728986			94,1				
63	Thửa số 706, tờ bản đồ số 16	DC 728982			201,6				
64	Thửa số 765, tờ bản đồ số 16	DD 315067			125,4				
65	Thửa số 708, tờ bản đồ số 16	DC 728988			94,1				
66	Thửa số 709, tờ bản đồ số 16	DC 728984			84,6				
67	Thửa số 710, tờ bản đồ số 16	DC 728983			125,4				
68	Thửa số 622, tờ bản đồ số 17	DC 728985			125,4				
69	Thửa số 628, tờ bản đồ số 17	DC 728990			342				

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
70	Thửa số 630, tờ bản đồ số 17	DC 728981			201,6				
71	Thửa số 2969, tờ bản đồ 3	DD 315050			104				
72	Thửa số 898, tờ bản đồ 6	DD 315060			94,1				
73	Thửa số 899, tờ bản đồ 6	DD 315062			84,6				
74	Thửa số 900, tờ bản đồ 6	DD 315054			84,6				
75	Thửa số 901, tờ bản đồ 6	DD 315053			84,6				
76	Thửa số 902, tờ bản đồ 6	DD 315052			148,8				
77	Thửa số 903, tờ bản đồ 6	DD 315013			84,6	Xã Mỹ An, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An			
78	Thửa số 904, tờ bản đồ 6	DD 315073			84,6				
79	Thửa số 905, tờ bản đồ 6	DD 315015			84,6				
80	Thửa số 906, tờ bản đồ 6	DD 315016			84,6				
81	Thửa số 907, tờ bản đồ 6	DD 315017			84,6				
82	Thửa số 908, tờ bản đồ 6	DD 315018			84,6				
83	Thửa số 909, tờ bản đồ 6	DD 315059			84,6				



STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
84	Thửa số 910, tờ bản đồ 6	DD 31.5058			84,6				
85	Thửa số 911, tờ bản đồ 6	DD 31.5021			104				
86	Thửa số 912, tờ bản đồ 6	DD 31.5057			104				
87	Thửa số 913, tờ bản đồ 6	DD 31.5075			104				
88	Thửa số 821, tờ bản đồ 2	DD 31.5071			104				
89	Thửa số 822, tờ bản đồ 2	DD 31.5056			104				
90	Thửa số 823, tờ bản đồ 2	DD 31.5064			104				
91	Thửa số 824, tờ bản đồ 2	DD 31.5026			104				
92	Thửa số 825, tờ bản đồ 2	DD 31.5027			174,2				
93	Thửa số 826, tờ bản đồ 2	DD 31.5028			84,6				
94	Thửa số 2965, tờ bản đồ 3	DD 31.5021			84,6				
95	Thửa số 1514, tờ bản đồ 5	DD 31.5030			148,8				
96	Thửa số 1515, tờ bản đồ 5	DD 31.5031			94,1				
97	Thửa số 1517, tờ bản đồ 5	DD 31.5033			94,1				

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
98	Thửa số 2966, tờ bản đồ 3	DD 315036			104				
99	Thửa số 2967, tờ bản đồ 3	DD 315037			94,1				
100	Thửa số 2968, tờ bản đồ 3	DD 315038			125,4				
101	Thửa số 1516, tờ bản đồ 5	DD 315041			84,6				
102	Thửa số 1518, tờ bản đồ 5	DD 315063			148,8				
103	Thửa số 1519, tờ bản đồ 5	DD 315061			174,2				
104	Thửa số 2025, tờ bản đồ 1	DD 315068			104				
105	Thửa số 2026, tờ bản đồ 1	DD 315004			104				
106	Thửa số 2027, tờ bản đồ 1	DD 315005			125,4				
107	Thửa số 2028, tờ bản đồ 1	DD 315002			84,6				
108	Thửa số 2029, tờ bản đồ 1	DD 315001			174,2				
109	Thửa số 2030, tờ bản đồ 1	DD 729000			174,2				
110	Thửa số 2031, tờ bản đồ 1	DD 315070			174,2				
111	Thửa số 2032, tờ bản đồ 1	DD 315007			174,2				
						Xã Mỹ Phú, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An			

STT	Vị trí khu đất	Giấy chứng nhận QSD đất số	Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa chỉ thửa đất	Hình thức sở hữu, thời hạn sử dụng	Công ty đang sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của BCGE tại công ty
112	Thửa số 2033, tờ bản đồ 1	DC 728998			84,6				
113	Thửa số 2034, tờ bản đồ 1	DC 728997			94				
114	Thửa số 2035, tờ bản đồ 1	DC 728996			84,6				
115	Thửa số 2036, tờ bản đồ 1	DC 728995			94,1				
116	Thửa số 2037, tờ bản đồ 1	DC 728994			174,2				
117	Thửa số 4319, tờ bản đồ 3	DC 728993			174,2				
118	Thửa số 4320, tờ bản đồ 3	DC 728992			104				

(Nguồn: BCG Energy)

**PHỤ LỤC: CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
THEO QUY ĐỊNH**

*(Phụ lục đính kèm Bản công bố thông tin về Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần BCG Energy  
ngày 18/03/2024)*

(a)	Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan	31/03/2024
<b>i)</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.566.063.000</b>
	Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	2.098.083.000
	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	1.192.980.000
	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	637.500.000
	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	637.500.000
<b>ii)</b>	<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>33.966.199.821</b>
	Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	20.614.030.467
	Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	8.760.584.000
	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital	3.030.000.000
	Công Ty CP Đầu Tư Và Dịch Vụ Helios	1.076.614.622
	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	364.500.362
	Công ty Cổ phần BCG Land	75.000.000
	Công Ty Taxi Việt Nam	45.470.370
<b>iii)</b>	<b>Lãi hợp tác kinh doanh phải thu</b>	<b>98.622.888.861</b>
	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	72.444.918.176
	Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	10.898.244.602
	Công ty Cổ phần Mega Solar	12.050.893.151
	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	3.047.682.247
	Công ty Cổ phần BCG Land	181.150.685
<b>iv)</b>	<b>Vay</b>	<b>70.000.000.000</b>
	Trần Thị Kiều Tiên	70.000.000.000
<b>v)</b>	<b>Trả gốc vay</b>	<b>9.253.000.000</b>
	Phạm Thị Ngọc Thanh	9.253.000.000
<b>vi)</b>	<b>Lãi đi vay</b>	<b>21.196.987.671</b>
	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital	19.945.205.479
	Công ty Cổ phần Mega Solar	483.047.946
	Công ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	16.953.424
	Trần Thị Kiều Tiên	751.780.822
<b>viii)</b>	<b>Cho vay</b>	<b>3.478.000.000</b>
	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.260.000.000
	Công ty Cổ phần E Power 1	564.000.000
	Công ty TNHH Skylight Power	406.000.000



	Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	215.000.000
	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	33.000.000
<b>ix)</b>	<b>Thu hồi cho vay</b>	<b>1.000.000.000</b>
	Công Ty CP Mega Solar	1.000.000.000
<b>x)</b>	<b>Lãi cho vay</b>	<b>322.876.086</b>
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	198.247.090
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	56.387.589
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	19.113.781
	Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	16.931.589
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	13.463.013
	Công Ty Cổ Phần E Power 1	10.243.480
	Công ty TNHH Skylight Power	7.211.202
	Công ty Cp Mega Solar	1.278.342
<b>xi)</b>	<b>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>	<b>680.011.620</b>
	Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	680.011.620
<b>(b)</b>	<b>Số dư với các bên liên quan</b>	
<b>i)</b>	<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>15.162.626.360</b>
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	6.945.133.200
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	3.680.500.000
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	3.380.500.000
	Công ty CP BCG SP Greensky	754.294.680
	Nguyễn Mạnh Chiến	402.198.480
<b>ii)</b>	<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>17.795.963.000</b>
	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	17.795.963.000
<b>iii)</b>	<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>109.830.483.975</b>
	Công ty Cổ phần E Power 1	107.967.483.975
	Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	822.000.000
	Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000
	Công ty TNHH Skylight Power	406.000.000
	Công ty Cp Mega Solar	35.000.000
<b>iv)</b>	<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>4.369.616.574.914</b>
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	2.433.170.872.503
	Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	1,014.643.394.273
	Công ty Cp Mega Solar	781.099.891.215
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	132.012.625.395
	Công ty Cổ phần E Power 1	7.532.806.105
	Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tải	959.440.985
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	165.774.333

	Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	24.558.903
	Công ty TNHH Skylight Power	7.211.202
<b>v)</b>	<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>53.132.000.000</b>
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	53.132.000.000
<b>vi)</b>	<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>352.395.222.908</b>
	Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Và Vận Tải	323.131.978.689
	Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	14.804.972.752
	Công Ty CP Đầu Tư Và Dịch Vụ Helios	9.714.275.465
	Công ty CP Tập Đoàn Bamboo Capital	4.160.467.374
	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	464.368.058
	Công ty Cổ phần BCG Land	108.000.000
	Phạm Minh Tuấn	1.433.570
	Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort	9.461.000
	Công ty Taxi Việt Nam	266.000
<b>vii)</b>	<b>Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>145.236.163.767</b>
	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	145.236.163.767
<b>viii)</b>	<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>13.285.436.984</b>
	Công ty Cp Mega Solar	7.771.500.000
	Công ty CP Tập Đoàn Bamboo Capital	5.475.000.000
	Công ty CP BCG SP Greensky	38.936.984
<b>x)</b>	<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>12.991.022.927</b>
	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	9.620.022.927
	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.513.000.000
	Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	858.000.000

◆ Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 2	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con



Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ Phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ Phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát Triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Land	Cùng công ty mẹ
Công ty taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	Cùng công ty mẹ
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	Đầu tư khác
Công ty CP điện gió BCG Khai Long 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cp Mega Solar	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công Ty Cổ Phần E Power 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan
Trần Thị Kiều Tiên	Cổ đông
Vũ Ngọc Tiến	Cổ đông

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC TÀI SẢN LỚN THUỘC SỞ HỮU HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY**

*(Phụ lục đính kèm Bản công bố thông tin về Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần BCG Energy ngày 11/03/2024)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Loại tài sản	Năm tăng	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế 31/03/2024	Giá trị còn lại tại ngày 31/03/2024	Công ty đang giữ tài sản
<b>I/ Tài sản cố định hữu hình</b>					
<b>I/ Nhà cửa, vật kiến trúc</b>					
Giá Trị Xây Dựng Nhà Máy	2019	171.696,49	38.733,49	132.963,00	CTCP Năng lượng BCG - Bàng Dương
Đất Nhà Máy	2019	19.667,22	4.647,27	15.019,96	CTCP Năng lượng BCG - Bàng Dương
Đường Kết Nối QI 62 Vào Nhà Máy	2019	75.752,98	17.980,32	57.772,66	CTCP Năng lượng BCG - Bàng Dương
Hệ thống Nhà máy và công trình phụ trợ (XD)	2020	753.584,96	131.579,48	622.005,48	CTCP Năng lượng Hanwha BCG-Bàng Dương
Nhà máy điện	2021	857.140,95	131.599,94	725.541,01	CTCP BCG Vĩnh Long
Công trình phụ trợ	2021	84.383,01	12.238,23	72.144,78	CTCP BCG Vĩnh Long
Nhà máy điện	2024	413.583,69	5.169,80	408.413,89	Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên
Công trình phụ trợ	2024	19.253,30	240,67	19.012,63	Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên
<b>2/ Máy Móc thiết Bị</b>		-	-	-	





Loại tài sản	Năm tăng	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế 31/03/2024	Giá trị còn lại tại ngày 31/03/2024	Công ty đang giữ tài sản
Máy móc thiết bị khác		-	-	-	
Hệ Thống Pin Mặt Trời	2019	311.758,77	81.446,32	230.312,46	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương
Tủ Đầu Nối Chuỗi Pin	2019	5.343,73	1.396,04	3.947,69	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương
Giá Đồ Pin	2019	175.381,98	58.320,75	117.061,23	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương
Trạm Biến Áp Số 1_T01	2019	8.729,97	2.185,18	6.544,79	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương
Trạm Biến Áp Số 2_T03	2019	8.729,97	2.185,18	6.544,79	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương
Trạm Biến Áp Số 3_T09	2019	8.827,67	2.210,02	6.617,65	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương
Trạm Biến Áp Số 4_T05	2019	8.729,97	2.185,18	6.544,79	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương
Trạm Biến Áp Số 5_T07	2019	16.328,30	4.175,22	12.153,08	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương
Hệ Thống Cấp	2019	46.383,63	12.117,62	34.266,00	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương
Trạm Biến Áp Chính 110Kv	2019	90.106,40	23.420,29	66.686,11	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương
Hệ Thống Thiết Bị Scada- Công Ty Ats	2020	4.810,91	897,27	3.913,64	CTCP Năng lượng BCG - Băng Dương

Loại tài sản	Năm tăng	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế 31/03/2024	Giá trị còn lại tại ngày 31/03/2024	Công ty đang giữ tài sản
Trạm Thời Tiết Và Chi Phí Lắp Đặt Theo Hợp Đồng Số 290721/Ats-Bcg	2022	620,00	54,71	565,29	CTCP Năng lượng BCG - Bàng Dương
Hệ thống Thiết bị của Nhà máy Điện Gaia (Máy móc thiết bị )	2020	933.649,52	165.000,96	768.648,56	CTCP Năng lượng Hanwha BCG-Bàng Dương
Hệ thống xử lý nước Màng lọc sử dụng QCVN 01-1/BYT-Công suất 5M3/H	2021	1.129,79	175,75	954,04	CTCP Năng lượng Hanwha BCG-Bàng Dương
Trạm biến áp TBA 22/110KV	2021	63.504,82	10.028,89	53.475,93	CTCP BCG Vĩnh Long
Trạm biến áp 110KV	2.024,00	51.952,74	649,41	51.303,34	Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên
Hệ Thống Điện Mặt Trời Áp Mái Công Suất 1.249Kwp Dự Án Vnmqnl	2.021,00	20.207,97	2.626,49	17.581,47	CTCP Skylar
Hệ Thống Điện Mặt Trời Áp Mái Công Suất 386 Kwp Dự Án L.Trung3-Giailluc	2.023,00	-	-	-	CTCP Skylar
Hệ Thống Điện Mặt Trời Áp Mái Công Suất 333 Kwp Dự Án L.Trung-Spon	2.023,00	-	-	-	CTCP Skylar
Hệ Thống Điện Mặt Trời Áp Mái Công Suất 595 Kwp Dự Án L.Trung-Hao Jiao	2.023,00	-	-	-	CTCP Skylar

Loại tài sản	Năm tăng	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế 31/03/2024	Giá trị còn lại tại ngày 31/03/2024	Công ty đang giữ tài sản
Hệ Thống Điện Mặt Trời Áp Mái Công Suất 831 Kw <p>Dự Án L.Trung-Skinware</p>	2.023,00	-	-	-	CTCP Skylar
Hệ thống điện mặt trời áp mái tại nhà xưởng B4, C2, C3, C4, C5, C6 - Siêu Thị Gỗ Tây, Công ty CP Tân Vinh Cửu	2.021,00	78.000,00	16.550,54	61.449,46	CTCP Phát Triển Điện Gia Huy
Trạm biến áp & phân mở rộng ngân lộ 220 Kv tại TBA220kv Phú Mỹ 01	2021	211.537,86	36.131,28	175.406,57	CTCP Năng lượng sạch
Máy móc, thiết bị _NMMD Phú Mỹ 1 (Giai đoạn 1)	2022	599.228,67	89.347,43	509.881,24	CTCP Năng lượng sạch
Máy móc, thiết bị _NMMD Phú Mỹ 2	2022	1.818.136,06	280.428,68	1.537.707,38	CTCP Năng lượng sạch
Máy móc, thiết bị _NMMD Phú Mỹ 3 (Giai đoạn 1)	2022	1.105.473,58	164.847,86	940.625,72	CTCP Năng lượng sạch
Máy đo văng quang Corona camera Corotek-V200 (hd799)	2021	898,00	268,90	629,10	CTCP Năng lượng sạch
Cụm thiết bị bơm cao áp - hd19	2021	833,00	274,03	558,97	CTCP Năng lượng sạch
Máy móc, thiết bị _NMMD Phú Mỹ 1 (Giai đoạn 2)	2023	1.432.442,89	59.685,12	1.372.757,77	CTCP Năng lượng sạch
Máy móc, thiết bị _NMMD Phú Mỹ 3 (Giai đoạn 2)	2023	471.829,71	19.659,57	452.170,14	CTCP Năng lượng sạch
Hệ thống điện mặt trời VINAWOOD2	2023	16.863,54	1.793,99	15.069,55	CTCP Herb Solar

Loại tài sản	Năm tăng	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế 31/03/2024	Giá trị còn lại tại ngày 31/03/2024	Công ty đang giữ tài sản
Hệ thống điện mặt trời VINA WOOD1	2023	17.132,81	1.822,64	15.310,17	CTCP Orchid Solar
Hệ thống điện mặt trời VINA WOOD3	2023	5.813,94	613,28	5.200,66	CTCP Violet Solar
<b>3/ Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>					
<b>Ô TÔ TÀI NISSAN NAVARA</b> (Nissan Navara màu trắng; BKS: 62C126.85)	2019	716,38	588,00	128,38	CTCP Năng lượng BCG-Băng Dương
Đường Dây 110Kv-Xd	2019	32.677,89	8.087,28	24.590,61	CTCP Năng lượng BCG-Băng Dương
Đất Đường 110Kv-Btgpmb	2019	23.685,02	5.985,45	17.699,57	CTCP Năng lượng BCG-Băng Dương
Đường Dây Trung Thế 3 Pha 22Kv + Máy Biến Áp 22V/0.4	2019	2.676,94	701,10	1.975,83	CTCP Năng lượng BCG-Băng Dương
Ô tô bán tải Nissan Navara BS 62C-133.13, xuất xứ Nhật Bản, năm sản xuất 2019, hãng Nissan	2019	749,38	602,97	146,41	CTCP Năng lượng Hanwha BCG-Băng Dương
Xây dựng Hệ thống đường dây và trạm biến áp	2020	468.714,02	76.137,27	392.576,76	CTCP Năng lượng Hanwha BCG-Băng Dương
Phân bổ chi phí chung ngày 01/07/2022 vào tài sản - Hệ thống đường dây và trạm biến áp	2022	2.187,98	209,81	1.978,17	CTCP Năng lượng Hanwha BCG-Băng Dương
<b>XE FORD EXPLORER</b>	2020	1.988,87	793,35	1.195,52	CTCP BCG Energy

Loại tài sản	Năm tăng	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế 31/03/2024	Giá trị còn lại tại ngày 31/03/2024	Công ty đang giữ tài sản
XE VOLKSWAGEN TIGUAN	2021	1.717,08	500,82	1.216,27	CTCP BCG Energy
XE LAND CRUISER	2021	4.376,56	1.276,50	3.100,06	CTCP BCG Energy
XE FORD EVEREST	2021	1.386,26	323,46	1.062,80	CTCP BCG Energy
Đường dây 110KV (Chiều dài 0,92 KM)	2021	8.622,26	1.310,85	7.311,42	CTCP BCG Vĩnh Long
XE FORD RANGER DO MÀU ĐỎ CAM_DA_7782_16/11/20	2020	826,47	344,02	482,45	CTCP BCG Vĩnh Long
Đường dây 110KV	2024	6.301,01	78,76	6.222,25	Công ty TNHH Dầu Tự Và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên
XE Ô TÔ FORD RANGER GHI XÁM (81C-190.39)	2021	869,02	372,44	496,58	Công ty TNHH Dầu Tự Và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên
Xe ô tô con 7 chỗ Hiệu KIA Trắng - BS77A-130.70	2020	1.006,93	629,33	377,60	CTCP Năng lượng sạch
Đường dây 220kv đầu nối	2021	281.200,24	38.996,15	242.204,09	CTCP Năng lượng sạch

Nguồn: BCG Energy